

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ
TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI NĂM 2024**

Vĩnh Phúc, tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC		
TT	Nội dung	Trang
PHẦN I.	GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT VỀ TRƯỜNG	4
1	Thông tin chung về trường	4
2	Thành tích nổi bật của trường	4
3	Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường	6
4	Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường	10
5	Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	12
PHẦN II.	KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	13
1	Đặt vấn đề	13
2	Tổng quan chung	16
2.1	Căn cứ tự đánh giá	15
2.2	Mục đích tự đánh giá	15
2.3	Yêu cầu tự đánh giá	15
2.4	Phương pháp tự đánh giá	15
2.5	Các bước tiến hành tự đánh giá	15
3	Tự đánh giá	18
3.1	Tổng hợp kết quả tự đánh giá ¹	18
3.2	Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn ²	32
3.2.1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	32
3.2.2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	55
3.2.3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	72
3.2.4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	88
3.2.5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	101
3.2.6	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	117
3.2.7	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	127
3.2.8	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	135
3.2.9	Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng	145
PHẦN III.	TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	153
PHẦN IV.	ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	156
PHỤ LỤC	1. Kế hoạch tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	157
	2. Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp	163
	3. Bảng mã minh chứng ³	168

¹ Tổng hợp kết quả tự đánh giá theo Mẫu 1

² Báo cáo đánh giá chi tiết Tiêu chí theo Mẫu 2

³ Bảng mã minh chứng theo Mẫu 3

CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Chữ viết tắt	Ý nghĩa
1	BCH	Ban chấp hành
2	BCN	Bộ công nghiệp nặng
3	BCSĐ	Ban cán sự đảng
4	BCT	Bộ công thương
5	BG&ĐT	Bộ giáo dục và đào tạo
6	BGH	Ban giám hiệu
7	BLĐTĐB&XH	Bộ lao động - Thương binh và Xã hội
8	BNV	Bộ nội vụ
9	CBGV	Cán bộ giáo viên
10	CBQL	Cán bộ quản lý
11	CBVC	Cán bộ viên chức
12	CĐCN&TM	Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
13	CĐCNPY	Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên
14	CĐN	Cao đẳng nghề
15	CNTT	Công nghệ thông tin
16	CP	Chính phủ
17	CSVC	Cơ sở vật chất
18	CTĐT	Chương trình đào tạo
19	CTHSSV	Công tác học sinh sinh viên
20	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
21	ĐCCT	Đề cương chi tiết
22	ĐT	Đào tạo
23	ĐTN	Đoàn thanh niên
24	ĐTNCSHCM	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
25	ĐVTN	Đoàn viên thanh niên
26	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
27	GDPT	Giáo dục phổ thông
28	GDTX	Giáo dục thường xuyên
29	GTVL	Giới thiệu việc làm
30	GV	Giáo viên
31	GVCN/CVHT	Giáo viên chủ nhiệm cố vấn học tập
32	HSSV	Học sinh - sinh viên

33	HSV	Hội sinh viên
34	TĐG	Tự đánh giá
35	KĐCL	Kiểm định chất lượng
36	TĐGCLGDNN	Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp
37	KH	Kế hoạch
38	KHCN	Khoa học công nghệ
39	KHCN-ĐN	Khoa học công nghệ - Đối ngoại
40	KTX	Ký túc xá
41	LĐTBOXH	Lao động Thương binh và Xã hội
42	NCKH	Nghiên cứu khoa học
43	NSNN	Ngân sách Nhà nước
44	NV - KTV	Nhân viên - Kỹ thuật viên
45	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
46	QĐ	Quyết định
47	QLGD	Quản lý giáo dục
48	QTDN	Quản trị doanh nghiệp
49	QT-TB	Quản trị - Thiết bị
50	SPDN	Sư phạm dạy nghề
51	TB	Thông báo
52	TCCB	Tổ chức cán bộ
53	TCĐC	Tổng cục địa chất
54	TCGDNN	Tổng cục giáo dục Nghề nghiệp
55	TCHC	Tổ chức - Hành chính
56	TCKT	Tài chính - Kế toán
57	TCN	Trung cấp nghề
58	TĐKT	Thi đua khen thưởng
59	THCS	Trung học cơ sở
60	TN	Tốt nghiệp
61	TT	Thông tư
62	TTTS & GTVL	Trung tâm Tuyển sinh và Giới thiệu việc làm
63	UBND	Ủy ban nhân dân
64	XKLD	Xuất khẩu lao động

PHẦN I. GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT VỀ TRƯỜNG

1. Thông tin chung về trường

1.1. Tên trường: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại

1.2. Tên tiếng Anh: COLLEGE OF INDUSTRY AND TRADE

1.3. Cơ quan chủ quản: Bộ Công Thương

1.4. Địa chỉ trường:

Trụ sở chính: *Cơ sở 1*: Phường Trung Nhì - Thành phố Phúc Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc.

Cơ sở 2: Xã Minh Trí - Huyện Sóc Sơn - Thành phố Hà Nội.

Cơ sở 3: Xã Nam Viêm - Thành phố Phúc Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc.

1.5. Số điện thoại: 0211 3 873 910

1.6. Số Fax: 0211 3 873 910

1.7. Email: Coit@pci.edu.vn

1.8. Website: www.coit.edu.vn

1.9. Năm thành lập trường:

Năm thành lập trường: 1960 theo quyết định số 255/TCĐC ngày 15 tháng 10 năm 1960 của Tổng cục Địa chất. Trường mang tên Trường Trung cấp Địa chất.

Năm nâng cấp lên trường: 2006 theo Quyết định số 2832/2006/QĐ-BG&ĐT ngày 05 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Trường mang tên Trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên.

Năm đổi tên trường: 2018 theo Quyết định số 599/QĐ-LĐTĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2018, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường đổi tên thành Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại.

1.10. Loại hình trường: Công lập

2. Thành tích nổi bật của trường

Trong 64 năm xây dựng và trưởng thành, được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND Tỉnh Vĩnh Phúc, Bộ công thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cùng với sự nỗ lực của tập thể cán bộ, viên chức và người lao động, Nhà trường đã không ngừng phát triển cả về quy mô và chất lượng đào tạo; từng bước đầu tư và hoàn thiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; đội ngũ cán bộ giáo viên tăng cả về số lượng cũng như chất lượng. Đến nay, Nhà trường đã

mở được nhiều ngành nghề đào tạo; quy mô tuyển sinh của trường tương đối ổn định qua các năm.

Học sinh sinh viên tốt nghiệp ra trường có kỹ năng tốt, đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

Những thành tích nổi bật đáng ghi nhận:

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, BGH nhà trường và sự phối hợp của các Đoàn thể, Nhà trường đã tổ chức tốt nhiều hoạt động thi đua dạy tốt, học tốt, hoàn thành nhiệm vụ đào tạo và phát triển nhà trường. Với những thành tích hoạt động trong thời gian qua, Nhà trường đã được Bộ Công thương, Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh Vĩnh Phúc tặng nhiều Bằng khen.

Đảng ủy nhà trường đã lãnh đạo đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị. Đảng bộ nhiều năm liền đạt danh hiệu “*Trong sạch vững mạnh*” được Đảng ủy Khối Công nghiệp công nhận và tặng Giấy khen.

Tổ chức Công đoàn hoạt động có hiệu quả cao, phát huy vai trò làm chủ tập thể của người lao động, tham gia tích cực vào việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; tổ chức các hoạt động phong trào nhằm thúc đẩy công tác giảng dạy và học tập, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị tại đơn vị. Công đoàn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tổ chức và thực hiện Nghị quyết hội nghị Cán bộ - Viên chức hàng năm. Thực hiện các phong trào thi đua sôi nổi có hiệu quả, đời sống của CBVC ngày càng được nâng lên cả về vật chất lẫn tinh thần. Nhiều năm liền Công đoàn trường đạt danh hiệu: “*Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc*”; nhiều đoàn viên được tặng Giấy khen Công đoàn Công thương, Liên đoàn Lao động tỉnh, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam.

Đoàn trường đã tập hợp được đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia các hoạt động khơi dậy tính sáng tạo và lý tưởng cách mạng. Với đặc điểm phần lớn đoàn viên, thanh niên là HSSV nên các hoạt động của Đoàn đều hướng về chủ đề học tập, rèn luyện để ngày mai lập thân lập nghiệp. Thông qua các hoạt động nhằm giúp HSSV có định hướng đúng trong học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức để sau khi tốt nghiệp ra trường có thể tìm việc làm hoặc tự tạo việc làm. Đoàn trường cũng đã tổ chức tốt các hoạt động ngoại khóa cho ĐVTN như văn hóa văn nghệ, TĐTT; tham gia tốt các hoạt động tình nguyện hè, hiến máu nhân đạo hàng năm... Công tác

tập hợp thanh niên, giáo dục truyền thống có những chuyển biến tích cực. Đoàn trường luôn đạt thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên do Trung ương Đoàn, Tỉnh đoàn Vĩnh Phúc và Thành Đoàn phát động.

*** Một số thành tích cụ thể:**

Ghi nhận những thành tích đóng góp của Nhà trường đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhà trường đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng các danh hiệu cao quý:

Cờ thi đua của UBND Tỉnh Vĩnh Phúc, QĐ số 2229/QĐ-UBND, ngày 12/9/2019.

Tập thể lao động xuất sắc Bộ Công Thương: QĐ số 33/QĐ-BCT, ngày 7 tháng 1 năm 2020.

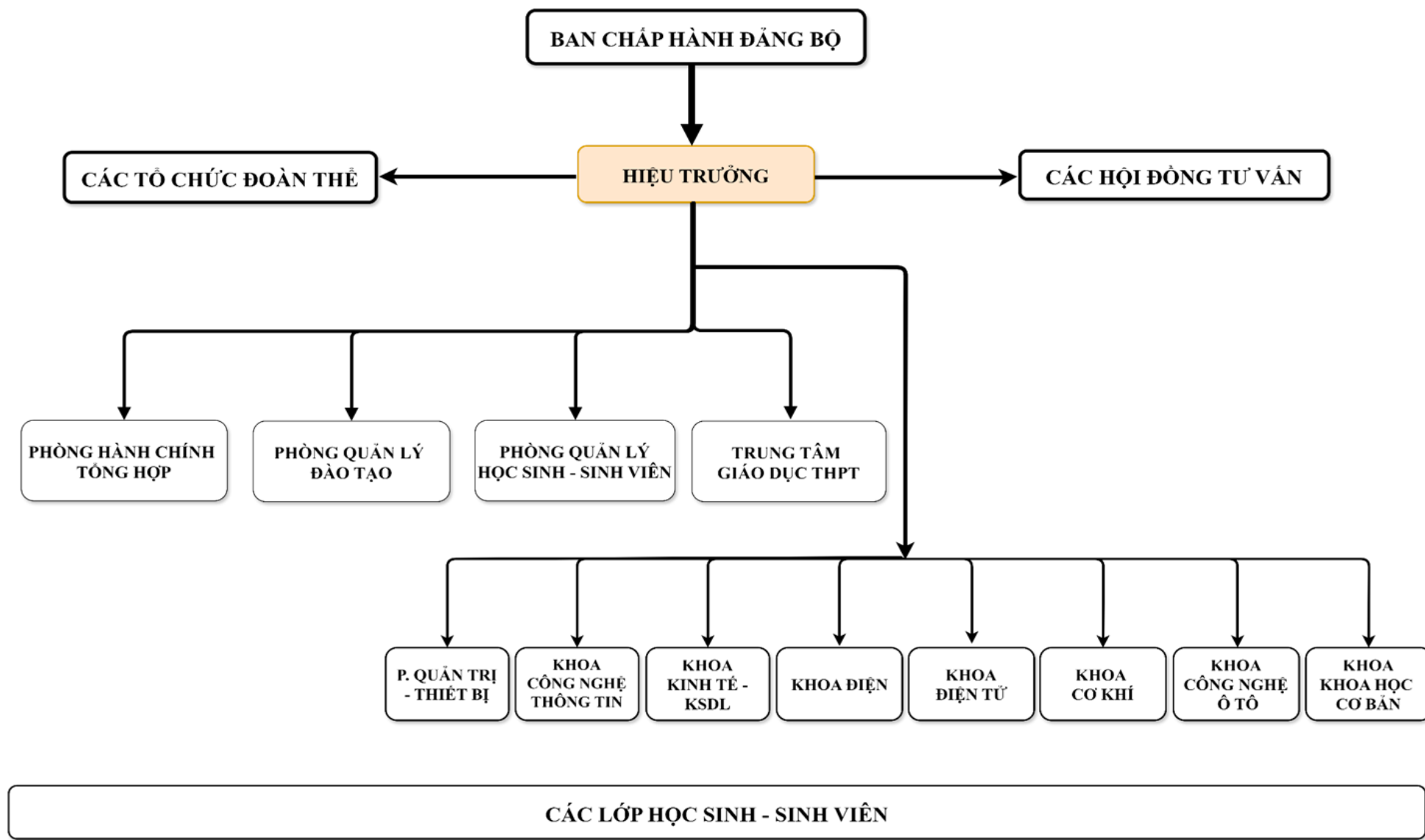
Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2020, Quyết định số 378-QĐ/ĐUK ngày 05 tháng 01 năm 2021 về Đánh giá xếp loại tổ chức cơ sở đảng năm 2020;

Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2021, Quyết định số 1177-QĐ/ĐUK ngày 24 tháng 12 năm 2021 về Đánh giá xếp loại tổ chức cơ sở đảng năm 2021;

Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2022, Quyết định số 2080-QĐ/ĐUK ngày 28 tháng 12 năm 2022 về Đánh giá xếp loại tổ chức cơ sở đảng năm 2022).

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường

3.1. Cơ cấu tổ chức (sơ đồ trang bên)



3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Ban Giám hiệu				
	Nguyễn Hải Bằng	1975	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Công đoàn				
Đảng ủy	Nguyễn Hải Bằng	1975	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Bí thư
Công Đoàn	Nguyễn Quốc trí	1977	Thạc sĩ Kinh tế	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Vũ Thị Thùy Linh	1986	Thạc sĩ	Bí thư
3. Trưởng các Phòng, Ban chức năng				
Phòng Quản lý Đào tạo	Vũ Cao Điền	1972	Thạc sĩ kỹ thuật	Trưởng phòng
Phòng Hành chính tổng hợp	Hoàng Trung Việt	1977	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trưởng phòng
Phòng Quản lý Học sinh - Sinh viên	Nguyễn Thành Long	1976	Thạc sĩ Vật lý	Trưởng phòng
Phòng Quản trị - Thiết bị	Lý Hồng Thắng	1978	Thạc sĩ chuyên ngành lý luận và Phương pháp DH	Trưởng phòng
4. Trưởng các khoa				

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
Khoa Điện	Trần Quốc Hoàn	1979	Thạc sĩ Điện khí hóa mỏ	Trưởng khoa
Khoa Cơ khí	Nguyễn Đức Minh	1983	Thạc sĩ CN cơ khí	Trưởng khoa
Khoa Điện tử	Lưu Văn Hải	1976	Thạc sĩ KT điện tử	Trưởng khoa
Khoa KHCB	Trần Hoài Thu	1979	Thạc sĩ Triết học	Trưởng khoa
Khoa Kinh tế - KSDL	Nguyễn Quốc Trí	1977	Thạc sĩ kinh tế	Trưởng khoa
Khoa CNTT	Phù Xuân Vĩnh	1973	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Trưởng khoa
Khoa CN ô tô	Nguyễn Thái Hà	1977	Thạc sĩ Kỹ thuật ô tô	Phó Trưởng khoa phụ trách khoa
5. Trưởng các Trung tâm				
TT GD THPT	Nguyễn Minh Tú	1978	Thạc sĩ Toán	Giám đốc

3.3. Cán bộ, giáo viên và nhân viên của trường

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường	133	134	127
2. Tổng số giáo viên cơ hữu theo trình độ đào tạo	122	122	115
- Tiến sĩ	02	02	3
- Thạc sĩ	102	100	93
- Đại học	18	20	19

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
- Cao đẳng	0	0	0
- Trung cấp	0	0	0
- Trình độ khác	0	0	0
3. Tổng số giáo viên dạy được cả lý thuyết và thực hành trên tổng số giáo viên của trường	74/122 Chiếm tỷ lệ 60,6%	74/122 Chiếm tỷ lệ 60,6%	72/115 Chiếm tỷ lệ 62,6%

4. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường

ST T	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
1	Điện công nghiệp	Cao đẳng	80		80	23	80	28
		Trung cấp	220	145	370	32	405	135
		Sơ cấp	20		20		20	2
2	Công nghệ ô tô	Cao đẳng	25	13	25	13	25	
		Trung cấp	130	60	130	33	95	23
		Sơ cấp	20		20		20	
3	Hàn	Cao đẳng						
		Trung cấp	50	25	50		25	
		Sơ cấp	40		40		40	
4	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Trung cấp	100		100		70	
5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng	40	11	40	10	40	
		Trung cấp	60	20	60	17	60	20
6	Điện tử công	Cao đẳng	60		60	16	60	

ST T	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
					Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
	nghề	Trung cấp	195	139	195		230	152
7	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Cao đẳng	80		80	23		
		Trung cấp						
8	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Cao đẳng	30		30		30	
10	Kế toán doanh nghiệp	Cao đẳng	30	29	30	26	30	19
		Trung cấp	40	19	40	27	40	29
		Sơ cấp	60		60		60	
10	Khoan thăm dò địa chất	Cao đẳng						
		Trung cấp	30		30		30	
		Sơ cấp	20		20		20	
11	Khai thác mỏ	Sơ cấp	200		200		200	
12	Tiện	Sơ cấp	40		40		40	
13	Tin học ứng dụng	Trung cấp	25		25	46	25	45
		Cao đẳng						
14	Lập trình máy tính	Cao đẳng						
15	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng	25		25		25	
		Trung cấp	155	72	155	84	95	30
		Sơ cấp	25		25		25	
16	Tiếng Hàn Quốc	Cao đẳng	30		30		30	

ST T	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
					Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
17	Phiên dịch tiếng Nhật kinh tế, thương mại	Cao đẳng	100	23	100	46	100	
18	Nghiệp vụ lưu trú	Sơ cấp	40		40	40		
19	Nghiệp vụ nhà hàng	Sơ cấp	40		40	40		
20	Quản lý bán hàng siêu thị	Trung cấp						
21	Nghiệp vụ bán hàng siêu thị	Sơ cấp						
22	Thiết kế đồ họa	Trung cấp						
23	Tin học văn phòng	Sơ cấp	25		25		25	
24	Trắc địa - Địa chính	Sơ cấp	40		40		40	
25	Nghiệp vụ lễ tân	Cao đẳng	25		25			
		Trung cấp	50	49	50	43	50	19
		Sơ cấp	40		40			

* **Quy mô tuyển sinh:** Theo nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề.

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
----------	----------	----------	----------

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Diện tích hạng mục công trình (diện tích đang sử dụng-m ²)	18682	18682	18682
- Khu hiệu bộ	1000	1000	1000
- Phòng học lý thuyết	4346	4346	4346
- Xưởng thực hành	4246	4246	4246
- Khu phục vụ	9090	9090	9090
+ Thư viện	360	360	360
+ Ký túc xá	2950	2950	2950
+ Nhà ăn	400	400	400
+ Trạm y tế	80	80	80
+ Khu thể thao	5000	5000	5000
- Hội trường - giảng đường	300	300	300
2. Tổng số đầu sách của trường	7418	7456	7456
<i>Trong đó, đầu sách chuyên ngành:</i>	3298	3298	3298
3. Tổng số máy tính của trường	276	276	276
- Dùng cho văn phòng	46	46	46
- Dùng cho học sinh học tập	230	230	230
4. Tổng nguồn kinh phí của trường	28.987.772.456	23.824.715.042	30.000.000.000
5. Tổng thu học phí	3.840.078.000	1.528.465.0000	1.700.000.000
6. Tổng kinh phí quyết toán	18.604.226.000	19.393.024.800	Chưa quyết toán

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC	94	Đạt chuẩn chất lượng
	Tổng điểm	100	
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12	12
	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.		
	Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1	1
	Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1	1
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	17	16
	Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	0
	Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	1
	Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	1
	Tiêu chuẩn 11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1	1
	Tiêu chuẩn 15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15	13
	Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức người lao động theo quy định, đảm bảo công khai minh bạch thực hiện các chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của Trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.		
	Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	0
	Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	0
	Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của Trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của Trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.		
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	15	15
	Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	chương trình đào tạo đã ban hành.		
	Tiêu chuẩn 8: Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	1
	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15	13
	Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	0
	Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1	0
	Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng	1	1
	Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	1
	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1	1
6	Tiêu chí 6 - Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	5	4
	Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	tiến và chuyên giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.		
	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1	0
	Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường	1	1
7	Tiêu chí 7 : Quản lý Tài chính	6	6
	Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	thanh quyết toán đúng quy định.		
	Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1	1
8	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	9	9
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.		
	Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1	1
9	Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng	6	6
	Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.		
	Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và tự đánh giá chất lượng theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp	1	1

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. TIÊU CHÍ 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1

Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại là trường công lập trực thuộc Bộ Công Thương, tiền thân là Ban Địa chất, thuộc trường Trung cấp kỹ thuật II, Bộ Công nghiệp nặng được thành lập từ năm 1955. Ngày 15 tháng 10 năm 1960, Tổng cục Địa chất đã ra quyết định số 255/TCĐC thành lập Trường Trung cấp Địa chất có trụ sở tại Thanh Xuân - Đống Đa - Hà Nội.

Đến năm 1967, nền công nghiệp của nước ta phát triển mạnh và thu được nhiều thành tựu đáng kể, nguồn nhân lực kỹ thuật không đủ để cung cấp cho ngành địa chất và các ngành liên quan, đòi hỏi phải mở rộng thêm cơ sở đào tạo mới, Tổng cục Địa chất đã quyết định tách Trường Trung cấp Địa chất thành hai trường: Trường Trung cấp Địa chất I và Trường Trung cấp Địa chất II.

Từ năm 1967 đến năm 1994, trải qua nhiều lần sơ tán, di chuyển do chiến tranh, cả hai trường đều đổi tên và sáp nhập thêm một số đơn vị khác để thành Trường Trung cấp Địa chất và Trường Công nhân kỹ thuật Địa chất. Đến ngày 12 tháng 11 năm 1994, Bộ Công nghiệp nặng đã ra Quyết định số 351/QĐ-BCN sáp

nhập hai trường với nhau, lấy tên là Trường Trung cấp Kỹ thuật Mỏ - Địa chất. Trụ sở của Trường đóng trên địa bàn xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Những sau đó, sự biến động của cơ chế thị trường và nhu cầu của người học nên đã gây ra cho Nhà trường nhiều khó khăn trong công tác tuyển sinh do các ngành quá đặc thù. Trước tình hình đó, năm 1998, Nhà trường đã trình Bộ Công nghiệp cho phép đổi tên trường và mở rộng ngành nghề đào tạo. Tại Quyết định số 41/1998/QĐ-BCN, ngày 20 tháng 6 năm 1998, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp cho phép đổi tên Trường thành Trường Trung học Công nghiệp III.

Tháng 6 năm 2006 trường được nâng cấp thành trường cao đẳng theo Quyết định số 2832/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công thương thành trường Trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018, Trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên được đổi tên thành Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại theo Quyết định số 599/QĐ- LĐT BXH, ngày 21 tháng 5 năm 2018.

Trường có lịch sử trên 64 năm xây dựng và trưởng thành, Nhà trường đã đạt được rất nhiều thành tựu đáng khích lệ. Nhà trường đã vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương độc lập hạng Nhì, Huân chương độc lập hạng Ba, Huân chương lao động hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba. Hằng năm có trên 95% học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường nhanh chóng tìm được việc làm, làm đúng nghề đào tạo và phát huy tốt, được các doanh nghiệp tin tưởng, chấp nhận.

Trên cơ sở chức năng và nhiệm vụ được giao, Nhà trường luôn xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng và phát triển qua từng giai đoạn, trên nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa. Thường xuyên được rà soát và điều chỉnh phù hợp với thực tiễn yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của ngành và địa phương, góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

** Những điểm mạnh:*

* Mục tiêu sứ mệnh của Trường được xác định rõ ràng, cụ thể, được các cấp có thẩm quyền phê duyệt và được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

* Nhà trường luôn bám sát mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa

phương, ngành để chủ động xây dựng kế hoạch, mục tiêu nhiệm vụ của Trường phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động, của người học và xã hội. Đáp ứng với thực tế sử dụng lao động của Thành phố Hà Nội, tỉnh Vĩnh Phúc và các khu vực lân cận.

* *Những tồn tại:* Không

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Nhà trường luôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh Nhà trường trên các phương tiện thông tin đại chúng bằng nhiều hình thức khác nhau. Tăng cường công tác điều tra thị trường, đặc biệt là các cơ sở sản xuất để nắm bắt nhu cầu của thị trường lao động đối với các nghề đào tạo của Nhà trường. Trên cơ sở đó có sự điều chỉnh các mục tiêu, nhiệm vụ thích hợp. Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch hàng năm để có biện pháp điều chỉnh thích hợp.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	12
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1

Tiêu chuẩn 1: *Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.*

Mô tả, phân tích nhận định:

Chức năng, nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại được Bộ Công Thương quy định. (1.1.01. *Quyết định số 2226/QĐ-BCT ngày 27/6/2018 của Bộ Công thương về quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại*). Theo đó, Trường có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp. Ngoài ra, Trường còn có nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế.

Sứ mạng của Nhà trường được xác định cụ thể, được thể hiện trong đề án phát triển trường và Quy chế tổ chức hoạt động nhà trường, cụ thể: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại là nơi cung cấp cho người học các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp chất lượng cao về kỹ thuật, đồng thời nghiên cứu ứng dụng và triển khai các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào đời sống, tổ chức và tham gia các hoạt động khác phục vụ cộng đồng, xứng đáng là trung tâm tri thức - văn hóa của Tỉnh Vĩnh Phúc, góp phần phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu. (1.1.02. *Quyết định số 528/ QĐ-CĐCN&TM ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại*)

Mục tiêu và sứ mạng của Trường được quy định tại quyết định ban hành Chiến lược phát triển của Trường, ban hành theo Quyết định số 438/QĐ-CĐCNPY ngày 24/12/2015 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng công nghiệp Phúc Yên và số 356/QĐ-CĐCN&TM ngày 28/8/2018 của Hiệu trưởng Trường Cao Đẳng Công nghiệp và Thương mại. Đó là:

- Mục tiêu:

Đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo các hệ đào tạo ở trình độ giáo dục nghề nghiệp gồm: cao đẳng, trung cấp và sơ cấp; có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe phù hợp với nghề nghiệp nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm, tham gia lao động trong và ngoài nước hoặc tiếp tục học tập nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng;

Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy nghề theo quy định của pháp luật;

Chương trình đào tạo được xây dựng theo chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Chương trình bảo đảm liên thông giữa các cấp trình độ; phù hợp với thực tiễn thiết bị, công nghệ tiên tiến và nhu cầu sử dụng lao động của thị trường.

Đến 2025 thành một cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập Quốc tế. Tạo cho người học có được môi trường học tập khang trang, hiện đại, được trang bị những kiến thức tiên tiến và các kỹ năng cần thiết để lập thân lập nghiệp trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa. Phấn đấu đến năm 2035 trở thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp trọng điểm ngang tầm trình độ các nước tiên tiến trong khu vực ASEAN.

- Sứ mạng:

Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại là nơi cung cấp cho người học các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp chất lượng cao về kỹ thuật, đồng thời nghiên cứu ứng dụng và triển khai các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào đời sống, tổ chức và tham gia các hoạt động khác phục vụ cộng đồng, xứng đáng là trung tâm tri thức - văn hóa của Tỉnh Vĩnh Phúc, góp phần phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho công cuộc Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu.

Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại là nơi đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, tay nghề, chuyên môn cao ở các bậc học: sơ cấp, trung cấp, cao đẳng thuộc các lĩnh vực công nghiệp, thương mại và dịch vụ ... (1.1.03. Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên đến năm 2025 và tầm nhìn 2035 kèm theo Quyết định số 438/QĐ-CĐCNPY ngày 24/12/2015; 1.1.04. Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại thành trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025 và tầm nhìn 2035 kèm theo quyết định số 356/QĐ-CĐCN&TM ngày 28/8/2018).

Nhà trường đã xây dựng đề án cơ cấu tổ chức, cơ cấu tài chính, cơ chế hoạt động, dự kiến vị trí việc làm, phương tiện hoạt động, trang thiết bị đào tạo, đội ngũ cán bộ giáo viên, thiết bị phục vụ đào tạo (1.1.05. Đề án cơ cấu tổ chức Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại).

Mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường phù hợp với nhu cầu nhân lực của địa phương, ngành Công thương, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành (1.1.06. Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về Phê duyệt Đề án phát triển kinh tế xã hội tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 - 2025 theo hướng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng tăng trưởng).

HSSV sau khi ra trường được nhiều doanh nghiệp trên địa bàn thành phố như: Công ty cổ phần thiết bị Tân Phát; Công ty Funing (foxconn); Công ty TNHH phụ tùng xe máy ô tô Goshi Thăng Long; Công ty Bảo Việt Vĩnh Phúc; Công ty Cổ phần Đào tạo - Du lịch Hoàng Long (Hiệp hội doanh nghiệp Công nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam); Liên đoàn quy hoạch và điều tra tài nguyên nước miền Bắc; Công ty Cổ phần tin học, công nghệ, môi trường - Vinacomin (Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam); Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng 24 - ICIC.24; Liên đoàn bản đồ địa chất miền Bắc; Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Phúc Yên; Ngân hàng Công thương Vĩnh Phúc, Công ty TNHH nhà nước một thành viên Xuân Hòa; Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ PCI; Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - Vinacomin; Xí nghiệp Tài nguyên-môi trường 4 - Chi nhánh Tổng công ty TN và MT Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên; Cty Cổ phần thép Việt Đức; Công ty Cổ phần TMS Du học ; Công ty CP khoan và DV KT khai thác mỏ; Công ty khai thác khoáng sản Tây Nguyên; Công ty TNHH KATOLEC Việt Nam; Công ty LILAMA 3.3; Công ty CP Xây dựng Hoàng Long; Công Ty CP Công nghệ Nhiệt Lạnh Bách Khoa; Công Ty TNHH SUNHOUSE (Việt Nam); Công ty HONDA Việt Nam; Công ty TNHH SAMSUNG ELECTRONICS Việt Nam; Công ty TNHH SUMITOMO ELECTRIC INTERCONNECT PRODUCTS; Công ty TNHH COLDTECH Việt Nam; Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Xây dựng và Thương Mại Trường Sơn; Công ty TNHH Một thành viên Đào tạo và cung ứng nhân lực - HAUI; Công ty TNHH Điện tử Meiko Việt Nam; Công ty Kinh doanh Bất động sản VIGLACERA.. .tuyển dụng vào làm việc phù hợp với ngành nghề đã được đào tạo tại Trường (1.1.07. Các “Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp 2021, 2022, 2023”).

Mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường được công bố công khai với nhiều hình

thức đa dạng: trên Website <http://coit.edu.vn> (1.1.08. <http://coit.edu.vn>;). Trên bảng tin ở công sở nhà trường. Ngoài ra qua phỏng vấn HSSV, trong tuần lễ sinh hoạt công dân - HSSV đầu năm, đầu khóa, Nhà trường còn triển khai mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường (1.1.09. *Kế hoạch tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” đầu khóa - Năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024*).

Hằng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát cán bộ viên chức và nhận được sự nhất trí cao về tính phù hợp của Mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường đối với nhu cầu nhân lực của địa phương. (1.1.10. *Kế hoạch và báo cáo khảo sát các đối tượng*); 1.1.11. *Hình ảnh giao diện Website về quy hoạch nguồn nhân lực của Vĩnh Phúc*).

Như vậy, Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường có thực hiện việc phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, của ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo (1.2.01. *Phiếu khảo sát các Doanh nghiệp*). Tuy nhiên, việc phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, của ngành chưa được thực hiện, cập nhật thường xuyên, liên tục. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã thực hiện việc đăng ký hoạt động GDNN theo Nghị định số 143/NĐ-CP của Thủ tướng chính phủ và đã được Tổng cục GDNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN (1.2.02. *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/GCNDKHHĐ-TCGDNN*). Căn cứ quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2020 của Thủ Tướng Chính phủ ngày 20 tháng 01 năm 2012, các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về Phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, Nhà trường đã rà soát, điều chỉnh và xây dựng các ngành nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu thị trường lao động, nhu cầu sử dụng lao động của các cơ quan,

doanh nghiệp, xây dựng chiến lược phát triển trường đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035. Kết hợp với việc khảo sát nhu cầu nhân lực tại địa phương và khảo sát các ngành nghề mà thị trường lao động đang cần để đảm bảo HSSV ra trường có thể tìm được việc làm theo đúng ngành nghề đào tạo (1.2.03 .*Bảng Phân tích, đánh giá và đưa ra nhận định về ngành nghề, số lượng cần tuyển sinh*). Vì vậy, số lượng tuyển sinh hàng năm, tỷ lệ HSSV có việc làm sau khi tốt nghiệp của Trường khá cao. Qua đó cho thấy, các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Nhà trường phù hợp với kết quả phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương. Các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo được cấp phép là phù hợp với kết quả phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Nhà trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.*

Mô tả, phân tích nhận định:

Nhằm thích ứng với nhu cầu phát triển, Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại đã trải qua quá trình nâng cấp, đổi tên từ các đơn vị tiền thân. Ngày 05 tháng 6 năm 2006, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 2832/2006/QĐ-BGD&ĐT thành lập Trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên trên cơ sở nâng cấp Trường Trung học Công nghiệp III. (1.3.01. *Quyết định số 2832/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên*). Ngày 21 tháng 5 năm 2018, Trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên được đổi tên thành Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại theo Quyết định số 599/QĐ-LĐTBXH, ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. (1.3.02. *Quyết định số 599/QĐ-LĐTBXH ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên thành Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại*). Ngay từ khi thành lập, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động, quy định cụ thể cách thức hoạt động các mảng công việc trong trường.

Đến năm 2017, sau khi Nghị định số 143/NĐ- CP của Thủ tướng chính phủ ra đời, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư 46/2016/TT-BLĐTBXH quy định về Điều lệ của trường cao đẳng, trong khi chờ quyết định thành lập hội đồng trường, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại. (1.3.03. Các quyết định thành lập Trường).

Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại là cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, chịu sự quản lý nhà nước của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Cơ quan chủ quản trực tiếp là Bộ Công Thương. Trường là đơn vị sự nghiệp có thu, dự toán cấp I, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và sử dụng con dấu riêng.

Ngoài các văn bản quy định của Bộ Công Thương, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, để hoạt động của Nhà trường theo đúng chức năng, nhiệm vụ đề ra, Hiệu trưởng đã ban hành các văn bản quy định về tổ chức, cơ chế quản lý, chức năng nhiệm vụ của các phòng, khoa theo hướng đảm bảo quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp nhà nước. Cơ cấu tổ chức, quản lý của Nhà trường hiện nay gồm 04 phòng chức năng: phòng Hành chính tổng hợp; phòng Quản lý đào tạo; phòng Quản lý học sinh, sinh viên; phòng Quản trị - Thiết bị; 01 Trung tâm: Trung tâm Giáo dục Trung học phổ thông; 07 khoa gồm khoa Khoa học cơ bản; khoa Cơ khí; khoa Công nghệ ô tô; khoa Điện; khoa Điện tử; khoa Kinh tế - Khách sạn du lịch; khoa Công nghệ thông tin. Nhà trường đã ban hành Quyết định thành lập các Phòng, khoa, đơn vị trực thuộc Trường. Khi Nhà trường được đổi tên từ thành Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại, để đảm bảo tính pháp lý trong hoạt động, Nhà trường đã tiến hành giải thể các đơn vị thuộc trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên. (1.3.04. Quyết định về việc giải thể các đơn vị trực thuộc trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên) và thành lập các đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại. (1.3.05. Quyết định thành lập các Đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại). Trong đó:

Phòng Quản lý đào tạo có chức năng và nhiệm vụ chính: Lập kế hoạch đào tạo cho từng hệ, ngành đào tạo; giúp Hiệu trưởng quản lý, kiểm tra việc thực hiện mục tiêu, phương thức đào tạo của toàn trường, kiểm tra các hoạt động đào tạo tại

trường và các trung tâm liên kết đào tạo. Ngoài ra, phòng còn nhiệm vụ lập kế hoạch, xây dựng các báo cáo liên quan đến đào tạo và quản lý chất lượng.

Phòng Hành chính tổng hợp có chức năng và nhiệm vụ: Tham mưu, tổng hợp và đề xuất ý kiến giúp Hiệu trưởng tổ chức quản lý về công tác tổ chức, cán bộ, hành chính tổng hợp, thi đua, bảo vệ nội bộ, chế độ chính sách đối với công chức, viên chức và triển khai thực hiện các hoạt động sau: Công tác hành chính thi đua, công tác tổ chức nhân sự, công tác thông tin-tuyên truyền, công tác thanh tra đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường, theo các quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Quản lý, tham mưu các hoạt động về công tác tài chính, công tác kế toán.

Phòng Quản lý học sinh, sinh viên có chức năng và nhiệm vụ tham mưu, tổng hợp và đề xuất ý kiến giúp Hiệu trưởng tổ chức quản lý nhân sự HS-SV; triển khai giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, thực hiện chế độ chính sách thanh tra, chấp hành quy chế học tập, rèn luyện; tổ chức các hoạt động ngoại khóa của HSSV và triển khai thực hiện quản lý giáo dục toàn diện học sinh-sinh viên, thực hiện công tác quản lý HS-SV nội trú.

Tham mưu cho Hiệu trưởng thực hiện quản lý nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường, tổng hợp, đề xuất ý kiến, giúp Hiệu trưởng tổ chức quản lý hướng dẫn công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, các dự án đầu tư nước ngoài; Quan hệ với các doanh nghiệp và hợp tác quốc tế; thông tin thư viện, phòng đọc và triển khai thực hiện các hoạt động sau: quản lý tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học, quản lý tổ chức hoạt động đối ngoại, tổ chức và quản lý thư viện, quản lý tổ chức hoạt động bài viết đăng trên nội san. Tham mưu cho Hiệu trưởng chiến lược, kế hoạch trong công tác tuyển sinh, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá công tác tuyên truyền tuyển sinh hàng năm. Tư vấn hướng nghiệp và tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho HS-SV đủ điều kiện tuyển sinh, tuyển dụng và du học. Phối hợp với các cơ sở sản xuất tổ chức giới thiệu việc làm cho HS-SV. Theo dõi và điều tra việc làm của HS-SV sau khi tốt nghiệp ra trường, phối hợp với các đối tác, tổ chức tư vấn du học cho HS-SV. Trung tâm tuyển sinh - Giới thiệu việc làm tham mưu cho Hiệu trưởng và thực hiện các biện pháp chăm sóc khách hàng với các đối tác trong tuyển sinh, việc làm và du

học, hợp tác với các tổ chức trong, ngoài nước để tư vấn HS-SV đi xuất khẩu lao động.

Phòng Quản trị - Thiết bị có chức năng tham mưu cho Ban giám hiệu trong công tác quy hoạch, quản lý sử dụng cơ sở vật chất trong trường; quản lý và giám sát việc sửa chữa thường xuyên các công trình nhà - công trình kiến trúc, hệ thống điện - nước - điện thoại; quản lý các nhà học dùng chung, cảnh quan môi trường; theo dõi, quản lý mua sắm, xử lý tài sản, công cụ và vật liệu phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học trong trường; chăm lo sức khỏe cho công chức, viên chức và HS-SV; quản lý công tác y tế, vệ sinh môi trường và các dịch vụ xã hội khác và triển khai thực hiện các hoạt động sau: Công tác quản trị thiết bị, công tác đời sống, công tác y tế, công tác vệ sinh môi trường, quản trị mạng. Ban bảo vệ có chức năng Tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng và tổ chức thực hiện nội quy, kế hoạch công tác bảo vệ; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cơ quan; triển khai các yêu cầu công tác bảo vệ theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan Công an có thẩm quyền.

Các khoa và trung tâm GDTHPT, giúp Hiệu trưởng tổ chức thực hiện quá trình đào tạo các ngành nghề chuyên môn thuộc các lĩnh vực được giao theo kế hoạch đào tạo chung của trường và triển khai thực hiện các hoạt động sau: Tổ chức thực hiện quá trình đào tạo, lập kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo chương trình, kế hoạch chung của Nhà trường; Chịu trách nhiệm ký duyệt và quản lý kế hoạch giảng dạy, đề cương chi tiết học phần theo đúng tiến độ, kế hoạch đào tạo, đề cương môn học, học phần mà Nhà trường đã phê duyệt; Chủ trì phân công, nghiệm thu khối lượng giảng dạy, khối lượng chuyên môn và các nhiệm vụ khác cho các nhà giáo trong từng tổ bộ môn mà khoa quản lý theo bảng giao khối lượng của phòng Đào tạo; Chịu trách nhiệm về việc xây dựng dự trữ vật tư học kỳ theo đúng phân bổ kinh phí và kế hoạch đào tạo học kỳ; Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ giảng dạy học tập, kế hoạch giảng dạy của các ngành, nghề đào tạo trong khoa; Đề xuất kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị dạy học, thực hành, thực tập và thực nghiệm khoa học. Quản lý toàn bộ tài sản được Nhà trường giao; Chỉ đạo các tổ bộ môn trực thuộc khoa xây dựng và thực hiện kế hoạch giảng dạy bộ môn, nghiên cứu khoa học và các hoạt động giáo dục khác;

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ cho giảng viên và nhân viên thuộc khoa; Tổ chức các hoạt động giáo dục và khoa học; chủ động khai thác các dự án hợp tác, phối hợp với các cơ sở giáo dục, khoa học; Quản lý trực tiếp giảng viên, nhân viên và HS-SV thuộc khoa; Tuyên truyền và tuyển sinh theo kế hoạch của Trường; Thực hiện các nhiệm vụ được giao khác theo kế hoạch công tác của trường. Hiện nay, trường có 07 khoa: khoa Khoa học Cơ bản, khoa Công nghệ thông tin, khoa Điện, khoa Kinh tế - Khách sạn du lịch, khoa Công nghệ ô tô, khoa Cơ khí, khoa Điện tử. Các khoa có các bộ môn trực thuộc khoa.

Năm 2022, giải thể khoa Khách sạn du lịch - Ngoại ngữ và chuyển tổ Ngoại ngữ về khoa Khoa học cơ bản, nhóm tiếng Nhật và tổ Quản trị du lịch khách sạn sáp nhập vào khoa Kinh tế và đổi tên khoa Kinh tế thành khoa Kinh tế - Khách sạn du lịch (*1.3.06. Các Quyết định sáp nhập đơn vị*).

Năm 2023, do yêu cầu về công tác thanh kiểm tra đào tạo và đảm bảo chất lượng trong trường, Nhà trường đã thành lập tổ Thanh tra, Khảo thí và Kiểm định chất lượng. Sau đó trên cơ sở tổ Thanh tra, Khảo thí và Kiểm định chất lượng đã thành lập Trung tâm Khảo thí – Đảm bảo chất lượng (*1.3.07. Quyết định số 68 ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc thành lập tổ Thanh tra, Khảo thí và Kiểm định chất lượng. Quyết định số 123 ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc thành lập trung tâm Khảo thí - Đảm bảo chất lượng trên cơ sở tổ Thanh tra, Khảo thí và Kiểm định chất lượng*).

Năm 2024, Nhà trường sáp nhập các 6 đơn vị thành 3 đơn vị mới (*Quyết định 176 ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc Sáp nhập phòng Tổ chức - Hành chính và phòng Tài chính - Kế toán thành phòng Hành chính tổng hợp; Quyết định số 180 ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc Sáp nhập phòng Đào tạo và Trung tâm Khảo thí - Đảm bảo chất lượng thành phòng Quản lý đào tạo; quyết định 181 ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc Sáp nhập phòng Công tác Học sinh - sinh viên và phòng Khoa học Công nghệ - Đối ngoại thành phòng Quản lý Học sinh - sinh viên.*)

Ngoài các Quyết định thành lập các phòng, khoa, để hoạt động của Trường theo đúng chức năng, nhiệm vụ đề ra, Nhà trường đã xây dựng và ban hành các văn

bản quy định về tổ chức, cơ chế quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ và chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp Nhà nước, bao gồm: Quy định nội bộ. (1.3.08. Quy định nội bộ năm Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định chế độ làm việc của Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp năm 2022, 2023, 2024); Các văn bản nội bộ của Nhà trường nêu trên được xây dựng trên cơ sở cụ thể hóa các văn bản của Nhà nước như Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23 tháng 01 năm 2006 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTB&XH ngày 10/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

Như vậy, Nhà trường có đầy đủ các văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định và được triển khai đến các phòng, khoa và bộ phận của Nhà trường. Kế hoạch phát triển, phương hướng hoạt động của Nhà trường được phổ biến công khai để mọi thành viên tham gia đóng góp ý kiến và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Các văn bản nội bộ thực hiện hàng năm được rà soát điều chỉnh, bổ sung trong hội nghị CBVC, trong các cuộc họp giao ban đảm bảo công khai, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế của Nhà trường. Hệ thống các văn bản để tổ chức, quản lý các hoạt động của Nhà trường được triển khai thực hiện có hiệu quả.

Năm học 2024-2025, Nhà trường tiếp tục rà soát và điều chỉnh các quy chế, quy định phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà, phù hợp với nhiệm vụ phát triển của Trường khi trong giai đoạn mới.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4 : *Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.*

Mô tả, phân tích nhận định:

Hàng năm, nhằm đảm bảo các hoạt động phù hợp với tình hình thực tế, Nhà trường triển khai hoạt động rà soát các nội dung trong Quy chế nội bộ năm trước

nhằm tìm gia các nội dung không còn phù hợp. Để thực hiện công việc này, Nhà trường thành lập Ban xây dựng quy chế nội bộ. Ban có trách nhiệm nghiên cứu, dự thảo nội dung quy chế nội bộ năm sau gồm: Quy định nội bộ, Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cho phù hợp với quy định mới của nhà nước và bối cảnh của nhà trường. Bản dự thảo được gửi tới các đơn vị. Trường các đơn vị phối hợp với Công đoàn bộ phận tổ chức hội nghị công chức viên chức tại đơn vị, nội dung chính là đóng góp vào dự thảo Quy chế nội bộ của nhà trường. Phòng Tổ chức - Hành chính là đầu mối tổng hợp các ý kiến, gửi đến các đầu mối trong Ban xây dựng thảo luận, điều chỉnh. (1.4.01. Kế hoạch rà soát, điều chỉnh Quy chế nội bộ năm 2022, 2023, 2024); Qua quá trình rà soát, thống kê các nội dung đề nghị điều chỉnh từ các đơn vị, Nhà trường tổng hợp, nghiên cứu và báo cáo tại Hội nghị Công chức, viên chức hàng năm. (1.4.02. Bảng Tổng hợp kết quả rà soát, điều chỉnh Quy chế nội bộ năm 2022, 2023, 2024); Từ đó, toàn thể cán bộ, công chức, viên chức xây dựng các văn bản nội bộ, quy định về tổ chức và quản lý năm tiếp theo như: Quy định nội bộ của Nhà trường năm 2022, 2023, 2024; Quy chế chi tiêu nội bộ. (1.3.08. Quy định nội bộ năm Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định chế độ làm việc của Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp năm 2022, 2023, 2024); Trong suốt quá trình triển khai thực hiện, các cuộc họp được ghi biên bản đầy đủ. (1.4.03. Biên bản cuộc họp xây dựng quy chế nội bộ).

Hàng năm, Nhà trường đều có thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các văn bản quy định về tổ chức và quản lý. Các quy định về tổ chức và quản lý của Nhà trường được điều chỉnh định kỳ phù hợp với sự phát triển của Nhà trường. (1.4.04. Các Kế hoạch, văn bản, Quyết định “Kế hoạch rà soát các văn bản về tổ chức, quản lý của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại năm 2022, 2023, 2024; 1.4.05. Các văn bản được rà soát điều chỉnh).

Năm học 2024-2025, Nhà trường tiếp tục rà soát và điều chỉnh các quy chế, quy định sao cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường khi chuyển sang giáo dục nghề nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được

phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

Mô tả, phân tích nhận định:

Về cơ cấu ngành nghề, Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại đã được Tổng cục GDNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 89/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 25/8/2021 thay thế các Giấy chứng nhận đã cấp trước đó.

Năm 2022 Trường được Tổng cục GDNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 7/7/2022 thay thế các Giấy chứng nhận đã cấp trước đó gồm 11 nghề cao đẳng, 12 nghề trung cấp và 14 nghề sơ cấp (1.2.02. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN).

Năm 2023, Nhà trường được Tổng cục GDNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 31/07/2023 thay thế các Giấy chứng nhận đã cấp trước đó gồm 11 nghề cao đẳng, 12 nghề trung cấp và 14 nghề sơ cấp (Có phải thay thế ko thì e ko rõ ạ, hình như chỉ là bổ sung thôi) (1.2.02. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 07/07/2022; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 31/07/2023) thay thế các Giấy chứng nhận đã cấp trước đó gồm 11 nghề cao đẳng, 12 nghề trung cấp và 14 nghề sơ cấp (1.2.02. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN).

Đến thời điểm hiện tại, Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại được cấp phép đào tạo 10 nghề cao đẳng, 10 nghề trung cấp và 13 nghề sơ cấp.

Số TT	Tên ngành/ nghề đào tạo	Mã ngành/ nghề	Quy mô tuyển sinh/ năm	Trình độ đào tạo
1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	40	Cao đẳng
		5510201	60	Trung cấp
2	Điện công nghiệp	6520227	80	Cao đẳng
		5520227	405	Trung cấp

			20	Sơ cấp
3	Khoan thăm dò địa chất	5510915	30	Trung cấp
			20	Sơ cấp
5	Điện tử công nghiệp	6520225	60	Cao đẳng
		5520225	230	Trung cấp
6	Khai thác mỏ		200	Sơ cấp
7	Kế toán doanh nghiệp	6340302	30	Cao đẳng
		5340302	40	Trung cấp
			60	Sơ cấp
8	Hàn	5520123	25	Trung cấp
			40	Sơ cấp
9	Công nghệ ô tô	6510216	25	Cao đẳng
		5510216	95	Trung cấp
			20	Sơ cấp
10	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520205	70	Trung cấp
11	Ngh nghiệp vụ lễ tân	5810203	50	Trung cấp
				Sơ cấp
12	Ngh nghiệp vụ lưu trú			Sơ cấp
13	Ngh nghiệp vụ nhà hàng			Sơ cấp
14	Phiên dịch tiếng Nhật kinh tế, thương mại	6220204	100	Cao đẳng
15	Quản trị lễ tân	6810203	25	Cao đẳng
16	Quản trị mạng máy tính	6480209	25	Trung cấp
		5480209	95	Sơ cấp
			25	Sơ cấp
17	Tiện		40	Sơ cấp
18	Tiếng Hàn Quốc	6220211	30	Cao đẳng
19	Tin học ứng dụng	5480205	25	Trung cấp
20	Tin học văn phòng		25	Sơ cấp

21	Trắc địa - Địa chính		40	Sơ cấp
----	----------------------	--	----	--------

Để đảm bảo thực hiện các nghề nêu trên, Trường đã xây dựng bộ máy tổ chức gồm Bộ máy tổ chức của Trường hiện tại gồm 04 phòng, 07 khoa, 01 Trung tâm. Cụ thể:

- 04 Phòng chuyên môn: Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Hành chính tổng hợp; Phòng Quản lý học sinh, sinh viên, Phòng Quản trị thiết bị.
- 07 Khoa: Khoa khoa học cơ bản; Khoa Điện; Khoa Điện tử; Khoa Công nghệ thông tin; Khoa Kinh tế - Khách sạn du lịch; Khoa Cơ khí; Khoa Công nghệ Ô tô.
- 01 Trung tâm: Trung tâm giáo dục trung học phổ thông.

Các phòng, khoa, và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ. *(1.3.05. Quyết định thành lập các Đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại).*

Trường đã ban hành Quyết định số 121/QĐ-CĐCNPY-TCHC ngày 02/4/2018 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của các đơn vị thuộc Trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên; Quyết định số 417/QĐ- CĐCN&TM-TCHC ngày 6/9/2018 về Chức năng, quyền hạn của Kiểm định bảo đảm chất lượng và phân công công tác học sinh sinh viên. Quyết định số 65/QĐ- CĐCN&TM-TCHC ngày 24/01/2019 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các đơn vị thuộc Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại. Quy định đã nêu đầy đủ Nguyên tắc làm việc, Quan hệ lễ lối làm việc, chế độ báo cáo thông tin, về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc theo quy định và điều chỉnh sát nhập số đơn vị cho phù hợp *(1.3.03.Các quyết định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ các đơn vị trong trường; 1.5.01. Quyết định số 65/QĐ-CĐCN&TM-TCHC ngày 24/01/2019 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của đơn vị thuộc Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại).*

Đối chiếu cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn với cơ cấu ngành nghề đào tạo nêu trên, Đoàn nhận thấy cơ cấu các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc đã được thành lập tại Trường là hoàn toàn phù hợp với cơ cấu ngành nghề,

quy mô đào tạo và mục tiêu của trường. (1.5.02. Các Quyết định phân công phụ trách của BGH và các phòng khoa, Thông báo số 315 ngày 29 tháng 6 năm 2023 về việc phân công tạm thời thành viên Ban giám hiệu phụ trách các đơn vị và ký duyệt văn bản điều hành).

Hằng năm các đơn vị phòng, khoa, bộ môn trực thuộc Trường đều hoàn thành nhiệm vụ. (1.5.03. Danh sách bình xét thi đua các đơn vị).

Như vậy, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

Mô tả, phân tích nhận định:

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Công Thương về việc Thành lập Hội đồng Trường tại trường tại Công văn số 3114/BCT-TCCB ngày 06/5/2019 của Bộ Công Thương về việc thành lập Hội đồng trường cao đẳng trực thuộc Bộ, Nhà trường đã thực hiện và hoàn tất các bước quy trình theo quy định. Hiện đang đợi Quyết định thành lập của Bộ Công Thương (1.6.01. Tờ trình số 128/TTr-ĐCN&TM ngày 17/03/2023 về việc đề nghị thành lập Hội đồng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ 2023 – 2028).

Nhà trường cũng đã thành lập các hội đồng tư vấn như: Hội đồng Thi đua và Khen thưởng; Hội đồng tuyển sinh; Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình và các Hội đồng chuyên môn khác. Các Hội đồng khi thành lập đều có ban hành quyết định thành lập, được giao nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với Quy chế tổ chức hoạt động của trường (1.1.02. Quyết định số 528/QĐ-CĐCN&TM ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại). Một số Hội đồng điển hình như sau:

Hội đồng tuyển sinh có nhiệm vụ tham mưu, tư vấn cho Hiệu trưởng về công tác tuyển truyền tuyển sinh theo quy chế và theo nhu cầu xã hội, năng lực nhà trường. (1.6.02. Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh các năm 2022, 2023,

2024).

Hội đồng Lương được thành lập theo quy định của cơ quan chủ quản, có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác tiền lương, các khoản phụ cấp ưu đãi theo quy định. *(1.6.03. Quyết định thành lập Hội đồng lương các năm 2022, 2023, 2024).*

Hội đồng tinh giản biên chế có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng các chính sách tinh giản biên chế hàng năm theo quy định của Nhà nước. *(1.6.04. Quyết định thành lập Hội đồng tinh giản biên chế các năm 2022, 2023, 2024).*

Hội đồng thi đua, khen thưởng có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng các chính sách khuyến khích, đánh giá và thực hiện công tác thi đua, khen thưởng hàng năm theo quy định của Nhà nước. *(1.6.05. Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng các năm 2022, 2023, 2024).*

Hội đồng mua sắm vật tư, thiết bị có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng nội dung về mua sắm vật tư, thiết bị đào tạo hàng năm theo quy định của Nhà nước. *(1.6.06. Quyết định thành lập Hội đồng mua sắm vật tư, thiết bị các năm 2022, 2023, 2024).*

Các Hội đồng đều hoạt động tích cực, hiệu quả, tư vấn cho Hiệu trưởng thực hiện chức năng nhiệm vụ theo đúng quy định của Pháp luật và theo nhu cầu Xã hội.

Nhà trường có văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của Phòng Đào tạo, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường. *(1.5.01. Quyết định số 65/QĐ-CĐCN&TM-TCHC ngày 24/01/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của đơn vị thuộc Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại).*

Hàng năm, phòng Quản lý đào tạo và các phòng chức năng, các khoa, bộ môn trực thuộc trường đều có báo cáo tổng kết công tác hoạt động và đề ra phương hướng hoạt động cho năm tiếp theo.

Trường có cơ cấu tổ chức hợp lý, phù hợp với quy định của Nhà nước cũng như với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển của Nhà trường trong từng giai đoạn. Các phòng chức năng, các khoa chuyên môn và các bộ phận trực thuộc đều có chức năng, nhiệm vụ rõ ràng và hoạt động có hiệu quả. Hàng năm các phòng, khoa đều

hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Các đơn vị trong trường đạt thành tích trong thực hiện nhiệm vụ được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ghi nhận, khen thưởng. (1.6.07. Các Quyết định khen thưởng các năm 2022, 2023, 2024).

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công thương tặng Phòng TC-HC; Phòng Đào tạo; Khoa Điện năm học 2018-2019 theo Quyết định số 3088/QĐ-BCT, ngày 11/10/2019;

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công thương tặng Phòng QTTB năm học 2019-2020 theo Quyết định số 3013/QĐ-BCT, ngày 19/11/2020;

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công thương tặng Khoa Điện năm học 2020-2021 theo Quyết định số 2348/QĐ-BCT, ngày 08/11/2022;

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công thương tặng Khoa Điện tử, năm học 2021-2022 theo Quyết định số 2325/QĐ-BCT, ngày 6/09/2023.

Bằng khen của CTUBND tỉnh Vĩnh Phúc tặng Khoa CNTT, Phòng KH-CN-ĐN năm học 2019-2020, theo Quyết định số 2483/QĐ-UBND, ngày 05/10/2020;

Bằng khen của CTUBND tỉnh Vĩnh Phúc tặng Phòng TCHC năm học 2020-2021, theo Quyết định số 2202/QĐ-CT, ngày 08/12/2021;

Bằng khen của CTUBND tỉnh Vĩnh Phúc tặng Phòng Đào tạo, năm học 2021-2022 theo Quyết định số 1551/QĐ-CT, ngày 23/08/2022;

Bằng khen của CTUBND tỉnh Vĩnh Phúc tặng Khoa Cơ khí, năm học 2022 – 2023 theo Quyết định số 1787/QĐ-CT, ngày 10/08/2023.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.

Mô tả, phân tích nhận định:

Nhằm từng bước chuẩn hóa các bước công việc trong hoạt động, từ năm 2015, Nhà trường đã xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Hệ thống quản lý chất lượng của Nhà trường đã được CERTIFICATE, đánh giá và cấp Giấy chứng nhận phù hợp với những yêu cầu của tiêu chuẩn hệ thống quản lý ISO 9001:2008 (1.7.01. Giấy chứng nhận QA-D/VN/9001/0047 ISO 9001:2008; 1.7.02. Quyết định về việc ban hành và áp dụng

Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên)

Thực hiện Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Nhà trường đã triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng, vận hành Hệ thống bảo đảm chất lượng Giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 mà Nhà trường đang áp dụng. Hệ thống đảm bảo chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của Nhà trường đã được phê duyệt ban hành và áp dụng từ ngày 21/02/2019 (1.7.03. Quyết định số 89/QĐ-CĐCN&TM, ngày 21/02/2019 của Hiệu trưởng trường CĐCN&TM ban hành Quy định về hệ thống đảm bảo chất lượng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại)

Nhà trường đã xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm: chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng, sổ tay chất lượng và hệ thống các quy trình bảo đảm chất lượng.

Để xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng đạt hiệu quả cao, Nhà trường thành lập Ban xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng (1.7.04. Quyết định số 77/QĐ-CĐCN&TM, ngày 14/4/2021 của Hiệu trưởng trường CĐCN&TM về việc thành lập Ban xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng năm 2021).

Để công tác xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng đạt hiệu quả, Nhà trường đã lập kế hoạch xây dựng, điều chỉnh, bổ sung Hệ thống đảm bảo chất lượng và Hội đồng nghiệm thu tài liệu thuộc hệ thống đảm bảo chất lượng (1.7.05. Kế hoạch số 139/KH-CĐCN&TM, ngày 14/4/2021 về việc xây dựng, điều chỉnh và bổ sung Hệ thống đảm bảo chất lượng năm 2021; 1.7.06. Quyết định số 78/QĐ-CĐCN&TM, ngày 14/4/2021 của Hiệu trưởng trường CĐCN&TM về việc thành lập Hội đồng nghiệm thu tài liệu thuộc hệ thống đảm bảo chất lượng; 1.7.07. Quyết định số 254/QĐ-CĐCN&TM, ngày 06/9/2023 của Hiệu trưởng trường CĐCN&TM về việc thành lập Hội đồng nghiệm thu tài liệu hệ thống đảm bảo chất lượng). Trong kế hoạch thể hiện rõ mục tiêu xây dựng, văn bản tham chiếu để xây dựng, các bước xây dựng và nhiệm vụ cụ thể cho các cá nhân và các đơn vị có liên quan.

Nhà trường, ban hành Chính sách và mục tiêu chất lượng trường (1.7.08. Quyết định số 121/QĐ-CĐCN&TM, ngày 18/6/2021 của Hiệu trưởng nhà trường

về việc ban hành Chính sách chất lượng trường giai đoạn 2021-2026; 1.7.09. Quyết định số 127/QĐ-CĐCN&TM, ngày 25/5/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành MTCL trường năm học 2022-2023; 1.7.10. Quyết định số 233/QĐ-CĐCN&TM, ngày 07/8/2023 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành MTCL trường năm học 2023-2024; 1.7.11. Quyết định số 226/QĐ-CĐCN&TM, ngày 05/7/2024 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành MTCL trường năm học 2024-2025;).

Hệ thống bảo đảm chất lượng trong Nhà trường, đã được xây dựng, điều chỉnh và bổ sung. Hiện tại, Nhà trường rút gọn còn 27 quy trình, gồm có 225 biểu mẫu và 31 Quy chế/quy định/văn bản hướng dẫn thuộc các lĩnh vực quản lý trong Nhà trường (1.7.12 - Quyết định số 274/QĐ-CĐCN&TM, ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành 27 Quy trình/công cụ đảm bảo chất lượng). Lĩnh vực đào tạo có 08 quy trình; Lĩnh vực kiểm định và ĐBCL: có 06 quy trình; Lĩnh vực Quản trị thiết bị 05; Lĩnh vực Tuyển sinh; 01 quy trình; Lĩnh vực công tác HSSV 01; Lĩnh vực Tổ chức Hành chính 06 quy trình.

Việc vận hành Hệ thống bảo đảm chất lượng, Nhà trường thực hiện theo đúng hướng dẫn quy định tại Thông tư 28/2017/TT-BLĐTĐBXH, ngày 15/12/2017. Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện đánh giá nội bộ nhằm xem xét việc thực hiện các quy định, quy trình của các đơn vị (1.7.13. Kế hoạch và chương trình đánh giá nội bộ các năm 2022, 2023, 2024). Kế hoạch, thể hiện rõ mục đích và nội dung đánh giá; thời gian, thành phần, nhiệm vụ và các đơn vị được chọn đánh giá. Trong quá trình đánh giá, các đoàn đánh giá thực hiện đúng các bước: họp khai mạc và bế mạc đánh giá nội bộ (1.7.14. Biên bản bế mạc đánh giá nội bộ các năm 2022, 2023, 2024) và báo cáo tổng kết đánh giá nội bộ (1.7.15. Báo cáo đánh giá nội bộ các năm 2022, 2023, 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hàng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Mô tả phân tích, nhận định:

Công tác đảm bảo chất lượng, luôn được Nhà trường chú trọng, năm 2011 thành lập Phòng Thanh tra Khảo thí và Kiểm định chất lượng; năm 2015 sáp nhập

với phòng công tác HSSV thành Phòng Thanh tra Đào tạo và CT HSSV; năm 2018 tách từ phòng Thanh tra Đào tạo và CT HSSV thành phòng Kiểm định - Đảm bảo chất lượng (1.8.01. Quyết định số 360/QĐ-CDCN&TM-TCHC, ngày 28/8/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc thành lập Phòng Kiểm định - Đảm bảo chất lượng); năm 2021 phòng sáp nhập vào phòng Tổ chức - Hành chính, thành lập tổ trực thuộc phòng (1.8.02. Quyết định số 565/QĐ - CDCN&TM ngày 27/12/2020 về việc thành lập đơn vị trực thuộc phòng, Tổ Kiểm định - Đảm bảo chất lượng thuộc phòng Tổ chức - Hành chính); năm 2023 Tổ Kiểm định - Đảm bảo chất lượng thuộc phòng Tổ chức - Hành chính được tách ra và thành lập Trung tâm Khảo thí - Đảm bảo chất lượng (1.8.03. Quyết định số 123/QĐ-CDCN&TM, ngày 24/4/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc thành lập Trung tâm Khảo thí - Đảm bảo chất lượng); Tháng 6/2024 Trung tâm Khảo thí - Đảm bảo chất lượng Trung tâm Khảo thí - Đảm bảo chất lượng sáp nhập vào phòng Đào tạo thành phòng Quản lý đào tạo. Đội ngũ cán bộ viên chức của bộ phận Khảo thí - Đảm bảo chất lượng có 03 người, trong đó 100% đội ngũ có trình độ từ Đại học trở lên. Từ 01/10/2024 bộ phận chỉ còn 02 người. Hàng năm, Nhà trường ban hành “Nhiệm vụ trọng tâm, các biện pháp thực hiện và Kế hoạch công tác năm học” để các đơn vị triển khai thực hiện. Trên cơ sở đó, đơn vị đã xây dựng các kế hoạch thực hiện trong năm học, bao gồm:

Kế hoạch công tác thanh, kiểm tra giáo dục nghề nghiệp hàng năm (1.8.04. Kế hoạch thanh, kiểm tra giáo dục nghề nghiệp các năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025). Thực hiện chủ yếu vào các nội dung cơ bản như: thanh, kiểm tra việc thực hiện giờ lên lớp của Nhà giáo; công tác tổ chức thi; công tác cấp phát văn bằng, chứng chỉ; Công tác cấp phát vật tư phục vụ Thực hành, thí nghiệm (1.8.05. Biên bản thanh, kiểm tra đào tạo các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Kế hoạch công tác đảm bảo chất lượng, nhằm thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm: Đảm bảo chất lượng bên trong; tự kiểm định; rà soát, xây dựng hoàn thiện hệ thống văn bản thuộc lĩnh quản lý; khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động

đào tạo của Nhà trường (1.8.06. *Kế hoạch đảm bảo chất lượng các năm 2022, 2023, 2024*).

Công tác tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục, hàng năm trường đều thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư 28 /TT-BLĐT BXH, ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (1.8.07. *Kế hoạch tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục các năm 2022, 2023, 2024*), kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục, gồm các bước sau: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng, các nhóm chuyên trách (1.8.08. *Quyết định Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng các năm 2022, 2023, 2024*); Thực hiện tự đánh giá và kiểm định chất lượng theo các tiêu chí, tiêu chuẩn (1.8.09. *Biên bản họp Hội đồng Tự đánh giá các năm 2022, 2023, 2024*); Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng, công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan quản lý cấp trên (1.8.10. *Báo cáo tự đánh giá các năm 2022, 2023, 2024*).

Với chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 89/QĐ-CĐCN&TM, ngày 10/5/2021 của Hiệu trưởng nhà trường về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của các đơn vị thuộc Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại. Như vậy, hàng năm Trung tâm đều hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo chức năng - nhiệm vụ đã được quy định và được Nhà trường công nhận các thành tích đạt được (1.8.11. *Báo cáo tổng kết năm học của đơn vị các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*; 1.8.12. *Quyết định khen thưởng các tập thể, cá nhân đạt thành tích các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: *Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Đảng bộ trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại được chuẩn y theo Quyết định số: 4012/QĐ/ĐUK ngày 19/6/2020 về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ, các chức danh Bí thư, Phó bí thư Đảng ủy Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ VIII (2020 -2025) (1.9.01. *Quyết định số: 4012/QĐ/ĐUK*

ngày 19/6/2020 về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ, các chức danh Bí thư, Phó bí thư Đảng ủy Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ VIII (2020 -2025). Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại cũng được chuẩn y theo Quyết định số: 4028/QĐ/ĐUK ngày 24/6/2020 về việc chuẩn y Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ VIII (2020 -2025) (1.9.02. Quyết định số: 4028/QĐ/ĐUK ngày 24/6/2020 về việc chuẩn y Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ VIII (2020 -2025).

Tháng 4 năm 2022 Ban Chấp hành Đảng bộ có 02 đồng chí chuyển đơn vị công tác, khi đó Ban Chấp hành Đảng bộ còn 05 đồng chí. Đảng bộ trường đã tiến hành kiện toàn Ban Chấp hành Đảng bộ từ nguồn nhân sự tại chỗ trong quy hoạch theo đúng quy trình bổ nhiệm cán bộ (1.9.03. Quyết định số: 1617/QĐ/ĐUK ngày 14/7/2022 về việc Phê duyệt rà soát, bổ sung, đưa ra khỏi quy hoạch cấp ủy và các chức danh trong Đảng ủy Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ VIII (2020 -2025); 1.9.04. Công văn số 3220-CV/ĐUK, ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội về việc kiện toàn Ban Chấp hành Đảng bộ trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ 2020-2025 từ nguồn nhân sự tại chỗ trong quy hoạch; 1.9.05. Thông báo số 181 – TB/ĐUK về việc Phê duyệt Đề án nhân sự Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy và các chức danh trong Đảng ủy, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Đảng ủy trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ 2020-2025; 1.9.06. Quyết định số 1266-QĐ/ĐUK ngày 20 tháng 1 năm 2023 của Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội về việc chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ 2020-2025).

Từ tháng 03/2023 đến tháng 10/2023 Ban Chấp hành Đảng bộ có 01 đồng chí Đảng ủy viên chuyển công tác; 01 đồng chí thôi tham gia cấp ủy đảng do vậy Đảng ủy Trường tiếp tục kiện toàn bổ sung nhân sự vào Ban chấp hành Đảng bộ; Kiện toàn chức danh Bí thư Đảng ủy nhiệm kỳ 2020 – 2025 từ nguồn nhân sự tại chỗ trong quy hoạch theo đúng quy trình bổ nhiệm cán bộ (1.9.03. Quyết định số: 2477/QĐ/ĐUK ngày 19/6/2023 về việc Phê duyệt rà soát, bổ sung,

đưa ra khỏi quy hoạch cấp ủy và các chức danh trong Đảng ủy Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ (2020 -2025 và nhiệm kỳ 2025-2030); 1.9.04. Công văn số 3967-CV/ĐUK, ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội về việc kiện toàn cấp ủy và chức danh Bí thư Đảng ủy trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ 2020-2025 từ nguồn nhân sự tại chỗ trong quy hoạch; 1.9.05. Thông báo số 225 – TB/ĐUK, ngày 09 tháng 1 năm 2024 về việc Phê duyệt nhân sự kiện toàn chức danh Bí thư Đảng ủy Đảng ủy trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ 2020-2025; 1.9.06. Quyết định số 3010-QĐ/ĐUK ngày 8 tháng 1 năm 2024 của Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội về việc chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ 2020-2025; Quyết định số 3083-QĐ/ĐUK ngày 23 tháng 2 năm 2024 của Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội về việc chuẩn y chức vụ Bí thư Đảng ủy trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ 2020-2025.

Đảng bộ Nhà trường được tổ chức thành 2 cấp: Đảng ủy Nhà trường và các chi bộ trực thuộc theo đúng Quy định số 97/QĐ-TW ngày 22/3/2004 của Ban Bí thư khóa IX về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp. Đến tháng 9/2024 Đảng bộ nhà trường có 10 chi bộ trực thuộc, bao gồm 86 đảng viên. (1.9.07. Danh sách đảng viên Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại tính đến tháng 9/2024). Đại hội chi bộ được triệu tập 05 năm hai lần thực hiện đúng theo Điều 24 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam 2011 và theo chỉ đạo của Đảng ủy Khối. (1.9.08. Công văn số 2902 –CV/ĐUK ngày 16/05/2022 về Lãnh đạo Đại hội chi bộ trực thuộc Đảng bộ bộ phận và chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở, nhiệm kỳ 2022-2025; 1.9.09. Quyết định số: 99/QĐ/ĐUCĐCN&TM ngày 1/4/2020 về việc chuẩn y Ban chấp hành, Cấp ủy, Bí thư, Phó bí thư các chi bộ trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ 2020-2022; 1.9.10. Quyết định số: 58/QĐ/ĐUCĐCN&TM ngày 21/9/2022 về việc chuẩn y Ban chấp hành, Cấp ủy, Bí thư, Phó bí thư các chi bộ trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ 2022-2025).

Tháng 6 năm 2024 đảng bộ trường giải thể, sáp nhập và đổi tên một số chi bộ sau khi bộ máy tổ chức trường cơ cấu lại theo Nghị định 120/NĐ-CP ngày 7

tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ (1.9.09. Quyết định số 50/QĐ/ĐUCĐCN&TM ngày 18/06/2024 về việc Thành lập Chi bộ phòng Quản lý đào tạo; Quyết định số 51/QĐ/ĐUCĐCN&TM ngày 18/06/2024 về việc Thành lập Chi bộ phòng Quản lý Học sinh sinh viên; Quyết định số 52/QĐ/ĐUCĐCN&TM ngày 18/06/2024 về việc đổi tên Chi bộ Hành chính – Tài chính thành chi bộ phòng Hành chính tổng hợp).

Trong thời gian qua Đảng bộ Nhà trường thường xuyên bám sát vào sự chỉ đạo của Đảng bộ Khối các Trường Đại học và Cao đẳng Hà Nội, Ban cán sự Đảng Bộ Công thương và căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị để ban hành các văn bản, nghị quyết chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát các chi bộ trực thuộc thực hiện nhiệm vụ (1.9.11. Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ; 1.9.12. Biên bản phân công nhiệm vụ cấp ủy; 1.9.13. Các biên bản họp của Ban chấp hành Đảng bộ; 1.9.14. Các Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Trường).

Hàng tháng, căn cứ vào Nghị quyết Đảng ủy, các văn bản hướng dẫn của các cấp ủy đảng, các chi bộ chủ động nội dung hoạt động của đơn vị mình phù hợp với đặc thù công việc và nhiệm vụ được Nhà trường giao (1.9.15. Biên bản sinh hoạt của các Chi bộ trong nhà trường năm 2022, 2023, 2024).

Trong những năm qua Đảng ủy Nhà trường đã phát huy được vai trò lãnh đạo, chỉ đạo mọi hoạt động của đơn vị, góp phần quan trọng trong việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao, Đảng bộ Trường đã được Đảng ủy khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội đánh giá là “Đảng bộ Hoàn thành tốt nhiệm vụ” năm 2021, 2022. Năm 2023 do đảng bộ trường có 02 đồng chí đảng viên vi phạm kỷ luật mức độ “Khiển trách” nên Đảng bộ trường bị đánh giá xếp loại Tổ chức cơ sở đảng “Không hoàn thành nhiệm vụ” năm 2023. (1.9.16. Quyết định số 1177-QĐ/ĐUK ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Đảng ủy khối các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội về việc xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở Đảng năm 2021; Quyết định số 2080-QĐ/ĐUK ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Đảng ủy khối các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội về việc xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng năm 2022; Quyết định số 3239-QĐ/ĐUK ngày 19 tháng 04 năm 2024 của Đảng ủy khối các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội về việc xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng năm 2023).

Hàng năm Đảng bộ đều tổ chức đánh giá xếp loại các chi bộ và đảng viên theo đúng quy định của cấp trên. Các Tập thể, cá nhân trong đảng bộ có thành tích, được khen thưởng nhằm động viên, khích lệ kịp thời. (1.9.17. Quyết định số 80 ngày 17/12/2021 về việc công nhận Kết quả phân loại tổ chức Đảng và đảng viên các năm 2021, Quyết định số 104 ngày 19/12/2022 về việc công nhận Kết quả phân loại tổ chức Đảng và đảng viên các năm 2022, Quyết định số 114 ngày 21/12/2023 về việc công nhận Kết quả phân loại tổ chức Đảng và đảng viên các năm 2023; 1.9.18. Quyết định số 81 ngày 17/12/2021 về việc khen thưởng tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021; Quyết định số 105 ngày 19/12/2022 về việc khen thưởng chi bộ, đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2022, Quyết định số 115 ngày 21/12/2023 về việc khen thưởng chi bộ, đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2023).

Đảng bộ Nhà trường cũng luôn chú trọng đến công tác phát triển Đảng, từ năm 2021 đến tháng 9/2024 đã cử 07 quần chúng ưu tú là cán bộ, giáo viên, HSSV đi học các lớp bồi dưỡng kết nạp Đảng và tổ chức kết nạp cho 05 quần chúng ưu tú vào Đảng (Năm 2021 kết nạp 02 Đảng viên; năm 2022 kết nạp 03 đảng viên). (1.9.19. Danh sách Quần chúng đi học lớp nhận thức về đảng và danh sách quần chúng được kết nạp đảng 2021, 2022, 2023).

Hàng năm Đảng ủy cũng xây dựng dự thảo báo cáo kiểm điểm công tác lãnh đạo, chỉ đạo của tập thể Đảng ủy, trong đó đánh giá những mặt làm được, mặt tồn tại hạn chế và đề ra phương hướng, giải pháp thực hiện năm tiếp theo. Sau đó tổ chức hội nghị BCH Đảng bộ có sự tham dự của các ban Đảng của Đảng ủy cấp trên để tham gia ý kiến đóng góp đối với dự thảo báo cáo trước khi ban hành (1.9.20. Báo cáo công tác xây dựng Đảng các năm 2021, 2022, 2023); (1.9.21. Báo cáo kiểm điểm công tác lãnh chỉ đạo của Đảng ủy Nhà trường các năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 1: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Các tổ chức đoàn thể của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại gồm có tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Ban nữ công, Ban nữ công quần chúng hoạt động theo đúng điều lệ và quy định của pháp luật.

- Công đoàn:

Công đoàn Trường hiện có 12 Tổ công đoàn với 127 đoàn viên, 127 đoàn viên chiếm 100% cán bộ giáo viên và nhân viên của Trường trong đó có 66 nữ. Ban chấp hành công đoàn cơ sở đã được công nhận tại Quyết định số 161/QĐ-CDCT ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc công nhận Ban Chấp hành gồm 7 đồng chí, Ủy ban kiểm tra gồm 03 đồng chí. Quyết định số 162/QĐ-CDCT ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc công nhận các chức danh trong Ban chấp hành, Ủy ban kiểm tra Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại khoá X, nhiệm kỳ 2023 – 2028;. Trường có Ban nữ công quần chúng được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 6 năm 2023. Hàng tháng đều có tổ chức sinh hoạt thường kỳ, có báo cáo theo quy định của Điều lệ Công đoàn (1.10.01. Quyết định số 161/QĐ-CDCT ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc công nhận Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại khoá X, nhiệm kỳ 2023 – 2028; Quyết định số 162/QĐ-CDCT ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc công nhận các chức danh trong Ban chấp hành, Ủy ban kiểm tra Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại khoá X, nhiệm kỳ 2023 – 2028; 1.10.02. Quyết định số 61/QĐ – CDCN&TM – CD ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc công nhận kết quả bầu Tổ trưởng, Tổ phó, Ủy viên các tổ công đoàn; 1.10.03- Quyết định Số: 160/QĐ- CDCN&TM-CD, ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc ban hành quy chế làm việc của Ban chấp hành Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại lần thứ X nhiệm kỳ 2023-2028. Quyết định số 161/QĐ-CDCN&TM – CD ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc ban hành Quy chế thu, chi và quản lý Tài chính của Công đoàn trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại khoá X, nhiệm kỳ 2023-2028).

Hàng năm Công đoàn Trường có nhiều chương trình hoạt động như: Tổ chức Hội thao chào mừng các ngày lễ lớn như 30/4, 1/5, ngày 20/11; tổ chức luyện tập,

thi đấu thể thao chào mừng ngày lễ lớn (1.10.04- Các Kế hoạch hoạt động của Công đoàn trường các năm 2022, 2023, 2024).

Hưởng ứng các phong trào, các hoạt động do Công đoàn Công thương tổ chức, phát động: Các hoạt động tuyên truyền phòng chống ma túy, triển khai thực hiện cuộc vận động “Cán bộ , công chức, viên chức nói không với tiêu cực”, “Thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”, Các hoạt động hưởng ứng “Ngày môi trường thế giới “Tháng hành động môi trường”; “Tháng công nhân”, “Tết sum vầy”, ủng hộ đồng bào bị thiên tai bão lũ...

Ban Nữ công quần chúng của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại được thành lập theo Quyết định số 154/QĐ-CĐCN&TM-CĐ ngày 22/05/2023 (1.10.05. Quyết định số 154/QĐ-CĐCN&TM-CĐ ngày 22/05/2023 về việc thành lập Ban Nữ công quần chúng, nhiệm kỳ 2023-2028). Ban nữ công đã phát huy vai trò trong việc tuyên truyền giáo dục, triển khai, vận động hội viên tích cực hưởng ứng tham gia các hoạt động và phong trào thi đua và đạt được nhiều kết quả thiết thực như: thực hiện phong trào; 5 không, 3 sạch; “4 xin, 4 luôn”, phong trào thi đua hai tốt: “Giỏi việc nước - Đảm việc nhà”, tuyên truyền giáo dục triển khai Luật bình đẳng giới, Luật phòng chống bạo lực gia đình, tổ chức sinh hoạt chuyên đề với nhiều nội dung phong phú, qua đó trang bị các kiến thức gia đình và xã hội cần thiết cho các hội viên. Đồng thời, Ban cũng tích cực chủ động xây dựng và triển khai các hoạt động, tổ chức tốt việc chăm lo cho con em cán bộ nhân ngày Quốc tế thiếu nhi và tết Trung thu, quan tâm hỗ trợ hoạt động các câu lạc bộ thể thao, tổ chức các chương trình văn nghệ, chương trình tham quan thực tế, tiếp tục thực hiện tốt, chu đáo việc hiếu liên quan đến ĐVCD, NLD,... các hoạt động này góp phần quan trọng tạo khối đoàn kết nội bộ, tạo sự đồng thuận của cán bộ, ĐVCD, NLD trong Nhà trường.

(1.10.06: Kế hoạch số 666/KH-CĐCN&TM, ngày 24/10/2021 “Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Giỏi việc trường - Đảm việc nhà” trong nữ cán bộ, nhà giáo và lao động giai đoạn 2021-2025”; Kế hoạch số 462/CĐCN&TM – CĐ ngày 03/10/2022 về việc tổ chức hoạt động chào mừng ngày phụ nữ Việt Nam 20/10/2022; Kế hoạch số 365/KH-CĐCN&TM ngày 16/08/2021 Kế hoạch hoạt

động Nữ công năm 2021 - 2022; Kế hoạch số 375/KH-CĐCN&TM ngày 16/08/2022 Kế hoạch hoạt động Nữ công năm 2022-2023; Kế hoạch số 93/CĐCN&TM – CĐ ngày 02/03/2023 về việc tổ chức hoạt động chào mừng ngày quốc tế phụ nữ 8/3 năm 2023; Kế hoạch số 102/KH-CĐCN&TM ngày 06/03/2023 Kế hoạch hoạt động Nữ công năm 2023 - 2024; Chương trình phát động phong trào thi đua Hai tốt: “Giỏi việc nước - Đảm việc nhà” trong nữ CNVCLĐ năm học 2023-2024. Kế hoạch số 510/CĐCN&TM – CĐ ngày 13/10/2023 về việc tổ chức hoạt động chào mừng ngày phụ nữ Việt Nam 20/10/2023; Kế hoạch số 54/KH-CĐCN&TM ngày 22/02/2024 Kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm công tác Nữ công năm 2024; Kế hoạch số 50/CĐCN&TM – CĐ ngày 20/02/2024 về việc tổ chức hoạt động chào mừng ngày quốc tế phụ nữ 8/3 năm 2024; Thông báo số 61/TB-CĐCN&TM, ngày 28 tháng 2 năm 2024 về Phát động “Tuần lễ Áo dài” năm 2024; Thông báo số 234/TB-CĐCN&TM, ngày 29 tháng 5 năm 2024 về Khen thưởng con của Đoàn viên công đoàn đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện năm học 2023 - 2024 nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6.

Hàng năm Ban tổ chức Tổng kết, rút kinh nghiệm và lên xây dựng chương trình hành động cho năm kế tiếp. (1.10.7. Báo cáo số 726/BC-CĐ ngày 22/12/2021 về việc tổng kết phong trào nữ CNVCLĐ năm 2021 và xây dựng chương trình công tác năm 2022); Báo cáo số 600/BC-CĐ ngày 19/12/2022 về việc tổng kết phong trào nữ CNVCLĐ năm 2022 và xây dựng chương trình công tác năm 2023. Báo cáo số 591/BC-CĐ ngày 07/12/2023 về việc tổng kết phong trào nữ CNVCLĐ năm 2023 và xây dựng chương trình công tác năm 2024).

Đoàn trường đã tập hợp được đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia các hoạt động khơi dậy tính sáng tạo và lý tưởng cách mạng. Với đặc điểm phần lớn đoàn viên, thanh niên là HSSV nên các hoạt động của Đoàn đều hướng về chủ đề học tập, rèn luyện để ngày mai lập thân lập nghiệp. Thông qua các hoạt động nhằm giúp HSSV có định hướng đúng trong học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức để sau khi tốt nghiệp ra trường có thể tìm việc làm hoặc tự tạo việc làm. Đoàn trường cũng đã tổ chức tốt các hoạt động ngoại khóa cho ĐVTN như văn hóa văn nghệ, TDTT; tham gia tốt các hoạt động tình nguyện hè, hiến máu nhân đạo hàng năm... Công

tác tập hợp thanh niên, giáo dục truyền thống có những chuyển biến tích cực. Đoàn trường luôn đạt thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên do Trung ương Đoàn, Tỉnh đoàn Vĩnh Phúc và Đoàn Thành phố phát động.

+ Năm học 2022-2023, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ chí Minh trường tổ chức các hoạt động như: Giải thể thao chào mừng năm học mới(Số 459-KH/CĐCN&TM-ĐTN), kế hoạch tổ chức tổ chức văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11(Số 501/KH-CĐCN&TM); Kế hoạch chào mừng ngày Thành lập Đoàn 26/3(Số 82/KH-CĐCN&TM); Kế hoạch tham gia thi Bóng chuyền hơi chào mừng kỷ niệm 91 năm thành lập đoàn (số 99/KH-ĐTN); Kế hoạch thi Bóng chuyền hơi Học sinh, sinh viên cụm các trường CĐ, ĐH Thành phố Phúc Yên(Số 188-ĐTN); Kế hoạch tổ chức bình chọn danh hiệu Học sinh 3 rèn luyện và sinh viên 5 tốt cấp trường năm 2022. đien(Số 238/KH-CĐCN&TM); Kế hoạch tổ chức tổ chức chương trình “Tiếp sức mùa thi năm 2022”(Số 268/KH-CĐCN&TM-ĐTN); Kết quả đã đạt được: Được giấy khen của UBND Thành phố phúc Yên trao tặng cho tập thể Đoàn hoàn thành xuất sắc phong trào năm học; Được Hội Liên hiệp Thanh niên việt Nam trao tặng Bằng khen cá nhân tiêu biểu năm. Tổ chức hoạt động thể thao chào mừng năm học mới, chương trình văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; hoạt động chào mừng ngày truyền thống HSSV 9/1; hoạt động chào mừng tháng Thanh niên 26/3; Tổ chức chương trình Tiếp sức mùa thi và tổ chức chương trình tri ân người có công với cách mạng 27/2. Kết quả đã đạt được: Được giấy khen của UBND Thành phố Phúc Yên trao tặng cho tập thể Đoàn hoàn thành xuất sắc phong trào năm học; Được Hội Liên hiệp Thanh niên việt Nam trao tặng Bằng khen cá nhân tiêu biểu năm.

+ Năm học 2023-2024, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ chí Minh trường tổ chức các hoạt động như: Kế hoạch chào mừng ngày Thành lập Đoàn 26/3(Số 88/KH-CĐCN&TM); Kế hoạch tham gia giải TDTT “Mừng xuân Giáp Thìn” Thành phố Phúc Yên (Số 21 - ĐTN); Kế hoạch tổ chức chương trình Talkshow “mở ra cơ hội nghề nghiệp” (Số 590/KH-CĐCN&TM); Kế hoạch tổ chức tổ chức chương trình “Tiếp sức mùa thi năm 2024”(Số 239/KH-CĐCN&TM-ĐTN); Tổ chức hoạt động thể thao chào mừng năm học mới, chương trình văn nghệ chào

mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; hoạt động chào mừng ngày truyền thống HSSV 9/1; hoạt động chào mừng tháng Thanh niên 26/3; Tổ chức chương trình Tiếp sức mùa thi và tổ chức chương trình tri ân người có công với cách mạng 27/7.

Kết quả đã đạt được: Nhận giấy khen của BCH Đoàn Thành phố phúc Yên trao tặng cho tập thể Đoàn có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu niên trong năm học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 1: 1 điểm

chuẩn 11: *Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định. Đồng thời, hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát. (1.11.01. Quy định về việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường); Ban hành Quyết định về đối tượng và các nội dung giám sát. (1.11.02. Quy định các đối tượng, nội dung kiểm tra, giám sát). Quyết định công nhận Ban Thanh tra nhân dân của Công đoàn trường (1.11.03. Quyết định công nhận Ban Thanh tra nhân dân)

Nội dung kiểm tra của Ban TTND như: kiểm tra việc thực hiện các quy chế trong đơn vị, kiểm tra và giám sát kết quả thực hiện Nghị quyết hội nghị CBVC, kiểm tra về công tác tài chính kế toán, kiểm tra công tác quản lý sử dụng thiết bị, kiểm tra về công tác chăm lo quyền lợi, chế độ, chính sách đối với người lao động, kiểm tra về công tác thực hành tiết kiệm, chống tham ô lãng phí, quan liêu trong đơn vị,... (1.11.04. Kế hoạch hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân năm 2022, 2023, 2024); Các nội dung hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân được công bố công khai đến cán bộ viên chức Nhà trường. (1.11.05. Báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân năm 2022, 2023, 2024);

Bên cạnh đó, Nhà trường thường xuyên tổ chức kiểm tra các hoạt động khác như: kiểm tra công tác tài chính, quỹ tiền mặt đột xuất, hàng quý, kiểm tra sổ theo dõi trang thiết bị văn phòng hàng năm, kiểm tra cơ sở vật chất thường xuyên và định kỳ. (1.11.06. Quyết định thành lập Ban Kiểm kê tài sản năm 2022, 2023,

2024);

Ủy ban kiểm tra Đảng ủy nhà trường cũng triển khai các hoạt động theo thẩm quyền về kiểm tra, giám sát các hoạt động. (1.11.07. Kế hoạch kiểm tra giám sát của UB KT Đảng ủy năm 2022, 2023, 2024. 1.11.08. Các biên bản kiểm tra giám sát của UB KT Đảng ủy năm 2022, 2023, 2024).

Qua các đợt kiểm tra, Nhà trường đã thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra trước hội nghị cán bộ - viên chức. Ngoài việc kiểm tra thường xuyên và định kỳ trong nội bộ, Trường còn được nhiều Đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát của cấp trên kiểm tra đánh giá các mặt hoạt động của Trường. Căn cứ kết luận của các Đoàn thanh tra, kiểm tra, Nhà trường đã đề ra giải pháp khắc phục thiếu sót, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả các mặt hoạt động của đơn vị như:

Ngoài ra, mỗi cán bộ, viên chức, nhân viên tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong tháng là một trong những nội dung cải tiến phương pháp và công cụ kiểm tra của Nhà trường.

Thông qua việc cải tiến các phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát trong các hoạt động, Nhà trường đã kịp thời giải quyết, xử lý những vấn đề bức xúc của học sinh sinh viên; kết quả thực hiện nhiệm vụ của các phòng ban, chất lượng dạy và học có nhiều chuyển biến rõ nét.

Phòng Hành chính tổng hợp, Ban Thanh tra nhân dân xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát cụ thể và thực hiện theo đúng tiến độ đã đề ra; quá trình thực hiện minh bạch, rõ ràng, công khai, tạo được niềm tin cho CBGV và HSSV. Nhà trường đã có nhiều cải tiến công cụ kiểm tra và áp dụng có hiệu quả các phương pháp thanh tra, kiểm tra. (1.11.07. Kế hoạch hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân năm 2022, 2023, 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi đối với các đối tượng được thụ hưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại căn cứ các văn bản quy định, hướng

dẫn của Nhà nước như Quy định Thông tư 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ ưu đãi đối với học sinh, sinh viên. . . , để xây dựng văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện các chế độ ưu đãi đối với học sinh sinh viên (1.12.01. Các văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách ưu đãi đối với HSSV năm 2022, 2023, 2024); và người lao động theo quy định của nhà nước. (1.12.02. Các văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách ưu đãi đối với CBVC năm 2022, 2023, 2024).

Định kỳ hàng năm, Nhà trường đều có lập dự toán các khoản chi cho các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi như học sinh sinh viên thuộc hộ nghèo, con của người có công với cách mạng, học sinh sinh viên khuyết tật, con của người bị ảnh hưởng bởi chất độc da cam,. . . Sau khi kết thúc năm học, Nhà trường đều có báo cáo và hồ sơ lưu trữ đầy đủ. (1.12.03. Danh sách sinh viên được miễn giảm học phí năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025);

Trong tất cả các văn bản của trường có liên quan đến người học như thông báo tuyển sinh, quy định về chính sách ưu tiên, khen thưởng,... không có các nội dung phân biệt về giới tính, thể hiện sự nhất quán trong chính sách của Nhà trường là nam nữ bình quyền.

Nhà trường cũng đã có văn bản quy định về tiêu chuẩn, điều kiện đặc thù đối với nữ để thực hiện chính sách ưu tiên trong từng công việc, vị trí cụ thể đối với nhà giáo. Cụ thể, điểm b và c khoản 4 điều 8 trong Quy định chế độ làm việc của giảng viên trường có nêu: “... b) Giảng viên là nữ có con nhỏ dưới 12 tháng tuổi được giảm 15% định mức giờ giảng; c) Giảng viên trong thời gian thai sản, chữa bệnh dài ngày được giảm định mức giờ giảng theo tỷ lệ tương ứng giữa thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội với thời gian phải thực hiện công tác giảng dạy được quy định...”. Thực hiện chính sách đối với giáo viên giảng dạy các nghề độc hại. (1.12.04. Bảng tổng hợp giờ giảng dạy mô đun nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm).

Thực hiện chính sách về công tác phụ nữ theo quy định, Nhà trường thành lập Ban vì sự tiến bộ của Phụ nữ và ban đã hoạt động hiệu quả. (1.12.05. Quyết định số “V/v Kiện toàn Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ kèm theo phân

công nhiệm vụ các thành viên Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ). (1.12.06. Các kế hoạch và báo cáo "Vì sự tiến bộ Phụ nữ năm 2022, 2023, 2024). Cơ cấu cán bộ chủ chốt là nữ đảm bảo tỷ lệ (1.12.07. Danh sách cán bộ chủ chốt giai đoạn 2016 - 2021 và danh sách nguồn quy hoạch 2021-2026). Nhà trường cũng quan tâm đến CBVCNLD nữ và tổ chức các sự kiện nhân ngày Phụ nữ Việt Nam 20.10, ngày Quốc tế Phụ nữ 8.3. (1.12.08. Quyết định tặng quà cho nữ CBGV-CNV ngày 8/3 và 20/10).

Nhà trường đã thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ chính sách đối với HSSV theo quy định. Ngoài ra, Nhà trường còn đẩy mạnh các hoạt động xã hội để giúp đỡ HSSV gặp khó khăn. HSSV được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao để rèn luyện sức khỏe, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Sau khi ra trường, HSSV được hỗ trợ tư vấn việc làm, được giải quyết các thủ tục, hồ sơ theo đúng quy định. Bên cạnh đó, Nhà trường còn thực hiện tốt các chính sách ưu tiên đối với cán bộ nữ trong thực hiện nhiệm vụ, trong bổ nhiệm vị trí công tác, nhất là đối với nữ nhà giáo, nữ cán bộ quản lý phòng, khoa.

Tuy vậy, kinh phí thực hiện các chế độ chính sách đối với HSSV còn hạn chế; Trường chưa có trạm y tế riêng, biên chế cán bộ y tế thiếu ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc sức khỏe cho HSSV; việc giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp còn gặp nhiều khó khăn. Nhà trường chưa có báo cáo của trường về việc thực hiện nữ được quyền lựa chọn và việc ưu tiên nữ đối với nhà giáo, cán bộ quản lý khoa/đơn vị phụ trách việc thực hiện các chương trình đào tạo hằng năm.

Từ năm học 2020-2021: Nhà trường sẽ triển khai thực hiện tốt hơn nữa các chế độ chính sách đối với HSSV; Đẩy mạnh các hoạt động VHVN, TDTT cũng như nâng cao hơn nữa chất lượng chăm sóc sức khỏe cho HSSV; Phát huy vai trò của Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên trong việc giáo dục kỹ năng mềm, tư vấn nghề nghiệp và giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp.

Xây dựng các văn bản quy định cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện đặc thù đối với nữ để thực hiện tốt hơn nữa chính sách ưu tiên trong từng công việc, vị trí công tác đối với nhà giáo, cán bộ quản lý khoa, phòng là nữ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 1: 1 điểm

3.2.2. Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát

Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại đào tạo ba cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp. Trong quá trình tuyển sinh nhà trường luôn thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và đã ban hành Quy chế tuyển sinh riêng phù hợp với điều kiện của trường. Việc đa dạng hóa các phương thức đào tạo luôn được nhà trường quan tâm, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người học cũng như nhu cầu của thị trường lao động. Để đảm bảo chất lượng của các cấp độ đào tạo, nhà trường đặc biệt chú trọng đến công tác quản lý tại các phòng ban và nâng cao chất lượng giảng dạy tại các Khoa, Bộ môn. Với những nỗ lực của Hiệu trưởng và đội ngũ giáo viên, cán bộ công nhân viên đã mang lại hiệu quả cao trong hoạt động dạy và học.

Cùng với việc xây dựng chương trình và đào tạo các nghề Quản trị mạng máy tính, Tin học ứng dụng, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Quản trị lễ tân, Kế toán doanh nghiệp, Phiên dịch tiếng Nhật kinh tế và thương mại ... Nhà trường hiện nay còn chú trọng đầu tư chiều sâu vào 6 nghề trọng điểm như: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Nghiệp vụ lễ tân, Quản trị mạng máy tính, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí.

Bên cạnh đó việc triển khai thực hiện nghiêm túc các loại biểu mẫu sổ sách theo quy định được nhà trường chú trọng, chính vì vậy Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận Thanh tra đào tạo thường xuyên tổ chức kiểm tra công tác giám sát, thanh kiểm tra đào tạo, công tác tuyển sinh; công tác giảng dạy của giáo viên để điều chỉnh và xây dựng các biện pháp hữu hiệu nhất nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy theo kế hoạch năm học, hạn chế những hiện tượng tiêu cực.

Ngoài công tác quản lý và tổ chức đào tạo trong quá trình đào tạo, công tác lưu trữ và cấp phát bằng nghề, chứng chỉ nghề được tổ chức nghiêm túc chặt chẽ, đúng quy trình và quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Nhìn chung các hoạt động dạy và học được dựa trên mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo đã được phê duyệt, triển khai kế hoạch đào tạo đúng tiến độ và có hiệu quả; kết quả tốt nghiệp được thực hiện đúng theo quy chế thi, kiểm tra, xét lên lớp, xét tốt nghiệp, đảm bảo đánh giá chính xác, khách quan, phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của từng mô đun, môn học.

Công tác tuyển sinh thực hiện công khai, minh bạch trên các phương tiện thông tin như online thông qua các kênh quảng cáo, facebook, tin nhắn thương hiệu, thông báo tuyển sinh được phát rộng rãi, tham gia tư vấn tuyển sinh, ngày hội việc làm với các đơn vị sử dụng lao động.

Công tác tổ chức thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp theo đúng hướng dẫn của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp, việc đánh giá chỉ tiêu kết quả rèn luyện HSSV đảm bảo chính xác, trung thực và khách quan.

Các hoạt động dạy và học đã thể hiện tính ổn định và phát triển của nhà trường trong đào tạo nguồn nhân lực cho thị trường lao động

Nhà trường đã thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo, với phương thức dạy nghề dài hạn tập trung, đào tạo theo địa chỉ để đáp ứng yêu cầu của người học, người sử dụng lao động.

Để đảm bảo chất lượng trong quá trình dạy và học, kế hoạch đào tạo được nhà trường xây dựng và thực hiện nghiêm túc, phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Nhà trường đã có chủ trương và thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của môn học.

Đồng thời nhà trường cũng có những chính sách khuyến khích cán bộ, giáo viên làm đề tài nghiên cứu khoa học về mô hình dạy học để tăng thêm thiết bị dạy học nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong quá trình dạy và học. Chất lượng đào tạo đã ngày càng được nâng cao, phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ của sản xuất, từng bước tiếp cận với phát triển của khu vực.

Công tác dạy và học được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; việc tuyển sinh đúng thủ tục, đúng quy định của Nhà nước, đa dạng hoá hình thức tổ chức; chương trình đào tạo theo yêu cầu đào tạo gắn với việc làm, đào tạo theo nhu cầu của người học và xã hội.

** Những tồn tại*

Kết quả tuyển sinh hàng năm các ngành nghề đào tạo của trường thường không đạt so với chỉ tiêu tuyển sinh và chỉ tập trung ở một số ngành nghề, có ngành nghề không tuyển được học sinh, sinh viên, không thành lập được lớp vì số học sinh đăng ký tuyển sinh ít.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Định kỳ 3 năm, nhà trường phải rà soát lại các ngành nghề tuyển sinh của trường, hủy đăng ký một số ngành nghề không tuyển được; Hàng năm nhà trường phải thực hiện đúng quy định về tuyển sinh, xác định đúng chỉ tiêu tuyển sinh và cố gắng tuyên truyền tuyển đủ chỉ tiêu các ngành nghề khó tuyển. Đồng thời trong những năm tới Nhà trường nghiên cứu thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

Điểm đánh giá tiêu chí 2:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
----------------------	------------------

Tiêu chí 2	16
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	0
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1
Tiêu chuẩn 16	1
Tiêu chuẩn 17	1

Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cụ thể:

Năm 2022, Nhà trường rà soát hủy, giảm, bổ sung quy mô tuyển sinh một số ngành, nghề cho phù hợp với điều kiện tuyển sinh thực tế của Nhà trường và được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp ngày 7/7/2022.

Năm 2023, Nhà trường đăng ký bổ sung mở rộng về quy mô đào tạo nghề Điện công nghiệp tại Cơ sở 2 xã Minh trí, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, tại trung tâm GDNN-GDTX huyện Tam Đảo và trung tâm GDNN-GDTX huyện Lập Thạch cho phù hợp với điều kiện tuyển sinh thực tế của Nhà trường và được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/ GCNĐKBS-TCGDNN cấp ngày 31/7/2023.

Các cơ sở, địa điểm đào tạo theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp gồm:

Cơ sở 1: Tại Phường Trung Nhi, Phúc Yên, Vĩnh Phúc

Cơ sở 2: Tại xã Minh trí, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

Cơ sở 3: Tại Xã Nam Viêm, Phúc Yên, Vĩnh Phúc

Một số nghề đào tạo trình độ trung cấp đào tạo tại các Trung tâm GDNN-GDTX các huyện của tỉnh Vĩnh Phúc gồm: Vĩnh Tường, Lập Thạch, Tam Dương, Yên Lạc, Tam Đảo.

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo			Cơ sở/địa điểm đào tạo
		CD	TC	SC	
1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	40	60		Cơ sở 2
2	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	30			Cơ sở 3
3	Công nghệ ô tô	25	130	20	Cơ sở 2 Trung tâm GDNN -GDTX Vĩnh Tường (45) Trung tâm GDNN -GDTX Lập Thạch (40)
4	Điện công nghiệp	80	370	20	Cơ sở 2 (50) Cơ sở 3 (150) Trung tâm GDNN -GDTX Yên Lạc (70) Trung tâm GDNN -GDTX Lập Thạch (50) Trung tâm GDNN -GDTX Tam Đảo (50)
5	Điện tử công nghiệp	60	195		Cơ sở 3 Trung tâm GDNN -GDTX Tam Dương (30) Trung tâm GDNN -GDTX Lập Thạch (25) Trung tâm GDNN -GDTX Tam Đảo (50)
6	Hàn		50	40	Cơ sở 2 Trung tâm GDNN -GDTX Vĩnh Tường (25)

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo			Cơ sở/địa điểm đào tạo
		CD	TC	SC	
					Trung tâm GDNN -GDTX Lập Thạch (25)
7	Kế toán doanh nghiệp	30	40	60	Cơ sở 3
8	Khai thác mỏ			200	Cơ sở 2
9	Khoan thăm dò địa chất		30	20	Cơ sở 2
10	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí		100		Cơ sở 3
11	Quản trị lễ tân, Nghệ vụ lễ tân	25	50	40	Cơ sở 3 Trung tâm GDNN -GDTX Lập Thạch (30)
12	Nghệ vụ lưu trú			40	Cơ sở 3
13	Nghệ vụ nhà hàng			40	Cơ sở 3
14	Phiên dịch tiếng Nhật kinh tế, thương mại	100			Cơ sở 3
15	Quản trị mạng máy tính	25	155	25	Cơ sở 1 Trung tâm GDNN -GDTX Yên Lạc (70) Trung tâm GDNN -GDTX Vĩnh Tường (60)
16	Tiện			40	Cơ sở 2
17	Tiếng Hàn Quốc	30			Cơ sở 3
18	Tin học ứng dụng		25		Cơ sở 1
19	Tin học văn phòng			25	Cơ sở 1
20	Trắc địa - Địa chính			40	Cơ sở 2
	Tổng	445	1205	610	

Cho đến thời điểm hiện tại, tất cả các ngành, nghề đào tạo của trường được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (1.2.01. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/GCNĐKBS-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 66/2024/GCNĐKHĐ-TCGDNN).

Từ năm 2021, cùng với việc rà soát, điều chỉnh, xây dựng các chương trình đào tạo, phòng Quản lý đào tạo xây dựng kế hoạch và tham mưu với Hiệu trưởng thành lập các Ban rà soát, điều chỉnh, xây dựng thẩm định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp đối với các ngành/ngành được giao đào tạo (2.1.01. Kế hoạch rà soát, điều chỉnh, xây dựng khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp năm 2021; 2.1.02. Quyết định của Hiệu trưởng về thành lập Ban rà soát, điều chỉnh, xây dựng khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp năm 2021; 2.1.03. Quyết định của Hiệu trưởng thành lập Hội đồng thẩm định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp năm 2021). Chuẩn đầu ra các ngành, nghề đào tạo của trường được ban hành theo Quyết định số 86/QĐ-CĐCN&TM ngày 4/5/2021 (2.1.04. Quyết định về việc ban hành “Chuẩn đầu ra cho các ngành đào tạo trình độ cao đẳng và trình độ trung cấp năm 2021”). Trường đã công bố công khai chuẩn đầu ra cho tất cả các chương trình đào tạo để HSSV và xã hội biết (2.1.05. <https://coit.edu.vn/chuan-dau-ra>).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để thực hiện công tác tuyển sinh đúng theo quy định của Bộ LĐTBXH. Nhà trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh, căn cứ vào Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 7/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Cụ thể như sau:

Năm 2022, Trường đã xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh số 04/QĐ-CĐCN&TM ngày 7/1/2022.

Năm 2023, Trường đã xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh số 24/QĐ-CĐCN&TM ngày 10/1/2023.

Năm 2024, Trường đã xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh số 405/QĐ-CĐCN&TM ngày 29/12/2024 (2.2.01. Quyết định của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022, 2023, 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã ban hành quy chế tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo

quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan, không có phản ánh hoặc khiếu nại về công tác tuyển sinh.

Bộ phận Tuyển sinh thuộc phòng Quản lý học sinh, sinh viên thực hiện tham mưu với Nhà trường trong việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh dựa trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN, tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa của từng ngành, nghề đào tạo; cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo đảm bảo theo quy định tại Thông tư 05/2021/TT-BLĐTĐ ngày 7/7/2021 về việc quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng. Cuối mỗi năm, Hội đồng tuyển sinh nhà trường họp đánh giá kết quả công tác tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh của năm sau (1.2.01. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNĐKHD-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/GCNĐKBS-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 66/2024/GCNĐKHD-TCGDNN; 2.3.01. Báo cáo tổng kết tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023; 2.3.02. Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024) và làm công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh với Bộ Công Thương (2.3.03. Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh của Trường năm 2022, 2023, 2024).

Trên cơ sở chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm đã được xác định, Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh cụ thể hóa quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công tác tuyển sinh, thành lập Hội đồng tuyển sinh và xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm (2.2.01. Quyết định của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022, 2023, 2024; 1.6.02. Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024; 2.3.04. Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban thư ký hội đồng tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024; 2.3.05. Kế hoạch tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024).

Nhà trường đã triển khai tổ chức tư vấn tuyển sinh công khai, rộng rãi đến các đối tượng có nhu cầu học nghề, các trường THPT, THCS trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận. Hồ sơ đăng ký dự tuyển vào trường thông qua đăng ký trực tuyến trên website nhà trường hoặc nộp trực tiếp tại bộ phận tuyển sinh, giới thiệu việc làm của Nhà trường (2.3.06. Thông báo tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024; 2.3.07. Hồ sơ xét tuyển năm 2022, 2023, 2024; 2.3.08. <https://coit.edu.vn/tuyen-sinh>).

Ban Thư ký hội đồng tuyển sinh sau khi tổng hợp hồ sơ dự tuyển sẽ lập danh sách thí sinh dự tuyển được theo từng nghề và báo cáo Hội đồng tuyển sinh họp thống nhất tiêu chí xét tuyển, lập danh sách thí sinh trúng tuyển và niêm yết công khai tại bảng tin nhà trường (2.3.09. Danh sách thí sinh dự tuyển theo từng nghề năm 2022, 2023, 2024; 2.3.10. Danh sách HSSV đủ điều kiện dự xét tuyển năm 2022, 2023, 2024;

2.3.11. Biên bản họp HĐTS công nhận kết quả trúng tuyển năm 2022, 2023, 2024;
2.3.12. Danh sách học sinh, sinh viên trúng tuyển năm 2022, 2023, 2024; 2.3.13.
Quyết định công nhận trúng tuyển năm 2022, 2023, 2024).

Sau khi các thí sinh thực hiện đầy đủ các thủ tục hồ sơ và làm thủ tục nhập học hoàn tất, bộ phận tuyển sinh phòng Quản lý HSSV tham mưu quyết định tiếp nhận, phân lớp và lập trích ngang HSSV trình Hiệu trưởng phê duyệt (2.3.14. Quyết định thành lập các lớp năm 2022, 2023, 2024).

Hàng năm, sau khi kết thúc tuyển sinh, Nhà trường thành lập Ban hậu kiểm tuyển sinh do thầy Hiệu trưởng hoặc phó Hiệu trưởng làm trưởng ban, thành viên là đại diện các đơn vị phòng Quản lý HSSV, phòng Quản lý đào tạo. Ban Hậu kiểm tuyển sinh có kế hoạch kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra công tác tuyển sinh về hồ sơ xét tuyển, trúng tuyển, chuyển ngành, phân lớp. Công tác tuyển sinh của nhà trường được thực hiện theo đúng quy định, không có đơn thư khiếu nại, phản ánh về công tác tuyển sinh của nhà trường (2.3.15. Kế hoạch hậu kiểm công tác tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023; 2.3.16. Quyết định thành lập Ban Hậu kiểm công tác tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023; 2.3.17. Báo cáo kết quả hậu kiểm công tác tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện tại Nhà trường đang thực hiện một phương thức đào tạo theo hình thức tích lũy mô đun, tín chỉ. Điều này thể hiện rõ trong quy chế đào tạo và các văn bản đào tạo của trường (2.4.01. Quyết định số 68/QĐ-CĐCN&TM ngày 17/5/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng và trung cấp hệ chính quy theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; 2.4.02. Quyết định số 121/QĐ-CĐCN&TM-ĐT ngày 11/3/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp; 2.4.03. Kế hoạch đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.4.04. Tiến độ giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Do vậy, Nhà trường chưa đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 0 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định của nhà trường.

100% chương trình đào tạo của Nhà trường có Quyết định ban hành đảm bảo đúng theo quy định và được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp phép (1.2.01. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNĐKHD-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/GCNĐKBS-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 66/2024/GCNĐKHD-TCGDNN; 2.5.01. Các chương trình đào tạo của trường năm 2021, 2022).

Từ năm 2021, hồ sơ sổ sách trong đào tạo được nhà trường thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 23/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018, nhà trường đã xây dựng và ban hành hệ thống hồ sơ, sổ sách trong đào tạo theo Quyết định số 119/QĐ-CĐCN&TM ngày 14/6/2021. Năm 2024, Nhà trường rà soát, điều chỉnh và bổ sung hồ sơ sổ sách trong đào tạo, Nhà trường đã ban hành hệ thống hồ sơ, sổ sách phục vụ công tác đào tạo theo Quyết định số 162/QĐ-CĐCN&TM ngày 3/6/2024 (2.5.02. Quyết định số 119/QĐ-CĐCN&TM ngày 14/6/2021 ban hành hệ thống hồ sơ, sổ sách trong đào tạo; Quyết định số 162/QĐ-CĐCN&TM ngày 3/6/2024 ban hành hệ thống hồ sơ, sổ sách trong đào tạo).

Sau khi có quyết định thành lập lớp của phòng Quản lý HSSV (2.3.14. Quyết định thành lập các lớp năm 2022, 2023, 2024), phòng Quản lý đào tạo đã phối hợp với các khoa đào tạo thực hiện xây dựng kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học theo quy định.

Căn cứ theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt, Khoa phối hợp với phòng Quản lý đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng môn học, mô đun, giờ học lý thuyết, giờ học thực hành, giờ kiểm tra, giờ thực tập cho từng khóa học, từng lớp của mỗi ngành/ nghề đào tạo theo phương thức đào tạo theo tích lũy tín chỉ (2.4.03. Kế hoạch đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025). Vào đầu học kỳ, phòng Quản lý đào tạo căn cứ vào kế hoạch đào tạo toàn khóa của từng lớp, kế hoạch đào tạo năm học phối hợp với các khoa xây dựng tiến độ đào tạo học kỳ cho từng lớp, trình Hiệu trưởng phê duyệt để thực hiện (2.4.04. Tiến độ giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Căn cứ vào đó, các khoa triển khai phân công giáo viên giảng dạy và lập kế hoạch giáo viên, thông qua phòng Quản lý đào tạo trình Hiệu trưởng phê duyệt (2.5.03. Kế hoạch phân công giáo viên năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025). Các giáo viên được phân công giảng dạy các môn học/mô đun, căn cứ theo mục tiêu,

nội dung chi tiết trong chương trình đào tạo xây dựng kế hoạch giảng dạy cho từng môn học, mô đun và thông qua tổ trưởng chuyên môn và trưởng Khoa phê duyệt trước khi áp dụng (2.5.04. Thời khóa biểu năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.5.05. Kế hoạch giảng dạy môn học, mô đun năm 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Toàn bộ các ngành, nghề nhà trường tổ chức đào tạo đều có chương trình đào tạo được phê duyệt và được cấp phép đào tạo của Tổng cục GDNN (1.2.01. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNDKHH-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/GCNDKBS-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 66/2024/GCNDKHH-TCGDNN; 2.5.01. Các chương trình đào tạo của trường năm 2021, 2022).

Trên cơ sở kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, kế hoạch phân công giáo viên giảng dạy đã được Hiệu trưởng phê duyệt, phòng Quản lý đào tạo phối hợp cùng với các Khoa xây dựng Thời khóa biểu để tổ chức giảng dạy. Trong quá trình tổ chức giảng dạy, mọi sự thay đổi, điều chỉnh kế hoạch, tiến độ đào tạo đều được thông qua phòng Quản lý đào tạo trình Hiệu trưởng xem xét và phê duyệt (2.4.03. Kế hoạch đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.4.04. Tiến độ giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.5.03. Kế hoạch phân công giáo viên năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.5.04. Thời khóa biểu năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Căn cứ theo thời khóa biểu hàng tuần, các giáo viên thực hiện giảng dạy các nội dung được xác định trong kế hoạch giảng dạy môn học, mô đun với đầy đủ các hồ sơ lên lớp, bao gồm: Sổ lên lớp, sổ tay giáo viên, giáo án, kế hoạch giảng dạy, giáo trình giảng dạy (2.5.05. Kế hoạch giảng dạy môn học, mô đun năm 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.6.01. Sổ lên lớp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.6.02. Sổ tay giáo viên năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.6.03. Giáo án năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Để kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo trong năm học, bộ phận Thanh tra phòng Quản lý đào tạo là đơn vị được nhà trường giao nhiệm vụ kiểm tra, giám sát thực hiện các hoạt động đào tạo (2.6.04. Quyết định số 180/QĐ-CĐCN&TM ngày 11/06/2024 của Hiệu trưởng nhà trường về việc sáp nhập phòng Đào tạo và Trung tâm Khảo thí - Đảm bảo chất lượng thành phòng Quản lý

đào tạo). Phòng Quản lý đào tạo có Kế hoạch công tác thanh, kiểm tra giáo dục nghề nghiệp năm học 2024-2025 (1.8.03. Kế hoạch thanh, kiểm tra giáo dục nghề nghiệp năm 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025). Báo cáo kết quả thanh kiểm tra hoạt động đào tạo hàng tháng và báo cáo tổng kết năm học của đơn vị được phân công kiểm tra, giám sát thực hiện các hoạt động đào tạo thể hiện các Khoa, giáo viên tổ chức giảng dạy đảm bảo theo kế hoạch, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu đã được phê duyệt (1.8.04. Biên bản thanh, kiểm tra đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.6.05. Báo cáo tổng kết của Trung tâm Khảo thí – Đảm bảo chất lượng năm học 2022-2023, 2023-2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả các ngành, nghề Nhà trường tuyển sinh và tổ chức đào tạo đều có chương trình đào tạo được phê duyệt và được cấp phép đào tạo của Tổng cục GDNN (1.2.01. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNĐKHD-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/GCNĐKBS-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 66/2024/GCNĐKHD-TCGDNN; 2.5.01. Các chương trình đào tạo của trường năm 2021, 2022).

Trên cơ sở đó, nhà trường triển khai thực hiện các hoạt động đào tạo theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt. Các chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở mục tiêu, yêu cầu đầu ra nhằm đáp ứng thực tế yêu cầu lao động. Để đảm bảo các hoạt động đào tạo được thực hiện đúng theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, phòng Quản lý đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo cho từng nghề theo khóa học trình Hiệu trưởng phê duyệt, các khoa thực hiện phân công giáo viên giảng dạy các chương trình môn học, mô đun theo đúng mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo thể hiện qua việc nhà giáo có lịch trình giảng dạy, soạn giáo án, bài giảng các môn học, mô đun (2.4.03. Kế hoạch đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.4.04. Tiến độ giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.5.03. Kế hoạch phân công giáo viên năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.5.04. Thời khóa biểu năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.5.05. Kế hoạch giảng dạy môn học, mô đun năm 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.6.01. Sổ lên lớp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.6.02. Sổ tay giáo viên năm học

2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.6.03. Giáo án năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Báo cáo kết quả thanh kiểm tra hoạt động đào tạo hàng tháng và báo cáo tổng kết năm học của Phòng Quản lý đào tạo thể hiện kế hoạch đào tạo và quá trình tổ chức đào tạo của nhà trường được thực hiện theo đúng chương trình đào tạo đã được phê duyệt (1.8.04. Biên bản thanh, kiểm tra đào tạo các năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.6.05. Báo cáo tổng kết của Trung tâm Khảo thí – Đảm bảo chất lượng năm học 2022-2023, 2023-2024).

Nhà trường đã phối hợp với các đơn vị sử dụng lao động thông qua các hợp đồng thỏa thuận thực tập, hợp đồng liên kết đào tạo giữa Nhà trường và doanh nghiệp để tiếp nhận sinh viên hệ cao đẳng các ngành nghề của Nhà trường đến thực tập, thực hành (2.7.01. Hợp đồng (Thỏa thuận hợp tác) về việc sinh viên thực tập kết hợp sản xuất). Tiêu biểu một số Doanh nghiệp đã hợp tác với Nhà trường như:

- Công ty Cổ phần Hồng Hạc Đại Lải: Hợp tác toàn diện về đào tạo, tuyển sinh, tuyển dụng, thực tập, xây dựng hình ảnh thương hiệu. Tiếp nhận HSSV thực tập các nghề Quản trị lễ tân, Điện công nghiệp, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật cơ khí.

- Công ty TNHH Canon Việt Nam, Công ty TNHH Fushan Technology Việt Nam: Tiếp nhận HSSV thực tập nghề Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, công nghệ thông tin, kế toán doanh nghiệp, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ ô tô.

- Công ty Cổ phần Phát triển nghề nghiệp Tuổi trẻ Việt: Tiếp nhận và giới thiệu thực tập nghề nghiệp cho HSSV ở toàn bộ các nghề đào tạo của nhà trường.

Căn cứ kế hoạch đào tạo, nhằm đảm bảo việc thực hiện tốt việc đào tạo theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, Nhà trường có Kế hoạch cho sinh viên đi thực tập, quyết định cử học sinh, sinh viên đi thực tập, quyết định cử giáo viên phối hợp với doanh nghiệp hướng dẫn học sinh, sinh viên thực tập tại doanh nghiệp và theo dõi, đôn đốc học sinh, sinh viên thực hiện theo đề cương thực tập (2.4.03. Kế hoạch đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.7.02. Các quyết định của Hiệu trưởng về việc sinh viên thực tập kết hợp sản xuất; 2.7.03. Danh sách sinh viên đi thực tập năm 2022, 2023, 2024; 2.7.04. Các quyết định của Hiệu trưởng về việc quản lý thực tập kết hợp sản xuất của học sinh, sinh viên; 2.7.05. Chương trình mô đun thực tập doanh nghiệp). Kết thúc quá trình thực tập, sinh viên viết báo cáo kết quả thực tập nộp về khoa quản lý kết hợp với bảng nhận xét thực tập của học sinh, sinh viên để đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên (2.7.06. Báo cáo thực tập của học sinh năm 2022, 2023, 2024; 2.7.07. Bảng nhận xét thực tập của học sinh sinh viên năm 2022, 2023, 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 8: *Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay, phương pháp đào tạo của Nhà trường được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm. Trong mỗi chương trình môn học đều có phần hướng dẫn giảng dạy, học tập môn học.

- Năm học 2022 – 2023 Nhà trường đào tạo:

+ 04 nghề trình độ cao đẳng: Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Kế toán doanh nghiệp, Phiên dịch tiếng Nhật Kinh tế, Thương mại.

+ 08 nghề trình độ trung cấp: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Kế toán doanh nghiệp, Hàn, Nghiệp vụ lễ tân, Quản trị mạng máy tính.

- Năm học 2023 – 2024 Nhà trường đào tạo:

+ 06 nghề trình độ cao đẳng: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Kế toán doanh nghiệp, Công nghệ ô tô, Phiên dịch tiếng Nhật kinh tế, thương mại.

+ 08 nghề trình độ trung cấp: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Kế toán doanh nghiệp, Tin học ứng dụng, Nghiệp vụ lễ tân, Quản trị mạng máy tính.

- Năm học 2024 – 2025 Nhà trường đào tạo:

+ 06 nghề trình độ cao đẳng: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kế toán doanh nghiệp, Công nghệ ô tô, Phiên dịch tiếng Nhật kinh tế, thương mại và Quản trị mạng máy tính.

+ 08 nghề trình độ trung cấp: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Kế toán doanh nghiệp, Tin học ứng dụng, Nghiệp vụ lễ tân, Quản trị mạng máy tính.

Các giáo viên được phân công giảng dạy mô đun theo chương trình đào tạo thực hiện soạn bài giảng trên Giáo án tích hợp theo quy định, trong đó nội dung, hoạt động dạy và học đã thể hiện phương pháp đào tạo thực hiện kết hợp giữa rèn luyện năng lực thực hành với kiến thức chuyên môn ở mỗi bài học, buổi học. Các bài giảng tích hợp được giáo viên thực hiện giảng dạy trong các phòng học chuyên môn, các xưởng thực hành, phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, có chia nhóm thực hành trên các trang thiết bị (2.8.01. Chương trình đào tạo/chương trình môn học, mô đun/Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập

môn học; 2.6.03. Giáo án năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.8.02. Danh sách các phòng học chuyên môn, xưởng thực hành cho giảng dạy tích hợp; 2.8.03. Bộ ảnh chụp hoạt động dạy và học trên lớp tại các phòng học chuyên môn, xưởng thực hành; 2.8.04. Hồ sơ hội giảng các cấp năm 2022, 2023, 2024).

Hàng năm, phòng Quản lý đào tạo có kế hoạch dự giờ bồi dưỡng đánh giá chất lượng giờ giảng của giáo viên theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo. Trong Phiếu đánh giá bài giảng và Biên bản dự giờ chuyên môn có đánh giá nội dung phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của HSSV, tổ chức làm việc theo nhóm, khối lượng kiến thức, kỹ năng phù hợp với mục tiêu đào tạo và đối tượng người học (2.8.05. Kế hoạch dự giờ bồi dưỡng nhà giáo GDNN năm 2022, 2023, 2024; 2.8.06. Phiếu đánh giá bài giảng và Biên bản dự giờ năm 2022, 2023, 2024).

Giáo viên thường xuyên nhắc nhở HSSV phát huy tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập; giáo viên giảng dạy đã thực hiện nội dung phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của HSSV, tổ chức làm việc theo nhóm, sử dụng bài giảng điện tử, khai thác hiệu quả các trang thiết bị, phương tiện dạy học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 2: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học là một việc không thể thiếu trong tình hình hiện nay. Hiện nay công nghệ 4.0 đã đang và phát triển trong hệ thống đào tạo nghề và đã áp dụng trong việc đào tạo và quản lý đào tạo của trường.

Nhà trường hiện đang sử dụng phần mềm Quản lý đào tạo UniSoft 3.0 do Công ty TNHH Công nghệ Thiên An cung cấp năm 2010. Năm 2017, sau khi chuyển đổi phương thức tổ chức quản lý đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp, nhà trường thực hiện nâng cấp thành phần mềm Quản lý đào tạo ESSoft. Phòng Quản lý đào tạo là đơn vị được giao quản trị phần mềm; các chức năng quản lý trong phần mềm gồm: (1) Quản lý kế hoạch, chương trình đào tạo và đăng ký môn học/môđun, (2) Tổ chức quản lý thi và nhập điểm, (3) Quản lý học sinh, sinh viên, (4) Quản lý kết quả học tập, (5) Quản lý học phí. Giáo viên, người học có tài khoản để truy cập và tra cứu được các thông tin về chương trình đào tạo, kết quả thi, kiểm tra, đăng ký môn học/môđun. Tài khoản để truy cập phần mềm của Giáo viên do phòng Quản lý đào tạo cung cấp; tài khoản để truy cập đăng ký và xem thông tin của HSSV do phòng Quản lý HSSV cung cấp tại địa chỉ <http://123.25.71.76:8181/login.aspx? ReturnUrl=%2fdefault.aspx>. (2.9.01- Phần mềm quản lý đào tạo ESSoft; 2.9.02. Hợp đồng mua phần mềm quản lý

đào tạo ESSoft; 2.9.03. Quyết định số 318/QĐ-CĐCN&TM ngày 24/9/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại; 2.9.04. Hướng dẫn sử dụng phần mềm Quản lý đào tạo ESSoft; 2.9.05. Hình ảnh giao diện và các chức năng của phần mềm Quản lý đào tạo ESSoft).

Về việc sử dụng thiết bị mô phỏng, thiết bị thực tế ảo hoặc phần mềm mô phỏng của các môn học, mô đun chuyên môn đối với các ngành, nghề đang đào tạo của nhà trường:

Hiện tại nhà trường đang đào tạo 06 nghề trình độ cao đẳng: Công nghệ ô tô, Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Kế toán doanh nghiệp, Phiên dịch tiếng Nhật kinh tế, thương mại và 10 nghề trình độ trung cấp: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Kế toán doanh nghiệp, Quản trị mạng máy tính, Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí, Hàn, Nghiệp vụ lễ tân và Tin học ứng dụng. Kết quả thống kê các nghề có sử dụng thiết bị mô phỏng, thiết bị thực tế ảo, phần mềm mô phỏng như sau:

- Nghề Điện công nghiệp: có 9/17 (52,9%) môn học, mô đun chuyên môn sử dụng thiết bị mô phỏng, phần mềm mô phỏng như: Electronic workbench, TIA Portal, Step 7 Microwin; GX Developer (Mishubishi); CX one (Omron), Splan 7.0, Cade-simu 3.0, PSIM 9.0.

- Nghề Điện tử công nghiệp: có 10/17 (58,8%) môn học, mô đun chuyên môn sử dụng thiết bị mô phỏng, phần mềm mô phỏng như: Phần mềm Eagle, Altium Designer, Step 7 MicroWIN V4.0, Keil C4.0, Proteus, PSIM, MplabIDE, MCC18, Keil C5.0, Festo Fluidsim, Logo soft comfort V8.X, Automation studio 5 0, Hệ thống quản lý tự động Scada.

- Nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí: có 6/22 (27,3%) môn học, mô đun chuyên môn sử dụng thiết bị mô phỏng, phần mềm mô phỏng như: Autocad, Mastercam, Solid Work, Inventer.

- Nghề Quản trị mạng máy tính: có 9/17 (52,9%) môn học, mô đun chuyên môn sử dụng thiết bị mô phỏng, phần mềm mô phỏng như: Phần mềm mô phỏng lắp ráp máy tính IT Essentials Virtual Desktop PC, Công nghệ ảo hóa Hyper –V, Windows Server 2012, VM Ware Workstation Pro, Công nghệ ảo hóa Hyper –V, Cisco Packet Tracer for Windows, MS Visio 2010, Diagram Designer.

- Nghề Công nghệ ô tô: có 11/12 (91,7%) môn học, mô đun chuyên môn sử dụng thiết bị mô phỏng, phần mềm mô phỏng như: Labtech IA-LMS, xSpace, Electude, Spint layout.

Như vậy, nhà trường có số lượng các nghề đang đào tạo có ít nhất 50% mô đun/môn học chuyên môn nghề có sử dụng thiết bị mô phỏng hoặc phần mềm mô

phông là: 03/07= 42,8% đối với nghề trình độ cao đẳng, 04/09=44,44% đối với nghề trình độ trung cấp (2.9.06. *Danh sách môn học, mô đun chuyên môn các nghề có sử dụng thiết bị, phần mềm mô phỏng*; 2.9.07. *Thống kê các mô đun chuyên môn của các nghề đang đào tạo*; 2.9.08. *Bộ ảnh chụp các thiết bị mô phỏng, phần mềm mô phỏng*).

- Nghề Phiên dịch tiếng Nhật kinh tế, thương mại, trình độ cao đẳng, nhà trường tổ chức giảng dạy, thi kiểm tra và đánh giá học viên đối với 100% môn học, mô đun theo hình thức trực tuyến tại địa chỉ <http://elearning.coit.edu.vn/> (2.9.09. *Hợp đồng số 200420/HĐV/COIT-DES ngày 20/4/2020 về việc thuê hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo trực tuyến*; 2.9.10. *Hình ảnh giao diện phần mềm đào tạo trực tuyến E-Learning*).

Toàn bộ các nghề đang đào tạo của trường, giáo viên có sử dụng các phần mềm chuyên dụng, phần mềm để hỗ trợ soạn bài giảng điện tử phục vụ cho hoạt động dạy và học của trên 50% môn học, mô đun chuyên môn, như: Powerpoint, Media Player, MS Viso, Solid Work ... (2.9.11. *Các bài giảng điện tử*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 2: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 10: *Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm tăng cường chức năng quản lý, kiểm tra, giám sát công tác tổ chức đào tạo và giảng dạy của các khoa. Đồng thời, nhằm đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh - sinh viên đảm bảo hoạt động dạy và học theo kế hoạch, tiến độ đào tạo. Nhà trường đã ban hành quy định về thanh, kiểm tra hoạt động đào tạo (2.10.01. *Quyết định số 261/QĐ-CĐCN&TM ngày 15/9/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định thanh, kiểm tra hoạt động đào tạo*; 2.10.02. *Quyết định số 360/QĐ-CĐCN&TM ngày 25/10/2023 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định thanh, kiểm tra hoạt động đào tạo*; 2.10.03. *Quyết định số 89/QĐ-CĐCN&TM ngày 10/5/2021 của Hiệu trưởng nhà trường về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của các đơn vị thuộc trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại*).

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch thanh, kiểm tra giáo dục nghề nghiệp. Thực hiện chủ yếu vào các nội dung cơ bản, như sau: kiểm tra việc thực hiện giờ giảng của giáo viên; kiểm tra giờ sinh hoạt lớp của các lớp; kiểm tra công tác đào tạo tại các tra việc thực hiện công tác Giáo viên chủ nhiệm/Cố vấn học tập; kiểm tra công tác cấp phát bằng Tốt nghiệp cho HSSV (1.8.04. *Kế hoạch thanh, kiểm tra giáo dục nghề nghiệp Trung tâm liên kết*; kiểm tra công tác tổ chức thi kết thúc môn học/modul; kiểm tra hồ sơ công tác chấm thi môn học/modul; kiểm tra thi tốt nghiệp; kiểm tra xét tuyển sinh (hậu kiểm); kiểm tra tình hình cấp phát vật tư phục vụ thực hành, thực tập

và thí nghiệm; kiểm tra tình hình hoạt động thực tế của trang thiết bị phục vụ giảng dạy, thực tập; kiểm tra năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Công tác thanh, kiểm tra hoạt động đào tạo luôn thực hiện theo đúng kế hoạch đã ban hành. Quá trình thực hiện thanh, kiểm tra các công tác: tổ chức thi kết thúc môn học/modul; việc thực hiện giờ giảng của giáo viên; giờ sinh hoạt lớp của các lớp; tình hình cấp phát vật tư phục vụ thực hành, thực tập và thí nghiệm đều có biên bản (1.8.05. Biên bản thanh, kiểm tra đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025). Công tác thanh, kiểm tra: công tác cấp phát văn bằng - chứng chỉ; tình hình hoạt động thực tế của trang thiết bị phục vụ giảng dạy, thực tập được thực hiện theo kế hoạch 02 lần/năm. Kết thúc năm học, đơn vị đều có báo cáo tổng hợp kết quả thanh, kiểm tra và đánh giá hoạt động dạy và học, những ưu điểm, tồn tại, đề xuất/kiến nghị để các đơn vị điều chỉnh cho phù hợp. (1.8.12. Báo cáo tổng kết năm học của đơn vị các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: Hàng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường đều có báo cáo tổng kết năm học nhằm đánh giá kết quả thực hiện các công việc đã thực hiện trong năm học (2.11.01. Báo cáo tổng kết các năm học của Nhà trường 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024). Trong đó, công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học đều có đánh giá kết quả thực hiện, chỉ ra những ưu điểm, các mặt tồn tại về hoạt động dạy và học gồm: giáo án, tài liệu giảng dạy, cấp phát vật tư đào tạo, ghi chép hồ sơ giảng dạy, thi kết thúc môn học/môđun, quản lý HSSV, (1.8.14. Báo cáo tổng kết năm học của đơn vị các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024). Qua kết quả đánh giá, giám sát hoạt động dạy và học, Trung tâm Khảo thí - Đảm bảo chất lượng đã đưa ra các kiến nghị, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học như: Chấn chỉnh lại việc chấp hành giờ giấc của giáo viên; Giáo viên giảng dạy cần phải quan tâm đến công tác giáo dục ý thức của HSSV; Tổ bộ môn cần tăng cường thời lượng sinh hoạt, nội dung phong phú và lồng ghép nội dung hướng dẫn giáo viên soạn giáo án tích hợp, giáo án tích hợp phần thực hành yêu cầu giáo viên phải soạn chi tiết theo từng ca học; Các giáo viên cần phải ghi chép hồ sơ giảng dạy đầy đủ theo quy định; Giáo viên thường xuyên sử dụng thiết bị hỗ trợ dạy học cho cả môn học và mô đun, như: Máy chiếu, màn hình LCD, Giáo viên tích cực tham gia hội giảng các cấp để học hỏi kinh nghiệm; Tăng cường cử giáo viên đi tham quan học tập tại các Doanh nghiệp để tiếp thu công nghệ mới; Các giờ sinh hoạt lớp cần bổ sung nhiều nội dung sinh hoạt phong phú và thông qua Khoa/Tổ bộ môn trước

khi sinh hoạt lớp; Nhà trường cần bổ sung thêm nhiều tài liệu học tập và tham khảo cho các Nghề để học sinh tham khảo; Giáo viên phải thường xuyên sử dụng phương pháp dạy học tích cực, lấy học sinh làm trung tâm, chia nhóm thảo luận; Nhà trường tăng cường mối quan hệ với các Doanh nghiệp để đưa HSSV đi tham quan trải nghiệm hoặc thực tập (2.11.02. *Danh sách đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học*; 2.11.03. *Nhiệm vụ trọng tâm, các giải pháp thực hiện và kế hoạch công tác các năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: *Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở các Thông tư quy định của Bộ Lao động – Thương binh & Xã hội, nhà trường đã xây dựng và ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ. Cụ thể:

Về quy định kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập:

Trên cơ sở Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội, quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015, Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ LĐ - TB&XH sửa đổi một số điều của Thông tư 42. Nhà trường đã ban hành Quy chế thực hiện tổ chức chương trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng theo tích lũy mô-đun, tín chỉ theo Quyết định số 68/QĐ-CĐCN&TM ngày 18/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại. Quy chế đào tạo trình độ sơ cấp theo Quyết định số 121/QĐ-CĐCN&TM-ĐT ngày 11/03/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại. (2.4.01. *Quyết định số 68/QĐ-CĐCN&TM ngày 17/5/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng và trung cấp hệ chính quy theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ*; 2.4.02. *Quyết định số 121/QĐ-CĐCN&TM-ĐT ngày 11/3/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp*).

Về quy định đánh giá, xếp loại rèn luyện:

Trên cơ sở Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng. Nhà trường đã ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên theo Quyết định số 199/ QĐ-CĐCN&TM-CTHSSV ngày 23/4/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng

Công nghiệp và Thương mại. Trong đó, toàn bộ Chương IV, từ Điều 8 đến Điều 15 của Quy chế là đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên (2.12.01. *Quyết định số 199/QĐ-CĐCN&TM-PCTHSSV ngày 23/4/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại*).

Về quy định cấp phát văn bằng, chứng chỉ:

Năm 2022, trên cơ sở kết luận của Thanh tra Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp số 2402/KL-TCGDNN ngày 03 tháng 11 năm 2022, Nhà trường rà soát chỉnh sửa ban hành lại Quy định của trường gồm 6 chương, 37 điều, nội dung các Điều trong quy định đều phù hợp với quy định tại Thông tư của Bộ LĐ-TB&XH (2.12.02. *Quyết định số 347/QĐ-CĐCN&TM ngày 24/11/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về quy trình in, quản lý việc in, bảo quản, bảo mật sử dụng phôi bằng, chứng chỉ tốt nghiệp, quản lý việc cấp phát bằng chứng chỉ tốt nghiệp, kiểm tra, thanh tra việc in, bảo quản sử dụng phôi và cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng, chứng chỉ tốt nghiệp*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 2: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm học 2022 - 2023, Nhà trường tổ chức đào tạo 4 nghề trình độ cao đẳng (Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Kế toán doanh nghiệp, Phiên dịch tiếng Nhật Kinh tế-Thương mại), 8 nghề trình độ trung cấp (Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Kế toán doanh nghiệp, Hàn, Nghiệp vụ lễ tân, Quản trị mạng máy tính).

Năm học 2023 - 2024, Nhà trường tổ chức đào tạo 6 nghề trình độ cao đẳng (Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Kế toán doanh nghiệp, Phiên dịch tiếng Nhật Kinh tế-Thương mại), 8 nghề trình độ trung cấp (Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Kế toán doanh nghiệp, Tin học ứng dụng, Nghiệp vụ lễ tân, Quản trị mạng máy tính).

Năm học 2024 - 2025, Nhà trường tổ chức đào tạo 6 nghề trình độ cao đẳng (Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Kế toán doanh nghiệp, Phiên dịch tiếng Nhật Kinh tế-Thương mại), 8 nghề trình độ trung cấp (Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ

thuật cơ khí, Kế toán doanh nghiệp, Tin học ứng dụng, Nghiệp vụ lễ tân, Quản trị mạng máy tính).

Việc tổ chức thực hiện thi kết thúc môn học/mô đun được Nhà trường áp dụng theo Quy trình thi kết thúc môn học, mô đun và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun (2.13.01. Bộ quy trình đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp; 2.13.02. Quyết định số 205/QĐ-CĐCN&TM ngày 1/8/2021 của Hiệu trưởng Quy định về việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun; Quyết định số 362/QĐ-CĐCN&TM ngày 25/10/2023 của Hiệu trưởng Quy định về việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun). Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học, nhà trường đều mời ít nhất từ 1 đến 2 đơn vị sử dụng lao động tham gia vào các hội đồng thi, đánh giá kết quả học tập của HSSV ở khâu thực hành. Tiêu biểu một số đại diện doanh nghiệp sau:

- Ông Nguyễn Trung Hiếu, Quản đốc - Công ty Cổ phần phát triển số thời đại, tham gia tiểu ban đánh giá nghề Quản trị mạng máy tính.

- Ông Nguyễn Trung Kiên, Giám đốc - Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Minh Đức, tham gia tiểu ban đánh giá nghề Tin học ứng dụng.

- Ông Nguyễn Trường Giang, Công ty TNHH Ginamico, tham gia tiểu ban chấm thi nghề Kế toán doanh nghiệp.

- Ông Nguyễn Tuấn Anh, Công ty Cổ phần Hồng học Đại Lải, tham gia tiểu ban chấm thi nghề Điện công nghiệp.

- Ông Doãn Trọng Nghĩa, Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Thăng Long, tham gia tiểu ban chấm thi nghề Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.

- Ông Tạ Việt Đức, Công ty Cổ phần xây dựng dịch vụ thương mại Đức Bình, tham gia tiểu ban chấm thi nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

- Ông Nguyễn Văn Đáng - Giám đốc – Công ty cân điện tử Ngôi sao kinh bắc, tham gia tiểu ban chấm thi nghề Điện tử công nghiệp.

- Ông Nguyễn Công Chính, Giám đốc - Công ty TNHH Cơ khí chính xác CMS VN, tham gia tiểu ban chấm thi nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí.

- Ông Phạm Văn Tuấn, Quản đốc - Công ty TNHH Toàn Phát, tham gia tiểu ban chấm thi nghề Hàn.

- Ông Nguyễn Quyết Chiến, Công ty cổ phần Kim Liên Đông Đô, tham gia tiểu ban chấm thi nghề Công nghệ ô tô.

- Ông Nguyễn Văn Thắng, Phó GD công ty TNHH du lịch quốc tế Phúc Lâm, tham gia tiểu ban chấm thi nghề Nghiệp vụ lễ tân, Nghiệp vụ nhà hàng, Nghiệp vụ lưu trú.

- Bà Nguyễn Thị Tuyền, Công ty Cổ phần hợp tác Lao động và Thương mại, tham gia tiểu ban chấm thi nghề Phiên dịch tiếng Nhật kinh tế, thương mại.

- Ông Nguyễn Hữu Toàn, Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ PCI, tham gia tiểu ban chấm thi nghề Khai thác mỏ, Trắc địa – Địa chính.

(2.13.03. *Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng thi kết thúc môn học, mô đun năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*).

Bên cạnh đó, Nhà trường có sự liên kết với các công ty, xí nghiệp, xưởng sản xuất trong quá trình đánh giá HSSV thực tập tại doanh nghiệp, cụ thể: Trong quá trình HSSV thực tập tại doanh nghiệp, giáo viên hướng dẫn thường xuyên phối hợp với các đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức hướng dẫn, đánh giá quá trình thực tập, thực hành tại cơ sở thực tập. Kết thúc quá trình thực tập, sinh viên viết báo cáo kết quả thực tập nộp về khoa quản lý kết hợp với bảng nhận xét thực tập của học sinh, sinh viên để đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên (2.7.02. *Các quyết định của Hiệu trưởng về việc sinh viên thực tập kết hợp sản xuất*; 2.7.03. *Danh sách sinh viên đi thực tập năm 2022, 2023, 2024*; 2.7.04. *Các quyết định của Hiệu trưởng về việc quản lý thực tập kết hợp sản xuất của sinh viên*; 2.7.05. *Chương trình mô đun thực tập doanh nghiệp*; 2.7.06. *Báo cáo thực tập của học sinh năm 2022, 2023, 2024*; 2.7.07. *Bảng nhận xét thực tập của học sinh sinh viên năm 2022, 2023, 2024*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 2: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 14: *Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ được Nhà trường áp dụng theo bộ quy trình đảm bảo chất lượng (2.13.01. *Bộ quy trình đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp*).

- Đối với việc thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập trường thực hiện theo Quy chế nhà trường đã ban hành (2.4.01. *Quyết định số 68/QĐ-CĐCN&TM ngày 17/5/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng và trung cấp hệ chính quy theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ*). Căn cứ kế hoạch, tiến độ đào tạo, phòng Quản lý đào tạo phối hợp với các khoa lên lịch thi kết thúc môn học/mô đun; Phòng Quản lý đào tạo dự thảo quyết định thành lập hội đồng thi kết thúc môn học/mô đun, thành lập Tiểu ban ra đề thi, coi chấm thi theo từng năm học và trình Hiệu trưởng phê duyệt. Đề thi kết thúc môn học/mô đun có nội dung, yêu cầu cụ thể, có đáp án, thang điểm chấm rõ ràng và có ký xác nhận của tiểu ban đề thi. Để đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan trước, trong và sau khi thi, đối với thi kết thúc môn học, mô đun bố trí 02 giáo viên coi thi, chấm thi theo quy định. Phần mềm Quản lý đào tạo của nhà trường được thiết kế, xây dựng,

tính toán cơ sở dữ liệu theo các quy định hiện hành về giáo dục nghề nghiệp. Điểm thi kết thúc các môn học, mô đun được nhập vào phần mềm Quản lý đào tạo, tự động tổng kết môn, tổng kết học kỳ, tổng kết năm học, đánh giá xếp loại học tập phục vụ xét học bổng cho HSSV.

(2.13.02. *Quyết định số 205/QĐ-CĐCN&TM ngày 1/8/2021 của Hiệu trưởng Quy định về việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun; Quyết định số 362/QĐ-CĐCN&TM ngày 25/10/2023 của Hiệu trưởng Quy định về việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun; 2.13.03. Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng thi kết thúc môn học, mô đun năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.14.01. Biên bản coi, chấm thi năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.14.02. Phiếu chấm bài thi năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.14.03. Bản đối chiếu số phách, số báo danh năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.14.04. Bản vào điểm năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.9.01. Phần mềm quản lý đào tạo ESSoft).*

Sau khi học sinh, sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo từng ngành nghề, các Khoa đào tạo lập danh sách học sinh, sinh viên đề nghị được xét tốt nghiệp gửi phòng Quản lý đào tạo để phòng Quản lý đào tạo làm thủ tục cho Hội đồng tốt nghiệp xét tốt nghiệp cho các HSSV đủ điều kiện. Hội đồng tốt nghiệp họp xét và ra quyết định công nhận tốt nghiệp (2.14.05. *Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập hội đồng tốt nghiệp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.14.06. Biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.14.07. Quyết định công nhận tốt nghiệp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).*

- Đối với đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV: Nhà trường thực hiện các bước theo quy trình đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV (2.14.08. *Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện*). Ngay sau khi kết thúc học kỳ, Phòng Quản lý HSSV thông báo đến các khoa thông qua giáo viên chủ nhiệm triển khai tự đánh giá theo các tiêu chí, thang điểm được nhà trường quy định chi tiết tại Điều 10, Điều 11 Chương IV Quy chế công tác HSSV (2.12.01. *Quyết định số 199/QĐ-CĐCN&TM-PCTHSSV ngày 23/4/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại*), kết quả tự đánh giá rèn luyện được thông qua Khoa gửi lên hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện xem xét và ra quyết định công nhận kết quả rèn luyện của HSSV (2.14.09. *Phiếu tự đánh giá kết quả rèn luyện HSSV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.14.10. Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện HSSV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.14.11. Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.14.12. Quyết định của Hiệu trưởng về việc công nhận điểm rèn luyện học kỳ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*). Kết quả rèn luyện của

HSSV được phòng Quản lý HSSV cập nhật vào phần mềm Quản lý đào tạo, HSSV đăng nhập tài khoản xem kết quả rèn luyện của mình.

- Đối với việc thực hiện cấp văn bằng, chứng chỉ: Nhà trường có quyết định phê duyệt mẫu phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và chứng chỉ sơ cấp. Trường đã đăng ký mẫu phôi bằng, chứng chỉ báo cáo Tổng cục GDNN; Sở LĐ-TB&XH tỉnh Vĩnh Phúc và Công An tỉnh Vĩnh Phúc để theo dõi, quản lý theo quy định. (2.12.02. *Quyết định số 390/QĐ-CĐCN&TM ngày 15/12/2021 của Hiệu trưởng về phê duyệt mẫu phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và sơ cấp; 2.14.13. Công văn số 717/QĐ-CĐCN&TM ngày 17/12/2021 về việc báo cáo mẫu phôi bằng tốt nghiệp tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và sơ cấp*). Phòng Quản lý đào tạo trên cơ sở danh sách HSSV tốt nghiệp đã được phê duyệt; chuẩn bị phôi bằng, tổ chức in ấn, ký duyệt, đóng dấu, lập sổ quản lý cấp, phát đến khâu lưu trữ theo quy trình cấp văn bằng chứng chỉ cho người học đảm bảo an toàn, bảo mật (2.14.14. *Sổ cấp bằng*).

Các hoạt động về tổ chức thi, kiểm tra kết thúc môn học/mô đun, xét và công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả rèn luyện, cấp phát văn bằng thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo nghiêm túc, khách quan (1.8.04. *Biên bản thanh, kiểm tra đào tạo các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.6.06. Báo cáo tổng kết của Trung tâm Khảo thí – Đảm bảo chất lượng năm học 2022-2023, 2023-2024*).

Kết quả giám sát của Ban Thanh tra nhân dân đối với việc thực hiện quy chế thi, kiểm tra của các khóa học; giám sát công tác cấp, phát bằng, chứng chỉ đều thực hiện đúng quy định, không có đơn thư phản ánh, khiếu nại (1.11.03. *Báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân năm 2022, 2023, 2024*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 2: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 15: *Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, thực hiện nhiệm vụ các năm học, Nhà trường có thông báo cho các đơn vị trong trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ gửi về Phòng Quản lý đào tạo (2.15.01. *Thông báo rà soát các quy chế, quy định năm 2022, 2023, 2024*).

Trên cơ sở họp tổng hợp kết quả lấy ý kiến góp của cán bộ, giáo viên các đơn vị trong nhà trường đối với các quy định về kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện xét công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ (2.15.02. *Biên bản họp về việc rà soát Quy chế đào tạo năm 2022, 2023, 2024*). Nhà trường kịp thời cập nhật,

điều chỉnh những quy định mới của Bộ LĐ-TB-XH để áp dụng thống nhất tại Nhà trường, cụ thể:

- Kết quả rà soát quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập:

Trường đã ban hành quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ sơ cấp theo quyết định số 121/QĐ-CĐCN&TM-ĐT ngày 11/3/2019 để cập nhật, sửa đổi, bổ sung một số điều về thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp theo Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ LĐ - TB&XH. (Thay đổi công thức tính điểm tổng kết khóa học; bỏ nội dung thi tốt nghiệp đối với trình độ sơ cấp...).

Trường đã ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng và trung cấp hệ chính quy theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ theo quyết định số 68/QĐ-CĐCN&TM ngày 17/5/2022 để cập nhật sửa đổi theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ LĐ - TB&XH. (2.4.01. *Quyết định số 68/QĐ-CĐCN&TM ngày 17/5/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng và trung cấp hệ chính quy theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ;* 2.4.02. *Quyết định số 121/QĐ-CĐCN&TM-ĐT ngày 11/3/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp*).

- Kết quả rà soát quy chế công tác học sinh, sinh viên:

Nhà trường đã ban hành Quy chế học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại kèm theo Quyết định số 199/QĐ-CĐCN&TM-CTHSSV ngày 23/4/2019 để hướng dẫn giáo viên, khoa đánh giá điểm rèn luyện của học sinh, sinh viên (2.15.03. *Biên bản họp về việc rà soát Quy chế HSSV năm 2022, 2023, 2024;* 2.12.01. *Quyết định số 199/QĐ-CĐCN&TM-PCTHSSV ngày 23/4/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại*).

- Kết quả rà soát quy định cấp văn bằng, chứng chỉ:

Trường ra Quyết định số 351/QĐ-CĐCN&TM-ĐT ngày 12/8/2019 của Hiệu trưởng về việc phê duyệt mẫu bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng, chứng chỉ sơ cấp để cập nhật, sửa đổi, bổ sung mẫu phôi bằng mới theo Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ LĐ-TB&XH (Bỏ nội dung “Hình thức đào tạo” trong phôi bằng cao đẳng, trung cấp; chứng chỉ sơ cấp trình bày dưới dạng song ngữ (Tiếng Việt - Tiếng Anh). (2.15.04. *Biên bản họp về việc rà soát Quy định quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ năm 2022, 2023, 2024;* 2.12.02. *Quyết định số 390/QĐ-CĐCN&TM ngày 15/12/2021 của Hiệu trưởng về phê duyệt mẫu phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và sơ cấp;* 2.12.03. *Quyết định số 331/QĐ-CĐCN&TM ngày 9/11/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về quy trình in quản lý in, bảo quản bảo mật sử dụng phôi bằng chứng chỉ tốt nghiệp, quản lý việc cấp phát bằng*

chứng chỉ tốt nghiệp kiểm tra thanh tra việc in, bảo quản sử dụng phôi và cấp phát bản).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 2: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện Thông tư 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng bộ Lao động thương binh & Xã hội, về việc Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp Nhà trường có Quyết định số 686/QĐ-CĐCN&TM ngày 17/7/2018 về việc phê duyệt và ban hành quy chế đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp (2.16.01. *Quyết định số 686/QĐ-CĐCN&TM ngày 17/7/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo liên thông*).

Trên cơ sở các ngành/nghề được Tổng cục GDNN cấp phép đào tạo, nhà trường đã xây dựng và ban hành 05 chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, gồm các nghề: Công nghệ ô tô, Kế toán doanh nghiệp, Công nghệ kỹ cơ khí, Điện công nghiệp và Điện tử công nghiệp.

(1.2.01. *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNĐKHH-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/GCNĐKBS-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 66/2024/GCNĐKHH-TCGDNN; 2.16.02. Các chương trình đào tạo liên thông*).

Nhà trường đã có thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông (2.16.03. *Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông năm 2022, 2023, 2024*).

Năm 2022, trường tuyển sinh được 16 sinh viên và tổ chức đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng cho 1 lớp CLK15KT nghề Kế toán doanh nghiệp.

Năm 2023, trường tuyển sinh được 13 sinh viên tổ chức đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng cho lớp CLK16DI1 nghề Điện công nghiệp, 17 sinh viên liên thông từ trung cấp lên cao đẳng cho lớp CLK16DT1 nghề Điện tử công nghiệp và 14 sinh viên liên thông từ trung cấp lên cao đẳng cho lớp CLK16KT1 nghề Kế toán doanh nghiệp.

Năm 2024, trường tuyển sinh được 42 sinh viên và tổ chức đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng cho lớp 3 nghề Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp và Quản trị mạng máy tính.

Các lớp liên thông của nhà trường được tổ chức đào tạo theo đúng quy định (2.16.04. *Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập lớp liên thông năm 2022, 2023, 2024*), cụ thể:

Nhà trường có thành lập Hội đồng xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập (2.16.05. *Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*) nhằm xem xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và các khối lượng kiến thức được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đối với từng người học (2.16.06. *Biên bản họp hội đồng xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập; 2.16.07. Quyết định công nhận giá trị chuyển đổi điểm các môn học, mô đun*). Phòng Quản lý đào tạo phối hợp với các khoa xây dựng tiến độ đào tạo, thời khóa biểu, các Khoa thực hiện phân công giáo viên giảng dạy và tổ chức giảng dạy theo quy định (2.16.08. *Tiến độ, kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu các lớp đào tạo liên thông; 2.16.09. Kế hoạch phân công giáo viên giảng dạy các lớp đào tạo liên thông năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.16.10. Sổ lên lớp, sổ tay giáo viên các lớp đào tạo liên thông năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.16.11. Giáo án giảng dạy các lớp liên thông năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.16.12. Hồ sơ thi kết thúc môn học, mô đun các lớp đào tạo liên thông năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.16.13. Biên bản xét tốt nghiệp và Quyết định công nhận tốt nghiệp các lớp đào tạo liên thông*).

Hàng năm, Trường có báo cáo hoạt động đào tạo liên thông gửi Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (2.16.14. *Báo cáo hoạt động đào tạo liên thông năm 2021, 2022, 2023*).

Thanh tra đào tạo thực hiện thanh, kiểm tra hoạt động đào tạo liên thông theo kế hoạch chung của nhà trường (1.8.06. *Kế hoạch thanh, kiểm tra giáo dục nghề nghiệp năm 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 1.8.07. Biên bản thanh, kiểm tra đào tạo các năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 16, tiêu chí 2: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 17: *Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường hiện đang sử dụng phần mềm Quản lý Đào tạo UniSoft 3.0 do Công ty TNHH Công nghệ Thiên An cung cấp năm 2010 và đã được nâng cấp nhiều lần. Năm 2017, sau khi chuyển đổi phương thức tổ chức quản lý đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp, nhà trường thực hiện nâng cấp thành phần mềm Quản lý đào tạo ESSoft (2.9.01. *Phần mềm quản lý đào tạo ESSoft; 2.9.02. Hợp đồng mua phần mềm quản lý đào tạo ESSoft*). Cơ sở dữ liệu của phần mềm được chia sẻ và phổ biến hướng dẫn sử dụng đến từng đối tượng thông qua những tài khoản và mật khẩu riêng, khi sử dụng phần mềm này có phân cấp, phân quyền đối với người sử dụng. Trường

có văn bản Quy định quản trị phần mềm quản lý đào tạo và sử dụng dữ liệu đào tạo, nội dung của văn bản có quy định về việc phân quyền sử dụng phần mềm. Cụ thể:

Điều 3. Đơn vị phụ trách phần mềm Quản lý đào tạo

1. Phòng Quản lý đào tạo được giao nhiệm vụ quản lý và vận hành đồng bộ, hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo; cung cấp, cập nhật thông tin, theo dõi và giám sát việc vận hành phần mềm.

2. Phòng Quản lý đào tạo chủ trì, hướng dẫn các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường được phân công phụ trách những lĩnh vực, phân hệ: (1) quản lý kế hoạch đào tạo và đăng ký môn học (mô-đun); (2) tổ chức, quản lý thi và nhập điểm; (3) quản lý học sinh, sinh viên; (4) quản lý kết quả học tập; (5) quản lý học phí.

Điều 8. Phân hệ Quản lý kế hoạch đào tạo và đăng ký học phần

1. Phòng Quản lý đào tạo phụ trách phân hệ Lập kế hoạch đào tạo và Xếp thời khóa biểu bao gồm: (1) Phân hệ chương trình đào tạo, lập kế hoạch đào tạo, xếp thời khóa biểu; (2) Phân hệ đăng ký học, đăng ký thi trực tuyến, tra cứu thông tin.

2. Phân hệ chương trình đào tạo, lập kế hoạch đào tạo, xếp thời khóa biểu bao gồm:

- Xây dựng khung chương trình đào tạo cho các ngành, các khóa học và hệ đào tạo;

- Lập kế hoạch đào tạo tổng thể toàn trường và chi tiết cho các ngành, các khóa học, các lớp niên chế và các lớp tín chỉ;

- Thiết lập các điều kiện ràng buộc như: điều kiện tiên quyết, học trước, học song hành, thiết lập các nhóm học phân tự chọn hoặc bắt buộc, học phần thay thế;

- Quản lý số liệu sinh viên các ngành học, sinh viên đăng ký ngành học khác làm căn cứ bố trí kế hoạch đào tạo, mở lớp;

- Xây dựng kế hoạch mở lớp, tạo các lớp tín chỉ theo nhu cầu học tập;

- Phân bổ giảng đường khi xếp thời khóa biểu;

- Xây dựng biểu đồ kế hoạch học tập;

3. Phân hệ đăng ký học, đăng ký thi trực tuyến, tra cứu thông tin gồm:

- Quản lý đăng ký học các lớp tín chỉ của sinh viên, cho phép đăng ký bổ sung, rút bớt học phần đã đăng ký qua mạng Internet hoặc qua mạng cục bộ;

- Quản lý việc đăng ký học các lớp tín chỉ theo 2 giai đoạn: đăng ký chính thức và đăng ký bổ sung, kiểm tra các điều kiện về đăng ký như: điều kiện tiên quyết, trước – sau, song hành;

- Quản lý đăng ký lại, đăng ký bổ sung học phần;

Điều 9. Phân hệ Tổ chức, quản lý thi và nhập điểm

Các khoa đào tạo phụ trách phân hệ Tổ chức và quản lý thi bao gồm:

- Thống kê danh sách sinh viên không đủ điều kiện dự thi;

- Tạo các nhóm thi;
- Lập danh sách thi theo phòng thi, lập số báo danh;
- Phân bổ phòng thi;
- In danh sách phòng thi, danh sách phách;
- Cập nhật tình trạng thi;
- Đánh phách, hồi phách;
- Nhập điểm;
- Chuyển điểm vào bảng dữ liệu điểm của học sinh, sinh viên;
- Công bố kết quả thi.

Điều 10. Phân hệ Quản lý học sinh, sinh viên

1. Phòng Công tác học sinh, sinh viên phụ trách Phân hệ quản lý học sinh, sinh viên bao gồm: (1) Quản lý học sinh, sinh viên nhập trường; (2) Quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên; (3) Quản lý rèn luyện, khen thưởng và kỷ luật; (4) Quản lý học bổng.

2. Quản lý học sinh, sinh viên nhập trường bao gồm:

- Nhập dữ liệu kết quả tuyển sinh;
- Lập mã lớp;
- Phân lớp học sinh, sinh viên theo ngành/nghề tuyển sinh;
- Lập mã học sinh, sinh viên (Theo quy định của Trường);
- In thẻ học sinh, sinh viên.

3. Quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên

- Tổ chức và quản lý danh sách học sinh, sinh viên theo lớp, khóa học;
- Cập nhật và in hồ sơ học sinh, sinh viên theo mẫu hồ sơ (Theo Quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội);
- Thống kê số liệu học sinh, sinh viên theo các mẫu (Theo Quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội);

4. Quản lý rèn luyện, khen thưởng và kỷ luật học sinh, sinh viên

- Cập nhật điểm rèn luyện học sinh, sinh viên theo từng học kỳ;
- Cập nhật khen thưởng và kỷ luật học sinh, sinh viên;
- Tổng hợp điểm rèn luyện theo học kỳ, năm học và toàn khóa học;
- Xét danh hiệu thi đua cá nhân, tập thể.

5. Quản lý học bổng, chế độ chính sách

- Cập nhật học sinh, sinh viên hưởng chế độ chính sách, học bổng;
- Thống kê học sinh, sinh viên được hưởng chế độ chính sách, học bổng.

Điều 11. Phân hệ Quản lý kết quả học tập

1. Đơn vị, cá nhân cập nhật dữ liệu trên phần mềm Quản lý đào tạo phải được cấp quyền và thực hiện theo quy định của Trường.

2. Thông tin cập nhật, sử dụng trên phần mềm Quản lý đào tạo phải hoàn chỉnh (gồm văn bản có chữ ký của cá nhân và đơn vị kèm file theo mẫu) gửi về cán bộ tiếp nhận theo quy định;

3. Giáo viên giảng dạy môn học (mô-đun) của các Khoa, Ban, Trung tâm cập nhật điểm thành phần.

4. Cá nhân chuyên trách của Khoa cập nhật điểm thi kết thúc môn học (mô-đun).

5. Đề chỉnh sửa, thay đổi dữ liệu liên quan đến kết quả học tập, đơn vị chuyên văn bản đề xuất có ý kiến của Trưởng khoa về phòng Quản lý đào tạo để xử lý.

Điều 12. Phân hệ Quản lý học phí

Phòng Tài chính - Kế toán phụ trách Phân hệ quản lý học phí bao gồm:

- Cung cấp thông tin về tình hình đóng học phí và các khoản thu khác cho các đơn vị theo quy định của Trường;

- Quy định mức học phí và các khoản thu khác;

- Định nghĩa mức học phí theo tín chỉ, theo môn học;

- Cập nhật thông tin miễn giảm học phí;

- In biên lai thu tiền học phí và các khoản thu khác theo học kỳ, năm học;

- In biên lai thu tiền và các khoản thu khác;

- In sổ biên lai thu theo giai đoạn, tháng, kỳ, năm;

- Thống kê học sinh, sinh viên còn nợ học phí;

- In các báo cáo thống kê về các khoản thu phục vụ cho công tác quản lý.

- Hỗ trợ lập danh sách miễn giảm học phí theo đối tượng chính sách: danh sách học sinh, sinh viên miễn giảm học phí sẽ tự động được xác định dựa trên các tiêu chí do người sử dụng quy định.

(2.9.03. *Quyết định số 347/QĐ-CĐCN&TM ngày 8/8/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về quản trị phần mềm quản lý đào tạo*; 2.9.04. *Hướng dẫn sử dụng phần mềm Quản lý đào tạo ESSoft*; 2.9.05. *Hình ảnh giao diện và các chức năng của phần mềm Quản lý đào tạo ESSoft*).

Bên cạnh đó, ngoài các dữ liệu về các hoạt động đào tạo được số hóa, tổ chức sử dụng trên phần mềm quản lý đào tạo. Mỗi đơn vị đều có bộ phận/cá nhân phụ trách thực hiện quản lý, lưu trữ, sử dụng các dữ liệu dạng bản in. Nhà trường đã xây dựng và áp dụng hệ thống bảo đảm chất lượng (2.13.01. *Bộ quy trình đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp*). Tổng số quy trình quản lý chất lượng của nhà trường đang vận hành là 39 quy trình, trong đó có các nội dung quản lý về các hoạt động đào tạo (2.17.01. *Danh sách các quy trình hệ thống bảo đảm chất lượng*). Cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo được quản lý, sử dụng của Trường gồm các nội dung: xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo; tuyển sinh; kiểm tra, thi, xét, công nhận tốt nghiệp; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ;

khảo sát HSSV sau tốt nghiệp; khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động; cơ sở dữ liệu về nghiên cứu khoa học; cơ sở vật chất thiết bị; thư viện. Mỗi quy trình quản lý đều có kèm theo hệ thống các biểu mẫu, hồ sơ và đều được mã hóa. Trong mỗi quy trình quản lý của hệ thống bảo đảm chất lượng đều xác định rõ: tên văn bản, hồ sơ lưu; thời gian lưu; trách nhiệm lưu.

Hệ thống các quy trình, các biểu mẫu đều được đăng tải, chia sẻ dữ liệu; sử dụng, khai thác dữ liệu trên website nhà trường tại địa chỉ <https://coit.edu.vn/he-thong-quy-trinh-bieu-mau.html>.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 17, tiêu chí 2: 1 điểm.

3.2.3. TIÊU CHÍ 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại luôn xác định và xây dựng phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động là hết sức quan trọng. Vì vậy, Nhà trường luôn tập trung đầu tư xây dựng đội ngũ nhà giáo có trình độ chuyên môn, trình độ sư phạm vững vàng, biết ngoại ngữ và thành thạo tin học, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong thời kỳ đổi mới.

Đội ngũ cán bộ quản lý không những có năng lực chuyên môn mà còn có năng lực quản lý tốt. Nhà trường có nhiều chính sách động viên và thúc đẩy quá trình tự nghiên cứu, học tập, bồi dưỡng của cán bộ, giáo viên, nhân viên sáng tạo trong giảng dạy và công tác, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

**** Những điểm mạnh***

Có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng phát triển đội ngũ giảng viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp với vị trí việc làm trong từng năm, từng giai đoạn. Công tác quy hoạch cán bộ, bổ nhiệm cán bộ rõ ràng, minh bạch;

Nhà trường hỗ trợ về thời gian và kinh phí đối với cán bộ, giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ;

Trường có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng và chất lượng theo từng chương trình đào tạo, hợp lý về tỉ lệ cơ cấu tuổi, giới tính đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo và NCKH của Trường;

**** Những tồn tại và kế hoạch***

+ *Những tồn tại*

Số lượng nhà giáo đi thực tập tại doanh nghiệp, cơ quan chuyên môn chưa đủ số lượng, thời lượng theo quy định;

+ *Kế hoạch*

Trong giai đoạn 2020-2025, Bộ phận chuyên môn xây dựng, điều chỉnh lại quy trình tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm sát thực tế đảm bảo có được đội ngũ giáo viên, cán bộ lãnh đạo các đơn vị và đội ngũ cán bộ kế thừa ngày càng phát triển.

Nhà trường xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng nhà giáo chưa đạt chuẩn về ngoại ngữ, tin học và tổ chức sát hạch trình độ ngoại ngữ, tin học theo yêu cầu vị trí việc làm và đến nay 100% nhà giáo đã đạt trình độ ngoại ngữ, tin học theo yêu cầu. Nhà trường tìm giải pháp cử nhà giáo đi thực tập tại doanh nghiệp, cơ quan chuyên môn để đủ số lượng, thời lượng theo quy định;

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	13
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	0
Tiêu chuẩn 10	0
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 1: *Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác tổ chức cán bộ, quản lý nhân sự là yếu tố cơ bản nhất trong hệ thống quản lý của một đơn vị. Trong thời gian qua dưới sự chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, Ban giám hiệu Nhà trường, sự phối hợp hài hòa giữa các đơn vị trực thuộc nên trường đã có những chuyển biến tích cực trong công tác này. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, viên chức đảm bảo yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ ngày càng tăng, tổ chức ngày càng ổn định.

Việc tuyển dụng, sử dụng cán bộ được Nhà trường thực hiện theo đúng quy định của Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Công Thương. (3.1.01. *Quyết định số: 533/QĐ-CĐCN&TM ngày 29/11/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại, ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và bồi dưỡng viên chức.*)

Trường có quy định về quy hoạch cán bộ lãnh đạo trường và quy hoạch cán bộ quản lý của trường. (3.1.02. *Quyết định số 495/QĐ-CĐCN&TM ngày 24/10/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại, ban hành Quy định về việc quy hoạch cán bộ, Quyết định số 407/QĐ-CĐCN&TM ngày 29/12/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại, ban hành Quy định về Tiêu chuẩn và Quy trình công tác cán bộ*). Trên cơ sở quy định về quy hoạch cán bộ, Trường ban hành quy trình quy hoạch cán bộ trong Hệ thống đảm bảo chất lượng (3.1.03 *Quyết định số 286/QĐ-CĐCN&TM ngày 11/10/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại, ban hành Quy chế đánh giá viên chức, người lao động trong việc sắp xếp vị trí việc làm*).

Trường có quy định về đánh giá nhà giáo theo quy định Thông tư 08/2017/TT- BLĐTĐBXH ngày 10/3/2017 quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (3.1.04. 3.1.05. *Kế hoạch số 298/KH-CĐCN&TM ngày 29 tháng 6 năm 2022 về việc Đánh giá, xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp năm 2022; 3.1.06. Báo cáo Kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn nghiệp vụ năm học 2022, 2023.*)

Nhà trường có quy định về đánh giá viên chức và lao động theo Nghị định

56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 06 năm 2015 về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức; năm 2020 trường ban hành lại quy định về đánh giá viên chức và lao động theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 08 năm 2020. Năm 2023 trường ban hành lại quy định về đánh giá viên chức và lao động theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức (3.1.07. *Quyết định số 232/QĐ-CĐCNTM ngày 30/8/2021 Quy định về đánh giá, xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, 3.1.08. Quyết định số 201/QĐ-CĐCNTM ngày 15/6/2023 Quy định về đánh giá, xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức người lao động theo quy định, đảm bảo công khai minh bạch thực hiện các chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong công tác tuyển dụng viên chức, Nhà trường căn cứ quy định, xây dựng Kế hoạch để thực hiện (3.2.01. *Kế hoạch tuyển dụng 2021 kèm Tờ trình số 103/TTr- CĐCN&TM của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại. Kế hoạch tuyển dụng 2022 kèm Tờ trình số 180/TTr-CĐCN&TM ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại*).

Việc tuyển dụng viên chức được Nhà trường tổ chức thực hiện theo đúng quy định. Cụ thể:

+ Nhà trường ban hành thông báo về việc xác định nhu cầu về viên chức các đơn vị cần bổ sung (3.2.02. *Thông báo số 345/TB-CĐCN&TM ngày 30/8/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc bổ sung giáo viên tại các đơn vị, Thông báo số: 50/TB-CĐCN&TM ngày 19/02/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc bổ sung giáo viên tại các đơn vị*); Sau khi tổng hợp ý kiến các đơn vị, nhà trường tiến hành họp cấp trường để nghe các đơn vị báo cáo và quyết định số lượng viên chức cần tuyển dụng (3.2.03. *Biên bản số: 440/BB-CĐCN&TM ngày 01/11/2019 Hội đồng xác định chỉ tiêu tuyển dụng giáo viên cơ hữu giai đoạn 2019-2020, Biên bản số: 83 /BB-CĐCN&TM ngày 11/03/2021 Hội đồng xác định chỉ tiêu tuyển dụng giáo viên cơ hữu năm 2021*);

Trường có tờ trình kế hoạch tuyển dụng gửi Bộ Công Thương về việc tuyển dụng viên chức (3.2.04. Tờ trình số 530/TTr-CĐCNTM ngày 31/12/2019, Tờ trình số 103/TTr-CĐCNTM ngày 25/03/2021, Tờ trình số 180/TTr-CĐCNTM ngày 28/4/2022; Bộ Công Thương có ý kiến cho phép tuyển dụng bằng hình thức xét tuyển (3.2.05. Công văn số 1628/BTC- TCCB ngày 09/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2020, Công văn số 2438/BTC-TCCB ngày 04/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2021, Công văn số 6717/BTC-TCCB ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc tuyển dụng viên chức năm 2022).

Sau khi Bộ Công Thương có ý kiến chỉ đạo, Nhà trường ban hành Thông báo tuyển dụng (3.2.06. Thông báo tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2020 số 68/TB-CĐCN&TM ngày 16/3/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại, Thông báo tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2021 số 169/TB-CĐCN&TM ngày 10/5/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại; Thông báo tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2021 số 179/TB-CĐCN&TM ngày 17/5/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Thông báo số 2) Thông báo tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2022 số 509/TB-CĐCN&TM ngày 08/11/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại).

Thông báo tuyển dụng được đăng tải công khai tại Cơ sở của Trường và đăng thông tin trên Đài Phát thanh - Truyền hình Vĩnh Phúc. (3.2.07. Hợp đồng quảng cáo số 09/2020/HĐQC giữa Đài Phát thanh- Truyền hình Vĩnh Phúc và Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại, Hợp đồng quảng cáo số 09/2020/HĐQC giữa Đài Phát thanh- Truyền hình Vĩnh Phúc và Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại; Hợp đồng số 21/2021/HĐQC giữa giữa Đài Phát thanh- Truyền hình Vĩnh Phúc và Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại).

Sau khi hết thời hạn thông báo, căn cứ các quy định hiện hành, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển dụng (3.2.08. Quyết định số:114/QĐ-CĐCN&TM ngày 24/4/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2020, Quyết định số 126/QĐ-CĐCN&TM ngày 22/6/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và

Thương mại về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2021.

Và thành lập các Ban giúp việc gồm: Ban Giám sát. (3.2.09. *Quyết định số:115/QĐ- CDCN&TM ngày 24/4/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc thành lập Ban Giám sát kỳ xét tuyển viên chức đợt 1 năm 2020, Quyết định số:127/QĐ-CDCN&TM ngày 22/6/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc thành lập Ban Giám sát kỳ xét tuyển viên chức đợt 1 năm 2021. Ban Kiểm tra phiếu dự tuyển (3.2.10. Quyết định số:02/QĐ-TDD1- 2020 ngày 11/5/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc thành lập Ban Kiểm tra phiếu dự tuyển; Quyết định số 129/QĐ-TDD1-2021 ngày 02/7/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc thành lập Ban Kiểm tra phiếu dự tuyển; Biên bản họp Hội đồng tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2021 lần 1,2,3).*

Quá trình triển khai thực hiện, nội dung các cuộc họp liên quan đề được cụ thể bằng biên bản. (3.2.11. *Biên bản họp Hội đồng tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2020 lần 1,2,3; Biên bản họp Hội đồng tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2021 lần 1,2,3).* Kết thúc vòng kiểm tra thứ nhất, Nhà trường thông báo đầy đủ thông tin đến cho các ứng viên, trong đó có danh sách các ứng viên đủ điều kiện tham dự vòng 2 (3.2.12. *Thông báo số: 06/TB-TDD1-2020 ngày 17/5/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc thí sinh đủ điều kiện tham dự vòng 2; Thông báo số:06/TB-TDD1-2021 ngày 04/07/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc thí sinh đủ điều kiện tham dự vòng 2);*

Để chuẩn bị cho vòng 2, Nhà trường thành lập Ban kiểm tra sát hạch để đánh giá chuyên môn của các thí sinh. (3.2.13. *Quyết định số: 05/QĐ-TDD1-2020 ngày 15/5/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc thành lập Ban Kiểm tra sát hạch; Quyết định số 131/QĐ- HĐTD ngày 02/7/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc thành lập Ban Kiểm tra sát hạch chuyên môn năm 2021);* và ban hành Kế hoạch kiểm tra sát hạch vòng 2. (3.2.14. *Thông báo số 06/TB-TDD1-2020 ngày 21/5/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về Kế hoạch kiểm tra sát hạch tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2020; Thông báo số 07/TB-TDD1-2021 ngày 05/07/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về Kế*

hoạch kiểm tra sát hạch tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2021).

Kết thúc đợt tuyển dụng, Nhà trường gửi Công văn báo cáo kết quả đến cơ quan chủ quản là Bộ Công Thương theo đúng quy định. (3.2.15. Công văn số 169/CV- CDCN&TM ngày 03/6/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại gửi Bộ Công Thương về việc báo cáo kết quả tuyển dụng viên chức; Công văn số 262/CV-CDCN&TM ngày 12/7/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại gửi Bộ Công Thương về việc báo cáo kết quả tuyển dụng viên chức đợt 1 - năm 2021), đồng thời ban hành các quyết định công nhận kết quả để thực hiện và báo cáo cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. (3.2.16. Quyết định số: 175/QĐ-CDCN&TM, ngày 4/6/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại, phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức năm 2020; Quyết định số 176/QĐ-CDCN&TM ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2021).

Năm 2022, sau khi Nhà trường nhận được Công văn số 6717/BTC-TCCB ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc tuyển dụng viên chức năm 2022. Nhà trường đã tiến hành các bước theo Quy định 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Việc sử dụng viên chức: Trường căn cứ Quy định về tuyển dụng, sử dụng, dưỡng viên viên chức (3.1.01 Quyết định số: 533/QĐ-CDCN&TM ngày 29/11/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại, ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và bồi dưỡng viên chức). Trường bố trí cán bộ, viên chức và lao động theo đúng đề án vị trí việc là được Bộ Công thương phê duyệt vào 14 đơn vị trực thuộc gồm 6 phòng, 7 khoa, 01 trung tâm (3.2.17. Quyết định số 4988/QĐ-BCT ngày 29/12/2017 của Bộ Công thương về phê duyệt đề án vị trí việc làm, Danh mục vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; Đề án vị trí việc làm trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại). Cán bộ, viên chức và lao động được phân công làm việc theo đúng vị trí việc làm (3.2.18. Danh sách nhà giáo giảng dạy phân theo nghề; 3.2.19. Danh sách nhà giáo dạy môn chung).

- Nhà trường thực hiện công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn

2021 - 2026 và xây dựng mới quy hoạch cán bộ giai đoạn 2026-2031 theo quy định (3.2.20. *Quyết định số 60/QĐ-CĐCN&TM ngày 22/3/2022 về việc rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý, cán bộ lãnh đạo giai đoạn 2021 - 2026, 2026 - 2031, Quyết định số 152/QĐ-CĐCN&TM ngày 22/5/2023 về việc rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý, cán bộ lãnh đạo giai đoạn 2021 - 2026, 2026 - 2031; Quyết định số 119/QĐ-CĐCN&TM ngày 11/4/2024 về việc rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý, cán bộ lãnh đạo giai đoạn 2021 - 2026, 2026 - 2031*).

Việc bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 06/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Nhà trường ban hành kế hoạch triển khai. (3.2.21. *Kế hoạch bồi dưỡng viên chức các năm 2022, 2023, 2024*); Hàng năm, Nhà trường cử các nhà giáo đến các doanh nghiệp cũng như các cơ sở đào tạo để học tập, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ. (3.2.22. *Quyết định cử viên chức đi học tập, bồi dưỡng năm 2022, 2023, 2024*; 3.2.23. *Kế hoạch tổ chức sát hạch trình độ Ngoại ngữ, Tin học. Quyết định công nhận kết quả sát hạch trình độ Ngoại ngữ, Tin học.*).

Về việc đánh giá viên chức: Hàng năm, Nhà trường căn cứ quy định hiện hành, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công tác đánh giá, phân loại viên chức. (3.2.24. *Kế hoạch đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức năm 2022, 2023, 2024*); Kết quả thực hiện kế hoạch được Hiệu trưởng công nhận để sử dụng vào các nội dung theo yêu cầu. Đối với ban lãnh đạo, trường thực hiện xong có Công văn gửi Bộ Công thương đánh giá theo thẩm quyền. (3.2.25. *Các quyết định công nhận kết quả phân loại viên chức các năm 2022, 2023*); 3.2.26. *Báo cáo kết quả đánh giá xếp loại nhà giáo về chuyên môn nghiệp vụ các năm học 2021-2022, 2022-2023*; 3.2.27. *Công văn gửi Bộ Công Thương về việc đánh giá phân loại cán bộ lãnh đạo trường các năm: 2022, 2023*).

Thực hiện chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động:

Các chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của Nhà trường được thực hiện đảm bảo công khai minh bạch theo quy định, như việc nâng lương hàng năm của viên chức. (3.2.28. *Thông báo danh sách viên*

chức nâng lương năm 2022, 2023, 2024); chế độ khen thưởng được thực hiện kịp thời. (1.8.15. Quyết định khen thưởng các tập thể, cá nhân đạt thành tích các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024); Các chế độ với nữ giới cũng được Nhà trường đảm bảo (3.2.29. Danh sách viên chức hưởng chế độ thai sản năm 2022, 2023, 2024); Giáo viên được hưởng chế độ chính sách ưu đãi khi đạt được kết quả học tập. (3.2.30. Bảng tổng hợp khối lượng giáo viên các năm 2022, 2023, 2024; 3.2.30. Các quyết định chi tết, ngày lễ, thăm quan du lịch, hỗ trợ học tập bồi dưỡng, phụ cấp nhà giáo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của Trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đào tạo 03 cấp trình độ các ngành nghề gồm Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp (1.2.01. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 89/2021/GCNDKHD-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNDKHD-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/GCNDKHD-TCGDNN ngày 31 tháng 7 năm 2023), Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 66/2024/GCNDKHD-TCGDNN ngày 24 tháng 9 năm 2024. Sau nhiều năm định hướng và thực hiện các giải pháp hỗ trợ học tập, hiện nay 95% nhà giáo giáo dục nghề nghiệp của nhà trường đủ điều kiện giảng dạy trình độ cao đẳng theo quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tại Thông tư số 08/2017/TT-LĐTĐ ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Thông tư 21/2020/TT-LĐTĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 (3.3.01. Danh sách trích ngang nhà giáo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Danh sách trích ngang nhà giáo thỉnh giảng năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024). Hồ sơ nhà giáo được quản lý và cập nhật. (3.3.02. Hồ sơ quản lý nhà giáo, người lao động).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định

của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà giáo cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế tổ chức và hoạt động của trường ban hành tại Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Từ điều 27 đến điều 33) quy định hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng, các phó Hiệu trưởng, các đơn vị trực thuộc, các cán bộ, viên chức và người lao động. (3.4.01. *Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Công nghiệp*).

Trường cụ thể hóa nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của từng bộ phận, cá nhân bằng Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của đơn vị thuộc Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (1.5.01. *Quyết định số 65/QĐ- CDCN&TM-TCHC ngày 24/01/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của đơn vị thuộc Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại; Quyết định số 524/QĐ-CDCN&TM-TCHC ngày 30/11/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của đơn vị thuộc Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại*).

Nhà trường cũng ban hành các nội quy, quy chế nội bộ để các cá nhân, tập thể làm căn cứ thực hiện. (1.3.06. *Quy định nội bộ năm 2022, 2023, 2024*); Nhà trường cũng quy định vị trí việc làm cụ thể. (3.4.02. *Danh sách trích ngang viên chức, người lao động (trình độ chuyên môn, thời gian công tác, vị trí việc làm)*); Các văn bản ghi nhận sự việc vi phạm (nếu có) của viên chức được lưu hồ sơ đầy đủ. (3.3.02. *Hồ sơ quản lý nhà giáo, người lao động*). Các ý kiến nhận xét đánh giá cán bộ, viên chức hàng năm được lưu phiếu. (3.4.03. *Phiếu đánh giá cán bộ viên chức năm 2022, 2023*), và được phân tích, báo cáo tại các báo cáo tổng kết các đơn vị. Qua tổng kết đánh giá, Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường. (1.8.06. *Báo cáo tổng kết năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*; 3.4.04. *Báo cáo Hội nghị cán bộ viên chức và lao động năm 2021, 2022 và*

2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi:

Năm học 2022-2023, nhà trường có 126 giáo viên cơ hữu, 16 giáo viên thỉnh giảng, năm học 2023-2024, nhà trường có 122 giáo viên cơ hữu, 17 giáo viên thỉnh giảng, năm học 2024-2025, nhà trường có 115 giáo viên cơ hữu, 21 giáo viên thỉnh giảng, (3.3.01- Danh sách trích ngang nhà giáo năm học 2022-2023, 2023-2024; 2024-2025; Danh sách trích ngang nhà giáo thỉnh giảng năm học 2022 2023, 2023-2024; 2024-2025).

Tỉ lệ nhà giáo của Nhà trường quy đổi năm 2022 là 24,1, năm 2023 là 25,2%, năm 2024 là 25,5% đảm bảo tỉ lệ người học/nhà giáo theo quy định chung tại văn bản hợp nhất số: 975/VBHN-BLĐT BXH ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Bộ Lao động thương binh và xã hội về việc hợp nhất các quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp tại Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. (3.5.01. Bảng quy đổi tỷ lệ học sinh trên nhà giáo năm 2022, 2023, 2024)

Trường có số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định:

Số giáo viên cơ hữu của trường luôn đảm nhiệm từ 60% chương trình đào tạo trở lên. (3.5.02. Danh sách các giáo viên cơ hữu giảng dạy các môn học, mô đun kèm theo quyết định phân công).

Tỷ lệ giáo viên, giảng viên dạy nghề có trình độ sau đại học không ít hơn 30%

tổng số giáo viên, giảng viên của Trường cao đẳng, bảo đảm mỗi ngành, nghề giảng

dạy trình độ cao đẳng có giảng viên trình độ thạc sỹ trở lên. (Danh sách Giáo viên)

Hàng năm, Trường ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên trên cơ sở căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 10/3/2017 của Bộ LĐ-TĐBXH quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Thông tư 28/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (1.3.08. Quy định chế độ làm việc của Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp năm 2022, 2023, 2024).

Nhà trường ban hành Kế hoạch tiến độ đào tạo từng học kỳ, năm học, kế hoạch đào tạo cho từng ngành, môn học chi tiết. Trong Kế hoạch đào tạo phân công đến từng nhà giáo giảng dạy cho từng môn học, cụ thể cho các giờ học lý thuyết, học thực hành, thực tập lao động sản xuất (4.5.01. Kế hoạch đào tạo các năm học từ 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 4.5.02. Kế hoạch giáo viên các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Các lớp thuộc các ngành đào tạo của Nhà trường có danh sách Học sinh, Sinh viên cụ thể. (2.3.09. Quyết định thành lập lớp các năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024). Danh sách HSSV được ghi trong sổ lên lớp theo lớp học lý thuyết, thực hành đảm bảo đúng quy định về số lượng HSSV (3.5.03. Danh sách phân nhóm đối với các môn lý thuyết, thực hành).

Nhà trường căn cứ kế hoạch đào tạo và kế hoạch nhà giáo, kết quả thực hiện thời khóa biểu để thống kê tổng số giờ giảng dạy của giảng viên và các hoạt động kiêm nhiệm khác (4.5.03 Bảng thống kê giờ giảng của nhà giáo các năm 2022, 2023, 2024). Đối với các giảng viên cơ hữu có số giờ vượt tiêu chuẩn được trường thanh toán, các giảng viên thỉnh giảng thanh toán theo hợp đồng. Mức thanh toán theo Quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với hoạt động đào tạo thực tế của trường và thực hiện cơ chế quản lý tài chính thống nhất trong toàn đơn vị. (4.5.05. Bảng thanh toán lương, thanh toán vượt giờ các năm 2022, 2023, 2024).

Ngoài nhiệm vụ giảng dạy, giảng viên của trường thực hiện các nhiệm vụ khác như coi thi, chấm thi kết thúc môn học, mô đun; nghiên cứu khoa học; xây

dựng chương trình, giáo trình; hướng dẫn HSSV làm Robocon dự thi; tham gia tư vấn tuyển sinh; giáo viên chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; làm thiết bị dạy học (*3.5.05- Các kế hoạch thi, kiểm tra kết thúc môn học, mô đun; các kế hoạch tổ chức nghiên cứu khoa học; các kế hoạch xây dựng chương trình, giáo trình; các kế hoạch tư vấn tuyển sinh; các quyết định giao giáo viên chủ nhiệm lớp, các kế hoạch xây dựng thiết bị dạy học tự làm*).

Nhà trường đảm bảo về đội ngũ nhà giáo “ Có đội ngũ giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý đủ về số lượng, phù hợp với cơ cấu ngành, nghề và trình độ đào tạo; đạt tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm theo quy định của pháp luật; bảo đảm thực hiện mục tiêu, chương trình đào tạo, trong đó: Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25. Có số lượng giáo viên, giảng viên cơ hữu đảm nhận tối thiểu 60% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo”. Quy định tại Điều 15 mục d của văn bản hợp nhất số 975/VBHN-BLĐTĐBXH 12 tháng 3 năm 2019 của Bộ LĐTBXH về hợp nhất Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018; Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

Nhà trường có Kế hoạch công tác thanh, kiểm tra giáo dục nghề nghiệp hàng năm về chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu và hồ sơ giảng dạy của nhà giáo tại các cơ sở đào tạo, các trung tâm liên kết (*1.8.03- Kế hoạch thanh, kiểm tra giáo dục nghề nghiệp các năm 2022, 2023, 2024*). Báo cáo kết quả thanh kiểm tra hoạt động đào tạo hàng tháng và báo cáo tổng kết năm học. (*1.8.04- Báo cáo tổng hợp việc thực hiện quy chế hàng tháng các năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 1.8.06. Báo cáo tổng kết năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6

Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có đủ chương trình đào tạo các nghề được cấp phép đào tạo và hướng dẫn về phương pháp giảng dạy từng môn học, mô đun (2.8.01- *Chương trình đào tạo/chương trình môn học, mô đun/Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học*).

Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo, cụ thể: Trường ban hành kế hoạch đào tạo khóa học, tiến độ đào tạo, phân công giảng dạy; các khoa, nhà giáo thực hiện đầy đủ các biểu mẫu theo quy định kế hoạch giáo viên, lịch trình giảng dạy, thời khóa biểu, sổ lên lớp. Nhà giáo của trường thực hiện g (2.4.03. *Kế hoạch đào tạo của năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.4.04. Tiến độ giảng dạy; 2.5.04. Thời khóa biểu; 2.5.05. Kế hoạch giảng dạy môn học, mô đun; 2.6.01. Sổ lên lớp; 2.6.02. Sổ tay giáo viên; 2.6.03. Giáo án năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 3.5.02. Kế hoạch giáo viên các năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 3.6.01. Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy các môn học, mô đun*)

Trường quản lý đào tạo bằng phần mềm Essoft (2.9.01. *Phần mềm quản lý đào tạo ESSoft*) giúp cho quản lý tốt chương trình đào tạo các khóa, quản lý điểm học tập, quản lý kết quả rèn luyện của HSSV. Phần mềm giúp cho giám sát điều kiện học tập các môn học, mô đun, điều kiện thi thúc môn học/ mô đun.

Trường ban hành quy định về chấm thi kết thúc môn học, mô đun để thực hiện đáp ứng quy chế quản lý đào tạo (2.13.02. *Quyết định số 205/QĐ-CĐCN&TM ngày 1/8/2021 của Hiệu trưởng Quy định về việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun*).

Trường giao tổ Kiểm định - Đảm bảo chất lượng định kỳ, đột xuất dự giờ và có báo cáo ban lãnh đạo (3.6.02. *Biên bản kiểm tra định kỳ, đột xuất; 1.8.04. Biên bản thanh, kiểm tra đào tạo các năm học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*).

Hàng năm, Trường tổ chức Hội giảng cấp cơ sở gồm 2 bước: bước 1 hội giảng cấp khoa do các khoa lập kế hoạch, phòng Đào tạo tổng hợp trình ban lãnh đạo duyệt thực hiện; bước 2 hội giảng cấp trường là các nhà giáo được lựa chọn từ các khoa. (3.6.03. Kế hoạch hội giảng các cấp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 3.6.04. Quyết định thành lập ban tổ chức hội giảng cấp trường năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.8.06. Phiếu đánh bài giảng năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Kết thúc năm học, trường có báo cáo tổng kết đánh giá các hoạt động đào tạo trong đó đánh giá thực hiện nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo (1.8.09. Báo cáo tổng kết các năm học của Nhà trường 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ các năm (1.3.07. Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, 2023, 2024). Giảm giờ làm việc cho cán bộ, viên chức đi học bồi dưỡng và hưởng nguyên lương, xét thi đua.

Khuyến khích cho đi học chuyển đổi ngành đào tạo, văn bằng 2 để về phục vụ Nhà trường. Quyết sách của lãnh đạo vừa giúp cho cơ cấu ngành nghề của trường đảm bảo ổn định, vừa huy động được nguồn lực trong trường trong điều kiện tuyển dụng rất khó khăn hiện nay, vừa động viên những nhà giáo không đủ giờ giảng, có thu nhập thấp có động lực phấn đấu chuyên ngành.

Trường triển khai cho các đơn vị trực thuộc căn cứ nhiệm vụ, tiêu chuẩn đăng ký nhu cầu bồi dưỡng hàng năm đề lập dự kiến kế hoạch bồi dưỡng, dự toán kinh phí bồi dưỡng (3.2.20- Kế hoạch bồi dưỡng viên chức các năm 2022, 2023, 2024), tổ chức các lớp bồi dưỡng tại trường (3.7.01. Kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng tại trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Hàng năm trường cũng cử cán bộ, viên chức tham gia các khóa bồi dưỡng do các tổ chức, đơn vị khác thực hiện: Quyết định cử viên chức đi học lý luận chính trị; Quyết định cử viên chức đi học, tập huấn các lớp nghiệp vụ (3.7.02. Các Quyết định cử viên chức đi học tập, tập huấn các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024) Trường thực hiện chính sách pháp luật khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy bằng chi hỗ trợ.

Như vậy, Nhà trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong 3 năm trở lại đây, do nguồn kinh phí hạn hẹp, nhà trường không tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

Tuy nhiên, Nhà trường có kế hoạch tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho một số nhà giáo chưa có chứng minh về kiến thức ngoại ngữ và tin học đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. (3.8.01. Kế hoạch tổ chức sát hạch ngoại ngữ, tin học năm 2023).

Các nhà giáo phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế, Nhà trường lập danh sách và cử tham gia học tập, bồi dưỡng. (3.8.02. Công văn, quyết định cử nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng).

Ngoài ra, căn cứ thông báo mở lớp của các cơ sở đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ, Nhà trường thống kê nhu cầu và cử nhà giáo đi tập huấn, học tập theo từng nhóm chuyên môn cụ thể. Kết thúc đợt học, nhà giáo có báo cáo kết quả về nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để

cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở Kế hoạch đào tạo toàn trường, tiến độ thực hiện theo năm học, kỳ học. Các khoa chuyên môn căn cứ phân công môn học, mô-đun giảng dạy cho nhà giáo. Từng nhà giáo căn cứ lập kế hoạch nhà giáo cho mình theo năm học. Trong kế hoạch đó phải thể hiện thời gian giảng dạy trên lớp, thời gian tự học tập, nghiên cứu khoa học và thời gian đi học tập trải nghiệm tại doanh nghiệp. Trong đó đảm bảo thời gian đi học tập trải nghiệm của nhà giáo phải đảm bảo ít nhất 2 tuần/ năm. Năm 2022, trường đã tổ chức cho 10 lượt nhà giáo đi học tập trải nghiệm thực tế hàng năm tại các Đơn vị đào tạo, Doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để bổ sung kinh nghiệm nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu nghiên cứu và giảng dạy năm 2022 là 5 lượt năm. Năm 2023, căn cứ nhu cầu, nhiệm vụ của giáo viên và điều kiện của Nhà trường cũng như nhu cầu của Doanh nghiệp giảm nên nhà trường chưa cử được cán bộ, nhà giáo đi học tập, trải nghiệm tại các doanh nghiệp (3.9.02. Công văn, Quyết định cử nhà giáo đi học tập, trải nghiệm tại các doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 3: 0 điểm

Tiêu chuẩn 10: *Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo hằng năm, chỉ ra kết quả đạt được, ưu điểm, nhược điểm.

Trong Báo cáo tổng kết, đánh giá các hoạt động, Nhà trường có các nội dung đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nói chung trong đó có đội ngũ nhà giáo (1.8.06. Báo cáo tổng kết năm học các năm; 3.4.04. Báo cáo Hội nghị cán bộ viên chức và người lao động năm 2022, 2023, 2024).

Từ kết quả đánh giá, Nhà trường rút kinh nghiệm để xây dựng kế hoạch công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo cho năm tiếp theo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 3: 0 điểm.

Tiêu chuẩn 11: *Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của Trường đáp ứng các tiêu chuẩn*

theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Lãnh đạo Nhà trường hiện nay có 01 đồng là Hiệu trưởng được bổ nhiệm theo đúng quy trình bổ nhiệm cán bộ theo các văn bản hiện hành và theo đúng Quyết định của Bộ Công Thương các thủ tục quy trình bổ nhiệm. Đồng chí Hiệu trưởng phụ trách toàn bộ công việc của nhà trường. (3.11.01. *Danh sách trích ngang Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng*); Đồng chí Hiệu trưởng đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định Điều lệ trường Cao đẳng và Luật Giáo dục nghề nghiệp, có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, công tác quản lý, trên cơ sở đó điều hành hoạt động đào tạo của Nhà trường luôn bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, đồng thời quản lý điều hành mọi hoạt động trong toàn trường luôn theo sát chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thường xuyên đôn đốc kiểm tra, đánh giá và rút kinh nghiệm kịp thời, xây dựng được tập thể nhất trí cao trong việc thực hiện tốt các chủ trương, kế hoạch của Nhà trường.

Hồ sơ của Hiệu trưởng Nhà trường được Bộ Công Thương quản lý theo sự phân cấp của Bộ.

Hiệu trưởng trường cao đẳng phải có đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật giáo dục nghề nghiệp.

Lãnh đạo Nhà trường đều có có phẩm chất tốt thể hiện ở lối sống trong sáng, lành mạnh, tiết kiệm và gương mẫu trong cơ quan, quan tâm đến tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, giảng viên, nhân viên và học sinh, tận tâm với nghề, tận tụy với công việc và học trò. Với kinh nghiệm nhiều năm giảng dạy và quản lý, đồng chí lãnh đạo có năng lực chuyên môn và đã quản lý hiệu quả được các hoạt động chuyên môn của Nhà trường là đào tạo sinh viên Cao đẳng, trung cấp đáp ứng yêu xã hội. Ngoài ra, đồng chí lãnh đạo đã qua lớp đào tạo, bồi dưỡng về quản lý giáo dục nghề nghiệp do Bộ Công Thương tổ chức và đã được cấp chứng chỉ. (3.11.03. *Hồ sơ Hiệu trưởng*).

Hàng năm, căn cứ văn bản hướng dẫn của Bộ Công Thương tổng kết, đánh giá xếp loại công chức, lãnh đạo Nhà trường báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm và được tập thể cán bộ quản lý đánh giá cao và đạt Hoàn thành tốt nhiệm vụ, đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (3.11.04. *Phiếu đánh giá cán bộ công*

chức năm 2022, 2023, 2024). (1.6.06. Các Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân năm 2022, 2023, 2024). Tại các báo cáo tổng kết năm học, việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Hiệu trưởng được phân tích chi tiết, cụ thể. (1.8.14. Báo cáo tổng kết năm học các năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Như vậy, Hiệu trưởng của Trường đã đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: *Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động (3.4.01. Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại). Trường ban hành quy chế về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển đối với viên chức giữ chức vụ quản lý (3.12.01. Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ).

Trường thực hiện bổ nhiệm theo đúng quy chế ban hành về tiêu chuẩn bổ nhiệm, các bước (5 bước). Hồ sơ bổ nhiệm cán bộ được lưu trữ theo đúng quy định, tổng hợp số lượng bổ nhiệm (3.12.02. Hồ sơ thủ tục bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại cán bộ). Năm 2022 bổ nhiệm 01 trưởng phòng và 02 phó trưởng phòng, năm 2023 Nhà trường được Bộ Công thương ban hành Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng nhiệm kỳ 2023 – 2028 và bổ nhiệm 02 trưởng phòng, 01 trưởng khoa và 01 phó trưởng khoa phụ trách khoa. Năm 2024, do yêu cầu về việc thu gọn bộ máy, nhà trường đã sáp nhập 6 đơn vị chức năng còn lại thành 3 đơn vị, đáp ứng yêu cầu công việc cũng như yêu cầu về tinh giản bộ máy quản lý (3.12.03. Danh sách trích ngang cán bộ quản lý, Hồ sơ bổ nhiệm cán bộ quản lý).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: *Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ: năm 22 có 13 đơn vị trực thuộc, năm 2023 có 15 đơn vị trực thuộc, năm 2024 có 11

đơn vị trực thuộc. Số lượng cán bộ quản lý tại thời điểm các năm 2022, 2023 đủ về số lượng, năm 2024 số cán bộ quản lý tại các đơn vị đã được bổ sung và hoàn thiện. Số cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc: 11 đơn vị có cấp trưởng (trưởng phòng, trưởng khoa), 15 đơn vị có cấp phó (phó trưởng phòng, phó trưởng khoa); cán bộ quản lý có chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng theo quy định về tiêu chuẩn cán bộ của trường. (3.12.01. *Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý năm 2022, 2023, 2024*).

Các vị trí trưởng, phó các phòng, khoa, trung tâm có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng tiêu chuẩn. Các vị trí trưởng, phó các phòng, khoa, trung tâm có đủ các chứng chỉ nghiệp vụ theo vị trí trí việc làm. (3.13.01. *Quy định về tiêu chuẩn cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc*)

Đối với bộ phận kế toán, Nhà trường vẫn chưa bổ nhiệm được kế toán trưởng. Hiện tại đã bổ nhiệm phó trưởng phòng.

Cán bộ quản lý của Trường thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao: Cán bộ Trường thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo đúng quy định tại Quy chế tạm thời về tổ chức, hoạt động của trường (3.13.02. *Quy chế tạm thời về tổ chức, hoạt động của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại*). Hàng tháng giao ban lãnh đạo với các bộ phận có đánh giá thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc (3.13.03. *Các biên bản họp giao ban hàng tháng các năm 2022, 2023, 2024*)

Hằng năm, Trường tổ chức đánh giá cán bộ viên chức theo quy định, kết quả đánh giá cho thấy các cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên thể hiện phiếu đánh giá cán bộ viên chức được trường lưu hồ sơ cán bộ viên chức (3.4.03. *Phiếu đánh giá và phân loại viên chức năm 2022, 2023, 2024*).

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ quản lý của Nhà trường có phẩm chất, đạo đức tốt, tâm huyết và trách nhiệm với công việc, có năng lực chuyên môn vững vàng và tiếp cận nhanh chóng nghiệp vụ quản lý, do đó hầu hết cán bộ quản lý của Trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong quản lý giáo dục.

Trong 3 năm qua từ 2022 đến năm 2024, Nhà trường đã có nhiều cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, được Bộ trưởng Bộ Công Thương tặng Bằng

khen. Tuy nhiên, cũng có 02 cán bộ lãnh đạo của Nhà trường bị kỷ luật vi phạm những điều đảng viên không được làm. (1.5.02. Báo cáo của các đơn vị trực thuộc trường về kết quả thực hiện Nghị quyết Hội nghị viên chức, Phương hướng nhiệm vụ, Kết quả các năm 2022, 2023, 2024; 1.8.06. Báo cáo tổng kết năm học các năm; 3.4.04. Báo cáo Hội nghị cán bộ viên chức và lao động năm 2022, 2023, 2024). Như vậy, đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong những năm gần đây, Nhà trường đặc biệt quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý, hàng năm, từ đầu năm học. Trường tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý với hình thức đào tạo, bồi dưỡng tại trường:

Năm 2022 trường đã cử được 22 cán bộ quản lý tham gia lớp Nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp. (3.14.01. Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý các năm 2021, 2022, 3.14.02. Hình ảnh lớp bồi dưỡng tại trường). Năm 2023 do chưa nhận được công văn mở lớp nên nhà trường không cử được cán bộ quản lý nào tham gia đào tạo. Năm 2024, nhà trường đã cử được 01 cán bộ quản lý tham gia lớp Nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp, 03 đồng chí tham gia lớp Trung cấp lý luận chính trị.

Trường căn cứ công văn triệu tập, mở lớp của Tổng cục GDNN, Bộ Công thương cử cán bộ đi tập huấn nghiệp vụ. Trong thời gian 3 năm nhà trường đã cử 40 lượt cán bộ quản lý tham gia tập huấn, bồi dưỡng (3.14.03. Các quyết định cử cán bộ quản lý đi tập huấn nghiệp vụ hàng năm).

Kết thúc năm học trường có báo cáo các tổng kết công tác bồi dưỡng chung toàn trường, trong đó có công tác bồi dưỡng cho cán bộ quản lý (1.8.14. Báo cáo tổng kết năm học các năm 2022-2023, 2023-2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15: *Đội ngũ viên chức, người lao động của Trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có đội ngũ viên chức, người lao động đủ số lượng đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Trường các đơn vị phòng, trung tâm có phân công nhiệm vụ cho cán bộ nhân viên và lao động của đơn vị để thực hiện, bản phân công được gửi về phòng Tổ chức - Hành chính và gửi lãnh đạo trường phụ trách bộ phận. (3.3.01. *Danh sách trích ngang viên chức, nhân viên; 3.15.01. Các bản phân công nhiệm vụ cho cán bộ nhân viên và lao động của các phòng, trung tâm; lịch trực của ban bảo vệ các cơ sở*).

Trường có số lượng nhân viên (trừ nhà giáo, cán bộ quản lý, hợp đồng bảo vệ) là 7 người được bố trí các đơn vị trực thuộc, với quy mô đào tạo, nhiệm vụ được giao, số lượng nhân viên đáp ứng được yêu cầu công việc được giao. Các viên chức, người lao động của trường có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

Trường căn cứ đề án vị trí việc làm, căn cứ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực của các viên chức, người lao động để bố trí, sắp xếp vào các đơn vị cho phù hợp, trong quá trình hoạt động có sự điều chuyển viên chức và lao động giữa các đơn vị khi quy mô đào tạo thay đổi, khối lượng công việc thay đổi (1.3.05. *Các Quyết định thành lập đơn vị, điều chuyển, bổ nhiệm*).

Hàng năm, trường tổ chức đánh giá viên chức và lao động, tổng kết năm học, tổ chức hội nghị viên chức và lao động cho thấy các viên chức và lao động thuộc các bộ phận đều hoàn thành nhiệm vụ trở lên. (1.5.02. *Báo cáo của các đơn vị trực thuộc trường về kết quả thực hiện Nghị quyết Hội nghị viên chức Kết quả 2021, phương hướng 2022; Kết quả 2022, phương hướng 2023, Kết quả 2023, phương hướng 2024*).

Đội ngũ viên chức, người lao động của trường được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ: Trong năm (từ 2022-2024) đã có 35 lượt người được bồi dưỡng Tin học, Tiếng Anh, Nghiệp vụ văn thư lưu trữ tại Trường, Nghiệp vụ Sư phạm và cử đi bồi dưỡng về công tác phòng cháy, chữa cháy, tập huấn về chuyên môn nghiệp

vụ cũng như bồi dưỡng công tác quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 3: 1 điểm

3.2.4. Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình.

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4

Chương trình đào tạo và giáo trình là một trong 3 yếu tố quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo của các cơ sở đào tạo nói chung và của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại. Chương trình đào tạo của Trường xây dựng đảm bảo nội dung kiến thức, kỹ năng phù hợp trình độ đào tạo và có cải tiến ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ, đáp ứng chuẩn đầu ra. Hàng năm, Trường có kế hoạch rà soát, chỉnh sửa, bổ sung. Khi Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội ban hành thay thế cho Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội, Trường đã tổ chức chỉnh sửa, ban hành lại tất cả các chương trình vào năm 2022 cho phù hợp với Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH.

Chương trình đào tạo đảm bảo tính liên thông các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân. Nội dung Chương trình đào tạo đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với cấp trình độ đào tạo tương ứng theo từng nghề.

Chương trình đào tạo đã xác định được danh mục và thời lượng của từng môn học, mô đun tương ứng với phương thức đào tạo; tỉ lệ thời gian học thực hành, thực tập chiếm 70%. Chương trình cũng quy định những yêu cầu tối thiểu với cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng.

Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo đã thu hút được cán bộ, nhà giáo trong trường cũng như cán bộ ngoài trường, chuyên gia từ các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có uy tín tham gia nhận xét đánh giá.

Giáo trình đã cụ thể hoá được mục tiêu đào tạo về kiến thức, kỹ năng, thái độ và từng bước đáp ứng được yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học.

Trong các giáo trình nội bộ đều có phương pháp kiểm tra đánh giá, có câu hỏi, bài tập, nguồn học liệu trích dẫn rõ ràng, đảm bảo.

- *Những tồn tại:* Chương trình đào tạo của trường chưa đảm bảo tính hội nhập quốc tế do chưa được tiếp cận trực tiếp với các chương trình đào tạo của các Trường trong khu vực và trên thế giới. Các ý kiến nhận xét, đóng góp của các chuyên gia từ các doanh nghiệp sản xuất chưa đầy đủ, sâu sắc. Do nguồn kinh phí còn hạn hẹp nên việc chỉnh sửa, biên soạn lại giáo trình phục vụ giảng dạy còn bị hạn chế.

- *Kế hoạch:*

Trong thời gian tới, Nhà trường thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ, giáo viên, học sinh về chất lượng chương trình đào tạo, giáo trình, về mức độ hoàn

thiện các chương trình đào tạo, giáo trình tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực của Nhà trường đạt hiệu quả.

Tiếp tục cập nhật các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ sản xuất để điều chỉnh, bổ sung nội dung của chương trình đào tạo và giáo trình của từng nghề phù hợp với các công nghệ kỹ thuật sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong những năm tiếp theo. Đồng thời Nhà trường phải dành ra một khoản kinh phí để phục vụ công tác chỉnh sửa, biên soạn giáo trình phục vụ giảng dạy.

Đánh giá tiêu chí 4:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	15
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 1: *Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm 2022 đến nay, Nhà trường có 04 lần được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp giấy chứng nhận đăng ký và đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Mỗi thời điểm cụ thể được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN, Trường đều đảm bảo đủ 100% chương trình đào tạo.

1. Năm 2022

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 17/5/2022: Nhà trường hủy, giảm, tăng quy mô tuyển sinh một số ngành nghề đào tạo tại trường và các trung tâm.

- Hủy đăng ký tuyển sinh ngành, nghề Lập trình máy tính trình độ cao đẳng, hủy quy mô tuyển sinh ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính trình độ trung cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 89/2021/GCNĐKBS-TCGDNN do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp ngày 25/8/2021 tại địa điểm phường Trung Nhi, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Giảm quy mô tuyển sinh ngành, nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 89/GCNĐKHĐ-TCGDNN do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp tại địa điểm xã Minh trí, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội từ 50 xuống 25.

- Tăng quy mô tuyển sinh ngành, nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 89/GCNĐKHĐ-TCGDNN do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp tại địa điểm xã Minh trí, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội từ 30 lên 45.

- Giảm quy mô tuyển sinh ngành, nghề Điện công nghiệp trình độ trung cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 89/GCNĐKHĐ-TCGDNN do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp tại địa điểm xã Nam Viêm, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc từ 230 xuống 150.

- Giảm quy mô tuyển sinh ngành, nghề Điện tử công nghiệp trình độ trung cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 89/GCNĐKHĐ-TCGDNN do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp tại địa điểm xã Nam Viêm, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc từ 120 xuống 90.

- Giảm quy mô tuyển sinh ngành, nghề Quản trị lễ tân trình độ cao đẳng trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 89/GCNĐKHĐ-TCGDNN do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp tại địa điểm xã Nam Viêm, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc từ 50 xuống 25.

- Hủy đăng ký ngành, nghề Quản lý và bán hàng siêu thị trình độ trung cấp, Nghiệp vụ bán hàng siêu thị trình độ sơ cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 89/GCNĐKHĐ-TCGDNN do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp tại địa điểm xã Nam Viêm, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Hủy đăng ký ngành, nghề Nghiệp vụ lễ tân trình độ trung cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 89/GCNĐKHĐ-TCGDNN do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp tại địa điểm Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tam Đảo.

- Tăng quy mô tuyển sinh/năm ngành, nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 89/GCNĐKHĐ-TCGDNN do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp tại địa điểm liên kết Trung tâm GDNN-GDTX huyện Lập Thạch từ 25 lên 40.

- Hủy ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ trung cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 89/GCNĐKHHĐ-TCGDNN do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp tại địa điểm liên kết Trung tâm GDNN-GDTX huyện Lập Thạch.

- Tăng quy mô tuyển sinh/năm ngành, nghề Điện công nghiệp trình độ trung cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 89/GCNĐKHHĐ-TCGDNN do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp tại địa điểm liên kết Trung tâm GDNN-GDTX huyện Yên Lạc từ 45 lên 70.

- Tăng quy mô tuyển sinh/năm ngành, nghề Quản trị mạng máy tính trình độ trung cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 89/GCNĐKHHĐ-TCGDNN do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp tại địa điểm liên kết Trung tâm GDNN-GDTX huyện Yên Lạc từ 60 lên 70.

- Nhà trường đã rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 và ban hành chương trình đào tạo theo quyết định số 173/QĐ-CĐCN&TM ngày 8/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2022.

2. Năm 2023

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 17/5/2022 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 31/7/2023: Nhà trường đăng ký bổ sung nghề Điện công nghiệp tại cơ sở 2 Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội và trung tâm GDNN-GDTX huyện Yên Lạc, trung tâm GDNN-GDTX huyện Lập Thạch. Tính đến thời điểm hiện tại, Nhà trường đang được cấp phép đào tạo 10 nghề trình độ cao đẳng, 11 nghề trình độ trung cấp và 13 nghề trình độ sơ cấp.

3. Năm 2024

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 66/2024/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2024: Nhà trường đăng ký bổ sung nghề Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp tại trung tâm GDNN-GDTX huyện Hiệp Hòa; nghề Điện công nghiệp tại trung tâm GDNN-GDTX huyện Tam Dương. Hủy đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp tại trung tâm GDNN-GDTX huyện Vĩnh Tường. Tính đến thời điểm hiện tại, Nhà trường đang được cấp phép đào tạo 10 nghề trình độ cao đẳng, 11 nghề trình độ trung cấp và 13 nghề trình độ sơ cấp.

Như vậy tại mọi thời điểm, Nhà trường có đầy đủ các chương trình đào tạo theo các ngành, nghề và các cấp trình độ theo các giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

(1.2.01. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/GCNĐKBS-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 66/2024/GCNĐKHĐ-TCGDNN; 2.5.01. Chương trình đào tạo của trường năm 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các chương trình đào tạo của Nhà trường đều được xây dựng hoặc lựa chọn đúng quy định trước khi đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp và được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp phê duyệt.

Từ năm 2022 đến nay, Nhà trường có các đợt xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa chương trình đào tạo như sau:

Năm 2022: Thực hiện rà soát, điều chỉnh và ban hành lại CTĐT trình độ cao đẳng 8 ngành nghề, CTĐT trình độ trung cấp 9 ngành nghề cho phù hợp với Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH. Đối với các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp và liên thông từ trung cấp lên cao đẳng: Nhà trường thực hiện việc xây dựng, chỉnh sửa theo đúng trình tự của Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017. Cụ thể theo các bước:

+ Lập kế hoạch rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo: Kế hoạch số 63/KH-CĐCN&TM ngày 14/2/2022 của Hiệu trưởng về việc rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo, chương trình môn học, mô đun trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp năm 2022; Kế hoạch số 32/KH-CĐCN&TM ngày 30/1/2023 của Hiệu trưởng về việc rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo, chương trình môn học, mô đun trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp năm 2023; Kế hoạch số 62/KH-CĐCN&TM ngày 28/2/2024 của Hiệu trưởng về việc rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo, chương trình môn học, mô đun trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp năm 2024 (4.2.01. Các kế hoạch rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo, chương trình môn học, mô đun trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp).

+ Thành lập Ban chủ nhiệm rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo: Quyết định số 31/QĐ-CĐCN&TM ngày 16/2/2022 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban Chủ nhiệm rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2022; Quyết định số 37/QĐ-CĐCN&TM ngày 30/1/2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban Chủ nhiệm rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2023; Quyết định số 70/QĐ-CĐCN&TM ngày 29/2/2024 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban Chủ nhiệm rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2024 (4.2.02. Các

quyết định thành lập Ban Chủ nhiệm rà soát, chỉnh sửa, xây dựng chương trình đào tạo các ngành, nghề).

+ Tổ chức xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo đúng theo hướng dẫn: Xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo; Tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia, giảng viên, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về chương trình đào tạo; Hoàn chỉnh dự thảo chương trình đào tạo (4.2.03. *Biên bản họp khoa về việc cập nhật CTĐT năm 2022, 2023, 2024; 4.2.04. Biên bản hội thảo xin ý kiến đóng góp về CTĐT năm 2022).*

Khi xây dựng chương trình đào tạo mới, Nhà trường thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo đảm bảo có 07 người gồm: Chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên thư ký và các thành viên; trong đó có 02 ủy viên phản biện thuộc một cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác và đại diện cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp là Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và tổ chức thẩm định theo đúng quy định: Quyết định số 204/QĐ-CĐCN&TM ngày 18/4/2019 về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2019.

Khi chỉnh sửa chương trình đào tạo, Nhà trường thành lập Hội đồng chuyên môn đánh giá các chương trình đào tạo theo đúng quy định: Quyết định số 104/QĐ-CĐCN&TM ngày 6/5/2022 của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng chuyên môn đánh giá các chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp đối với các ngành nghề năm 2022 (4.2.05. *Các quyết định thành lập Hội đồng thẩm định (Hội đồng chuyên môn đánh giá) chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp đối với nghề trong trường; 4.2.06. Biên bản họp Hội đồng thẩm định (Hội đồng đánh giá) chương trình đào tạo năm 2022; 4.2.07. Hồ sơ thẩm định các chương trình đào tạo năm 2022).*

+ Ban hành các chương trình đào tạo cao đẳng, trung cấp và liên thông từ trung cấp lên cao đẳng: Quyết định số 112/QĐ-CĐCN&TM ngày 16/5/2022 của Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo 8 nghề trình độ Cao đẳng, 9 nghề trình độ Trung cấp áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2022 (*Ban hành CTĐT sau rà soát chỉnh sửa*) (2.5.01. *Các chương trình đào tạo của trường năm 2022).*

- Đối với các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp: Nhà trường thực hiện xây dựng và ban hành theo Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 và Thông tư 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018. Gồm:

+ Khảo sát, xác định nhu cầu đào tạo nhân lực trình độ sơ cấp.

+ Thiết kế chương trình đào tạo

+ Biên soạn chương trình đào tạo theo nội dung và cấu trúc đã được xác định, trong đó cụ thể hóa từng mô đun; điều kiện thực hiện mô đun; phương pháp và nội dung đánh giá.

- + Hoàn chỉnh dự thảo chương trình đào tạo
- + Thẩm định và ban hành các chương trình đào tạo sơ cấp.

- Từ năm 2020 đến nay, Nhà trường đã rà soát, chỉnh sửa, ban hành chương trình sơ cấp theo Quyết định số 211/QĐ-CĐCN&TM-ĐT ngày 09/7/2020 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo 14 nghề trình độ sơ cấp (*Ban hành sau rà soát chỉnh sửa*) (4.2.08. *Hồ sơ xây dựng các chương trình đào tạo sơ cấp của trường*).

Các thành viên Hội đồng thẩm định đều là các cán bộ quản lý, giáo viên có kinh nghiệm, đại diện các Trường bên ngoài, đại diện các doanh nghiệp, tất cả các đối tượng trên đều có thâm niên tối thiểu 5 năm hoạt động trong lĩnh vực của mình. Có ít nhất 03 thành viên ngoài trường gồm đại diện cơ quan quản lý nhà nước về GDNN (đại diện từ Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) và 02 nhà giáo ngoài trường và 02 đại diện doanh nghiệp tham gia trong Hội đồng thẩm định. 100% chương trình đào tạo có đại diện doanh nghiệp tham gia ban chủ nhiệm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 3: *Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Toàn bộ chương trình đào tạo của trường theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp được Nhà trường xây dựng và Hiệu trưởng nhà trường ra Quyết định phê duyệt và ban hành theo đúng quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH đối với chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng và Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 34/2018/TT - BLĐTBXH sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH đối với chương trình đào tạo trình độ sơ cấp. Các chương trình đào tạo của trường xây dựng đều đảm bảo theo yêu cầu về xây dựng chương trình đào tạo.

- Trong hồ sơ xây dựng các chương trình đào tạo có các biên bản hội thảo (2 lần); Phiếu xin ý kiến chuyên gia là giáo viên, giảng viên thuộc các cơ sở GDNN khác có cùng ngành nghề đào tạo. Nội dung các biên bản hội thảo và phiếu xin ý kiến đã đề cập đến việc chương trình đào tạo thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học (4.2.03. *Biên bản họp khoa về việc cập nhật CTĐT năm 2022*; 4.2.04. *Biên bản hội thảo xin ý kiến đóng góp về CTĐT năm 2022*).

- Trong hồ sơ thẩm định các chương trình đào tạo có phiếu thẩm định của từng chuyên gia trong hội đồng thẩm định, có các biên bản họp của Hội đồng thẩm định. Nội dung của các phiếu thẩm định và biên bản thẩm định có nội dung nhận xét về chương trình đào tạo thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học (4.2.06. *Biên bản họp Hội đồng thẩm định (Hội đồng đánh giá) chương trình đào tạo năm 2022*; 4.2.07. *Hồ sơ thẩm định các chương trình đào tạo năm 2022*).

- 100% chương trình đào tạo của trường đều thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng. Cụ thể:

+ Các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, cao đẳng liên thông và trung cấp: Mục tiêu đào tạo của trình độ được thể hiện ở Mục 1. Mục tiêu đào tạo (1.1. Mục tiêu chung và 1.2. Mục tiêu cụ thể). Trong chương trình chi tiết các môn học/mô đun: Mục II. Mục tiêu môn học/mô đun.

+ Các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp: Mục tiêu đào tạo của trình độ được thể hiện ở I. Mục tiêu đào tạo; II. Mục tiêu môn học/mô đun.

- 100% chương trình đào tạo thể hiện các quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp: Các chương trình đào tạo hệ cao đẳng, cao đẳng liên thông và trung cấp: Tại mục 1.2.2. Trình độ kiến thức, kỹ năng; Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp: tại mục II. Mục tiêu môn học/mô đun/Mục tiêu của bài.

- 100% chương trình đào tạo thể hiện được phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo: Chương trình đào tạo hệ cao đẳng, cao đẳng liên thông và trung cấp: thể hiện ở Mục 3. Nội dung chương trình; Chương trình đào tạo hệ sơ cấp: thể hiện ở Mục III. Danh mục mô đun/môn học đào tạo.

- 100% chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp và hình thức đào tạo: Chương trình đào tạo hệ cao đẳng, cao đẳng liên thông, trung cấp và sơ cấp, thể hiện ở: VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun/môn học/ 2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun/môn học.

- Cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học: Chương trình đào tạo hệ cao đẳng, cao đẳng liên thông, trung cấp và sơ cấp, thể hiện ở: V. Nội dung và phương pháp đánh giá/ 2. Phương pháp đánh giá. (2.5.01. *Các chương trình đào tạo của trường năm 2022*)

Các chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá

kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội “*Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng*”; Điều 10. Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình đào tạo và Điều 11. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo.

Khi xây dựng chương trình đào tạo, Nhà trường đều mời đại diện các doanh nghiệp tham gia góp ý kiến xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo. Đồng thời, trong thành phần Hội đồng thẩm định chương trình cũng có ít nhất một đại diện cơ quan quản lý nhà nước là Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và giáo viên có chuyên môn cao, có kinh nghiệm ngoài trường, một đại diện doanh nghiệp và đảm bảo có ít nhất một phần ba thành viên là nhà giáo đang giảng dạy ở cấp trình độ đào tạo và ngành, nghề tương ứng (4.2.02. Các quyết định thành lập Ban Chủ nhiệm rà soát, chỉnh sửa, xây dựng chương trình đào tạo các ngành, nghề; 4.2.03. Biên bản họp khoa về việc rà soát, cập nhật CTĐT năm 2022; 4.2.04. Biên bản hội thảo xin ý kiến đóng góp về CTĐT năm 2022; 4.2.05. Các quyết định thành lập Hội đồng thẩm định (Hội đồng chuyên môn đánh giá) chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp đối với nghề trong trường; 4.2.06. Biên bản họp Hội đồng thẩm định (Hội đồng đánh giá) chương trình đào tạo năm 2022; 4.2.07. Hồ sơ thẩm định các chương trình đào tạo năm 2022; 4.4.01. Phiếu nhận xét phản biện CTĐT năm 2022).

Như vậy, các chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Một trong những yêu cầu về chương trình đào tạo theo Thông tư 03/2017/BLĐTB XH là chương trình phải bảo đảm tính khoa học, hệ thống, thực tiễn và linh hoạt, đáp ứng sự thay đổi của kỹ thuật công nghệ và thị trường lao động. Nhà

trường khi xây dựng hay rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo đã chú trọng và thực hiện đúng theo yêu cầu của quy định.

Tất cả các buổi hội thảo, phiếu xin ý kiến chuyên gia, phiếu thẩm định, biên bản thẩm định... đều có đánh giá về nội dung chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động với 4 mức Tốt, Khá, Trung bình, Kém. Kết quả là 100% ý kiến đánh giá ở mức Tốt và Khá (2.5.01. Các chương trình đào tạo của trường năm 2022; 4.4.01. Phiếu nhận xét phản biện CTĐT năm 2022; 4.2.03. Biên bản họp khoa về việc rà soát, cập nhật CTĐT năm 2022, 2023, 2024; 4.2.04. Biên bản hội thảo xin ý kiến đóng góp về CTĐT năm 2022; 4.2.07. Hồ sơ thẩm định các chương trình đào tạo năm 2022).

Hằng năm, Nhà trường cũng thực hiện thu thập ý kiến đánh giá bằng cách sử dụng phiếu khảo sát để thu thập ý kiến của các doanh nghiệp, cựu HSSV hỗ trợ cho việc định hướng xây dựng và chỉnh sửa chương trình đào tạo. Cụ thể như sau:

- Năm 2022: Trường khảo sát thu thập ý kiến của 10 doanh nghiệp (đánh giá cho năm học 2021-2022); nhận được phản hồi của 146/146 (100%) HSSV đã tốt nghiệp đánh giá chất lượng các hoạt động đào tạo.

- Năm 2023: Trường khảo sát thu thập ý kiến của 10 doanh nghiệp (đánh giá cho năm học 2022-2023); nhận được phản hồi của 161/161 (100%) HSSV đã tốt nghiệp đánh giá chất lượng các hoạt động đào tạo.

- Năm 2024: Trường khảo sát thu thập ý kiến của 10 doanh nghiệp (đánh giá cho năm học 2023-2024); nhận được phản hồi của 152/152 (100%) HSSV đã tốt nghiệp đánh giá chất lượng các hoạt động đào tạo.

(4.5.01. Kế hoạch khảo sát HSSV, Doanh nghiệp/đơn vị sử dụng lao động và cán bộ - viên chức - người lao động, phục vụ công tác đảm bảo chất lượng năm 2022, 2023; Kế hoạch khảo sát các bên liên quan phục vụ công tác đảm bảo chất lượng năm 2024; 4.5.02. Danh sách các doanh nghiệp tham gia khảo sát 2022, 2023, 2024; 4.5.03. Phiếu lấy ý kiến của đơn vị sử dụng về chương trình đào tạo năm 2022, 2023, 2024; 4.5.04. Phiếu lấy ý kiến của cựu HSSV về chương trình đào tạo năm 2022, 2023, 2024; 4.5.05. Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024).

Kết quả khảo sát cho thấy hằng năm có từ 80% trở lên doanh nghiệp đánh giá các chương trình đào tạo của Trường đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. Trên 90% cựu HSSV đánh giá chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn và đáp ứng được sự thay đổi của thị trường lao động.

Ngoài ra, các doanh nghiệp đều có đại diện tham gia vào các Hội đồng xây dựng, chỉnh sửa chương trình, giáo trình đào tạo của Trường nên các nội dung cập nhật để đảm bảo tính thực tiễn đã được doanh nghiệp góp ý ngay trong quá trình xây dựng, chỉnh sửa và thẩm định chương trình đào tạo.

Như vậy, tất cả các chương trình đào tạo của Nhà trường đều được xây dựng, rà soát, cập nhật, bổ sung để đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 6: *Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, Nhà trường đã chú trọng xây dựng đảm bảo tính liên thông giữa các cấp trình độ như: Khi liên thông dọc từ trung cấp lên cao đẳng cùng nghề thì chỉ cần bổ sung thêm một số môn học nâng cao, đảm bảo nguyên tắc kế thừa và tích hợp để giảm tối đa thời gian học lại kiến thức và kỹ năng mà người học đã tích lũy ở các chương trình đào tạo trung cấp. Còn đối với trường hợp liên thông ngang, người học muốn chuyển sang một nghề khác cùng cấp trình độ thì được miễn các môn học, môn học đã học.

Tất cả các buổi hội thảo, phiếu xin ý kiến chuyên gia, phiếu thẩm định, biên bản thẩm định... đều có đánh giá về nội dung chương trình đào tạo bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân với 4 mức Tốt, Khá, Trung bình, Kém. 100% nội dung đánh giá mục này đều ở mức Khá và Tốt.

(4.6.01. Quyết định số 686/QĐ-CĐCN&TM-ĐT ngày 17/7/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo liên thông; 4.2.03. Biên bản họp khoa về việc rà soát, cập nhật CTĐT năm 2022, 2023, 2024; 4.2.04. Biên bản hội thảo xin ý kiến đóng góp về CTĐT năm 2022; 4.2.07. Hồ sơ thẩm định các chương trình đào tạo năm 2022; 2.5.01. Các chương trình đào tạo của trường năm 2022; 2.16.02. Các chương trình đào tạo liên thông; 4.4.01. Phiếu nhận xét phản biện CTĐT năm 2022; 2.16.05. Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập năm 2022, 2023, 2024; 2.16.06. Biên bản họp hội đồng xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập; 2.16.07. Quyết định công nhận giá trị chuyển đổi điểm các môn học, môn học).

Việc liên thông lên các trình độ khác trong hệ thống Giáo dục quốc dân cụ thể là liên thông từ trình độ cao đẳng lên Đại học đang được triển khai cụ thể như sau:

Ngày 04/11/2018, Trường đã ký biên bản thỏa thuận với trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc công nhận kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học liên thông trình độ đại học cho nghề Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, cụ thể: “Hai bên thống nhất ký kết biên bản thỏa thuận về việc công nhận kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học đã tốt nghiệp hệ cao đẳng nghề Điện công nghiệp của Trường Cao

đăng Công nghiệp và thương mại được miễn trừ khi học liên thông lên trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử của Trường Công nghiệp Hà Nội” với 11 môn, môn học được giảm trừ của các phần Kiến thức giáo dục đại cương (03 môn học với tổng số 5 tín chỉ); Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (08 môn học với tổng số 23 tín chỉ).

(4.6.02. Biên bản thỏa thuận về việc công nhận kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học liên thông trình độ Đại học giữa trường Đại học Công nghiệp Hà Nội và trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên; 4.6.03. Chương trình đào tạo liên thông đại học của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 965 ngày 12/8/2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; 4.6.04. Danh sách công nhận các môn học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội).

Nhà trường đã công bố các thông báo tuyển sinh liên thông của Đại học trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đối với các ngành nghề liên quan đến Trường (4.6.05. Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông lên trình độ đại học của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội). Tuy nhiên, tính đến thời điểm này, Nhà trường chưa tổ chức lớp đào tạo theo hệ liên thông chính quy nào lên trình độ đại học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đề phù hợp với kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, định kỳ 3 năm một lần, trường có kế hoạch chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo.

Từ năm 2022 đến nay, Nhà trường đã chỉnh sửa và ban hành các chương trình đào tạo cho các nghề được cấp phép phù hợp với các giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp được cấp, cụ thể như sau:

Năm 2022, Nhà trường thực hiện rà soát, điều chỉnh tất cả các chương trình đào tạo trung cấp và cao đẳng theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH và ban hành lại CTĐT trình độ cao đẳng 8 ngành nghề, CTĐT trình độ trung cấp 9 ngành nghề theo Quyết định số 173/QĐ-CĐCN&TM ngày 8/12/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo 8 nghề trình độ cao đẳng và 9 nghề trình độ trung cấp; Quyết định số 191/QĐ-CĐCN&TM ngày 19/12/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo liên thông 5 nghề trình độ cao đẳng (*Ban hành CTĐT sau rà soát chỉnh sửa*).

(4.2.02. Các quyết định thành lập Ban Chủ nhiệm rà soát, chỉnh sửa, xây dựng chương trình đào tạo các ngành, nghề; 4.2.03. Biên bản họp khoa về việc rà soát, cập

nhật CTĐT năm 2022, 2023, 2024; 4.2.04. Biên bản hội thảo xin ý kiến đóng góp về CTĐT năm 2022; 4.2.05. Các quyết định thành lập Hội đồng thẩm định (Hội đồng chuyên môn đánh giá) chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp đối với nghề trong trường; 4.2.06. Biên bản họp Hội đồng thẩm định (Hội đồng đánh giá) chương trình đào tạo năm 2022; 4.2.07. Hồ sơ thẩm định các chương trình đào tạo năm 2022; 2.5.01. Các chương trình đào tạo của trường năm 2022).

Như vậy, từ năm 2022 đến năm 2024, Trường đã tiến hành rà soát, chỉnh sửa toàn bộ 8 chương trình cao đẳng và 9 chương trình trung cấp, 5 chương trình cao đẳng liên thông của tất cả các nghề có trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN của Trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 8: *Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả các chương trình đào tạo trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng của Trường xây dựng và ban hành năm 2017, 2018 đều được rà soát, điều chỉnh, cập nhật năm 2019, 2021, 2022. Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp ban hành năm 2018 và năm 2019 được rà soát, điều chỉnh, cập nhật năm 2020. Yêu cầu về chương trình đào tạo theo Thông tư 03/2017/BLĐTB-XH là: Bảo đảm tính hiện đại và hội nhập quốc tế, có xu hướng tiếp cận với trình độ đào tạo nghề nghiệp tiên tiến của khu vực và thế giới. Chính vì vậy, khi xây dựng hay rà soát, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo, Nhà trường luôn tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài, hoặc cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo.

Trong quá trình chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo, các nghề hiện đang đào tạo trong những năm gần đây, Nhà trường chú trọng cập nhật những thành tựu khoa học tiên tiến ở trong nước và nước ngoài áp dụng vào đào tạo như nghề: Điện Công nghiệp, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá, Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Điện tử công nghiệp, Quản trị mạng máy tính, Hàn... (4.2.03. Biên bản họp khoa về việc rà soát, cập nhật CTĐT năm 2022, 2023, 2024; 4.2.04. Biên bản hội thảo xin ý kiến đóng góp về CTĐT năm 2022; 4.2.07. Hồ sơ thẩm định các chương trình đào tạo năm 2022; 4.8.01. Các tài liệu tham khảo nước ngoài; 2.5.01. Các chương trình đào tạo của trường năm 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 9: *Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định*

đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại đã ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo liên thông giữa các trình độ theo Quyết định số 686/QĐ-CĐCN&TM-ĐT ngày 17/7/2018 (4.6.01. *Quyết định số 686/QĐ-CĐCN&TM-ĐT ngày 17/7/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo liên thông*).

Nội dung của quy định đã nêu rõ 03 chương: I. Các quy định chung về đào tạo liên thông; II. Công tác tuyển sinh và tổ chức đào tạo liên thông; III. Tổ chức thực hiện. Trong đó tại Điều 7 - Chương II quy định về Chương trình đào tạo liên thông và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập có nêu:

(1) Chương trình đào tạo liên thông được xây dựng theo nguyên tắc kế thừa và tích hợp để giảm tối đa thời gian học lại kiến thức và kỹ năng mà người học đã tích lũy ở các chương trình đào tạo khác.

(2) Chương trình đào tạo liên thông phải phản ánh đúng mục tiêu, nội dung, thời gian đào tạo; phương pháp dạy, học và đánh giá.

(3) Chương trình đào tạo liên thông phải đảm bảo cung cấp đầy đủ kiến thức, kỹ năng mà người học còn thiếu và cập nhật kiến thức, kỹ năng mới của ngành, nghề tương ứng với trình độ đào tạo.

(4) Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào chương trình đào tạo quyết định mô đun, môn học hoặc nội dung mà người học không phải học lại.

Thực hiện các quy định đề ra, Nhà trường đã xây dựng, ban hành 5 chương trình đào tạo liên thông cho 5 nghề theo Quyết định số 346/QĐ-CĐCN&TM-ĐT ngày 31/7/2018; Chính sửa, ban hành lại năm 2022 theo Quyết định số 191/QĐ-CĐCN&TM ngày 19/12/2022 gồm các nghề (Công nghệ ô tô, Kế toán doanh nghiệp, Điện tử công nghiệp, Điện công nghiệp, Công nghệ kỹ thuật cơ khí) (2.16.02. *Các chương trình đào tạo liên thông*).

Trường đã tiến hành xây dựng chương trình đào tạo hệ cao đẳng liên thông (từ trung cấp lên cao đẳng) trên cơ sở so sánh, đối chiếu những mô đun/môn học của hệ trung cấp với chuẩn đầu ra của hệ cao đẳng. Qua đó, những mô đun, môn học ở trình độ trung cấp nếu đã được học sẽ được miễn học ở cấp trình độ cao đẳng.

Căn cứ vào Khoản 4, Điều 7 tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo liên thông giữa các trình độ của Trường, phòng Quản lý đào tạo của Nhà trường tham mưu đã lập danh mục các mô đun/môn học mà người học không phải học khi học chương trình

liên thông trình Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt (2.16.05. Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập năm 2022, 2023, 2024; 2.16.06. Biên bản họp hội đồng xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập; 2.16.07. Quyết định công nhận giá trị chuyển đổi điểm các môn học, mô đun).

Hằng năm, Nhà trường đã có thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông cho 5 nghề nói trên cùng với các thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông (2.3.06. Thông báo tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo. Nhà trường hiện có 9 CTĐT trình độ cao đẳng, 10 CTĐT trình độ trung cấp, 13 CTĐT trình độ sơ cấp, 5 CTĐT trình độ liên thông (1.2.01. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNDKHD-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/GCNDKBS-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 66/2024/GCNDKHD-TCGDNN; 2.5.01. Các chương trình đào tạo của trường năm 2022).

Do tính chất liên thông giữa các cấp trình độ của chương trình đào tạo, đối với những nghề đào tạo có nhiều cấp trình độ thì chương trình đào tạo có trình độ cao đã bao gồm các chương trình đào tạo có trình độ thấp hơn. Do vậy, số giáo trình nhà trường hiện có đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chỉ cần xem xét trình độ đào tạo nghề cao nhất mà nhà trường có trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Toàn bộ số giáo trình Nhà trường hiện có với số lượng MĐ/MH ở cấp trình độ cao nhất của các nghề tương ứng như sau:

TT	Chương trình đào tạo	Số MĐ/MH	Số giáo trình		Ghi chú
			Biên soạn	Lựa chọn	
1	Tiếng Hàn Quốc	38	-	38	
2	Phiên dịch tiếng Nhật kinh tế, thương mại	39	-	39	
3	Nghiệp vụ lễ tân	21	-	21	
4	Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính	25	-	25	

5	Hàn	17	17	-	
6	Công nghệ ô tô	28	28	-	
7	Khoan thăm dò địa chất	21	-	21	
8	Kế toán doanh nghiệp	25		25	
9	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	29	29	-	
10	Điện công nghiệp	29	29	-	
11	Điện tử công nghiệp	24	24	-	
12	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	32	32	-	
13	Quản trị lễ tân	28	-	28	
14	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	17	17	-	
15	Quản trị mạng máy tính	23	23	-	
16	Lập trình máy tính	30	-	30	
17	Tin học ứng dụng	17	-	17	
18	Thiết kế đồ họa	18	-	18	
19	Quản lý và bán hàng siêu thị	25	-	25	
20	Môn chung: Cao đẳng và Trung cấp	12	-	12	
Tổng cộng		498	199	299	

- Năm 2019: Sau khi xây dựng CTĐT cho các nghề mới được cấp phép và sau khi rà soát toàn bộ CTĐT đã ban hành năm 2017, 2018, Hiệu trưởng nhà trường ban hành Quyết định số 482/QĐ-CĐCN&TM-ĐT ngày 29/10/2019 về việc ban hành 199 giáo trình đào tạo; Quyết định số 483/QĐ-CĐCN&TM-ĐT ngày 29/10/2019 về việc lựa chọn 299 giáo trình đào tạo của tất cả các nghề nhà trường đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (4.10.01. Danh mục giáo trình giảng dạy của trường; 4.10.02. Giáo trình giảng dạy của trường; 4.10.03. Các quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành giáo trình đào tạo).

- Năm 2023: Nhà trường đã xây dựng kế hoạch số 21/KH-CĐCN&TM ngày 10/1/2023 về việc biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp đối với các ngành nghề đào tạo năm 2023; Thành lập Tổ biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp đối với các ngành nghề đào tạo năm 2023 theo quyết định số 29/QĐ-CĐCN&TM ngày 12/1/2023; Thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp đối với các ngành nghề đào tạo năm 2023 theo quyết định số 63/QĐ-CĐCN&TM ngày 3/3/2023. Sau khi thẩm định nghiệm thu, Nhà trường ra quyết định số 36/QĐ-CĐCN&TM ngày 24/3/2023 ban hành giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp, Nhà trường có đủ giáo trình phục vụ giảng dạy các nghề sơ cấp (4.10.04. Kế hoạch

biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp đối với các ngành nghề đào tạo năm 2023; 4.10.05. Quyết định ban hành giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp năm 2023).

Như vậy, đối với mỗi thời điểm đào tạo tương ứng, Nhà trường có đủ giáo trình cho tất cả các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp mà Trường đã được cấp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 11: *100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo qui định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có đủ 100% giáo trình đào tạo cho tất cả các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp mà Trường đã được cấp (1.2.01. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNDKHD-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/GCNDKBS-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 66/2024/GCNDKHD-TCGDNN; 2.5.01. Các chương trình đào tạo của trường năm 2022; 4.10.01. Danh mục giáo trình giảng dạy của trường; 4.10.02. Giáo trình giảng dạy của trường; 4.10.03. Các quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành giáo trình đào tạo).

Trên cơ sở các chương trình đào tạo đã ban hành, Nhà trường tiến hành tổ chức biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình đào tạo cho các nghề với trình tự thực hiện như sau:

- Xây dựng kế hoạch số 21/KH-CĐCN&TM ngày 10/1/2023 về việc biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp đối với các ngành nghề đào tạo năm 2023 (4.11.01. Các kế hoạch của Hiệu trưởng về việc lựa chọn, biên soạn, điều chỉnh và thẩm định giáo trình đào tạo).

- Thành lập các Ban chủ nhiệm biên soạn/lựa chọn giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng và sơ cấp theo Quyết định số 29/QĐ-CĐCN&TM ngày 12/1/2023. Mỗi tiểu ban xây dựng/lựa chọn giáo trình đào tạo đều có từ 4 - 7 thành viên gồm cán bộ, nhà giáo của Trường có kinh nghiệm về ngành nghề đào tạo. Các quyết định đã nêu rõ trách nhiệm của các tiểu ban là lập kế hoạch và tổ chức thực hiện biên soạn, lựa chọn giáo trình đảm bảo đúng tiến độ và các quy định hiện hành (4.11.02. Các quyết định thành lập các tiểu ban lựa chọn, biên soạn, điều chỉnh giáo trình đào tạo).

- Các tiểu ban, ban chủ nhiệm thực hiện biên soạn, lựa chọn giáo trình theo kế hoạch đã phê duyệt, cụ thể như sau:

+ *Đối với việc biên soạn giáo trình đào tạo gồm các bước sau:* (1) Thiết kế cấu trúc giáo trình đào tạo; (2) Biên soạn giáo trình đào tạo; (3) Hội thảo xin ý kiến chuyên gia về giáo trình đào tạo; (4) Sửa chữa, biên tập, hoàn thiện dự thảo giáo trình đào tạo;

+ *Đối với việc lựa chọn giáo trình đào tạo gồm các hoạt động sau:* phân công lựa chọn, nhận xét, đánh giá tài liệu được lựa chọn làm giáo trình đào tạo (4.11.03. Hồ sơ biên soạn/lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2023).

- Thành lập các Hội đồng thẩm định giáo trình theo Quyết định số 63/QĐ-CĐCN&TM ngày 3/3/2023. Hội đồng thẩm định giáo trình Trung cấp và Cao đẳng có số lượng thành viên là 5 hoặc 7 người gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký và các uỷ viên là giáo viên, giảng viên, các chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề đào tạo. Thành viên Hội đồng thẩm định có trình độ đại học trở lên; có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong giảng dạy và biên soạn giáo trình. Hội đồng thẩm định giáo trình sơ cấp gồm 5 người: 1. Chủ tịch hội đồng, 1. Phó chủ tịch Hội đồng là Trưởng khoa hoặc Phó trưởng khoa chuyên môn, 1. Thư ký các hội đồng là đại diện của phòng Quản lý đào tạo, 1 uỷ viên là nhà giáo tham gia giảng dạy tại Trường và 1 đại diện cán bộ thuộc doanh nghiệp có liên quan đến ngành nghề đào tạo (4.11.04. Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình).

- Tổ chức thẩm định giáo trình theo quy định gồm các nội dung sau:

+ Các thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá chất lượng giáo trình đào tạo theo các tiêu chí: (1) Sự tương ứng với chương trình đào tạo, (2) Tính logic, (3) Mức đầy đủ/bao quát đối với mục tiêu, (4) Tính chuẩn xác, (5) Hình thức biên soạn, (6) Cấu trúc và các chuyên mục.

+ Các thành viên Hội đồng thẩm định giáo trình theo các nội dung sau: (1) Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của giáo trình, (2) Cấu trúc chương mục của giáo trình, (3) Nội dung, lượng kiến thức, kỹ năng và thái độ được thể hiện trong giáo trình, (4) Khả năng ứng dụng trong giảng dạy (5) Cập nhật các thành tựu khoa học tiên tiến/tham khảo tài liệu nước ngoài, (6) Đánh giá chung (4.11.05. Phiếu nhận xét về giáo trình)

+ Tổ chức họp thẩm định giáo trình theo từng nghề (4.11.06. Biên bản họp Hội đồng thẩm định giáo trình).

+ Căn cứ kết quả thẩm định, Hội đồng thẩm định có tờ trình đề nghị Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt, ban hành giáo trình làm tài liệu giảng dạy và học tập trong nhà trường (4.11.07. Các tờ trình đề nghị ban hành giáo trình).

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ tờ trình của Hội đồng thẩm định ra quyết định ban hành giáo trình đào tạo làm tài liệu giảng dạy: Quyết định số 482/QĐ-CĐCN&TM-ĐT ngày 29/10/2019, Quyết định số 483/QĐ-CĐCN&TM-ĐT ngày 29/10/2019, Quyết định số 36/QĐ-CĐCN&TM ngày 24/3/2023 (4.10.01. Danh mục

giáo trình giảng dạy của trường; 4.10.02. Giáo trình giảng dạy của trường; 4.10.03. Các quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành giáo trình đào tạo).

Như vậy, 100% giáo trình đào tạo của Nhà trường đã được xây dựng và lựa chọn theo đúng quy định tại các Điều 14, 15, 16 của Thông tư 03/2017/TT-BLĐT BXH ngày 01/3/2017; Điều 11, 12, 13 của Thông tư 42/2015/TT-BLĐT BXH ngày 20/10/2015 quy định về quy trình biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp và trình độ sơ cấp để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Giáo trình đào tạo của trường được biên soạn, lựa chọn nhằm cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo phục vụ tốt cho quá trình đào tạo.

Nhà trường đã thực hiện đúng các yêu cầu về xây dựng, lựa chọn và thẩm định cho 100% giáo trình theo đúng quy định tại Thông tư 03/2017/TT-BLĐT BXH ngày 01/3/2017; Thông tư 01/2024/TT-BLĐT BXH ngày 19/2/2024; Thông tư 42/2015/TT-BLĐT BXH ngày 20/10/2015. Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo của Nhà trường được ban hành theo các quyết định số: 115/QĐ- CĐCN&TM-ĐT ngày 07/3/2019; Quyết định số 36/QĐ-CĐN&TM ngày 24/3/2023. Thành viên trong các hội đồng thẩm định thực hiện đánh giá theo 02 phiếu là “Phiếu đánh giá chất lượng giáo trình đào tạo theo các tiêu chí” và “Phiếu thẩm định giáo trình”. Trong phiếu thẩm định giáo trình có Mục 3 – Đánh giá về nội dung, lượng kiến thức, kỹ năng và thái độ được thể hiện trong giáo trình. 100% ý kiến đánh giá của thành viên hội đồng thẩm định nhận xét các giáo trình đã cung cấp đầy đủ nội dung kiến thức, kỹ năng phải đảm bảo mục tiêu của từng chương, bài trong mỗi môn học, mô đun đúng theo yêu cầu quy định tại mục 3 điều 12 chương III Thông tư 03/2017/TT-BLĐT BXH ngày 01/3/2017.

Cấu trúc giáo trình thể hiện rõ thông tin chung của giáo trình đào tạo, mã môn học, mô đun; vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò; mục tiêu của giáo trình môn học, mô đun. Nội dung của giáo trình môn học, mô đun bao gồm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ, công việc; quy trình và cách thức thực hiện nhiệm vụ, công việc; các bản vẽ, hình vẽ, bài tập, những điểm cần ghi nhớ và các yêu cầu về đánh giá kết quả học tập khi kết thúc chương, bài và kết thúc môn học, mô đun trong chương trình đào tạo đáp ứng các yêu cầu tại Thông tư số 12/2017/TT-BLĐT BXH ngày 20/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học

đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (4.10.01. Danh mục giáo trình giảng dạy của trường; 4.10.02. Giáo trình giảng dạy của trường; 4.10.03. Quyết định phê duyệt giáo trình đưa vào sử dụng; 4.11.05. Phiếu nhận xét về giáo trình; 4.11.06. Biên bản họp Hội đồng thẩm định giáo trình).

Ngoài ra, hằng năm Nhà trường đều thực hiện thu thập ý kiến của các đối tượng liên quan về chất lượng giáo trình đào tạo (4.12.01. Kế hoạch khảo sát mức độ phù hợp của giáo trình năm 2022, 2023; Kế hoạch khảo sát các bên liên quan phục vụ công tác đảm bảo chất lượng năm 2024; 4.12.02. Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp được lấy ý kiến; 4.12.03. Các phiếu khảo sát; 4.12.04. Báo cáo kết quả thu thập, tổng hợp ý kiến năm 2022, 2023, 2024). Các phiếu khảo sát có nhiều nội dung đánh giá khác nhau, trong đó có nội dung "Giáo trình cụ thể hoá yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo" với 04 mức đánh giá Tốt, Khá, Trung bình, Kém. Kết quả đánh giá của nhà giáo trong 3 năm gần đây như sau:

Năm học	Đối tượng khảo sát (số lượng)	Tỷ lệ đánh giá (%)			
		Tốt	Khá	TB	Kém
2021 - 2022	Cán bộ quản lý (15)	-	100	-	-
	Nhà giáo (55)	6.5	93.5	-	-
	Đơn vị sử dụng lao động (10)	-	100	-	-
	Học sinh, sinh viên đã hoàn thành mô đun, môn học (80)	-	100	-	-
2022 - 2023	Cán bộ quản lý (16)	-	100	-	-
	Nhà giáo (60)	6.5	93.5	-	-
	Đơn vị sử dụng lao động (10)	-	100	-	-
	Học sinh, sinh viên đã hoàn thành mô đun, môn học (90)	-	100	-	-
2023 - 2024	Cán bộ quản lý (15)	-	100	-	-
	Nhà giáo (55)	6.5	93.5	-	-
	Đơn vị sử dụng lao động (10)	-	100	-	-
	Học sinh, sinh viên đã hoàn thành mô đun, môn học (80)	-	100	-	-

Như vậy, các giáo trình đào tạo của Nhà trường đã cụ thể hóa được yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã thực hiện đúng các yêu cầu về xây dựng, lựa chọn và thẩm định cho 100% giáo trình theo đúng quy định tại Thông tư 03/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 01/3/2017, Thông tư 01/2024/TT-BLĐTĐBXH ngày 19/2/2024, Thông tư 42/2015/TT-BLĐTĐBXH ngày 20/10/2015. Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo của Nhà trường được ban hành theo các quyết định số: 115/QĐ- CĐCN&TM-ĐT ngày 07/3/2019; Quyết định số 36/QĐ-CĐN&TM ngày 24/3/2023, các hội đồng thẩm định thực hiện đánh giá theo 02 phiếu là “Phiếu đánh giá chất lượng giáo trình đào tạo theo các tiêu chí” và “Phiếu thẩm định giáo trình” (4.10.01. Danh mục giáo trình giảng dạy của trường; 4.10.02. Giáo trình giảng dạy của trường; 4.10.03. Quyết định phê duyệt giáo trình đưa vào sử dụng; 4.11.05. Phiếu nhận xét về giáo trình; 4.11.06. Biên bản họp Hội đồng thẩm định giáo trình). Trong Phiếu đánh giá chất lượng giáo trình đào tạo theo các tiêu chí có Mục số 24 – Giáo trình tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực với 03 mức độ đánh giá Đạt yêu cầu, Đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa, Chưa đạt yêu cầu. 100% ý kiến đánh giá của thành viên hội đồng thẩm định nhận xét các giáo trình đã tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực (Mức độ Đạt yêu cầu và Đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa).

Ngoài ra, hằng năm Nhà trường đều thực hiện thu thập ý kiến của các đối tượng liên quan về chất lượng giáo trình đào tạo (4.12.01. Kế hoạch khảo sát mức độ phù hợp của giáo trình năm 2022, 2023; Kế hoạch khảo sát các bên liên quan phục vụ công tác đảm bảo chất lượng năm 2024; 4.12.02. Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp được lấy ý kiến; 4.12.03. Các phiếu khảo sát; 4.12.04. Báo cáo kết quả thu thập, tổng hợp ý kiến 2022, 2023, 2024). Các phiếu khảo sát có nhiều nội dung đánh giá khác nhau, trong đó có nội dung "Giáo trình tạo điều kiện phương pháp dạy học tích cực" với 04 mức đánh giá Tốt, Khá, Trung bình, Kém. Kết quả đánh giá của nhà giáo trong 3 năm gần đây như sau:

Năm học	Đối tượng khảo sát (số lượng)	Tỷ lệ đánh giá (%)			
		Tốt	Khá	TB	Kém
2021 - 2022	Cán bộ quản lý (12)	-	100	-	-
	Nhà giáo (50)	4.5	95.5	-	-
	Đơn vị sử dụng lao động (10)	-	100	-	-
	Học sinh, sinh viên đã hoàn thành môn, môn học (60)	-	100	-	-
2022 - 2023	Cán bộ quản lý (12)	-	100	-	-
	Nhà giáo (55)	6.5	93.5	-	-
	Đơn vị sử dụng lao động (10)	-	100	-	-
	Học sinh, sinh viên đã hoàn thành môn	-	100	-	-

	đun, môn học (50)				
2023 - 2024	Cán bộ quản lý (12)	-	100	-	-
	Nhà giáo (50)	6.5	93.5	-	-
	Đơn vị sử dụng lao động (10)	-	100	-	-
	Học sinh, sinh viên đã hoàn thành mô đun, môn học (60)	-	100	-	-

Như vậy, các giáo trình đào tạo của Nhà trường đã đáp ứng được yêu cầu tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 4: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 14: *Hàng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc thực hiện thu thập ý kiến của các đối tượng liên quan đánh giá về mức độ phù hợp của giáo trình của các MĐ/MH chuyên môn nghề được thực hiện định kỳ vào cuối mỗi năm học thông qua các cuộc khảo sát. Quy trình thực hiện như sau:

Trước khi kết thúc năm học, phòng Quản lý đào tạo (trước đây là Trung tâm Kiểm định - Đảm bảo chất lượng) lập kế hoạch khảo sát, thu thập ý kiến về chất lượng giáo trình của Nhà trường trình Hiệu trưởng phê duyệt gồm: Kế hoạch về việc khảo sát, thu thập ý kiến về chất lượng giáo trình đào tạo của nhà trường; Kế hoạch khảo sát các bên liên quan phục vụ công tác đảm bảo chất lượng. Các kế hoạch đã nêu rõ từng nội dung công việc, thời gian thực hiện, các đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp thực hiện. Đối tượng khảo sát gồm: (1) Cán bộ quản lý và nhà giáo giảng dạy các nghề trong toàn trường, (2) Các chuyên gia làm việc tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có hợp tác với Trường có tiếp nhận HSSV tốt nghiệp, (3) Cựu HSSV đã tốt nghiệp;

Nội dung phiếu khảo sát bao gồm các nội dung như sau: *Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; Tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực; Mức độ phù hợp của giáo trình với ngành nghề đào tạo; Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Đảm bảo phù hợp với các trang thiết bị, nguồn học liệu và phương tiện dạy học khác; Mức độ phù hợp của khối lượng kiến thức trong các mô đun/môn học với thời lượng của chương trình đào tạo.* Với các mức đánh giá Tốt, Khá, Trung bình, Kém.

Căn cứ vào kế hoạch đề ra, các đơn vị được giao triển khai thực hiện những nội dung như: Thiết kế phiếu khảo sát; Cập nhật, lập danh sách liên lạc sinh viên đã tốt nghiệp, lập danh sách các chuyên gia làm việc tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có

hoạt động hợp tác/có các cựu HSSV của Trường đang làm việc; Thực hiện khảo sát; Tổng hợp và xử lý số liệu; Viết báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát (4.12.01. Kế hoạch khảo sát mức độ phù hợp của giáo trình, Kế hoạch khảo sát các bên liên quan phục vụ công tác đảm bảo chất lượng; 4.12.02. Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp được lấy ý kiến về mức độ phù hợp của giáo trình; 4.12.03. Các phiếu khảo sát; 4.12.04. Báo cáo kết quả thu thập, tổng hợp ý kiến 2022, 2023, 2024; 4.11.05. Phiếu nhận xét về giáo trình).

Số lượng khảo sát về chất lượng giáo trình của Nhà trường trong 03 năm học gần đây như sau:

Nghề	Đối tượng khảo sát	Năm học		
		2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024
Kế toán doanh nghiệp	Cán bộ quản lý	15	15	15
	Nhà giáo	15	15	15
	Doanh nghiệp	5	5	5
	Cựu HSSV	30	35	35
Công nghệ ô tô	Cán bộ quản lý	10	12	12
	Nhà giáo	15	15	15
	Doanh nghiệp	5	5	5
	Cựu HSSV	50	50	50
Điện công nghiệp	Cán bộ quản lý	15	15	15
	Nhà giáo	20	20	20
	Doanh nghiệp	5	5	5
	Cựu HSSV	60	60	60
Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	Cán bộ quản lý	15	15	15
	Nhà giáo	17	17	17
	Doanh nghiệp	5	5	5
	Cựu HSSV	15	15	50
Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cán bộ quản lý	10	10	10
	Nhà giáo	15	15	15
	Doanh nghiệp	5	5	5
	Cựu HSSV	20	20	20
Quản trị mạng máy tính	Cán bộ quản lý	10	10	10
	Nhà giáo	10	10	10
	Doanh nghiệp	5	5	5
	Cựu HSSV	50	50	50
Nghiệp vụ lễ tân	Cán bộ quản lý	10	10	10

	Nhà giáo	15	15	15
	Doanh nghiệp	5	5	5
	Cựu HSSV	20	20	20
Điện tử công nghiệp	Cán bộ quản lý	15	15	15
	Nhà giáo	20	20	20
	Doanh nghiệp	5	5	5
	Cựu HSSV	40	40	40

Tổng hợp kết quả khảo sát cho thấy trên 95% các đối tượng được khảo sát hằng năm đều đánh giá ở mức Tốt và Khá với các tiêu chí đánh giá trong phiếu khảo sát.

Riêng các nghề Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá; Khoan thăm dò địa chất; Tiếng Hàn Quốc; Quản trị lễ tân do mấy năm gần đây không có học sinh theo học nên nhà trường không thực hiện khảo sát đánh giá chất lượng giáo trình. Trường không có nghề nào có quy định đặc thù theo ngành.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 4: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 15: *Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm 2019 đến nay, Nhà trường có các đợt xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa chương trình đào tạo như sau:

- Năm 2019: Trường xây dựng, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo 11 nghề cao đẳng, 13 nghề trình độ trung cấp theo các quyết định: Số 291/QĐ-CĐCN&TM-ĐT ngày 11/6/2019 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo 02 nghề trình độ cao đẳng và 01 nghề trình độ trung cấp; Quyết định số 292/QĐ-CĐCN&TM-ĐT ngày 11/6/2019 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo 10 nghề trình độ cao đẳng và 13 nghề trình độ trung cấp (sau khi rà soát chỉnh sửa). Các giáo trình được xây dựng và ban hành tương ứng theo các quyết định: Số 482/QĐ-CĐCN&TM-ĐT ngày 29/10/2019 về việc ban hành 199 giáo trình đào tạo; Quyết định số 483/QĐ-CĐCN&TM-ĐT ngày 29/10/2019 về việc lựa chọn 172 giáo trình đào tạo của tất cả các nghề nhà trường đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

(4.15.01. Biên bản họp rà soát, đánh giá cập nhật danh mục giáo trình giảng dạy, 2.5.01. Các chương trình đào tạo của trường năm 2021, 2022; 4.10.01. Danh mục giáo trình giảng dạy của trường; 4.10.02. Giáo trình giảng dạy của trường; 4.10.03. Các quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành giáo trình đào tạo; 4.11.01. Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và thẩm định giáo trình đào tạo).

- Năm 2021: Thực hiện rà soát, điều chỉnh và ban hành lại CTĐT trình độ cao đẳng 7 ngành nghề, CTĐT trình độ trung cấp 7 ngành nghề. Việc rà soát, điều chỉnh và ban hành lại CTĐT năm 2021 là để điều chỉnh tăng thời lượng thực tập tại doanh nghiệp tiếp cận với CTĐT chất lượng cao và không thay đổi nhiều về nội dung CTĐT do vậy Nhà trường không tổ chức điều chỉnh ban hành lại GTĐT các ngành nghề.

- Năm 2022: Do Quy chế tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ thay đổi theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội, quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ, Nhà trường đã thực hiện rà soát, điều chỉnh và ban hành lại toàn bộ CTĐT trình độ cao đẳng và CTĐT trình độ trung cấp. Việc rà soát, điều chỉnh và ban hành lại CTĐT năm 2022 chủ yếu là để điều chỉnh những quy định trong CTĐT cho phù hợp với Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH và cũng không thay đổi nhiều về nội dung CTĐT do vậy Nhà trường không tổ chức điều chỉnh ban hành lại GTĐT các ngành nghề.

Như vậy, khi có sự thay đổi, bổ sung chương trình đào tạo, Nhà trường đã kịp thời rà soát biên soạn, lựa chọn giáo trình phù hợp đảm bảo sẵn sàng tổ chức đào tạo theo quy định. Khi thực hiện rà soát, cập nhật có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường đã thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 4: 1 điểm.

3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5

Cả 3 Cơ sở của nhà trường đều nằm trong khu vực tập trung nhiều khu công nghiệp, có giao thông thuận tiện, hệ thống cơ sở hạ tầng của khu vực đạt chất lượng tốt như: Điện, đường, trường, trạm...khoảng cách của 3 cơ sở không quá xa (3 km) nên cũng không trở ngại trong việc di chuyển giữa các cơ sở. Chính vì vậy mọi hoạt động của Nhà trường tại 3 Cơ sở luôn được vận hành một cách thuận lợi.

Tổng diện tích của 3 cơ sở là 137.800m² đáp ứng nhu cầu về diện tích đất, diện tích cây xanh, sân vườn, khu vui chơi cho học sinh, sinh viên. Cơ sở hạ tầng trong những năm gần đây luôn được đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp nhằm đảm bảo về diện tích phòng học, xưởng thực hành, phòng làm việc cụ thể:

Số lượng phòng học của Nhà trường có thể đáp ứng cho học sinh, sinh viên với quy mô khoảng 5000 người.

Ngoài việc đảm bảo số lượng các phòng học lý thuyết thì xưởng thực hành cũng được xây mới, cải tạo và nâng cấp đảm bảo tính quy mô, đồng bộ với thiết bị hiện tại và trong tương lai. Tổng kinh phí đầu tư cho việc nâng cấp xưởng thực hành khoảng 4,3 tỷ đồng. Trong đó xây mới 01 xưởng thực hành công nghệ ô tô diện tích 400 m². Cải tạo và nâng cấp xưởng thực hành cơ khí và công nghệ ô tô tổng diện tích 2000 m² với đầy đủ hệ thống chiếu sáng, đường khí, đường nước đáp ứng được công tác đào tạo và hoạt động sản xuất.

Hệ thống cơ sở hạ tầng tại Cơ sở 2 của Trường thuộc xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, được Bộ Công Thương phê duyệt dự án “*Hệ thống cấp nước, thu gom và xử lý nước thải*” và dự án “*Hệ thống sân đường giao thông nội bộ*”. Tổng kinh phí của cả 2 dự án là 30 tỷ đồng đã hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2018 tạo cảnh quan môi trường khang trang, sạch, đẹp.

Để đảm bảo công tác quản lý Học sinh, Sinh viên được tốt, Nhà trường cũng có chủ trương cải tạo hệ thống ký túc xá nhằm thu hút học sinh, sinh viên nội trú hướng tới mục tiêu trường chất lượng cao trong tương lai.

Về thiết bị đào tạo, tuy còn nhiều khó khăn về số lượng, cũ về công nghệ ở một số ngành nghề nhưng về cơ bản vẫn đáp ứng được chất lượng đào tạo. Hàng năm Nhà trường được bổ sung kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước để mua sắm và nâng cấp trang thiết bị.

Để việc đầu tư được hiệu quả thì việc mua sắm luôn được cân nhắc kỹ lưỡng, tập trung vào những trang thiết bị mang tính thiết yếu của những nghề mũi nhọn có số lượng học sinh đông, qua đó nâng cao hiệu quả đầu tư và từng bước tháo gỡ những khó khăn về số lượng và chất lượng.

Từ thực tế nhu cầu xã hội đối với nghề Cơ khí, Công nghệ Ô tô, Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp... nên trong những năm gần đây các nghề này cũng luôn được trú trọng đầu tư:

Trong 3 năm trở lại đây theo dự án mua sắm thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học cho các ngành Cơ khí, Điện tử giai đoạn 2015-2020 Nhà trường đã tập trung đầu tư khoảng 20 tỷ đồng mua sắm máy móc thiết bị hiện đại cho nghề Cơ khí, đảm bảo vừa đào tạo vừa kết hợp sản xuất quy mô nhỏ hoàn toàn có thể hợp tác liên kết sản xuất với các doanh nghiệp.

Năm 2018 Nhà trường đã được đầu tư 3 tỷ đồng cho nghề nghiệp vụ lễ tân theo dự án Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động Thương binh và xã hội.

Trong năm 2019 Trường đã được đầu tư thêm 8 tỷ đồng để mua sắm thiết bị cho nghề Điện tử công nghiệp, Điện công nghiệp, Quản trị mạng máy tính nằm trong lộ trình đầu tư nghề trọng điểm ở các cấp độ.

Thư viện nhà trường có tại cả 3 Cơ sở với số lượng đầu sách là 26.100 trong đó số đầu sách chuyên ngành là 3298 đủ cung cấp tài liệu cho học sinh, sinh viên tra cứu. Tuy nhiên hệ thống máy tính trang bị cho Thư viện đã lạc hậu và hỏng nhiều nên chưa đáp ứng được nhu cầu tra cứu thông tin trên mạng.

Những điểm mạnh

Vị trí địa lý của 3 Cơ sở của trường nằm trong khu vực tập trung nhiều khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh nên Nhà trường được hưởng lợi từ cơ sở hạ tầng và sự đa dạng của các loại hình dịch vụ. Khoảng cách 3 cơ sở không quá xa nên thuận tiện trong công tác quản lý, điều hành.

Diện tích đất rộng, nhiều cây xanh đảm bảo cho các hoạt động học tập, vui chơi cho cán bộ, giáo viên và Học sinh, Sinh viên

Phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng làm việc đáp ứng đủ về mặt số lượng, diện tích và luôn được cải tạo, nâng cấp

Cơ sở hạ tầng, điện, nước, hệ thống mạng...luôn đảm bảo phục vụ đầy đủ, chất lượng

Có quy chế quản lý tài sản rõ ràng và một số quy trình cơ bản về mua sắm, cấp phát vật tư, quản lý phòng học chuyên môn, quy trình bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị

Ký túc xá phục vụ học sinh, sinh viên đảm bảo cả về số lượng và chất lượng

Những tồn tại

Ở một số ngành nghề máy móc thiết bị số lượng còn thiếu, lạc hậu; công tác bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất chưa thường xuyên do nguồn kinh phí hạn hẹp. Việc đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định hàng năm còn chưa đồng bộ.

Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính nhưng chưa đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học do các máy đã cũ và hỏng nhiều; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử nhưng chưa phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Công tác kiểm soát việc sử dụng vật tư thực hành thực tập nhằm tái sử dụng để tiết kiệm kinh phí còn chưa thực sự hiệu quả.

Kế hoạch nâng cao chất lượng giai đoạn 2020 - 2025

Phát huy những điểm mạnh hiện có của Nhà trường

Tìm kiếm các nguồn tài trợ và hoàn thành đề án vay vốn ADB để đầu tư cho trang thiết bị giai đoạn 2020 đến 2025.

Xây dựng Thư viện và nâng cấp cơ sở hạ tầng thông tin tạo điều kiện cho học sinh/sinh viên tiếp cận tốt với Internet phục vụ học tập.

Duy trì phòng trào: Xanh - Sạch - Đẹp. Đảm bảo có môi trường tốt cả bên ngoài lẫn bên trong phòng học, nhà xưởng,...

Liên kết đào tạo, hợp tác sản xuất với các doanh nghiệp là cơ hội để giáo viên và học sinh có điều kiện tiếp xúc với sản xuất thực tế đồng thời có thêm nguồn thu nhằm tái đầu tư trang thiết bị, bù đắp khấu hao cơ sở vật chất

Tu bổ nâng cấp các công trình và thiết bị kỹ thuật đảm bảo theo yêu cầu tối thiểu cho các ngành đào tạo trong trường.

Mua sắm bổ sung thiết bị dụng cụ đảm bảo các hệ thống thiết bị đồng bộ, hiệu quả cao trong đào tạo theo chuẩn của từng ngành.

Đánh giá việc sử dụng thiết bị và kiểm soát việc tái sử dụng vật tư thực hành thực tập

Đầu tư trang thiết bị cho các phòng thực hành, thí nghiệm, đặc biệt chú trọng các ngành mũi nhọn.

Mở rộng quan hệ với doanh nghiệp nhằm khai thác chung tài nguyên.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	12

Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	0
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	0
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	0

Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại, thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

1.Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương Mại có 03 địa điểm, được xây dựng nằm trong quy hoạch chung của thị xã Phúc Yên và quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điều chỉnh, mở rộng tổng mặt bằng tại Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 09/5/2008 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc. Trường có 03 cơ sở: Cơ sở 1 nằm ở phường Trung Nhị thành phố Phúc Yên, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 680139; Cơ sở 2 nằm ở Xã Minh Trí, huyện Sóc sơn thành phố HN theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số 008869; Cơ sở 3 nằm ở phường Nam Viêm, theo Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên giai đoạn 2005-2010 xét đến 2020 của Bộ Công Thương ngày 29 tháng 9 năm 2008 (5.1.01. Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 Thành phố Phúc Yên tỉnh Vĩnh Phúc; 5.1.02. Bản đồ quy hoạch chung xây dựng xã Minh Trí huyện Sóc Sơn đến năm 2030 – Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng; 5.1.03-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); 5.1.04. Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên giai đoạn 2005-2010 xét đến 2020 của Bộ Công Thương ngày 29 tháng 9 năm 2008 – Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Cơ sở 3);

QĐ số 2497/QĐ-UBND ngày 20/9/2011 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển giáo dục, đào tạo của tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, cho thấy vị trí của trường phù hợp với Quy hoạch phát triển khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 của tỉnh Vĩnh Phúc tại Mục 3.2. Phương hướng phát triển đào tạo; Điểm a. Dạy nghề: “Tập trung đào tạo công nhân kỹ thuật đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh theo hướng hiện đại của các khu công nghiệp Phúc Yên, Bá Thiện, Bá Thiện II, Bình Xuyên, Bình Xuyên II, Khai Quang, Chấn Hưng...Ưu tiên xây dựng các cơ sở dạy nghề thuộc doanh nghiệp và tư thục trong các khu công nghiệp để đào tạo công nhân kỹ thuật trình độ cao”; “Định hướng phát triển đào tạo theo các nhóm ngành nghề yêu cầu trình độ cao để đẩy nhanh phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm của tỉnh gồm: cơ khí chế tạo, điện-điện tử, công nghệ thông tin...”

Căn cứ vào Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9210:2012 – Trường dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế, mục 4.6 quy định “Chi giới xây dựng các công trình của trường dạy nghề phải cách đường đỏ ít nhất là 15 m. Nếu gần trục giao thông chính, khoảng cách đó phải lớn hơn 50m” và mục 4.9 quy định “Khu đất xây dựng trường được bảo vệ bằng hàng rào. Chiều cao của hàng rào không nhỏ hơn 1,5m. Vật liệu làm hàng rào tùy theo điều kiện của từng địa điểm xây dựng nhưng phải đảm bảo yêu cầu bảo vệ và mỹ quan”, trong Hồ sơ hoàn công, các bản đồ hành chính, bản đồ quy hoạch và thực tế cho thấy: Cả 03 cơ sở của trường được xây dựng ở khu vực đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập: Cơ sở 1 có hàng rào sắt bảo vệ, xây gạch chân tường, cao 2,2m, có 1 cổng ra vào. Cơ sở 2 có hai cổng nhưng chỉ mở 01 cổng ra vào, mặt tiền là hàng rào sắt, xung quanh là tường gạch cao 2,7m. Cơ sở 3 là cơ sở mới được đầu tư xây

dựng, hiện tại mới xây được có 02/17 hạng mục (Lớp học Lý thuyết, phòng thực hành), cách đường đi Phúc Yên-Xuân hòa khoảng 200m, xung quanh trồng cây xanh, thảm cỏ ở chính giữa lô đất, cách đường Xuyên Á: 100m (5.1.05. Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Cơ sở 3); 5.2.05. Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Cơ sở 1); 5.2.06. Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Cơ sở 2);.

Cả 03 cơ sở của trường đều được xây ở những vị trí giao thông thuận tiện và an toàn: Cơ sở 1 và Cơ sở 3 nằm trong địa bàn trung tâm thành phố Phúc Yên có nhà ga tàu hỏa, bến xe khách và quốc lộ 2 chạy qua, tuyến xe Buýt 08 chạy trong nội thành. Cơ sở 2 nằm trên huyện lộ từ quốc lộ 2 vào khu nghỉ dưỡng Flamingo – Đại lái, có tuyến xe Buýt 95 chạy qua. Vì thế, hoạt động giao thông đến các Cơ sở của nhà trường đều an toàn, thuận (5.1.08. Lộ trình tuyến xe Buýt 08 và Buýt 95, nhà ga Phúc Yên)

Cả 03 địa điểm của trường đều thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước. Cụ thể về hệ thống cung cấp điện: tại Cơ sở 1 có đường dây cao áp 10kV cấp điện vào trạm biến áp 10kV/0,4kV- 180kVA đặt tại góc trường, chiều dài đến điểm đấu là 60m, đi bằng cáp nổi. Cơ sở 2: đường dây cao áp 22kV, chiều dài đến điểm đấu 800m đi bằng cáp nổi cấp điện vào trạm biến áp 22kV/0,4kV-250kVA. Cơ sở 3: trạm biến áp 22kV/0,4kV-250kVA đặt khu đất trống, góc cuối của trường, gần đường liên xã 20m, có đường dây cáp ngầm cung cấp điện cho trạm biến áp (5.1.09. Hồ sơ các trạm biến áp). Về hệ thống cung cấp nước: Cơ sở 1 được cung cấp nước sạch từ nhà máy nước Phúc Yên, đường ống chìm đi dọc tuyến phố, cách trường 8m. Tại Cơ sở 2: nhà trường sử dụng hệ thống nước giếng tự khoan, có giàn lọc (5.1.10. Hình ảnh giếng khoan tại Cơ sở 2) đi vào bể chìm 50m³, sau đó nước được bơm vào bể chứa nước của các khối tòa nhà. Tại Cơ sở 3: sử dụng 2 nguồn nước: nước sạch được lấy từ công ty Nước sạch Phúc Yên và nước Giếng khoan, có giàn lọc (5.1.11. Hình ảnh hệ thống giếng khoan Cơ sở 3), nước được bơm vào 02 bể chìm 50m³ sau đó bơm vào bể chứa nước của các khối tòa nhà (5.1.12. Bản vẽ mặt bằng cấp nước+điện).

Phòng Quản trị Thiết bị đo trên Google Map thấy được 03 cơ sở của trường đều đảm bảo khoảng cách vệ sinh đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại theo quy định về quy hoạch xây dựng, được nêu trong Bảng 1 của TCVN 9210:2012 – Trường dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế: Cơ sở 1 cách khu công nghiệp Quang Minh

13km; cách khu công nghiệp Bình Xuyên 6,5km, khu công nghiệp Khai Quang 15km. Cơ sở 2 cách khu công nghiệp Quang Minh 13,5km; cách khu công nghiệp Bình Xuyên 15,9km. Cơ sở 3 cách khu công nghiệp Bình Xuyên 10,2km, cách khu công nghiệp Khai Quang 18,2km (5.1.13. *Thống kê khoảng cách khu công nghiệp, cụm công nghiệp đến cơ sở của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại; 5.1.14 - Khoảng cách từ 03 cơ sở đến các khu công nghiệp gần nhất đo trên Google map*)

Như vậy, trong vòng bán kính 2km không có nhà máy, xí nghiệp nào thải ra chất độc hại gây ảnh hưởng đến nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.*

1.Mô tả, phân tích, nhận định:

* Trường có quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, *phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.*

Cơ sở 1: Có 01 nhà lớp học 4 tầng diện tích mặt bằng xây dựng 400m² (nhà 2); 01 nhà lớp học 3 tầng diện tích mặt bằng xây dựng 300m² (nhà 6); 01 nhà ký túc xá 4 tầng diện tích mặt bằng xây dựng 400m² đảm bảo đầy đủ giường, chiếu, hệ thống điện nước (nhà 5); 01 nhà Hội trường, kết hợp với nhà học lý thuyết tại tầng 1, diện tích mặt bằng xây dựng 400m² (nhà 4); 01 khu nhà Hiệu bộ 3 tầng với diện tích mặt bằng xây dựng 300m² (nhà 1); Sân thể thao 1487m², nhà xe 540m², nhà ăn: 112m², phòng Bảo vệ, Trung tâm tuyển sinh (183m²). Sân, đường trải nhựa đường Atfan, rộng...kết nối các tòa nhà, thuận tiện cho việc đi lại

Cơ sở 2: 01 nhà hiệu bộ 2 tầng với diện tích mặt bằng xây dựng 300 m², ở ngay cổng ra vào; 04 tòa nhà học lý thuyết (tổng diện tích 1.360m²) được xây phía sau khu nhà hiệu bộ nên vừa thuận tiện đi lại cho HSSV, vừa giảm được tiếng ồn; Nhà thư viện 2 tầng, và nhà y tế 1 tầng được xây dựng ngay khu trung tâm, ngăn cách các xưởng thực hành Phay, Bào, xưởng Tiện, xưởng thực hành mái tôn, xưởng thực hành nghề khoan (tổng diện tích mặt bằng xây dựng 2.070m²) với khu nhà học lý thuyết; 04 tòa nhà 2 tầng là KTX nằm ở phía cuối khu đất, có tường bao xung quanh. Phía trước của khu KTX có 1 nhà thể chất rộng 345m² ((5.1.05. *Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng*

Công nghiệp và Thương mại (Cơ sở 1); 5.1.06. Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại-Cơ sở 2; 5.2.01- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật nhà làm việc 2 tầng); Khu nhà học lý thuyết 2 tầng (nhà A, B, C, D) với tổng diện tích mặt bằng xây dựng 1.360m² (5.2.02. Bản vẽ hoàn công nhà A,B,C,D); Khu nhà xưởng thực hành tổng diện tích mặt bằng xây dựng 2.070m² (5.2.03. Bản vẽ hoàn công cải tạo, sửa chữa xưởng thực hành số 1 và số 2 tại Cơ sở 2). Khu ký túc xá gồm 5 khối nhà 2 tầng tổng diện tích mặt bằng xây dựng 1.416m², mỗi khối nhà được bố trí 10 phòng khép kín mỗi phòng bố trí 4 giường tầng cho 4 học sinh sinh viên 1 phòng (5.2.04. Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công cải tạo và mở rộng ký túc xá, nhà thường trực 1 tầng, đường bê tông, cổng và tường rào); Hệ thống giao thông nội bộ chạy trong trường từ các toà nhà ký túc xá đến các khu lý thuyết, xưởng thực hành thành một mạch thuận tiện, được đầu tư bài bản, khuôn viên chiếm 35% diện tích mặt bằng Cơ sở 2. Có ao cá, vườn cây, thảm cỏ tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp phù hợp không gian sư phạm (5.1.06. Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Cơ sở 2).

Cơ sở 3: Có diện tích 7,3 ha nhưng chưa xây dựng được hết các hạng mục công trình (do tiến độ), mới có 02 công trình đã xây dựng bao gồm nhà lớp học 7 tầng, tổng diện tích mặt bằng xây dựng 915m² (5.2.05. Bản vẽ hoàn công nhà lớp học 7 tầng) và nhà lớp học 5 tầng tổng diện tích mặt bằng xây dựng 955m² (5.2.06. Bản vẽ hoàn công quyết toán công trình thi công xây dựng nhà lớp học 5 tầng) đào tạo các ngành Điện, Điện tử, Khách sạn du lịch. Giữa hai khối nhà có sân thể thao đa năng, có cantin, nhà để xe cho cán bộ GV và HSSV. (5.1.04. Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên giai đoạn 2005-2010 xét đến 2020 của Bộ Công Thương ngày 29 tháng 9 năm 2008 – 5.1.07 Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Cơ sở 3).

* Về diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh tại cả 3 cơ sở của trường:

Cơ sở 1: Diện tích đã xây dựng/tổng diện tích = 6983m²/7033m² (chiếm 99,3%).
Diện tích trồng cây xanh: 50 m².

Cơ sở 2: Diện tích đã xây dựng + đường đi = 22.500 m²/57.792m² (chiếm 39%).
Diện tích trồng cây xanh, lưu không/ tổng diện tích = 35.292 m²/57.792m² (chiếm 61,1%)

Cơ sở 3: Diện tích đã xây dựng của 02 hạng mục trong tổng số 17 hạng mục công trình là 7719m²; Diện tích trồng cây xanh, lưu không/ tổng diện tích = 27.281 m²/35.000m² (chiếm 78%) (5.2.07-Thống kê cơ sở vật chất, hạng mục công trình)

Các công trình của trường có kiến trúc và môi trường sư phạm, phù hợp với công năng. Tuy nhiên, tại cơ sở 1 diện tích trồng cây xanh còn ít, chỉ chiếm 0,7% nên chưa đảm bảo theo yêu cầu của Văn bản hợp nhất-Bộ LĐTBXH-Nghị định 140 và 143:

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 0 điểm

Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: Khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

1.Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có đủ khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn. Cụ thể:

- Cơ sở 1:

TT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m²)	Đã xây dựng (m²)
1	Nhà hiệu bộ	1.046	1.046
2	Phòng học lý thuyết	2.253	2.253
3	Xưởng, phòng thực hành	320	320
4	Khu phục vụ	3.371	3.371
4.1	Thư viện	103	103
4.2	Ký túc xá	1388	1388
4.3	Nhà ăn	112	112
4.4	Phòng y tế	18	18
4.5	Hội trường	263	263
4.6	Khu thể thao (Sân thể thao)	1.487	1.487
5	Khác	758	758
5.1	Kho vật tư	35	35
5.2	Trung tâm tuyển sinh và phòng bảo vệ	183	183
5.3	Nhà xe	540	540

	Tổng	7.748	7.748
--	-------------	--------------	--------------

- Cơ sở 2:

TT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m²)	Đã xây dựng (m²)
1	Khu hiệu bộ	600	600
2	Phòng học lý thuyết	2.708	2.708
3	Xưởng thực hành	3.500	3.500
4	Khu phục vụ	10.944	109.44
4.1	<i>Thư viện</i>	468	468
4.2	<i>Ký túc xá</i>	3002	3002
4.3	<i>Nhà ăn</i>	430	430
4.4	<i>Trạm y tế</i>	20	20
4.5	<i>Hội trường</i>	324	324
4.6	<i>Nhà thể chất</i>	345	345
4.7	<i>Khu thể thao (Sân thể thao)</i>	6.700	6.700
5	Khác	760	760
5.1	<i>Kho vật tư</i>	440	440
5.2	<i>Phòng bảo vệ</i>	40	40
5.3	<i>Nhà xe+ Garage</i>	280	280
	Tổng	18.512	18.512

- Cơ sở 3:

TT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m²)	Đã xây dựng (m²)
1	Phòng hiệu bộ	28	28
2	Phòng học lý thuyết	8.206	8.206
3	Xưởng thực hành	1.575	1.575
4	Khu phục vụ	6.017	6.017
4.1	<i>Thư viện</i>	95	95
4.2	<i>Ký túc xá</i>	1002	1002
4.3	<i>Nhà ăn+ Căng tin</i>	60	60
4.4	<i>Phòng y tế</i>	15	15
4.5	<i>Khu thể thao (Sân thể thao)</i>	4900	4900
5	Khác	717	717
5.1	<i>Kho vật tư</i>	32	32
5.2	<i>Phòng bảo vệ</i>	20	20

5.3	Nhà xe	665	665
	Tổng	16.543	16.543

(5.1.05. Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Cơ sở 1);
5.1.06. Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Cơ sở 2);
5.1.04. Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên giai đoạn 2005-2010 xét đến 2020 của Bộ Công Thương ngày 29 tháng 9 năm 2008 – 5.1.05 Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Cơ sở 3); 5.3.01- Hồ sơ thiết kế các công trình cơ sở 1,2, 3; 5.3.02. Hồ sơ hoàn công các công trình cơ sở 1,2,3;5.3.03. Quyết định quy định về công năng sử dụng các công trình xây dựng tại cơ sở 1,2,3 cơ sở của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại; 5.3.04. Sơ đồ hiện trạng mặt bằng sử dụng của cơ sở 1 ngày 20/12/2004)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường theo quy chuẩn đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt của nhà trường tại 3 cơ sở cụ thể:

- Đường giao thông nội bộ:

* Cơ sở 1: Đường nội bộ trong khuôn viên trường được trải bê tông nhựa mặt đường rộng 6m đảm bảo rộng rãi, kết nối các khối tòa nhà, thuận tiện cho việc đi lại của CB - GV và HSSV.

* Cơ sở 2: Có 1000m đường nội bộ, kích thước lòng đường: 5m - 8,5m, tuyến chính 8,5m, tuyến phụ 5m, vỉa hè rộng 3m được làm mới và đưa vào sử dụng năm 2018 với đường bê tông nhựa, vỉa hè lát gạch block tạo cảnh quan môi trường sạch, đẹp, khang trang, rộng... (5.4.01. Bản vẽ hoàn công xây dựng hệ thống đường giao thông (đường vào) tại Cơ sở 2)

* Cơ sở 3: Đường nội bộ có một trục đường bê tông chính rộng 6m, dài 200m, chạy từ cổng trường vào các khối nhà, hai bên lề đường trồng hoa, cây cảnh.

- Hệ thống điện:

* Cơ sở 1: nguồn điện 3 pha 4 dây lấy từ đầu ra trạm BA đưa đến tủ điện tổng để tầng 1 bằng cáp 3 pha 4 dây ($3 \times 25 + 1 \times 16$), sau đó đi đến tủ điện các tầng đặt gần khu cầu thang. Trong tủ điện có Aptomat + Hộp đấu dây + dây nối không → đi các phòng học lý thuyết, phòng KTX bằng cáp 1 pha (2×10) → đến các ổ cắm và công tắc. Đối với các phòng thực hành của khoa CNTT: hệ thống điện từ tủ điện tổng để ở tầng 1 được cáp đến tủ điện các tầng đặt gần khu cầu thang (trong tủ có Aptomat + Hộp đấu dây + dây nối không) → tủ điện của phòng bằng cáp 3 pha 4 dây ($3 \times 16 + 1 \times 10$) → ổ cắm + công tắc trong các phòng thực hành. Khu KTX, nhà ăn có đường cáp 1 pha (2×10), có Aptomat + ổ cắm, công tắc.

* Cơ sở 2: Đối với các xưởng thực hành: điện được lấy từ trạm biến áp → tủ điện tổng của các xưởng thực hành bằng cáp nhôm 3 pha 4 dây (4×70), đi ngầm → đến các thiết bị bằng cáp ngầm 3 pha 4 dây ($3 \times 16 + 1 \times 10$). Các tầng đều có thiết bị đóng cắt và bảo vệ là các Aptomat tổng 400A và các Aptomat nhánh 100A. Đối với khu học lý thuyết và KTX: từ trạm biến áp đến tủ điện tổng để tầng 1 bằng cáp 3 pha 4 dây $3 \times 25 + 1 \times 16$ → đến tủ điện các tầng đặt gần khu cầu thang (trong tủ có Aptomat + Hộp đấu dây + dây nối không) → các phòng bằng cáp 1 pha (2×10), tủ điện có Aptomat → đến các ổ cắm và công tắc. Hành lang có đèn chiếu sáng ($2 \times 1,5$), công tắc đóng cắt

* Cơ sở 3: Từ trạm biến áp có cáp 3 pha 5 dây ($3 \times 25 + 1 \times 16 + 1 \times 10$) → đến tủ điện các tầng đặt cầu thang (trong tủ có AT + Hộp đấu dây + dây nối không) → các tủ điện các phòng bằng cáp 3 pha 5 dây, đi ngầm trong tường → đến các máy và các ổ cắm 3 pha và 1 pha. Trong các tủ đều có aptomat để đóng cắt và bảo vệ cho các máy.

(5.4.02. Sơ đồ mặt bằng cấp điện của 3 cơ sở)

Hàng năm Nhà trường có kiểm tra hệ thống điện như đèn chiếu sáng, hệ thống điện động lực cho các máy, phòng học khi phát hiện hỏng sẽ tiến hành sửa chữa thay thế bóng đèn, quạt tại phòng lý thuyết và xưởng, *(5.4.03. Biên bản kiểm tra hệ thống điện)*

- Hệ thống cấp nước:

* Cơ sở 1: từ đường ống nước sạch của thành phố Phúc Yên có 2 đường nước dẫn đến bể nửa chìm nửa nổi 15m^3 và đến 2 bể chứa inox của các tòa nhà số 4 (Hội trường), mỗi bể chứa 2m^3 dẫn đến khu vực vệ sinh. Ở khu KTX, lớp lý thuyết, nhà Hiệụ bộ: có bể trên mái 15m^3 dẫn đến nhà vệ sinh và khu tắm rửa của các tầng.

(5.4.04. *Mặt bằng cấp nước cơ sở 1*; 5.4.05. *Hóa đơn tiền nước*). Hệ thống thoát nước của cơ sở 1: từ các khu vệ sinh → hố ga → ống thoát nước bê tông cốt thép Ø300 → cống thoát chung của thành phố (5.4.06. *Hồ sơ bản vẽ hoàn công hệ thống thoát nước Cơ sở 1*).

* Cơ sở 2: Hệ thống cấp nước mới được đầu tư làm mới và đưa vào sử dụng năm 2018. Nước sinh hoạt tại cơ sở 2 được sử dụng là nước giếng khoan, sau khi bơm lên được đưa qua giàn lọc rồi dẫn đến bể ngầm 45m³ của mỗi tòa nhà. Đường thoát nước: từ khu phụ đưa đến hố ga bé ở cuối tòa nhà bằng đường ống Ø300 sau đó dẫn đến hố ga lớn bằng ống Ø600, được xử lý trước khi xả vào hệ thống cống thoát chung của khu vực

(5.4.07. *Bản vẽ hoàn công xây dựng hệ thống cấp nước, thu gom và xử lý nước thải tại Cơ sở 2*; 5.4.08. *Hình ảnh hệ thống giếng khoan Cơ sở 2*)

* Cơ sở 3: Hệ thống cấp nước được sử dụng đồng thời từ nguồn nước giếng khoan của nhà trường (5.4.09. *Hình ảnh hệ thống giếng khoan Cơ sở 3*) và nguồn nước sạch thành phố (5.4.10. *Hợp đồng cung cấp nước sạch*). Nước từ giếng khoan bơm lên được đưa đến giàn lọc, sau đó đưa đến 02 bể chứa chìm 40m³*2 cho 02 tòa nhà, sau đó nước được đưa đến 04 bể chứa (4* 2m³) cho 1 tòa → đến các khu vệ sinh của tầng. Hệ thống thoát: từ WC dẫn đến hố ga bằng cống xây có nắp đậy chạy xung quanh khu nhà và được xử lý trước khi xả vào hệ thống cống thoát chung của khu vực (5.4.11. *Bản vẽ hoàn công nhà ở nội trú 4 tầng*; 5.2.05. *Bản vẽ hoàn công nhà lớp học 7 tầng*; 5.2.06. *Bản vẽ hoàn công quyết toán công trình thi công xây dựng nhà lớp học 5 tầng*).

* Hệ thống xử lý nước thải, chất thải: Phòng Quản trị Thiết bị hàng năm đi kiểm tra, xử lý những sự cố cống... Duy trì Hợp đồng với Cty Môi trường Đô thị Sóc Sơn và Cty Môi trường và Công trình đô thị Phúc Yên v/v vận chuyển, xử lý rác thải. Việc thu gom xử lý chất thải của nhà trường được duy trì hợp đồng với 03 nhân viên vệ sinh môi trường (5.4.12. *Hợp đồng lao động*) sau đó chất thải được chuyển đi xử lý bởi công ty môi trường đô thị (5.4.13. *Hợp đồng thu gom vận chuyển rác thải*)

* Hệ thống gió: Tại các phòng học lý thuyết, các phòng làm việc công tác thông gió được thực hiện bằng 2 phương pháp thông gió tự nhiên và thông gió nhân tạo, trong đó thông gió nhân tạo được thực hiện bằng cách dùng quạt trần, quạt hút mùi ở khu WC. Xưởng có các quạt thông gió công nghiệp được bố trí xung quanh xưởng.

* Hệ thống phòng cháy chữa cháy:

Hàng năm có Biên bản kiểm tra PCCC tại cả 03 cơ sở do công an xác nhận đủ điều kiện về PCCC: Về đường giao thông, trang bị phương tiện PCCC, cứu hộ cứu nạn, hệ thống chống sét, giải pháp ngăn cháy chống lan, thông gió hút mùi, khoảng cách an toàn PCCC (Tại cơ sở 1: Biên bản kiểm tra PCCC các năm 2022, 2023,2024. Tại cơ sở 3: 2022, 2023,2024) (5.4.14. *Biên bản kiểm tra phòng cháy các năm 2022, 2023,2024*). Ngoài ra, Trường có Nội quy An toàn PCCC, Nội quy PCCC kho vật tư, Có Nội quy sử dụng Điện được ban hành bởi QĐ số 10/QĐ-CĐCNPY-TCHC ngày 04/01/2018 (5.4.15-*Các Nội quy của trường*). Trường có Kế hoạch bồi dưỡng, huấn luyện, nghiệp vụ PCCC (5.4.16-*Kế hoạch tập huấn PCCC năm 2022, 2023,2024*), tổ chức thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (5.4.17-*Biên bản diễn tập phương án chữa cháy năm 2022, 2023,2024*) và QĐ thành lập Đội PCCC tại các cơ sở (5.4.18. *QĐ cử CB - GV - CNV tham gia lớp tập huấn phòng cháy chữa cháy năm 2022, 2023,2024*).

* Cơ sở 1: Ngày 05/01/2006 trường có Giấy Chứng nhận thẩm duyệt về hệ thống PCCC của Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Vĩnh Phúc xác nhận hệ thống đảm bảo tiêu chuẩn. Hệ thống nước PCCC được lấy từ nguồn nước thành phố, dẫn đến bể ngầm chứa nước 30m³. Đầu các tầng nhà học lý thuyết, KTX, khu hiệu bộ đều treo 04 bình cứu hỏa CO₂ và bình bột.

* Cơ sở 2: Ngày 19/5/2016 trường có Giấy Chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC của Phòng Cảnh sát PCCC Công an thành phố Hà Nội. Nước để chữa cháy được lấy từ bể chứa nước 325m³, nguồn cung cấp từ giếng khoan của nhà trường.

* Cơ sở 3: Ngày 15/7/2011 Ngày 05/01/2006 trường có Giấy Chứng nhận thẩm duyệt về hệ thống PCCC của Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Vĩnh Phúc. Hệ thống nước PCCC, xác nhận đảm bảo tiêu chuẩn. Nước để chữa cháy được lấy từ bể chứa nước 350m³, nguồn cung cấp từ giếng khoan của nhà trường. Bình chữa cháy lưu động khí và bột được bố trí tại 3 vị trí cho mỗi tầng. Mỗi vị trí trang bị 03 bình (5.4.19. *Hình ảnh bình chữa cháy được trang bị tại 3 cơ sở*; 5.4.20. *Bộ các hồ sơ bản vẽ hoàn công hệ thống PCCC của 3 cơ sở*; 5.4.21. *Biên bản nghiệm thu hệ thống PCCC 2022, 2023,2024*)

Hàng tháng trường thực hiện thau rửa, thay cát, sỏi trên giàn lọc của 02 hệ thống giàn lọc; súc rửa bể chứa nước, vệ sinh máy bơm nước, bảo dưỡng sửa chữa máy bơm

nước cấp 2 tại cơ sở 2 và 3. Hàng năm trường có mời Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Sở Y tế Hà Nội, đến kiểm tra chất lượng nước sạch. Các Phiếu kết quả thử nghiệm đều cho thấy nước đạt chất lượng theo tiêu chuẩn (5.4.22. *v/v mua các vật tư để phục vụ công tác thau rửa, thay cát, sỏi trên giàn lọc của 02 hệ thống giàn lọc; súc rửa bể chứa nước, vệ sinh máy bơm nước, bảo dưỡng sửa chữa máy bơm nước cấp 2 tại cơ sở 2 và 3, 5.4.23. Biên bản nghiệm thu, 5.4.24-Phiếu kết quả thử nghiệm năm 2021, 2022, 2023, 5.4.25-Các Phiếu giao nhận hàng hóa vật tư năm 2022, 2023,2024, 5.4.26 Biên bản nghiệm thu hàng hóa năm 2022, 2023,2024)*

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) đều được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của Nhà nước và của trường, cụ thể:

* Trường có QĐ ban hành Quy định về quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị đào tạo (QĐ số 402/QĐ-CĐCN&TM-QT-TB ngày 28/8/2018); Quy định về bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường CĐ Công nghiệp và Thương mại (QĐ số 351/QĐ-CĐCN&TM-QT-TB ngày 09/8/2018). Trong quy định có 5 chương, 19 Điều; Điều 9 và Điều 12. Thực hiện bảo trì công trình (phân cấp, quy trình) (5.4.27. *Quy định về quản lý sử dụng tài sản*)

*Về cơ sở vật chất (trong đó có cả đường giao thông nội bộ): hàng năm, trường có Kế hoạch chống xuống cấp cơ sở vật chất của cả 03 cơ sở (KH số 89/KH-CĐCN&TM-QT-TB ngày 26/02/2018; KH số 39/KH-CĐCN&TM-QT-TB ngày 28/02/2019; KH số 48/KH-CĐCN&TM-QT-TB ngày 27/3/2020); trong kế hoạch có phân công nhiệm vụ cho phòng Quản trị Thiết bị và các Khoa, Ban và Lịch kiểm tra cơ sở vật chất theo trình tự: nếu phát hiện hỏng cần sửa chữa → báo phòng Quản trị Thiết bị → lập kế hoạch sửa chữa. Từ 2018 đến nay, cơ sở vật chất chỉ có sửa chữa nhỏ (lát lại một số viên gạch vỡ, thông tắc cống...) (5.4.28. *Báo cáo tổng kết công tác quản lý tài sản hàng năm của đơn vị năm 2022, 2023,2024; 5.4.29. Báo cáo kế hoạch chống xuống cấp cơ sở vật chất của 03 cơ sở thuộc trường năm 2022, 2023,2024*).

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5: *Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đáp ứng đầy đủ về số lượng, diện tích các phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa và đảm bảo các quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

Các phòng học, phòng thí nghiệm lí, hóa, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đều bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, cụ thể:

- Phòng học lý thuyết, phòng thí nghiệm, phòng thực hành máy tính :

* Cơ sở 1: 19 phòng học lý thuyết (diện tích từ 56m² đến 75m²) và 02 phòng thực hành máy tính (62m²/phòng, 01 phòng có 19 máy tính, 01 phòng có 20 máy tính); 01 phòng điều hành hệ thống mạng (17m² để máy chủ và hệ thống modem)

* Cơ sở 2: 25 phòng học lý thuyết (diện tích 64-67m²/phòng); Phòng thí nghiệm lý (65m²), thí nghiệm hóa (70m²); Phòng thực hành máy tính (60 m²) đặt 19 máy.

* Cơ sở 3: Nhà 7 tầng có 11 phòng học lý thuyết (diện tích 63-95m²). Nhà 5 tầng: có 17 phòng học lý thuyết (diện tích 95-190 m² là phòng dùng để dạy lớp ghép); 02 phòng thực hành máy tính (60 m²/phòng, 01 phòng có 18 máy tính, 01 phòng có 24 máy tính).

- Xưởng thực hành:

* 02 xưởng thực hành nghề Công nghệ Ô tô, mỗi xưởng rộng 270 m²;

* 03 xưởng thực hành Cơ khí (640 m² *1 xưởng + 360 m² *2 xưởng). Tại xưởng thực hành cơ khí có khu vực thực hành máy CNC và các máy cắt gọt kim loại: có phòng máy tính để GV hướng dẫn ban đầu và lập trình. Chân máy CNC và các máy cắt gọt kim loại được gia cố bằng đế đỡ bê tông dày 0,5 m chống nghiêng và chống lún; Có đường khí nén riêng, đường dây điện 3 pha 4 dây, có cầu nâng, thiết bị cân bằng máy; khoảng cách giữa các máy 1,5m, đường đi chung ở giữa xưởng 3m. Xưởng có chiếu sáng tự nhiên bằng hệ thống cửa kính và được bổ sung bằng chiếu sáng chiếu sáng nhân tạo sử dụng thống đèn compac có chụp đèn, công suất 200W/bóng, có 3 giàn đèn (12 bóng/giàn). Xưởng thoáng khí, có bổ sung hệ thống quạt công nghiệp tại khu vực GV và HSSV học tập.

* Xưởng thực hành nghề Điện, Điện tử có diện tích từ 100 m² đến 110 m²; Ngoài tận dụng ánh sáng tự nhiên, mỗi phòng/xưởng bổ sung thêm 12 cặp bóng đèn Neon (2*40W*12); Xưởng thực hành nghề Điện tử có 02 điều hòa (15BTU * 2) và 06 quạt trần. Xưởng thực hành Điện CN có 04 quạt trần và đèn chiếu sáng Neon (2*40W*12 cặp).

* Xưởng thực hành nghề Khoan thăm dò địa chất: có 02 tháp khoan để ngoài trời để HSSV thực tập và có phòng học hướng dẫn ban đầu (60 m²/phòng).

(5.5.01. Hồ sơ thiết kế thi công nhà lớp học 3 tầng; 5.4.11. Bản vẽ hoàn công nhà ở nội trú 4 tầng; 5.2.02. Bản vẽ hoàn công nhà A,B,C,D; 5.2.03. Bản vẽ hoàn công cải tạo, sửa chữa xưởng thực hành số 1 và số 2 tại Cơ sở 2; 5.2.05. Bản vẽ hoàn công nhà lớp học 7 tầng; 5.2.06. Bản vẽ hoàn công quyết toán công trình thi công xây dựng nhà lớp học 5 tầng; 5.5.02. Hình ảnh bố trí xưởng thực hành; 5.2.09-Thống kê cơ sở vật chất, hạng mục công trình)

Về phòng học lý thuyết: tổng cộng cả 03 cơ sở của trường có 73 phòng học lý thuyết. Các phòng này đều có diện tích từ 60 m² trở lên. Theo TT 38/TT-BLĐT BXH ngày 28/12/2018 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực GDNN “Phòng học lý thuyết các môn khoa học cơ bản, môn kỹ thuật cơ sở, các môn chuyên môn, vẽ kỹ thuật có diện tích tối thiểu 48 m²” thì trường đảm bảo theo tiêu chuẩn.

Về xưởng thực hành:

- Tại tiêu chuẩn 5.3, diện tích xưởng thực hành tại cơ sở 1 = 320 m²; cơ sở 2 = 3500 m²; cơ sở 3 = 1575 m². Như vậy tổng diện tích xưởng thực hành toàn trường = 320 + 3500 + 1575 = 5395 m².

-Theo phòng Công tác HSSV, số HSSV quy đổi của các năm như sau: năm 2019: 2805; năm 2020: 2832; năm 2021: 2807 (**3.5.07. Bảng quy đổi tỷ lệ học sinh trên nhà giáo**)

- Như vậy để tính số m² /người học: nhà trường chọn năm 2020 là năm có số HSSV quy đổi lớn nhất để tính toán (2807 HSSV quy đổi). Do đó, số m² /người học = Tổng diện tích xưởng thực hành/(HSSV quy đổi/2 ca thực tập) * 0,7 (do thời gian thực hành chiếm 70% thời gian học toàn khóa) = 5395/(2807/2) * 0,7 = 5,49 m²/người học ≈ 5,5 m²/người học.

Các công trình được thiết kế đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật đảm bảo các tiêu chuẩn Việt Nam về xây dựng, có quy chuẩn kết cấu, kiến trúc và nội thất đảm bảo các yêu cầu về an toàn, hệ thống chiếu sáng và thông gió đảm bảo phục vụ tốt việc học tập và giảng dạy. Các xưởng thực hành được bố trí hợp lý, có nội quy quy định việc thực hiện quy trình vận hành thiết bị, máy móc từng xưởng đảm bảo diện tích, thuận tiện cho việc đi lại, vận chuyển, lắp đặt và vận hành thiết bị, số diện tích/người học tuân thủ theo Quyết định số 3621/QĐ-BKHCN ngày 28/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ v/v công bố tiêu chuẩn quốc gia (Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9210:2012 “Trường dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế”) và TT 38/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực GDNN

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: *Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.*

1.Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có QĐ ban hành Quy định về quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị đào tạo (QĐ số 402/QĐ-CĐCN&TM-QT-TB ngày 28/8/2018). Trong quy định có 03 điều: Điều 1.Phân cấp quản lý: trong đó phòng Quản trị Thiết bị được Hiệu trưởng ủy quyền giúp Hiệu trưởng quản lý chung tài sản thiết bị toàn trường và là đơn vị trực tiếp quản lý sử dụng những tài sản thiết bị chung, lắp đặt tại lớp học, giảng đường, hành lang, nơi công cộng không thuộc quyền quản lý của các đơn vị khác trong trường. Trưởng phòng, khoa, bộ môn và giám đốc trung tâm chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về quản lý tài sản thiết bị...Điều 2. Quản lý, sử dụng, bảo trì và bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị đào tạo; Điều 3. Tổ chức thực hiện, và 5 bước thực hiện phân cấp trách nhiệm, và thực hiện sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị. Các trang bị phục vụ phòng học lý thuyết, phòng học chuyên môn hóa (bàn, ghế, thiết bị điện, máy chuyên dùng...) được giao trực tiếp cho cán bộ bộ phận và các cá nhân quản lý phòng học quản lý và bố trí sử dụng, bảo quản (5.4.27. *Quy định về quản lý sử dụng tài sản*)

Để đảm bảo duy trì hoạt động và nâng cao hiệu quả sử dụng, khắc phục kịp thời những hỏng hóc của thiết bị, Nhà trường đã ban hành Quy trình bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong Hệ thống đảm bảo chất lượng chung mà Nhà trường đang vận hành. Quy trình bảo dưỡng thiết bị thể hiện qua lưu đồ có 08 bước. Bảo dưỡng thường xuyên là trách nhiệm của các đơn vị hoặc các cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý, sử

dụng tổ chức thực hiện sau mỗi ngày, tuần làm việc. Các máy móc, thiết bị, dụng cụ đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao hoặc không thuộc phạm vi chuyên môn của bộ phận quản lý các bộ phận có trách nhiệm căn cứ vào thời gian sử dụng thiết bị lập kế hoạch từ đầu năm học gửi phòng Quản trị Thiết bị tổng hợp và đề nghị Hiệu trưởng phê duyệt cho phép tiến hành bảo dưỡng. Việc sửa chữa thiết bị cũng được phân ra theo tình trạng hư hỏng để có hình thức, biện pháp sửa chữa (nhân viên phòng Quản trị Thiết bị sửa chữa hoặc thuê bộ phận kỹ thuật bên ngoài..) (5.6.01. Quy trình về bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: *Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có các phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định (7.1.01. Quy định về công năng sử dụng các Công trình xây dựng tại 3 cơ sở của trường). Trường có Quy định v/v quản lý, sử dụng phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, trong đó có 04 Chương, 10 Điều. Trong Chương II. Quy định về trách nhiệm của người quản lý và người sử dụng phòng học lý thuyết (giao cho phòng Đào tạo phụ trách), xưởng thực hành (giao cho phòng Quản trị Thiết bị phụ trách chung) và Quy trình quản lý phòng thực hành (5.4.27. Quy định về quản lý sử dụng tài sản). Tại các xưởng thực hành để quản lý được tình trạng hoạt động theo tiên độ giảng dạy nhà trường cũng triển khai giao nhiệm vụ cho cán bộ giáo viên quản lý phòng, xưởng thực hành (5.7.02. Quyết định phân công quản lý phòng thí nghiệm, xưởng thực hành; 5.7.03. Danh sách các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa của các khoa đào tạo)

Toàn bộ phòng học lý thuyết được giao cho phòng Đào tạo quản lý. Phòng Đào tạo căn cứ vào tiên độ đào tạo và kế hoạch giáo viên để xếp thời khóa biểu cho các lớp. Trong thời khóa biểu có ghi rõ tên phòng học. (2.5.04- Thời khóa biểu)

Cuối năm học, phòng Quản trị Thiết bị có báo cáo về việc sử dụng phòng học, giảng đường, xưởng thực hành, trong đó có báo cáo về tình hình thực tế, đánh giá tình hình sử dụng phòng học, giảng đường, xưởng thực hành, nêu tồn tại, khó khăn và đưa ra giải pháp khắc phục, kiến nghị và đề xuất (5.7.04-Báo cáo tình hình sử dụng phòng học, giảng đường, xưởng thực hành 2022, 2023,2024)

Tại các xưởng, phòng thực hành và xác nhận phòng học, giảng đường, xưởng thực hành đã được sử dụng đúng công năng, theo quy định của trường (5.7.05-Ảnh chụp tại phòng học Lý thuyết, xưởng thực hành)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 5: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.

1.Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN, cho đến thời điểm đánh giá, trường đang thực hiện đào tạo 11 nghề trình độ cao đẳng và 13 nghề trình độ trung cấp (1.2.01. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/ GCNĐKHD-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/GCNĐKHD-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 66/2024/GCNĐKHD-TCGDNN).

Qua bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành, nhà trường nhận thấy

- Có 02/11 nghề trình độ cao đẳng (nghề Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa và nghề Điện công nghiệp) và 03/11 nghề trình độ trung cấp (Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí, Điện tử Công nghiệp và Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí) là đảm bảo đủ 100% thiết bị theo danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu của Bộ LĐTBXH ban hành.

- Có 09/11 nghề trình độ cao đẳng và 10/13 nghề trình độ trung cấp không có đủ thiết bị đào tạo theo danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu của Bộ LĐTBXH ban hành. (5.8.01. Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành; 5.8.02. Hồ sơ kiểm kê các năm 2022, 2023,2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 0 điểm

Tiêu chuẩn 9: *Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.*

1.Mô tả, phân tích, nhận định:

Toàn bộ thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đều được đưa về các xưởng của khoa chuyên môn theo từng nghề đào tạo. Tại xưởng thực tập, các thiết bị sẽ được bố trí theo mô đun, công dụng, tính năng, đảm bảo hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường

Tại tất cả các xưởng thực hành tại 03 cơ sở việc bố trí thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo tại các xưởng thực hành: Thiết bị phục vụ đào tạo trong các xưởng thực hành Cơ khí được bố trí vào các phòng/xưởng đủ khoảng cách, không gian để vận hành và bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo an toàn cho GV và HSSV khi vận hành, ví dụ như khoảng cách giữa các máy CNC là 1,5m, khoảng cách giữa các máy tiện vận năng là 1,2 m, cách tường ít nhất là 0,5m, khoảng cách trống giữa hai dãy máy là 2m. Các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được đặt ở các vị trí thuận tiện cho việc hướng dẫn ban đầu của giáo viên, HSSV dễ quan sát. Thiết bị được bố trí theo hình thức dây chuyền, giúp quá trình giảng dạy của GV và thực hành của học sinh đạt hiệu quả, tiết kiệm thời gian, thuận tiện cho việc di chuyển của GV và HSSV (5.9.01. Hồ sơ thiết kế lắp đặt xưởng cơ khí; 5.2.05 Bản vẽ hoàn công cải tạo, sửa chữa xưởng thực hành số 1 và số 2 tại Cơ sở 2). Xưởng thực hành ô tô, các thiết bị được xếp theo MĐ, đặt trên bàn hoặc giá, thuận tiện cho GV hướng dẫn, HSSV thực hành và dễ dàng làm vệ sinh. Các thùng dầu, mỡ được xếp gọn gàng, đặt trong góc

Trong các xưởng thực hành nghề Điện công nghiệp và Điện tử: các thiết bị chính được bố trí vào các phòng thực hành chuyên môn, các mô hình, các bàn thực hành, các mô đun thực hành được lắp đặt trên các giá đỡ, đặt lên các bàn có thể di chuyển đến các vị trí khác nhau. Các dụng cụ được đặt trong hộp, các hộp được đặt trên giá để GV và HS dễ dàng lấy để sử dụng. Các linh kiện điện tử được đặt trong hộp và để hộp trong tủ. Các đồng hồ đo được xếp trong tủ theo từng chức năng, thuận tiện cho HSSV sử dụng (5.5.02. Hình ảnh bố trí xưởng thực hành). Dụng cụ, vật tư thực tập được đặt

trên giá hoặc trong tủ, thuận tiện cho việc quản lý, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh xưởng (5.9.02. Hình ảnh việc các dụng cụ thiết bị để ở các xưởng thực hành)

Phòng thực hành máy tính của khoa CNTT: Máy tính được xếp dọc theo hai dãy, giữa có lối đi rộng, thuận tiện cho GV giao tiếp với HS trong quá trình giảng dạy; dưới nền trải thảm, GV và HS bỏ giày dép bên ngoài, đảm bảo sạch sẽ, an toàn cho người và thiết bị (5.9.03-Ảnh chụp phòng máy tính của khoa CNTT)

Trường có thực hiện kiểm tra 5S nên việc đánh giá về đảm bảo vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong các lớp học lý thuyết, phòng/xưởng thực hành cũng thuận lợi và thường xuyên (5.9.04. Tiêu chí 5S). Định kỳ hàng tháng trường có tổ chức kiểm tra 5S tất cả các đơn vị (5.9.05. Biên bản kiểm tra 5S).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 5: 01 điểm

Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

1.Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có ban hành mục tiêu chất lượng về việc 100% thiết bị đào tạo được bảo trì, bảo dưỡng theo kế hoạch (5.10.01. Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng cấp trường số 07). Trường có QĐ ban hành Quy định về quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị đào tạo (5.10.02. Quy định về quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị đào tạo)

Trong quy định có: 03 điều (Điều 1.Phân cấp quản lý; Điều 2. Quản lý, sử dụng, bảo trì và bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị đào tạo; Điều 3. Tổ chức thực hiện), và 5 bước thực hiện phân cấp trách nhiệm, và thực hiện sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

Trong Điều 2 của Quy định “Quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa các thiết bị đào tạo” có mục 2.5. đã có nội dung quy định “Hàng năm, vào cuối năm học, các đơn vị tổ chức đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo do đơn vị mình quản lý, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo, gửi phòng Quản trị Thiết bị. Phòng Quản trị Thiết bị có trách nhiệm tập hợp các ý kiến, lập dự trù kinh phí (nếu cần) để trình Hiệu trưởng phê duyệt ” (5.4.27. Quy định về quản lý sử dụng tài sản) Như vậy trường đã có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng

thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: *Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.*

1.Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo Quy định về quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị đào tạo, Các thiết bị được theo dõi thường xuyên kịp thời tại mỗi ca thực hành thực tập có sổ nhật ký theo dõi hàng tuần và được bảo trì bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch. Bên cạnh đó nhà trường cũng yêu cầu các đơn vị quản lý sử dụng báo tần suất, công năng sử dụng của thiết bị để có các biện pháp cải tiến nâng cao hiệu suất sử dụng thiết bị. Các thiết bị đào tạo sau khi mua về, làm các thủ tục về tài chính, được lắp đặt và bàn giao cho các khoa chuyên môn quản lý. Các khoa chuyên môn cũng có Sổ kiểm kê của khoa và có sổ Nhật ký sử dụng thiết bị. Trong sổ có Họ tên người quản lý thiết bị, thời gian được giao quản lý, ngày tháng năm giao nhận, mục đích sử dụng, hiện trạng khi trả hoặc khi kết thúc công việc, ký nhận và có biên bản kiểm kê, sổ kiểm kê (5.8.02. *Hồ sơ kiểm kê các năm 2022, 2023,2024*). Phòng Quản trị Thiết bị còn sử dụng phần mềm quản lý thiết bị “Chương trình quản lý vật tư, thiết bị – V5.1.0”. sang năm 2022 việc quản lý theo dõi lớp học đưôci áp dụng trên ứng dụng WEB sơ sở lao động TBXH xây dựng và quản lý có cấp quyền truy cập cho từng trường để cập nhật, quản lý, theo dõi. Phần mềm có phân cấp quản lý thiết bị, phân công người quản lý thiết bị, phân loại thiết bị, ghi chép các thông tin thiết bị, tình trạng thiết bị và báo hỏng, thanh lý thiết bị. Phần mềm có thể trích xuất sang dạng Excel để làm Báo cáo (5.11.01. *Phần mềm Quản lý thiết bị*). Các thiết bị đào tạo trong quá trình sử dụng cũng được ghi rõ trong mục 1.3 của Quy định “Trường phòng, khoa, bộ môn và Giám đốc Trung tâm (sau đây gọi là trường các đơn vị) chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về quản lý tài sản thiết bị được giao sau khi mua sắm. Tùy theo cơ cấu tổ chức, Hiệu trưởng có thể giao cho trường các đơn vị cấp dưới hoặc cán bộ thuộc quyền, trực tiếp quản lý và sử dụng”. (5.4.27. *Quy định về quản lý sử dụng tài sản*).

Về việc bảo trì, bảo dưỡng theo trình tự của mục tiêu chất lượng số 07 (5.10.01*Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng cấp trường số 07*). Biên bản nghiệm

thu bảo trì, bảo dưỡng thiết bị (5.11.02-Hồ sơ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị năm 2022, 2023,2024). Các thiết bị được theo dõi bảo dưỡng và sửa chữa theo quy trình được kiểm tra tình trạng hàng năm và được cập nhật trên hồ sơ, phần mềm quản lý thiết bị của phòng Quản trị Thiết (5.11.03. *Biên bản đánh giá và đề xuất nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị*);

Phòng Quản trị-Thiết bị là đơn vị đầu mối có chức năng quản lý chung tài sản thiết bị toàn trường. Hàng năm, trường có thành lập Hội đồng đánh giá tài sản và thiết bị đào tạo (thành viên gồm: Trưởng phòng Quản trị-Thiết bị, Kế toán trưởng, nhân viên phòng Kế toán và nhân viên phòng Quản trị-Thiết bị, trưởng các đơn vị có thiết bị) đi đánh giá hiện trạng và hiệu quả sử dụng thiết bị, có biên bản đánh giá và sử dụng thiết bị. Trong năm 2019 đến 2021 có thể hiện tình trạng của các thiết bị đào tạo và đánh giá, đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị. Cuối năm, phòng Quản trị-Thiết bị có Báo cáo tổng kết công tác quản lý và sử dụng thiết bị trong toàn trường, trong đó có đánh giá về công tác quản lý sổ sách của các phòng, khoa chuyên môn, đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo, đáp ứng được các yêu cầu về nội dung trong các chương trình đào tạo, đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo như: cử GV đi học tập nâng cao trình độ, giao lưu, học hỏi các trường có các thiết bị tương tự, làm tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị (5.11.04. *Báo cáo tổng kết công tác quản lý và sử dụng thiết bị năm 2022, 2023,2024*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: *Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng*

1.Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có định mức tiêu hao vật tư cho các nghề. Trường có đầy đủ định mức tiêu hao vật tư cho 11 nghề trình độ CĐ và 13 nghề trình độ TC theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN (1.2.01. *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 109, 109a, 109b, 109c/2018/GDND-TCGDNN; (5.12.01. QĐ số 497/QĐ-CĐCN&TM ngày*

24/10/2018 v/v ban hành định mức tiêu hao vật tư cho các nghề đào tạo trình độ CĐ, trình độ TC).

Về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo, trường có QĐ số 404/QĐ-CĐCN&TM-QT-TB ngày 28/8/2018 v/v ban hành Quy định quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo. Quy định có 07 điều, trong đó Điều 6. Quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo; Có lưu đồ 09 bước thể hiện “quy trình quản lý, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo”; Có lưu đồ 07 bước thể hiện “quy trình cấp phát vật tư phục vụ đào tạo”; Có mẫu Phiếu giao nhận nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ (5.12.02 Quy định về cấp phát vật tư). Tại phòng Quản trị Thiết bị, việc cấp phát vật tư được thực hiện theo Quy trình cấp phát vật tư phục vụ đào tạo: vào đầu học kỳ Khoa chuyên môn căn cứ vào kế hoạch, tiến độ đào tạo của chương trình đào tạo, căn cứ vào số lượng HSSV, Khoa lập dự trù vật tư theo định mức tiêu hao vật tư đã được trường phê duyệt → chuyển phòng Đào tạo ký xác nhận về tiến độ đào tạo → chuyển phòng Quản trị Thiết bị kiểm tra định mức tiêu hao vật tư và đơn giá → trình Giám hiệu ký duyệt → chuyển Phòng Quản trị Thiết bị mua vật tư (5.12.03-Hồ sơ cấp phát vật tư thực tập). Vật tư mua về được giao trực tiếp cho các khoa chuyên môn (5.12.04. Biên bản giao nhận vật tư giảng dạy). Ví dụ bộ “Hồ sơ cấp phát vật tư thực tập” của Khoa Điện, tổ chức đào tạo nghề Điện công nghiệp, trong đó các lớp: lớp CCK13ĐI môn học Trang bị điện 1, học từ 04/5/2020. Căn cứ tiến độ giảng dạy của Khoa Điện-tự động hóa, Khoa đã có dự trù vật tư ngày 25/12/2019 → phòng Đào tạo ký xác nhận → Hiệu trưởng ký duyệt → Phòng Quản trị Thiết bị đi mua → giao cho khoa Điện, có “Biên bản giao nhận vật tư” ngày 26/2/2020 → giao cho cán bộ quản lý phòng/xưởng chuyên môn thông qua biên bản bàn giao vật tư → kết thúc ngày 10/3/2020, trước ngày SV học môn Trang bị điện 1 gần 2 tháng.

Việc cấp phát vật tư được tổ chức thực hiện theo quy định, đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Cũng theo thực tế đã nhiều năm trở lại đây, trường không mua dự trữ vật tư, nguyên liệu, dụng cụ mà chỉ mua theo Dự trù của Khoa chuyên môn, nên sau khi mua về sẽ bàn giao cho khoa quản lý. Vì thế, vật tư, nguyên liệu, dụng cụ được bảo quản tại kho của khoa do đó vật tư, nguyên liệu, dụng cụ của các khoa như khoa Điện-Tự động hóa, khoa Công nghệ ô tô, khoa Cơ khí...được bố trí sắp xếp gọn gàng, đặt trên giá.

Một số vật tư kích thước nhỏ được để trong hộp hoặc trong tủ, ngăn nắp, thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng (5.12.05-Ảnh chụp vật tư được để ở Xưởng TH)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.

1.Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có 3 cơ sở đào tạo, mỗi cơ sở đều có thư viện gồm phòng đọc và phòng lưu trữ giáo trình, sách tham khảo, tài liệu chuyên môn, và một số loại tạp chí chuyên ngành phù hợp với các nghề đào tạo.

Thư viện của cơ sở 1 có diện tích 103m², có 04 máy tính, diện tích 4m²/chỗ ngồi cho cán bộ, GV và HSSV tra cứu, 01 máy tính cho người quản lý thư viện quản lý sách, tài liệu, tạp chí, quản lý, theo dõi số lượng người đến mượn, đọc sách tại thư viện. Thư viện có 24 chỗ ngồi đọc tại thư viện, diện tích 2m²/chỗ, có kho lưu trữ, rộng 30m² chứa 11.041 cuốn sách (= 2,74m²/1000 cuốn sách) gồm chương trình, giáo trình, sách tham khảo, tài liệu chuyên môn của nghề mà trường thực hiện đào tạo (5.2.01.Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Cơ sở 1).

Thư viện tại cơ sở 2 có diện tích 468m²: có 04 máy tính tra cứu và 01 máy tính để quản lý thư viện. Diện tích chỗ ngồi để tra cứu tài liệu trên máy tính: 4m²/chỗ. Diện tích kho sách 50m² chứa 11.915 cuốn sách (= 4,7 m²/1000 đầu sách) gồm chương trình, giáo trình, tài liệu chuyên môn, sách tham khảo, truyện văn học, thơ..Thư viện có 48 chỗ ngồi đọc, diện tích 2,5 m²/chỗ ngồi (5.2.02.Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Cơ sở 2).

Thư viện tại cơ sở 3 có diện tích 95m², cũng có 04 máy tính tra cứu + 01 máy tính dùng để quản lý thư viện (4m²/chỗ). Thư viện có 12 chỗ ngồi, 2m²/chỗ (5.1.04.Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên giai đoạn 2005-2010 xét đến 2020 của Bộ Công Thương ngày 29 tháng 9 năm 2008 – 5.1.05 Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Cơ sở 3); Có kho sách rộng 30m² chứa 5.125 cuốn sách (= 5.8 m²/1000 đầu sách), chủ yếu là sách, tài liệu tham khảo, tài liệu chuyên môn của nghề Điện – Tự động hóa (5.13.01. Sổ kiểm kê thư viện cơ sở 1,2,3 năm 2022, 2023, 2023). Ngoài ra,

trên thư viện điện tử của trường, còn lưu trữ 1351 đầu sách, tài liệu điện tử (5.13.02. *Danh mục giáo trình, tài liệu tích hợp trên thư viện điện tử*)

Trường hiện nay đang thực hiện đào tạo 10 nghề trình độ cao đẳng, 11 nghề trình độ trung cấp, 10 nghề trình độ sơ cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và Giấy chứng nhận bổ sung đăng ký hoạt động GDNN (1.2.01. *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp*). Trường đã có đầy đủ chương trình đào tạo các ngành, nghề mà trường đào tạo được cấp phép (4.1.01. *Quyết định ban hành chương trình đào tạo*; 2.5.01. *Các chương trình đào tạo của trường*). Toàn bộ chương trình đào tạo của trường đều được lưu trữ tại 3 thư viện của 3 cơ sở. Tại cơ sở 1, lưu trữ 12 chương trình (tính cả CĐ và TC) của 04 nghề (Kế toán doanh nghiệp, Quản trị mạng máy tính, Tin học ứng dụng, Tin học văn phòng). Cơ sở 2, lưu trữ 12 chương trình (tính cả CĐ và TC) của 7 nghề (Công nghệ ô tô, Hàn, Khoan thăm dò Địa chất, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Khai thác mỏ, Tiện, Trắc địa- Địa chính). Cơ sở 3, lưu trữ 14 chương trình (tính cả CĐ và TC) của 10 nghề (Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Quản trị lễ tân, Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, Phiên dịch tiếng Nhật, Kinh tế thương mại, Tiếng Hàn Quốc, Nghiệp vụ lễ tân, Nghiệp vụ lưu trú, Nghiệp vụ nhà hàng). Hiện tại, trường có 498 giáo trình (4.11.05. *Quyết định phê duyệt giáo trình đưa vào sử dụng*; 4.10.02. *Giáo trình giảng dạy của trường*). Số giáo trình tại thư viện và giáo trình đều có 05 bản in, tổng số: 498 giáo trình * 5 = 2490 giáo trình. Số giáo trình này hiện nay đang để tại Cơ sở 1.

Theo Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực GDNN và theo yêu cầu của nội hàm tiêu chuẩn về số giáo trình lưu giữ tại thư viện.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: *Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học*

1.Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có Quy chế tổ chức hoạt động của Thư viện, được ban hành bởi QĐ số 412/QĐ-CĐCN&TM-KHCN-ĐN ngày 31/8/2018. Quy định có 06 Chương, 15 Điều; trong đó có Chương IV.Nội quy sử dụng thư viện (5.14.01- *Quy chế tổ chức hoạt*

động của Thư viện). Ngoài ra, mỗi thư viện tại cơ sở đều có nội quy phòng đọc (5.14.02. Nội quy phòng đọc), có thông báo thời gian mở cửa của Thư viện (5.14.03. Thông báo thời gian mở cửa thư viện).

Thư viện trường phục vụ bạn đọc theo 2 hình thức: Phục vụ tại chỗ (5.14.04. Phiếu mượn tài liệu đọc tại chỗ) và cho mượn tài liệu về nhà (5.14.05. Phiếu mượn tài liệu về nhà). Ngoài ra, Thủ thư còn in ấn và cấp phát bài giảng phục vụ công tác giảng dạy và học tập cho GV và HSSV. Tất cả các hoạt động trên đều có sổ sách quản lý, sổ nghiệp vụ, sổ mượn tài liệu dành cho bạn đọc (5.14.06 Sổ mượn sách thư viện), sổ kiểm kê tài liệu hàng năm trên thư viện điện tử. Để tăng cường hình thức phục vụ bạn đọc, thư viện đã có những buổi hướng dẫn HSSV khóa mới tra cứu tài liệu thư viện (5.14.07. Kế hoạch hướng dẫn sinh viên tra cứu và sử dụng tài liệu thư viện) hoặc tổ chức Ngày hội đọc sách (5.14.08. Kế hoạch Số: 199/ KH – CĐCN&TM ngày 25/04/2023 v/v tổ chức hưởng ứng ngày hội đọc sách); Kế hoạch số 408/KH – CĐCN&TM ngày 30/09/2024 hướng dẫn sinh viên khoá mới tra cứu và sử dụng tài liệu thư viện năm học 2024 – 2025.

Trung tâm khảo thí – đo lường chất lượng tổ chức lấy ý kiến đánh giá về Thư viện điện tử của trường thông qua Phiếu khảo sát. Mức đánh giá: 5 mức (mức 1. Hoàn toàn không đồng ý, mức 2. Không đồng ý. Mức 3. Phân vân, mức 4. Đồng ý, mức 5. Hoàn toàn đồng ý).

Kết quả như sau:

Năm học	Số phiếu thu về/số phiếu phát ra	Tổ chức hoạt động thư viện, hình thức phục vụ thư viện nhà trường đã phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	
		Rất phù hợp (%)	Phù hợp (%)
2021-2022	757/800	69,75	28,01
2022-2023	457/510	71,77	20,84
2023-2024	504/600	33,7	57,1

(9.3.01- Phiếu lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy; 9.3.05. Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy các học kỳ)

Như vậy, hơn 90% số phiếu đánh giá của HSSV đồng ý “thư viện đáp ứng được nhu cầu của HSSV”.

Hàng năm Thư viện đều có Báo cáo hoạt động của Thư viện, trong đó có đánh giá hoạt động của thư viện và đề ra phương hướng nhiệm vụ cho năm học mới (5.14.09-Báo cáo hoạt động thư viện 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 - 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15: *Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo*

1.Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có 03 thư viện đặt tại 03 cơ sở đào tạo của trường. Mỗi thư viện đều có phòng đọc và kho sách. Trong mỗi phòng đọc có 04 máy tính, được nối mạng Internet để kết hợp với thư viện kiểu truyền thống, đáp ứng nhu cầu tra cứu của cán bộ, GV, nhân viên, HSSV (5.15.01 Biên bản kiểm kê thiết bị phòng KHCN –ĐN năm 2021, 2022,2023) (5.15.02-Hóa đơn trả tiền Internet)

Trường có thư viện điện tử, có phần mềm thư viện điện tử được cung cấp, cài đặt và chuyển giao bởi Công ty Cổ phần Công nghệ Tinh Vân (Thanh Xuân, Hà Nội) theo Hợp đồng số 131/2009/HĐ-TV ngày 07/12/2009 giữa Trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên (nay là trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương Mại) và Công ty Cổ phần Công nghệ Tinh Vân (5.15.03-Hợp đồng và Thanh lý Hợp đồng về phần mềm thư viện điện tử). Phần mềm Thư viện điện tử của trường đảm bảo các yêu cầu chung của một phần mềm thư viện điện tử (có 06 phân hệ chính), đảm bảo yêu cầu chung về công nghệ nền tảng (Hệ quản trị dữ liệu; Hỗ trợ ngôn ngữ, Giao diện làm việc), đảm bảo các yêu cầu chung về chuẩn thư viện. Mỗi một GV, cán bộ nhân viên nhà trường, HSSV có một account riêng, miễn phí (đã được phân cấp) có thể truy cập vào nguồn dữ liệu đã được số hóa của thư viện để tra cứu như: chương trình, giáo trình của các nghề của trường biên soạn, các tài liệu tham khảo, các tạp chí chuyên ngành. (5.15.04-Ảnh chụp giao diện thư viện điện tử đang làm việc). Thư viện điện tử của trường còn có thể kết nối được với trang web của trường <https://coit.edu.vn>. (5.15.05. Trang web thư viện điện tử). Ngoài ra, tại mỗi thư viện đều phát wifi miễn phí, giúp cho HSSV, cán bộ, GV có thể truy cập Internet miễn phí.

Các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường đã được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo, toàn bộ 10 chương trình đào tạo

cao đẳng, 11 chương trình đào tạo trung cấp, 10 chương trình đào tạo sơ cấp. 498 giáo trình MĐ/MH của các nghề, 1351 tài liệu tham khảo đã được số hóa trong thư viện điện tử của trường (5.15.06. Danh mục giáo trình, tài liệu tích hợp trên thư viện điện tử; 5.15.07 - Ảnh chụp giao diện thư viện điện tử thể hiện chương trình, giáo trình).

Thư viện điện tử và thư viện truyền thống của trường đã đáp ứng nhu cầu tra cứu và truy cập thông tin của người đọc do có thời gian mở cửa thư viện phù hợp với thời gian làm việc của cán bộ, nhân viên, GV và thời gian học tập của HSSV (sáng từ 7h30 đến 12h; Chiều từ 13h đến 16h30) (5.14.03. Thông báo thời gian mở cửa thư viện), có cơ sở vật chất đầy đủ, đảm bảo tiêu chuẩn, có chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo chuyên môn đã được số hóa, nên đã phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo (5.15.08-Báo cáo hoạt động thư viện 2021-2022, 2022 – 2023, 2023 - 2024).

Phòng Quản lý đào tạo tổ chức lấy ý kiến đánh giá về Thư viện điện tử của trường thông qua Phiếu khảo sát. Mức đánh giá: 5 mức (mức 1. Hoàn toàn không đồng ý, mức 2. Không đồng ý, mức 3. Phân vân, mức 4. Đồng ý, mức 5. Hoàn toàn đồng ý).

Kết quả như sau:

Năm học	Số phiếu KS thu về/số phát ra	Trường có thư viện điện tử, có phòng MT đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập TT của HSSV	
		Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)
2021-2022	757/800	67,77	29,59
2022-2023	457/510	71,77	20,84
2023-2024	504/600	34,7	55,8

(9.3.01- Phiếu lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy; 9.3.05. Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy các học kỳ).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 5: 1 điểm

3.2.6. TIÊU CHÍ 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

Công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế có vai trò đặc biệt quan trọng trong giáo dục nói chung và giáo dục nghề nghiệp nói riêng. Trong công tác đào tạo nghề ở nước ta hiện nay, NCKH được xem là một trong những yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra nguồn nhân lực đáp

ứng được nhu cầu ngày càng cao của xã hội vì vậy hoạt động này được Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại coi trọng và luôn được đặt vào một trong những nhiệm vụ quan trọng trong mỗi năm học .

Hợp tác quốc tế sẽ giúp nhà trường tiếp cận với những mô hình đào tạo tiên tiến, nâng cao năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học của đội ngũ giáo viên, cán bộ công nhân viên CNV Nhà trường. Nhà trường là đơn vị có truyền thống, kinh nghiệm trong công tác tổ chức, triển khai hoạt động NCKH, hợp tác quốc tế.

Trong những năm qua đội ngũ giáo viên, cán bộ CNV Nhà trường của Nhà trường luôn nỗ lực trong công tác chuyên môn và nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào hoạt động đào tạo của nhà trường, nhiều đề tài mang tính ứng dụng cao mang lại nhiều lợi ích thực tế.

Nhà trường được Bộ Công Thương Việt Nam và tổ chức NIT, (National Institute of Technology), Nhật Bản lựa chọn là một trong ba trường triển khai đào tạo thí điểm nguồn nhân lực chất lượng cao theo mô hình Kosen, Nhật Bản. Trong năm 2021, 2022, 2023, 2024 các chuyên gia Kosen đã liên tục liên hệ trực tuyến hoặc trực tiếp tới trường để hỗ trợ Nhà trường triển khai dự án.

** Những điểm mạnh:*

Nhà trường có chính sách và thực hiện tốt các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên, cán bộ CNV tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

Trong các năm từ 2022 đến 2024, mỗi năm Nhà trường đều có 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên và 100% các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đều để phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường, đã và đang ứng dụng trong thực tiễn.

Trong năm 2022, Nhà trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

Nhà trường tiếp tục triển khai tốt các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài như trường Ube Kosen, Hakodate Kosen, Anan Kosen, Toba Kosen.....các tổ chức quốc tế như NIT, JICA, JCCI..... Các hoạt động hợp tác quốc tế này góp phần nâng cao đáng kể chất lượng đào tạo và vị thế của trường.

** Những tồn tại:*

Các đề tài nghiên cứu khoa học và các sáng kiến cải tiến của Nhà trường mới chỉ được thực hiện và áp dụng trong phạm vi nội bộ Nhà trường, chưa được triển khai, nhân rộng ra các lĩnh vực và phạm vi bên ngoài trường.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường, phòng Quản lý HSSV sẽ đề xuất với Nhà trường về việc xây dựng nguồn kinh phí dành riêng cho hoạt động nghiên cứu khoa học có sự tham gia, hỗ trợ của các doanh nghiệp và có chính sách tạo điều kiện thuận lợi để kích thích cán bộ công nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học.

*** Điểm đánh giá tiêu chí 6**

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	4
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	0
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1

Tiêu chuẩn 1: *Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong những năm qua, Nhà trường ban hành nhiều chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

Nhà trường có các văn bản sau quy định về chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo, đó là:

- Quy đổi khối lượng thực hiện nhiệm vụ NCKH của giáo viên thành giờ chuẩn, được nêu tại Khoản 4 Điều 6 Chương 2 - Quy định Chế độ làm việc của Nhà giáo

(6.1.01. Quy định Chế độ làm việc của Nhà giáo dục nghề nghiệp năm 2022, 2023, 2024).

- Nhà trường còn có quy định khen thưởng cho các giáo viên có đề tài NCKH được nghiệm thu loại khá, giỏi, xuất sắc được ghi rõ tại mục c Phụ lục 2 - Quy chế chi tiêu nội bộ (6.1.02. Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, 2023, 2024).

- Các cán bộ, giáo viên có đề tài NCKH là tiêu chí ưu tiên để bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng cuối năm. Tại nội dung thứ 14, khoản 3.1 điều 16 quy định tiêu chuẩn xét thi đua: *Cá nhân có sáng kiến cải tiến được áp dụng hiệu quả hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học sẽ được cộng thêm 5 điểm trong thang điểm xếp loại thi đua.*

Để công nhận kết quả và thực hiện khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia NCKH, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận kết quả nghiệm thu và chi khen thưởng, cụ thể:

+ Xuất sắc: 500.000 VNĐ

+ Tốt: 400.000đ VNĐ

+ Khá: 300.000đ VNĐ

(6.1.03 - Quyết định về việc công nhận kết quả nghiệm thu đề tài NCKH cấp trường năm 2024); (6.1.04 - Quyết định về việc chi thưởng cho các cá nhân có thành tích thực hiện đề tài NCKH cấp trường năm 2024); (6.1.05 - Các quyết định khen thưởng đơn vị, cá nhân hàng năm).

Các đơn vị, cá nhân tham gia thực hiện các đề tài NCKH hàng năm, đều được cộng điểm ưu tiên khi bình xét thi đua cuối năm. Kết quả thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ được Nhà trường thực hiện trong các năm gần đây như sau:

- Năm 2024:

TT	Họ và tên	Danh hiệu khen thưởng	Ghi chú
1	Phạm Thị Thủy	Chiến sĩ thi đua	
2	Hoàng Thị Minh Chiêm	Chiến sĩ thi đua	
3	Phùng Văn Dũng	Chiến sĩ thi đua	
4	Nguyễn Thị Mai Hương	Chiến sĩ thi đua	
5	Nguyễn Hoàng Hương	Chiến sĩ thi đua	

Như vậy, Nhà trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 01, tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Hàng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Giảng dạy và nghiên cứu khoa học là 2 nhiệm vụ cơ bản của giáo viên Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại. Dưới sự chỉ đạo của BGH Nhà trường, hoạt động NCKH đã góp phần nâng cao năng lực giảng dạy, tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên và người học.

Tính từ năm 2022 đến năm 2024, trường có 01 đề tài, 05 sáng kiến cải tiến được duyệt và 100% đề tài, sáng kiến cải tiến đảm bảo áp dụng vào thực tiễn và tập trung vào mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Cụ thể như sau:

Năm 2022, Hội đồng Khoa học của Nhà trường có kế hoạch về việc xây dựng và ban hành 02 sáng kiến cải tiến phục vụ mục đích nâng cao chất lượng đào tạo tại trường. Cụ thể, Nhà trường đã triển khai các bước theo quy định đối với các sáng kiến cải tiến. Sáng kiến cải tiến thứ nhất: Bộ thực hành khí nén cơ bản và nâng cao. Sau khi chủ biên xây dựng xong Bộ thực hành khí nén cơ bản và nâng cao (6.2.01. Bộ thực hành khí nén cơ bản và nâng cao), ban chỉ đạo xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng đã nghiệm thu và công nhận sáng kiến cải tiến đạt được các tiêu chí do Nhà trường đề ra và có biên bản kèm theo (6.2.02. Biên bản nghiệm thu Bộ thực hành khí nén cơ bản và nâng cao, ngày 19 tháng 08 năm 2022). Sáng kiến cải tiến thứ hai: Mô hình tủ sấy đa năng sử dụng bơm nhiệt. Sau khi chủ biên xây dựng xong Mô hình tủ sấy đa năng sử dụng bơm nhiệt (6.2.03. Mô hình tủ sấy đa năng sử dụng bơm nhiệt), ban chỉ đạo xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng đã nghiệm thu và công nhận sáng kiến cải tiến đạt được các tiêu chí do Nhà trường đề ra và có biên bản kèm theo (6.2.04. Biên bản nghiệm thu Mô hình tủ sấy đa năng sử dụng bơm nhiệt, ngày 25 tháng 10 năm 2022).

Năm 2023, Hội đồng Khoa học của Nhà trường có kế hoạch về việc xây dựng và ban hành 02 sáng kiến cải tiến phục vụ mục đích nâng cao chất lượng đào tạo tại

trường. Cụ thể, Nhà trường đã triển khai các bước theo quy định đối với các sáng kiến cải tiến. Sáng kiến cải tiến thứ nhất: Nghiên cứu Thiết kế và cải tiến sa bàn hệ thống gạt mưa và rửa kính trên xe ô tô. Sau khi chủ biên xây dựng xong Nghiên cứu Thiết kế và cải tiến sa bàn hệ thống gạt mưa và rửa kính trên xe ô tô (6.2.05. *Nghiên cứu Thiết kế và cải tiến sa bàn hệ thống gạt mưa và rửa kính trên xe ô tô*), ban chỉ đạo xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng đã nghiệm thu và công nhận sáng kiến cải tiến đạt được các tiêu chí do Nhà trường đề ra và có biên bản kèm theo (6.2.06. *Biên bản nghiệm thu Nghiên cứu Thiết kế và cải tiến sa bàn hệ thống gạt mưa và rửa kính trên xe ô tô*, ngày 31 tháng 12 năm 2023). Sáng kiến cải tiến thứ hai: Sử dụng trang Edmodo.com để giao và nộp bài giữa giáo viên và sinh viên (6.2.07. *Sử dụng trang Edmodo.com để giao và nộp bài giữa giáo viên và sinh viên*), ban chỉ đạo xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng đã nghiệm thu và công nhận sáng kiến cải tiến đạt được các tiêu chí do Nhà trường đề ra và có biên bản kèm theo (6.2.08. *Biên bản nghiệm thu Sử dụng trang Edmodo.com để giao và nộp bài giữa giáo viên và sinh viên* ngày 31 tháng 12 năm 2023).

Năm 2024: Hội đồng Khoa học của trường đã công nhận 01 đề tài NCKH và 01 Sáng kiến kinh nghiệm.

Trong đó, đề tài NCKH là: Nghiên cứu những tác động tích cực của hoạt động hợp tác giữa Nhà trường và doanh nghiệp đến công tác tuyển sinh của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (6.2.09. *Thuyết minh đề tài NCKH kèm theo hợp đồng đặt hàng sản xuất và cung cấp dịch vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ số 100/HĐ-KHCN*, ngày 22/3/2024); Đề tài NCKH nêu trên đã được Hội đồng khoa học Nhà trường nghiệm thu theo Hợp đồng và đều đạt yêu cầu (6.2.10. *Biên bản nghiệm thu Hợp đồng NCKH* ngày 09 tháng 8 năm 2024).

Sáng kiến kinh nghiệm: Quy trình Đăng ký, triển khai và nghiệm thu đề tài NCKH cấp trường. Sau khi chủ biên xây dựng xong Quy trình Đăng ký, triển khai và nghiệm thu đề tài NCKH cấp trường (6.2.11. *Quy trình Đăng ký, triển khai và nghiệm thu đề tài NCKH cấp trường*) ban chỉ đạo xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng đã nghiệm thu và công nhận sáng kiến cải tiến đạt được các tiêu chí do Nhà trường đề ra và có biên bản kèm theo (6.2.12. *Biên bản hợp nghiệm thu Quy trình Đăng ký, triển khai và nghiệm thu đề tài NCKH cấp trường* ngày 29 tháng 10 năm 2024).

Như vậy, Nhà trường đủ điều kiện mỗi năm có ít nhất 2 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 02, tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Hàng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2022 Nhà trường bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế. Cụ thể, bài báo của tác giả Trần Quốc Hoàn (Trưởng khoa Điện - Tự động hóa) có bài “Phase Earth-Fault Short-Circuit Automatically Connecting and Detecting Device Solution to Enhance the Reliability of 6KV Grid Power Supply in Open-Pit Mines in Quang Ninh Area-Vietnam” đăng trên tạp chí International Journal of Engineering Research & Technology (IJERT), số 11, tháng 4 năm 2022. (6.3.01. *Tran Quoc Hoan, Ho Viet Bun, Nguyen Anh Nghia, Phase Earth-Fault Short-Circuit Automatically Connecting and Detecting Device Solution to Enhance the Reliability of 6KV Grid Power Supply in Open-Pit Mines in Quang Ninh Area-Vietnam, International Journal of Engineering Research & Technology (IJERT).*)

Năm 2023, 2024: Nhà trường không có bài báo.

Như vậy, Nhà trường không đủ điều kiện hàng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 03, tiêu chí 6: 0 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường đều được ứng dụng thực tiễn.

Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường đều được ứng dụng thực tiễn. Trong năm 2022, 2023, 2024 Nhà trường có 01 đề tài NCKH, 05 sáng kiến cải tiến được nghiệm thu, tất cả các đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến đều có tính ứng dụng cao trong công tác quản lý, đào tạo, chuyên môn của nhà trường. Cụ thể, việc ứng dụng thực tiễn được thể hiện qua việc sau khi sáng kiến cải tiến được nghiệm thu

có biên bản bàn giao về các khoa để sử dụng, và biên bản kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng kết quả, sản phẩm sáng kiến kinh nghiệm. Nhà trường lập kế hoạch kiểm tra tình hình sử dụng sản phẩm sáng kiến kinh nghiệm tại khoa Điện, khoa Công nghệ Ô tô, khoa CNTT (6.4.01. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng kết quả, sản phẩm sáng kiến kinh nghiệm năm 2022), (6.4.02. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng kết quả, sản phẩm sáng kiến kinh nghiệm năm 2023), và ghi biên bản về tình hình sử dụng thực tế (6.4.03. Biên bản kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng kết quả, sản phẩm sáng kiến kinh nghiệm năm 2022) “Bộ thực hành khí nén cơ bản và nâng cao”, “Mô hình tủ sấy đa năng sử dụng bơm nhiệt”, (6.4.04. Biên bản kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng kết quả, sản phẩm sáng kiến kinh nghiệm năm 2023) “Nghiên cứu Thiết kế và cải tiến sa bàn hệ thống gạt mưa và rửa kính trên xe ô tô”, “Thiết kế và cải tiến sa bàn hệ thống gạt mưa và rửa kính trên xe ô tô”, Các sản phẩm của đề tài NCKH và sáng kiến kinh nghiệm năm 2024 thuộc lĩnh vực lý thuyết và đang được áp dụng vào thực tiễn của Nhà trường.

Năm 2022, 2023, 2024 các đề tài, sáng kiến đang đưa vào ứng dụng.

Như vậy, 100% đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 04 tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: *Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường được các tổ chức NIT, JICA Nhật Bản hỗ trợ đào tạo cán bộ quản lý và giáo viên sang Nhật Bản tìm hiểu về mô hình KOSEN. Đặc điểm của mô hình KOSEN là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp và đảm bảo 100% sinh viên tốt nghiệp có việc làm. Điểm đáng chú ý khác của mô hình KOSEN là việc đào tạo không chỉ có lý thuyết mà hướng đến kỹ năng thực hành, khả năng sáng tạo của người học thông qua các hoạt động thực hành, nghiên cứu; sử dụng giảng viên có trình độ cao và thiết bị đào tạo tốt; đào tạo chất lượng cao với mô hình nhóm nhỏ, ...

Các hoạt động hợp tác quốc tế này góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường. Đối với chương trình đào tạo theo mô hình Kosen, trường đã thành lập Ban chỉ đạo triển khai dự án mô hình KOSEN phiên bản COIT để điều hành mọi hoạt động áp dụng chương trình. Tổ chức JICA cũng cử cán bộ, giảng viên, và chuyên gia sang trường tập huấn phương pháp giảng dạy PBL, EDE; Sáng tạo cho học sinh, sinh viên

cho giáo viên; 5S và An toàn lao động; Xây dựng chương trình đào tạo theo mô hình KOSEN cho các giáo viên, giảng viên của Nhà trường. Từ tháng 3/2020 đến cuối năm 2021, do tình hình dịch bệnh nên các nhóm chuyên trách của nhà trường và đối tác chỉ làm việc trực tuyến. (6.5.01- Các biên bản làm việc trực tuyến). Nhờ tình hình dịch Covid tại Việt Nam được kiểm soát tốt, từ đầu năm 2022 đến nay các hoạt động gặp mặt trực tiếp giữa Nhà trường và các đối tác đã được khôi phục đáng kể (6.5.02. Các kế hoạch đón tiếp, làm việc với các chuyên gia KOSEN Nhật Bản).

Song song với việc hỗ trợ Nhà trường trong triển khai, mở rộng mô hình Kosen, trong năm 2022 tổ chức NIT đã kết nối các doanh nghiệp Nhật Bản với Nhà trường hướng đến tạo một hệ sinh thái việc làm chất lượng cao cho học sinh, sinh viên của Nhà trường trong tương lai (6.5.03. Kế hoạch Làm việc với đoàn Khu công nghiệp Thăng Long và Cán bộ Kosen).

Để đánh giá mức độ thành công của mô hình Kosen tại Việt Nam, ngày 26 tháng 5 năm 2023, Ủy ban Mô hình KOSEN, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội), Vụ Tổ chức cán bộ (Bộ Công Thương) phối hợp tổ chức Hội nghị Kỳ họp lần thứ 3 Ủy ban Mô hình KOSEN. Tại Hội nghị, các bên đã cùng nhìn nhận, đánh giá những thành tựu mà 3 trường đã đạt được, đồng thời chỉ ra những điểm cần tập trung để đạt kết quả tốt hơn. Tại đây, COIT đã được Ủy ban mô hình KOSEN trao giấy chứng nhận tham gia đào tạo các nghề theo mô hình KOSEN (ngành Điện tử công nghiệp) (6.5.04. Giấy chứng nhận tham gia đào tạo các nghề theo mô hình KOSEN).

Tiếp nối các hoạt động hợp tác giữa NIT và COIT, năm 2023 tiếp tục diễn ra các hoạt động vô cùng ý nghĩa tại COIT (6.5.05. Kế hoạch đón tiếp đoàn cán bộ tổ chức JICA), (6.5.06. Kế hoạch đón tiếp và làm việc với đoàn đại biểu Văn phòng Xúc tiến dự án trường Đại học Việt – Nhật), (6.5.07. Kế hoạch đón tiếp và làm việc với đoàn đại biểu trường Đại học Công nghệ Nagaoka – Nhật Bản), (6.5.08. Kế hoạch đón tiếp và làm việc với đoàn đại biểu trường UBE KOSEN, Nhật Bản), (6.5.09. Kế hoạch đón tiếp và làm việc với đoàn đại biểu KOSEN HQ (Head Quarter), Nhật Bản), (6.5.10. Kế hoạch đón tiếp và làm việc với đoàn địa biểu trường UBE KOSEN, Nhật Bản), (6.5.11. Kế hoạch đón tiếp và làm việc với đoàn đại biểu trường Đại học Việt - Nhật), (6.5.12. Kế hoạch tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa Việt Nam – Nhật Bản và trao đổi học sinh, sinh viên giữa COIT và UBE KOSEN). (6.5.13. Kế hoạch tổ chức các hoạt

động giao lưu Việt Nam – Nhật Bản và trao đổi học sinh, sinh viên giữa COIT và Anan KOSEN). (6.5.14. Kế hoạch tổ chức các hoạt động giao lưu và trao đổi học sinh, sinh viên giữa COIT và UBE KOSEN và tham gia HUEIC Robofest 125 tại trường CĐ Công nghiệp Huế).

Các hoạt động hợp tác quốc tế này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường mà còn tạo niềm tin cho học sinh và gia đình về tương lai nghề nghiệp ổn định, chất lượng.

Đối với mô hình KOSEN, Nhật Bản, Nhà trường vẫn tiếp tục triển khai đào tạo và tiếp tục tuyển sinh.

Như vậy, Nhà trường có liên kết đào tạo các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài: Ube KOSEN, Hakodate KOSEN, Anan KOSEN và các tổ chức quốc tế: JICA, NIT, JETRO. Trong quá trình hợp tác, các hoạt động hợp tác quốc tế này góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường (6.5.15. Báo cáo công tác hợp tác quốc tế hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 05, tiêu chí 6: 1 điểm

3.2.7. TIÊU CHÍ 7: Quản lý tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7

Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, vì thế công tác quản lý tài chính của nhà trường được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước từ công tác lập dự toán cho tới các công tác thu chi theo kế hoạch.

Các định mức thu, chi theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt và hàng năm đều có rà soát điều chỉnh định mức chi liên quan đến hoạt động đào tạo và luôn đáp ứng cho việc thực hiện chương trình dạy nghề.

Dự toán và quyết toán hằng năm đều được công khai theo đúng quy định.

Công tác quản lý tài chính của nhà trường có những điểm mạnh và tồn tại sau:

*** Những điểm mạnh**

Trường thực hiện đầy đủ công tác lập dự toán, quyết toán, báo cáo tài chính theo đúng quy định, rõ ràng và phù hợp với nhu cầu phát triển các ngành, nghề đào tạo.

Trường đã xây dựng chiến lược phát triển các nguồn thu hợp pháp; phát triển thêm các nguồn thu góp phần tăng kinh phí cho trường nhằm đáp ứng đủ nhu cầu kinh phí đào tạo, nghiên cứu khoa học cho giáo viên và học sinh, sinh viên cũng như mua sắm thêm máy móc thiết bị, xây dựng cơ sở vật chất.

Công tác quản lý và sử dụng tài chính đúng quy định hiện hành của Nhà nước, quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

Công tác phân bổ tài chính đảm bảo công khai, minh bạch, hợp lý và đảm bảo nguyên tắc thống nhất trong toàn trường. Các khoản chi phí được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và đáp ứng nhu cầu đào tạo, chương trình dạy nghề, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chung của Nhà trường.

*** Những tồn tại và kế hoạch**

- **Tồn tại:** Không

- **Kế hoạch khắc phục:** Tiếp tục duy trì và phát huy những điểm mạnh trên.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7 : Quản lý Tài chính	6 Điểm
Tiêu chuẩn 1	01
Tiêu chuẩn 2	01
Tiêu chuẩn 3	01
Tiêu chuẩn 4	01
Tiêu chuẩn 5	01
Tiêu chuẩn 6	01

Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí. Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC, ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm; Thông tư 40/2017TT-BTC ngày 28/4/2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các

cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và các đơn vị công lập và các văn bản pháp luật liên quan khác,... Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ. Các nội dung quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ đều được Nhà trường xây dựng dựa trên các quy định về quản lý, sử dụng và thanh quyết toán tài chính của Nhà nước, của Bộ Tài chính ban hành. (7.1.01. *Quyết định về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2022,2023,2024*; 7.1.02. *Quy chế chi tiêu nội bộ Trường Cao đẳng công nghiệp và Thương mại các năm 2022,2023,2024*)

Quy chế chi tiêu nội bộ bao gồm các quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính đã được công bố công khai đến toàn thể cán bộ giáo viên trong toàn trường. Quy chế sau khi được Hiệu trưởng phê duyệt, Nhà trường in và phát cho mỗi đơn vị 01 cuốn. thời, Nhà trường đã công bố công khai Quy chế trên trang website của trường (<https://coit.edu.vn/>) (7.1.03 - *Hình ảnh chụp qua website của Nhà trường về việc công khai quy chế chi tiêu nội bộ*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại đã thực hiện cơ chế quản lý tài chính thống nhất trong toàn trường và quy chế chi tiêu nội bộ, ban hành hàng năm.

Nguồn thu của Nhà trường từ hoạt động dịch vụ đào tạo, tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, bao gồm: Nguồn thu đào tạo ngắn hạn, liên kết đào tạo. Nguồn thu được quản lý thông qua tài khoản tại ngân hàng. Tất cả các nguồn thu đều được theo dõi từng nội dung, từng hợp đồng thông qua sổ sách theo dõi tài chính (7.2.01- *Sổ quỹ tiền mặt hàng năm 2022,2023*); Các nguồn thu Nhà trường đều thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế đúng quy định

Hệ thống quản lý tài chính của Nhà trường được kiểm soát rất chặt chẽ và đảm bảo tính chính xác: Phòng Hành chính tổng hợp lập báo cáo tài chính theo quý, năm và theo dõi đầy đủ vào sổ sách kế toán, đảm bảo tính chính xác và kịp thời nhằm đáp ứng tốt cho công tác quản lý tài chính của đơn vị (7.2.02. *Báo cáo tài chính các năm 2022,2023*; 7.2.03. *Các loại sổ chi tiết kế toán các năm 2022,2023*). Nhà trường, được cơ quan chủ quản là Bộ công thương đã xác nhận các nguồn thu đều được quản lý đúng quy định; được hạch toán vào TK 531 và phân bổ sử dụng đảm bảo tiết kiệm,

đúng quy định (7.2.04. *Biên bản thẩm định quyết toán NSNN các năm 2022,2023; 7.2.05. Thông báo duyệt quyết toán các năm 2022,2023*).

Công tác quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Nhà trường luôn thực hiện đúng theo các văn bản quy định của nhà nước và theo quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại là đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động. Thực hiện Thông tư số 56/2022/TT-BTC, ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực hiện các chỉ tiêu của năm trước, Nhà trường lập dự toán cho năm tiếp theo (7.6.04. *Đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2022 và xây dựng dự toán NSNN năm 2023; Đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2023 và xây dựng dự toán NSNN năm 2024; Đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2024 và xây dựng dự toán NSNN năm 2025*). Nguồn lực về tài chính của Nhà trường được thể hiện như sau:

+ Nguồn Ngân sách Nhà nước cấp (7.3.02. *Quyết định giao dự toán ngân sách Nhà nước các năm 2022,2023,2024*).

+ *Nguồn thu khác:* Trường là đơn vị sự nghiệp công lập có thu tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động vì vậy Nhà trường phải tăng cường các nguồn lực tài chính để bổ sung kinh phí hoạt động. Nhà trường đã liên kết đào tạo với các Doanh nghiệp để mở các lớp ngắn hạn, bồi dưỡng kỹ năng để đáp ứng nhu cầu người học và tăng nguồn thu cho nhà trường (7.3.03. *Thu từ các hợp đồng đào tạo ngắn hạn; Hợp đồng liên kết đào tạo*).

Các nguồn thu của trường đều được phản ánh đầy đủ trong chứng từ, sổ sách kế toán và được lưu trữ theo đúng quy định của Nhà nước (7.3.01. *Báo cáo về các nguồn thu từ học phí, liên kết đào tạo, dịch vụ các năm 2022,2023; 7.2.02. Báo cáo tài chính các năm 2022,2023*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường, luôn thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán theo đúng quy định (7.1.02. *Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2022,2023,2024*). Đồng thời, cũng thực hiện theo đúng theo các quy định của Nhà nước: Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC, ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm; Thông tư 40/2017TT-BTC ngày 28/4/2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và các đơn vị công lập và các văn bản pháp luật liên quan khác,....

Về công tác quản lý tài chính:

Chứng từ kế toán: Mọi nghiệp vụ tài chính phát sinh đều được phản ánh trên chứng từ, sổ sách kế toán. Tất cả các chứng từ đều được lập đúng theo yêu cầu chung của chứng từ kế toán, đúng theo mẫu của Bộ Tài chính quy định và hướng dẫn. Việc lập và xử lý chứng từ kế toán phù hợp với chuẩn mực kế toán quy định.

Sổ sách kế toán: Thực hiện mở sổ, ghi sổ, khóa sổ, lưu trữ sổ kế toán theo đúng quy định. Các sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết có đầy đủ chữ ký của người lập sổ, kế toán trưởng và thủ trưởng đơn vị; số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết từng tài khoản được đối chiếu với số phát sinh nợ, số phát sinh có và số dư của tài khoản đó trên sổ kế toán tổng hợp; số liệu trên sổ kế toán tổng hợp, các sổ, thẻ kế toán chi tiết và bảng tổng hợp chi tiết sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng được sử dụng để lập bảng cân đối tài khoản và các báo cáo tài chính khác.

Các nguồn thu nộp đầy đủ vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để Kho bạc kiểm soát chi. Các nguồn thu dịch vụ khác quản lý tại ngân hàng nơi Trường mở tài khoản giao dịch.

Về việc sử dụng, thanh quyết toán:

Các khoản chi thực hiện theo các nội dung chi, định mức chi được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Nội dung kết luận tại Biên bản xét duyệt quyết toán hàng năm của cơ quan chủ quản, thông báo kết luận của cơ quan Kiểm toán nhà nước cho thấy cơ quan quản lý tài chính cấp trên đánh giá Nhà trường có nguồn tài chính được quản lý và phân bổ chi tiêu đúng mục đích, đúng quy định cụ thể: (7.2.02. Báo cáo tài chính các năm 2022,2023; 7.2.03 - Các loại sổ chi tiết kế toán các năm 2022,2023; 7.2.04. Biên bản thẩm định quyết toán ngân sách các năm 2022,2023; 7.2.05. Thông báo xét duyệt quyết toán các năm 2022,2023),

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tự kiểm tra tài chính kế toán và thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát nội bộ (7.5.01. Kế hoạch tự kiểm tra tài chính kế toán các năm 2022,2023; 7.5.02. Quyết định về việc thành lập Ban tự kiểm tra tài chính, kế toán Nhà trường các năm 2022,2023). Công tác tự kiểm tra tài chính kế toán, nhằm đánh giá việc chấp hành các quy định của Nhà trường trong lĩnh vực quản lý tài chính để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những thiếu sót về chuyên môn, từ đó có kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác tài chính kế toán (7.5.03 Biên bản tự kiểm tra tài chính, kế toán tại trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại các năm 2022,2023). Năm 2023, nhà trường đã có Báo cáo Thanh tra Bộ Công Thương việc chấp hành các quy định của nhà nước trong quản lý sử dụng vốn, tài sản, hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; công tác đầu tư, mua sắm thiết bị tại Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (7.5.04 Báo cáo tổng hợp báo cáo thông tin, số liệu phục vụ công tác thanh tra).

Nhà trường đã xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền: Sau khi có kết luận của Thanh tra Bộ (7.5.05. Kết luận Thanh tra việc chấp hành các quy định của nhà nước trong quản lý sử dụng vốn, tài sản, hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; công tác đầu tư, mua sắm thiết bị tại Trường Cao đẳng

Công nghiệp và Thương mại), Nhà trường đã nghiêm túc chấp hành kết luận và thực hiện tốt kết luận của Thanh tra Bộ (7.5.06. Báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra của Thanh tra Bộ Công Thương)

Nhà trường đã thực hiện công khai tài chính theo quy định, hình thức công khai theo các biểu mẫu quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC qua hòm thư điện tử (email) của Nhà trường (7.5.07. Hình ảnh chụp qua thư điện tử của Nhà trường về việc công khai dự toán ngân sách các năm 2022,2023,2024)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường: Hàng năm nhà trường đánh giá về việc thực hiện nhiệm vụ ngân sách Nhà nước và đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn kinh phí được phân bổ dựa trên cơ sở dự toán cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, các hoạt động phụ trợ đào tạo... Căn cứ vào số lượng HS-SV đào tạo bình quân trong năm, chỉ tiêu tuyển sinh tăng hàng năm, căn cứ biến động của thị trường từ đó so sánh với mức thu - chi của năm trước nhằm điều chỉnh mức thu, chi cho phù hợp.(7.6.01. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN và hiệu quả sử dụng nguồn tài chính các năm 2022,2023)

Có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường. Nhà trường áp dụng các biện pháp để tiết kiệm chi như sau:

- Tinh giản biên chế cho những người không bố trí được việc làm (7.6.02. Đề án tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP các năm 2022,2023,2024) và nhà trường xây dựng đề án sắp xếp lại vị trí việc làm cho phù hợp với tình hình thực tế phát sinh trong năm như số lượng tuyển sinh trong năm, cơ cấu ngành nghề..... (7.6.03 Đề án sắp xếp lại việc làm). Ngoài ra Nhà trường còn có văn bản về quy định tiết kiệm điện, nước, điều hòa (5.4.18. Quy định về quản lý và sử dụng tài sản)

- Khai thác thiết bị, nhà, xưởng: Nhà trường liên kết với các đơn vị đào tạo vừa nâng cao tay nghề cho thầy cô giáo cũng như học sinh. Đồng thời mang lại nguồn thu

cho Nhà trường (7.3.03. Thu từ các hợp đồng đào tạo ngắn hạn; Hợp đồng liên kết đào tạo)

Xây dựng kế hoạch tài chính sát với thực tế, tăng nguồn thu và nâng cao đời sống cán bộ, nhân viên của Trường (7.6.04 Đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2022 và xây dựng dự toán NSNN năm 2023; Đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2023 và xây dựng dự toán NSNN năm 2024; Đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2024 và xây dựng dự toán NSNN năm 2025)

Chủ động xây dựng lộ trình tự chủ tài chính theo quy định; áp dụng các biện pháp nâng cao năng lực của đơn vị để thích ứng với quá trình đổi mới cơ chế.

- *Kế hoạch nâng cao chất lượng*: Hàng năm Nhà trường đều cân đối nguồn tài chính để điều chỉnh cho phù hợp theo từng thời điểm trong năm .

Xây dựng các quy định, định mức phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 1 điểm

3.2.8. TIÊU CHÍ 8: Dịch vụ người học

Nhà trường luôn coi người học là trung tâm nên các công tác liên quan đến dịch vụ người học luôn được chú trọng.

Các dịch vụ cho người học nghề luôn được nhà trường quan tâm, tổ chức triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống và đạt được những kết quả khá tốt. Nhà trường đã cung cấp các thông tin đầy đủ, kịp thời văn bản của Nhà nước, Quy chế đào tạo; Quy chế công tác HSSV của Bộ LĐ-TB&XH; các quy định, nội quy của trường như văn hóa học đường quy định về HSSV nội trú đến từng người học giúp từng học sinh, sinh viên hiểu rõ được mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, và các yêu cầu khác về kiểm tra đánh giá.

Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội theo quy định của Nhà nước và được chăm sóc sức khỏe định kỳ, được tạo điều kiện hoạt động, tham gia các phong trào văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao, được đảm bảo an toàn trong trường học. Người học được phổ biến giáo dục về chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước thông qua Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa; được tạo điều kiện tu dưỡng và rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm và thái độ hợp tác; được tạo điều kiện để tham gia công tác Đảng, đoàn thể.

Người học thường xuyên được cung cấp thông tin về thị trường lao động và giới thiệu việc làm thông qua GVCN và Trung tâm Tuyển sinh và Giới thiệu việc làm nhà

trường hoặc qua website của nhà trường, người học được tham gia hội chợ việc làm do nhà trường phối hợp tổ chức hàng năm qua đó đáp ứng được yêu cầu tìm kiếm việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo của người học.

** Những điểm mạnh:*

Trường thực hiện tốt các chế độ chính sách cho HSSV, có nhiều chính sách hỗ trợ cho HSSV;

Trường có nhiều phương thức tổ chức tư vấn việc làm cho HSSV tốt nghiệp;

** Những tồn tại:*

Không có.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Không có.

*** Điểm đánh giá tiêu chí 8**

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 8	9
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1

Tiêu chuẩn 1: *Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường cung cấp đầy đủ thông tin cho HSSV khi nhập học và trong suốt quá trình học tập tại trường. Vào đầu mỗi khóa học, Trường tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” đầu khóa (8.1.01. Kế hoạch tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” đầu khóa - Năm học 2022-2023, 2023-2024 và 2024-2025) trong chương trình của “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV”, HSSV nhà trường được cung cấp đầy đủ thông tin về tất cả các mặt liên quan đến HSSV:

- Về mục tiêu chương trình đào tạo: Thuộc bài 7 do trường, phó các khoa thực hiện với nội dung thông tin cho HSSV về mục tiêu chương trình đào tạo và phương pháp học tập (2.3.01- Các chương trình đào tạo của trường; 2.4.01. Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hệ chính quy theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; 2.8.01. Chương trình đào tạo/chương trình môn học, mô đun/Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học)

- Về quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp: Thuộc bài 4 do phòng Đào tạo thực hiện với nội dung Quy chế đào tạo, Quy chế thi kiểm tra, điều kiện học tập, điều kiện tốt nghiệp, quy chế quy định khác.

- Về chế độ chính, chính sách cho HSSV, các điều kiện đảm bảo dạy và học và nội quy, quy chế của trường: Thuộc bài 3, 5, 6 do phòng Quản lý HSSV thực hiện, nội dung gồm quy chế HSSV, chế độ chính sách cho HSSV, chính sách học phí và tín dụng cho HSSV, hướng dẫn các thủ tục hành chính cho HSSV, Quy chế HSSV nội trú, ngoại trú, công tác đảm bảo an ninh trật tự trường học, hướng dẫn luật nghĩa vụ quân sự, tạm trú, tạm vắng cho HSSV và văn hóa học đường (8.1.02. Quy chế công tác HSSV trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại; 8.1.03. Quy định một số nội dung chi tiết về công tác học sinh, sinh viên đào tạo theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn; 8.1.04. Thông báo về việc hoàn thiện hồ sơ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và chính sách nội trú các năm học 2022-2023, 2023-2024 và 2024-2025).

Trong suốt quá trình theo học, nếu cần tìm hiểu các thông tin liên quan, người học có thể tra cứu ngay trong website của trường trong chuyên mục của Phòng đào tạo – Chương trình đào tạo hay chuyên mục của Phòng Quản lý HSSV – Nội quy/Quy chế (8.1.05. <https://coit.edu.vn/chitiet-3-765-cong-tac-hoc-sinh-%E2%80%93sinh-vien.html.vn>).

Trường giao giáo viên chủ hỗ trợ để cung cấp thông tin kịp thời cho người học trong suốt thời gian học tập tại trường tại Điều 3, 4 của Quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm tại trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (8.1.06. Quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm tại trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại)

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện thu thập ý kiến đánh giá đảm bảo tối thiểu 30% HSSV đại diện các ngành, nghề được khảo sát ý kiến “về hiệu quả các hình thức, phương thức đào tạo; cơ sở vật chất; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học”; phòng Tổ chức - hành chính, lập danh sách HSSV theo ngành, nghề đang đào tạo (9.3.03. Danh sách HSSV tham gia khảo sát về hiệu quả các hình thức, phương thức đào tạo; cơ sở vật chất; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học, các năm học 2021-2022, 2022-2023 và 2023-2024).

Như vậy, người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có văn bản thông báo thực hiện các chế độ chế độ, chính sách cho HSSV (8.1.06- Thông báo về việc hoàn thiện hồ sơ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và chính sách nội trú các năm học 2022-2023, 2023-2024 và 2024-2025). Hàng năm, trường thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách theo quy định. Cụ thể, 100% HSSV thuộc đối tượng tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ Trung cấp được miễn học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ (8.2.01. Quyết định về việc miễn giảm học phí cho học sinh thuộc đối tượng tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ Trung cấp các năm học 2022-2023, 2023-2024 và 2024-2025)

Đối với HSSV được hưởng chính sách nội trú, khi tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại trường đều được hưởng theo nghị định số 53/2015/NĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ (8.2.02. Quyết định về việc cấp học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác đối với HS-SV thuộc đối tượng

tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú năm học 2022-2023, 2023-2024 và 2024-2025)

Kết thúc năm học Trường có báo cáo tổng kết năm học, báo cáo Hội nghị cán bộ viên chức và lao động có tổng hợp các nội dung tổng hợp về thực hiện chế độ chính sách cho HSSV trong năm học. (1.8.06. Báo cáo tổng kết năm học các năm 2022,2023 và 2024; 3.4.02. Báo cáo Hội nghị cán bộ viên chức và lao động năm 2022,2023 và 2024).

Như vậy, người học đã được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện (8.3.01. Quy chế xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh, sinh viên). Các mức cho thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích cao trong học tập được quy định tại Chương V, Điều 31, mục 3.2, phụ lục 1, 2 (1.3.07. Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, 2023, 2024).

Trường thành lập Hội đồng khen thưởng học sinh, sinh viên và ban hành quy định và quy trình xét thưởng (8.3.02. Quyết định thành lập Hội đồng khen thưởng học sinh, sinh viên năm học 2022-2023, 2023-2024 và 2024-2025).

Đối với cá nhân, tập thể lớp học sinh, sinh viên: Kết thúc mỗi học kỳ, Hội đồng xét rèn luyện và học bổng trong nhà trường mà Phòng Quản lý HSSV là đầu mối điều tổng hợp và đánh giá học sinh căn cứ điểm rèn luyện và học tập để phân loại, đánh giá và khen thưởng học sinh. Những học sinh có điểm học tập cao, điểm rèn luyện từ loại tốt trở lên đều được nhận khen thưởng khuyến khích học tập trong kỳ đó (8.3.03. Quyết định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập các năm học 2021-2022, 2022-2023 và 2023-2024; 8.3.04. Danh sách cấp học bổng khuyến khích học tập các năm học 2021-2022, 2022-2023 và 2023-2024). (8.3.05. Quyết định về việc khen thưởng cá nhân HSSV các năm học 2021-2022, 2022-2023 và 2023-2024) và tập thể lớp có thành tích cao trong học tập và rèn luyện (8.3.06. Quyết định về việc khen thưởng tập thể HSSV các năm học 2021-2022, 2022-2023 và 2023-2024). Các cá nhân và tập thể

được khen thưởng cũng được nhận thưởng kịp thời (8.3.07. *Danh sách nhận khen thưởng cá nhân và tập thể 2021-2022, 2022-2023 và 2023-2024*).

Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Trong Điều 3 của Quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm tại trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (8.1.07. *Quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm tại trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại*) quy định triển khai và thực hiện tốt các chế độ chính sách, quyền lợi có liên quan đến HSSV theo đúng các quy chế, quy định hiện hành. Cũng trong Điều 4 của quy định này, Giáo viên chủ nhiệm cũng được giao các nhiệm vụ cụ thể hàng ngày ở khoản 1, nhiệm vụ hàng tuần ở khoản 2, nhiệm vụ hàng tháng ở khoản 3 và nhiệm vụ cuối kỳ ở khoản 4 đều để hỗ trợ kịp thời cho HSSV trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập

Phòng Quản lý HSSV từ năm 2021 đến nay có 6 cán bộ viên chức, phòng được giao nhiệm vụ hỗ trợ HSSV trong học tập, sinh hoạt và các hoạt động liên quan, nội dung này được thể hiện rõ trong quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn

Đoàn đánh giá Trường thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện và hỗ trợ kịp thời HSSV trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập (1.8.06. *Báo cáo tổng kết năm học các năm; 3.4.02. Báo cáo Hội nghị cán bộ viên chức và lao động năm 2022, 2023, 2024*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Minh chứng Quy chế công tác HSSV thể hiện các nội dung về trách nhiệm, nghĩa vụ của HSSV trong đó Học sinh, sinh viên của trường được đánh giá kết quả rèn luyện bình đẳng, không phân. (8.1.04. *Quy chế công tác HSSV trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại*).

Trong tổ chức tuyển sinh trường đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân đối với các ngành nghề xét tuyển (2.3.05. *Thông báo tuyển sinh năm 2022, 2023 và 2024*).

Trong kế hoạch tổ chức nhập học không phân biệt về giới tính, tôn giáo hay nguồn gốc xuất thân của người học (8.4.01. Kế hoạch tiếp sinh 2022-2023, 2023-2024 và 2024-2025)

Trong quy định về quản lý HSSV ngoại trú, nội trú tại trường tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. (8.4.02. Quy định về quản lý HSSV nội trú số 1083/QĐ-CĐCN&TM-CTHSSV; Quy định về quản lý HSSV ngoại trú)

Trong khen thưởng đối với HSSV, trường thực hiện không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân (8.3.01. Quy chế xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh, sinh viên)

Trường có quy định thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích cao trong học tập không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân, được quy định tại Chương V, Điều 31, mục 3.2, phụ lục 1, 2 (1.3.07. Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, 2023, 2024)

HSSV được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao và các hoạt động ngoại khóa:

+ Năm học 2022-2023, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ chí Minh trường tổ chức các hoạt động như: (8.4.30 Giải thể thao chào mừng năm học mới, kế hoạch tổ chức tổ chức văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; Kế hoạch chào mừng ngày Thành lập Đoàn 26/3; Kế hoạch tổ chức tổ chức chương trình “Tiếp sức mùa thi năm 2022”; Kế hoạch tổ chức tổ chức lễ ra quân chiến dịch Tiếp sức mùa thi 2022; Báo cáo tổng kết công tác đoàn và phong trào HSSV năm học 2022-2023)

+ Năm học 2023-2024, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ chí Minh trường tổ chức các hoạt động như: Giải thể thao chào mừng năm học mới, kế hoạch tổ chức tổ chức văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; Kế hoạch chào mừng Xuân Giáp Thìn; Kế hoạch chào mừng ngày thành lập Đoàn; Kế hoạch tổ chức chương trình “Tiếp sức mùa thi năm 2023”

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có 3 cơ sở đào tạo, mỗi cơ sở trường bố trí khu ký túc xá cho HSSV (8.5.01. *Hồ sơ thiết kế các công trình cơ sở 1,2, 3; Hồ sơ hoàn công các công trình cơ sở 1,2,3; Quyết định quy định về công năng sử dụng các công trình xây dựng tại cơ sở 1,2,3 cơ sở của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại*).

Các khu ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học đáp ứng theo Khoản 5, Phụ lục, Thông tư số 38/2018/TT-BLĐT BXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Đối với cơ sở 1 của trường, ký túc xá được bố trí tại tòa nhà D (8.5.02. *Sơ đồ hiện trạng mặt bằng sử dụng của cơ sở 1 ngày 20/12/2004; 8.5.01- Hồ sơ thiết kế các công trình cơ sở 1,2, 3; Hồ sơ hoàn công các công trình cơ sở 1,2,3; Quyết định quy định về công năng sử dụng các công trình xây dựng tại cơ sở 1,2,3 cơ sở của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại*).

Diện tích mặt sàn ký túc xá là 1.400 m², chia làm 4 tầng, mỗi tầng có 10 phòng ở diện tích mỗi phòng 20 m²; có hành lang, ban công riêng. Các phòng ở đều được bố trí 2 giường, 2 đèn chiếu sáng, 1 quạt trần, hệ thống cung cấp điện, dụng cụ vệ sinh (8.5.03. *Hình ảnh phòng ở ký túc xá cơ sở 1*). Mỗi phòng trường bố trí tối đa 2 người ở.

Khu vệ sinh chung được bố trí 2 đầu mỗi tầng, 1 khu cho nam diện tích 23 m², 1 khu cho nữ diện tích 23 m². Trong đó có hệ thống cấp nước, bồn cầu, vòi xả, điện chiếu sáng, quạt thông gió, dụng cụ vệ sinh (8.5.04. *Hình ảnh khu vệ sinh ký túc xá cơ sở 1*).

+ Đối với cơ sở 2 của trường, ký túc xá được bố trí tại các tòa nhà A1, A2, A3, A4, A5 (8.5.05. *Bản vẽ hiện trạng hiện trạng mặt bằng sử dụng của cơ sở 2 lập tháng 9/2014; 8.5.01- Hồ sơ thiết kế các công trình cơ sở 1,2, 3; Hồ sơ hoàn công các công trình cơ sở 1,2,3; Quyết định quy định về công năng sử dụng các công trình xây dựng tại cơ sở 1,2,3 cơ sở của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại*) có tổng diện tích mặt sàn 3.320 m², mỗi tòa nhà 2 tầng, mỗi tầng có 10 phòng ở, mỗi phòng 32m² bao gồm cả hành lang, ban công. Mỗi phòng ở đều được bố trí 2 giường 2 tầng, 2 đèn chiếu sáng, 1 quạt trần, hệ thống cung cấp điện đầy đủ và bố trí tối đa 2 người ở (8.5.06. *Hình ảnh phòng ở ký túc xá cơ sở 2*).

Các nhà A1, A2 có khu vệ sinh khép kín có diện tích 13,7m², trong đó có hệ thống cấp nước được bố trí đầy đủ; nhà A1, A2, A3 bố trí 2 khu vệ sinh phía sau, 1 khu vệ sinh vệ sinh nam, 1 khu vệ sinh nữ, mỗi khu có diện tích 40m². (8.5.07. Hình ảnh khu vệ sinh ký túc xá cơ sở 2).

+ Đối với cơ sở 3 của trường, ký túc xá được bố trí tại tầng 4 và 5 của tòa nhà 5 tầng (8.5.08. Sơ đồ bố trí nhà ở KTX học sinh; 8.5.01- Hồ sơ thiết kế các công trình cơ sở 1,2, 3; Hồ sơ hoàn công các công trình cơ sở 1,2,3; Quyết định quy định về công năng sử dụng các công trình xây dựng tại cơ sở 1,2,3 cơ sở của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại) có tổng diện tích sàn cầu 2 tầng là 2.985 m², mỗi tầng có 5 phòng trong đó: có 2 phòng ở diện tích 45m² bố trí 4 giường có 6 đèn tuýp đôi, 4 quạt bố trí tối đa 4 người ở; 3 phòng 95m² bố trí 6 giường có 13 đèn tuýp đôi, 8 quạt bố trí tối đa 6 người ở. (8.5.09. Hình ảnh phòng ở ký túc xá cơ sở 3).

Mỗi tầng có 1 khu vệ sinh chung diện tích 90m², trong mỗi khu chia thành 2 phòng: 1 phòng cho nam có hệ thống cấp nước, vòi xả, 4 larabo, 4 xí bệt, 7 âu tiêu, có xô, chậu, chổi lau, giấy vệ sinh; 1 phòng cho nữ có hệ thống cấp nước, vòi xả, 4 larabo, 8 xí bệt có xô, chậu, chổi lau, giấy vệ sinh. (8.5.10. Hình ảnh khu vệ sinh ký túc xá cơ sở 3).

Hàng năm, nhằm đảm bảo các điều kiện tối thiểu cho sinh hoạt và học tập của người học vẫn đầy đủ và hoạt động tốt, nhà trường tổ chức kiểm kê tài sản trong đó có các khu ký túc xá (8.5.11. Biên bản kiểm kê trang thiết bị, vật tư ký túc xá hiện có 3 cơ sở).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Về dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho HSSV

Trường bố trí 3 cơ sở đào tạo có phòng y tế (8.6.01. Quyết định quy định về công năng sử dụng các công trình xây dựng tại cơ sở 1,2,3 cơ sở của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại), mỗi phòng Y tế có trang bị đủ các dụng cụ, thiết bị, thuốc điều trị ban đầu (8.6.02. Bảng kê danh mục thuốc và các thiết bị y tế cơ bản phục vụ chăm sóc sức khỏe người học).

Trường có 3 cán bộ làm công tác y tế học đường, các cán bộ y tế được biên chế tại phòng Quản trị - thiết bị, nhiệm vụ của các cán bộ y tế được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường (1.5.01. Quyết định số 65/QĐ-CĐCN&TM-TCHC ngày 24/01/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của đơn vị thuộc Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại)

Các cán bộ làm công tác y tế học đường đảm bảo chuyên môn, nghiệp vụ bố trí làm việc tại các cơ sở: (8.6.03. Các Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn với lao động làm nhiệm vụ y tế và văn bằng tốt nghiệp của các cán bộ y tế)

+ Tại cơ sở 1: Bà Nguyễn Thị Thu, sinh ngày 16/4/1984; trình độ chuyên môn: trung cấp điều dưỡng đa khoa, hợp đồng làm việc số 533/HĐLV-CĐCNPY ngày 31/12/2015.

+ Tại cơ sở 2: Bà Đỗ Thị Ý, sinh ngày 28/2/1985; trình độ chuyên môn: trung cấp điều dưỡng đa khoa, hợp đồng làm việc số 628/HĐLV-CĐCNPY ngày 17/9/2014.

+ Tại cơ sở 3: Bà Đinh Thị Hải, sinh ngày 16/2/1982; trình độ chuyên môn: trung cấp dược, hợp đồng làm việc số 450/HĐLV-CĐCNPY ngày 31/12/2014.

Trạm y tế đã làm tốt nhiệm vụ của mình (8.6.04. Danh sách học sinh, sinh viên, Cán bộ, Công nhân viên khám bệnh và cấp thuốc tại Trạm y tế).

Trường thực hiện tốt dịch vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho HSSV, cụ thể:

Đầu năm học học sinh, sinh viên đều tham gia mua bảo hiểm y tế và bảo hiểm thân thể để có thể khám chữa bệnh khi có nhu cầu, nhằm đảm bảo sức khỏe, yên tâm trong thời gian, làm việc và học tập (8.6.05 Các Hợp đồng mua bảo hiểm, Danh sách học sinh, sinh viên tham gia Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thân thể).

Hàng năm, Trạm y tế có kế hoạch phòng chống dịch bệnh, tuyên truyền cho Cán bộ, Giáo viên, học sinh, sinh viên nhận thức được tác hại và ảnh hưởng của các dịch bệnh, cách phòng chống dịch bệnh (8.6.06. Kế hoạch khám sức khỏe cho học sinh, sinh viên).

Hàng năm Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Vĩnh Phúc có kiểm tra công tác y tế trường học, kiểm tra 03 biên bản kiểm tra các năm 2021, 2022, 2023 đánh giá trường thực hiện tốt công tác y tế trường học. (8.6.07. Biên bản kiểm tra giám sát công tác y tế trường học năm 2021, 2022, 2023)

-Về dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm:

Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại có bố trí mỗi cơ sở đào tạo 1 căng tin phục vụ nhu cầu ăn uống, giải khát cho học sinh, sinh viên. Trường có hợp đồng cung cấp dịch vụ ăn uống với Công ty TNHH Thương mại và Kinh doanh dịch vụ Đức Minh, SN 55, Tổ 4, Phường Trung Trắc, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam, hợp đồng số 01/DVĐM/2023 ngày 01/10/2023 (8.6.08. *Hợp đồng cung cấp dịch vụ ăn uống*), Công ty TNHH Thương mại và Kinh doanh dịch vụ Đức Minh đảm bảo điều kiện phục vụ ăn uống cho học sinh, sinh viên sạch sẽ, đảm bảo chất lượng (8.6.09- *Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm*), Giấy chứng nhận số 72/2021/ATTP-CNĐK cấp ngày 23/08/2021 có hiệu lực 3 năm kể từ ngày ký.

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện thu thập ý kiến đánh giá đảm bảo tối thiểu 30% HSSV đại diện các ngành, nghề được khảo sát ý kiến “về hiệu quả các hình thức, phương thức đào tạo; cơ sở vật chất; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học”; phòng Tổ chức - hành chính, lập danh sách HSSV theo ngành, nghề đang đào tạo (9.3.03. *Danh sách HSSV tham gia khảo sát về hiệu quả các hình thức, phương thức đào tạo; cơ sở vật chất; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học, các năm học 2021-2022, 2022-2023 và 2023-2024*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: *Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường tạo điều kiện cho HSSV tham gia các hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội:

Trường có 3 cơ sở đào tạo, tại các cơ sở Trường tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội, cụ thể:

+ Tại cơ sở 1, trường bố trí 01 sân bóng chuyên, sân cầu lông; Hội trường phòng C201 được lắp đặt đầy đủ các trang thiết bị âm thanh (8.5.01. *Sơ đồ hiện trạng mặt bằng sử dụng của cơ sở 1 ngày 20/12/2004; 8.7.01. Hình ảnh sân bóng chuyên, sân*

cầu lông cơ sở 1; 8.7.02. Hợp đồng cung cấp, lắp đặt hệ thống âm thanh hội trường cơ sở 1).

+ Tại cơ sở 2, nhà trường có 01 sân bóng đá 11 người, 01 thi đấu có 03 sân cầu lông (8.5.04. *Bản vẽ hiện trạng hiện trạng mặt bằng sử dụng của cơ sở 2 lập tháng 9/2014; 8.7.03. Hình ảnh sân bóng đá, sân cầu lông cơ sở 2).*

+ Tại cơ sở 3, nhà trường có 01 sân bóng chuyền, 01 sân cầu lông (8.7.04. *Hình ảnh sân bóng chuyền, sân cầu lông cơ sở 3).*

Phòng Quản lý HSSV phối hợp với Đoàn thanh niên tổ chức nhiều các hoạt động văn hóa, thể thao và các hoạt động xã hội cho học sinh, sinh viên; các hoạt động tổ chức cả 3 cơ sở đào tạo của trường.

+ Năm học 2022-2023, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ chí Minh trường tổ chức các hoạt động như: Giải thể thao chào mừng năm học mới (8.7.05. Kế hoạch tổ chức tổ chức văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11); (8.7.06. Kế hoạch chào mừng ngày Thành lập Đoàn 26/3); (8.7.07. Kế hoạch tham gia thi Bóng chuyền hơi chào mừng kỷ niệm 91 năm thành lập đoàn); (8.7.08. Kế hoạch thi Bóng chuyền hơi Học sinh , sinh viên cụm các trường CĐ, ĐH Thành phố Phúc Yên); (8.7.09. Kế hoạch tổ chức bình chọn danh hiệu Học sinh 3 rèn luyện và sinh viên 5 tốt cấp trường năm 2022); (8.7.10. Kế hoạch tổ chức tổ chức chương trình “Tiếp sức mùa thi năm 2022”)

+ Năm học 2023-2024, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ chí Minh trường tổ chức các hoạt động như: Giải thể thao chào mừng năm học mới (8.7.11. Kế hoạch tổ chức tổ chức văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11); (8.7.12. Kế hoạch tổ chức chương trình Talkshow “Mở ra cơ hội nghề nghiệp”); (8.7.13. Kế hoạch tham gia TDTT “Mừng xuân Giáp Thìn” Thành phố Phúc Yên); (8.7.14. Kế hoạch chào mừng ngày Thành lập Đoàn 26/3); (8.7.15. Kế hoạch tổ chức tổ chức chương trình “Tiếp sức mùa thi năm 2023”)

- Trường đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường:

Trong tổ chức bộ máy của trường có Ban bảo vệ trực thuộc ban lãnh đạo trường, ban bảo vệ bố trí 19 lao động đảm bảo công tác an ninh trật tự cho 3 cơ sở đào tạo của trường. Trong quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị Nhà trường cũng quy định rõ: Ban bảo vệ là đơn vị đảm bảo an toàn cho người và tài sản trong khuôn viên trường (1.5.01. *Quyết định số 65/QĐ-CĐCN&TM-TCHC ngày 24/01/2019 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của đơn vị thuộc Trường*

Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại).; 3.4.01. *Danh sách trích ngang viên chức, người lao động (trình độ chuyên môn, thời gian công tác, vị trí việc làm).*

Trường ban hành quy định rõ việc ra vào cổng đối với khách, cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên, trong đó ghi rõ việc đeo thẻ bắt buộc đối với học sinh, sinh viên và trình báo, xuất trình giấy tờ đối với khách (8.7.16. *Quy định về việc ra vào cổng*),.

Trường ban hành Nội quy an toàn phòng cháy, chữa cháy; Trường kết hợp với Công an phòng cháy chữa cháy thực hiện diễn tập phòng cháy, chữa cháy (8.7.17. *Kế hoạch, biên bản diễn tập phương án chữa cháy*).

Trường ban hành quy định về quản lý HSSV nội trú, ngoại trú đối với HSSV, quy trình quản lý HSSV trong hệ thống bảo chất lượng của trường nhằm đảm bảo an toàn cho HSSV (8.4.02. *Quy định về quản lý HSSV nội trú số 1083/QĐ-CĐCN&TM-CTHSSV*)

Hàng năm trong báo cáo tổng kết năm học, báo cáo Hội nghị viên chức cho thấy trường tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội cũng như đã được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường. (1.8.06 - *Báo cáo tổng kết năm học các năm; 3.4.02- Báo cáo Hội nghị cán bộ viên chức và lao động năm 2021, 2022 và 2023*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: *Trường thực hiện tư vấn việc làm cho người học sau tốt nghiệp*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có kế hoạch hướng nghiệp và giới thiệu việc làm riêng cho HSSV tại trường và các trung tâm GDNN-GDTX (8.8.01. *Kế hoạch tổ chức các hoạt động hướng nghiệp và giới thiệu việc làm năm 2023, 2024 tại trường và các Trung tâm liên kết đào tạo, có danh sách các doanh nghiệp kèm theo*).

Hàng năm, Trường nhận được các thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp, trường đăng tải lên trang điện tử của trường tại địa chỉ: <http://vieclam.coit.works.vn/>, <https://www.facebook.com/toiyeuCOIT/> trường dán các thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp trên bảng tin. (8.8.02. *Đơn hàng tuyển dụng các năm, và hình ảnh đăng thông tin tuyển dụng tại website, fanpage, bảng tin năm 2022, 2023, 2024; 8.8.03. Hình ảnh bảng tin của trường*).

Trường có tổ chức lần vết học sinh, sinh viên (8.8.04. *Dữ liệu lần vết Học sinh, sinh viên*). Trường hợp HSSV chưa tìm kiếm được việc làm trường tiếp tục tư vấn và giới thiệu cho các doanh nghiệp thông qua zalo, fanpage.

Trường khảo sát xin ý kiến HSSV và cựu HSSV về trường thực hiện tư vấn việc làm (1.1.04. *Kế hoạch khảo sát các đối tượng; Báo cáo khảo sát các đối tượng*).

Kết quả:

Câu hỏi	Nội dung khảo sát	Mức độ đánh giá %				
		5	4	3	2	1
Năm 2022						
2	Trước khi tốt nghiệp, Anh/Chị được Trường tư vấn, hướng dẫn tìm kiếm việc làm	58.2%	40.3%	1.5%	0.0%	0.0%
Năm 2023						
2	Trước khi tốt nghiệp, Anh/Chị được Trường tư vấn, hướng dẫn tìm kiếm việc làm	60.3%	38.0%	1.7%	0.0%	0.0%
Năm 2024						
2	Trước khi tốt nghiệp, Anh/Chị được Trường tư vấn, hướng dẫn tìm kiếm việc làm	65.4%	33.3%	1.3 %	0.0%	0.0%

Như vậy, Nhà trường đã thực hiện tư vấn việc làm cho người học sau tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: *Hàng năm trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với nhà tuyển dụng.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2023 có kế hoạch Ngày hội việc làm- COIT Jobfair 2023, Năm 2024 Nhà trường dự kiến tổ chức hoạt động tư vấn hướng nghiệp và tuyển dụng vào ngày 21 tháng 12 năm 2024

Trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến HSSV về việc tổ chức cho HSSV tiếp xúc doanh nghiệp (1.1.04. *Kế hoạch khảo sát các đối tượng; Báo cáo khảo sát các đối*

tượng) Phiếu khảo sát ý kiến HSSV đánh giá theo 5 mức: 1- Hoàn toàn không đồng ý; 2- Không đồng ý; 3- Phân vân; 4- Đồng ý; 5- Hoàn toàn đồng ý.

Kết quả:

TT	Nội dung khảo sát	Mức độ đánh giá %				
		5	4	3	2	1
Năm 2022						
1	Bạn được tư vấn việc làm, hướng dẫn tìm kiếm việc làm	61.8%	35.3%	2.9%	0.0%	0.0%
Năm 2023						
1	Bạn được tư vấn việc làm, hướng dẫn tìm kiếm việc làm	63.1%	35.7%	1.2%	0.0%	0%
Năm 2024						
1	Bạn được tư vấn việc làm, hướng dẫn tìm kiếm việc làm	66.3%	32.5%	1.2%	0.0%	0.0%

Như vậy, hàng năm Nhà trường đều tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với nhà tuyển dụng.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 8: 1 điểm

3.2.9. TIÊU CHÍ 9: Giám sát, đánh giá chất lượng

Tiêu chuẩn 1: Hàng năm thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động

Đánh giá tổng quát tiêu chí 9

Giám sát, đánh giá chất lượng là một trong những hoạt động quan trọng, nhằm đảm bảo hiệu quả và chất lượng đào tạo của bất kỳ một cơ sở đào tạo nghề nào, quyết định sự phát triển nói chung và chất lượng của một hệ thống nói riêng. Đây là công cụ nâng cao chất lượng dạy nghề, góp phần nâng cao niềm tin của xã hội đối với công tác dạy nghề.

Nhận thức được điều đó, hàng năm nhà trường đã thực hiện thu thập ý kiến đánh giá cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động; thu thập ý kiến đánh giá của người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình

thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường; thu thập ý kiến các đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. Từ đó, hàng năm Nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo.

Những điểm mạnh:

Công tác khảo sát người học về các chính sách liên quan luôn thực hiện theo đúng quy trình và có báo cáo đầy đủ sau mỗi đợt khảo sát.

Nhà trường có nhiều mối quan hệ với các doanh nghiệp sản xuất, nơi mà hàng năm Nhà trường đã cử HSSV đi tham gia thực tập sản xuất. Đây là một thuận lợi lớn khi tiến hành khảo sát và đánh giá chất lượng khi HSSV thực tập tại đây, cũng như khả năng đáp ứng của HSSV sau khi tốt nghiệp tham gia lao động tại các doanh nghiệp này.

Những tồn tại và kế hoạch:

- Những tồn tại

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ học tập cho người học ở một số nghề trọng điểm vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu người học. Các văn bản để thể chế hóa công tác quản lý trong Nhà trường còn thiếu và chưa đồng bộ. Công tác khảo sát các đơn vị trong Tỉnh Vĩnh Phúc và các Tỉnh thành lân cận có sử dụng HSSV của Trường đã tốt nghiệp về mức độ đáp ứng công việc tại đơn vị để có những giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, chưa được chú trọng. Việc thực hiện đề án phát triển trường thành trường chất lượng cao diễn ra còn chậm.

- Kế hoạch:

Trong những năm tiếp theo, Nhà trường tiếp tục hoàn thiện các văn bản thể chế hóa công tác quản lý; Tăng cường công tác khảo sát các đơn vị trong Tỉnh Vĩnh Phúc và các Tỉnh thành lân cận có sử dụng HSSV của Trường đã tốt nghiệp về mức độ đáp ứng công việc tại đơn vị để có những giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo; Thúc đẩy nhanh việc thực hiện đề án phát triển trường thành trường chất lượng cao vào năm 2025.

Điểm đánh giá tiêu chí 9

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 9	6

Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, Nhà trường xây dựng Kế hoạch thu thập ý kiến khảo sát Doanh nghiệp nhằm thu thập ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động (9.1.01. Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm 2022, 2023, 2024)

- Công cụ sử dụng để khảo sát là Phiếu khảo sát. Để đánh giá “mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động”, Phiếu khảo sát được thiết kế dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm, người tham gia khảo sát lựa chọn câu trả lời bằng cách đánh dấu vào các ô phù hợp. Phiếu khảo sát năm 2022 có 05 mức đánh giá (Kém, Yếu, Trung bình, Tốt, Rất tốt). Tuy nhiên, để phù hợp và chính xác hơn trong việc đánh giá, Phiếu khảo sát năm 2023, 2024 được điều chỉnh thành 04 mức đánh giá (Chưa tốt, Trung bình, Tốt, Rất tốt). Phiếu khảo sát gồm 2 phần: Phần 1 thu thập thông tin cá nhân của người tham gia khảo sát, Phần 2 thu thập ý kiến đánh giá của doanh nghiệp/đơn vị sử dụng lao động về các mục đánh giá: Chương trình đào tạo, Chuẩn đầu ra, Giáo trình và năng lực của HSSV tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp. (9.1.02. Phiếu thu thập ý kiến Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024)

- Nhà trường lựa chọn 10 doanh nghiệp trong số những doanh nghiệp có hợp tác với nhà trường và có HSSV đã tốt nghiệp của nhà trường đang làm việc tại doanh nghiệp để tiến hành khảo sát. (9.1.03. Danh sách Doanh nghiệp khảo sát năm 2022, 2023, 2024)

- Kết quả khảo sát tập trung phân tích 02 mức độ Doanh nghiệp sử dụng lao động đánh giá là “Tốt” và “Rất tốt” về các tiêu chí: Kiến thức chuyên môn, Kỹ năng nghề, Kỹ năng sử dụng CNTT, Kỹ năng giao tiếp, ứng xử. Kết quả được tính theo tỉ lệ % số Phiếu khảo sát thu về và theo các câu hỏi tương ứng.

Kết quả như sau:

Năm học	Số thu về/số phát ra	Kiến thức chuyên môn (%)		Kỹ năng nghề (%)		Kỹ năng sử dụng CNTT (%)		Kỹ năng giao tiếp, ứng xử (%)	
		Tốt	Rất tốt	Tốt	Rất tốt	Tốt	Rất tốt	Tốt	Rất tốt
2021-2022	10/10	80	10	80	0	70	0	70	0
2022-2023	10/10	80	10	80	0	80	0	70	0
2023-2024	10/10	70	20	80	10	70	10	80	0

(9.1.04. Báo cáo kết quả thu thập ý kiến Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024)

Như vậy, hàng năm Nhà trường có tiến hành thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. Cụ thể số liệu của 3 năm như sau:

- Đối với tiêu chí về Kiến thức chuyên môn: 70% đến 80% đánh giá “Tốt”, 10% đến 20% đánh giá “Rất tốt”;
- Đối với tiêu chí về Kỹ năng nghề: 80% đánh giá “Tốt”, 0% đến 10% đánh giá “Rất tốt”;
- Đối với tiêu chí về Kỹ năng sử dụng CNTT: 80% đánh giá “Tốt”, 0% đến 10% đánh giá “Rất tốt”;
- Đối với tiêu chí về Kỹ năng giao tiếp, ứng xử: 70% đến 80% đánh giá “Tốt”, 0% đánh giá “Rất tốt”;

Kết quả phân tích cho thấy, để tăng mức độ đáp ứng của HSSV khi làm việc tại doanh nghiệp, ngoài tập trung phát triển trình độ chuyên môn, kiến thức nghề, các em cần được đào tạo bài bản hơn để hoàn thiện thêm các kỹ năng, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp, ứng xử.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính

sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. Ngoài việc thu thập thông tin nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường, đây còn là việc thể hiện tính dân chủ nên được lãnh đạo rất quan tâm. *(9.2.01. Kế hoạch thu thập ý kiến về các chính sách năm 2022, 2023, 2024).*

Căn cứ vào kế hoạch thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động, Nhà trường tiến hành lựa chọn ngẫu nhiên các giảng viên và cán bộ quản lý, nhân viên (việc lựa chọn phải bảo đảm bao quát các đơn vị, các thành phần và chiếm tỉ lệ trên 50% tổng số cán bộ, giảng viên toàn Trường) để tiến hành thu thập ý kiến. Sau khi thu thập, Trường đều lưu lại danh sách những giảng viên và cán bộ quản lý, nhân viên được thu thập ý kiến. *(9.2.02. Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được thu thập ý kiến các năm 2022, 2023, 2024).*

Việc thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được Nhà trường thực hiện thông qua phương pháp khảo sát bằng phiếu. *9.2.03. Phiếu khảo sát về các chính sách năm 2022, 2023, 2024).*

Kết quả khảo sát được tổng hợp theo từng năm nhằm phục vụ công tác cải tiến các hoạt động của Nhà trường *(9.2.04. Bảng tổng hợp kết quả khảo sát các năm 2022, 2023, 2024).*

Thực hiện tốt công tác thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động với tinh thần dân chủ cao. Qua đó ngoài việc nâng cao chất lượng đào tạo còn góp phần tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ Nhà trường.

Việc thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động mang lại nhiều hiệu quả tích cực qua đó góp phần đảm bảo chất lượng dạy và học. Thời gian tới, Nhà trường sẽ tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả của công tác này theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện cho các ngành, nghề đang đào tạo trong trường. Nhà trường, đã xây dựng bộ phiếu khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học (9.3.01- *Phiếu khảo sát các hoạt động đảm bảo chất lượng trong Nhà trường*). Bộ phiếu khảo sát gồm có 23 tiêu chí với 3 nội dung cơ bản: Đánh giá về quản lý, phục vụ và chế độ chính sách; Đánh giá về hoạt động đào tạo; Đánh giá về Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo. Nhà trường xây dựng kế hoạch lấy ý kiến HSSV về hiệu quả các hình thức, phương thức đào tạo; cơ sở vật chất; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học 01 lần/năm học (9.3.02. *Kế hoạch khảo sát các bên liên quan, phục vụ công tác đảm bảo chất lượng các năm 2022, 2023, 2024*). Để đảm bảo tối thiểu 30% HSSV đại diện các ngành, nghề được khảo sát ý kiến “về hiệu quả các hình thức, phương thức đào tạo; cơ sở vật chất; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học”; phòng Tổ chức - hành chính, lập danh sách HSSV theo ngành, nghề đang đào tạo (9.3.03. *Danh sách HSSV tham gia khảo sát về hiệu quả các hình thức, phương thức đào tạo; cơ sở vật chất; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học, các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*). Sau mỗi đợt khảo sát, đơn vị chức năng tiến hành thu phiếu để phân tích, xử lý dữ liệu và viết báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát (9.3.04. *Báo cáo kết quả khảo sát HSSV về hiệu quả các hình thức, phương thức đào tạo; cơ sở vật chất; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*).

Qua báo cáo kết quả khảo sát, đã giúp lãnh đạo Nhà trường nắm bắt được mức độ hài lòng của Học sinh - sinh viên về hiệu quả các hình thức, phương thức đào tạo; cơ sở vật chất; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người

học trong Nhà trường. Từ đó, có những điều chỉnh cho phù hợp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách cho người học kịp thời.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng theo quy định tại Thông tư 28/TT-BLĐT&XH, ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về ban hành quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Nội dung tự đánh giá Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 15/2017/TT-BLĐT&XH, ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Để thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng, Nhà trường thực hiện theo trình tự, như sau:

Xây dựng Kế hoạch tự đánh giá chất lượng (1.8.07. *Kế hoạch tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục các năm 2022, 2023, 2024*). Nội dung kế hoạch thể hiện được những nội dung cơ bản, căn cứ để xây dựng, mục đích và ý nghĩa của công tác tự đánh giá, phạm vi tự đánh giá, quy trình tự đánh giá, chức năng và nhiệm vụ của các tổ chức cá nhân trong trường, tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành;

Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng (1.8.08. *Quyết định Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng các năm 2022, 2023, 2024*), Hội đồng tự đánh giá bao gồm: 01 chủ tịch là Hiệu trưởng Nhà trường, 01 phó chủ tịch là Hiệu phó Nhà trường, 01 thư ký là trưởng đơn vị phụ trách đảm bảo chất lượng, 02 người là đại diện các Doanh nghiệp và các ủy viên là đại diện các đơn vị trong Nhà trường và luôn đảm bảo tổng số thành viên trong Hội đồng là số lẻ. Thực hiện tự đánh giá chất lượng: Nhà trường, giao cho các đơn vị chức năng trong trường thực hiện kiểm định theo tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công trong Kế hoạch tự đánh giá. Lập báo cáo kiểm định đơn vị gửi Hội đồng tự đánh giá xem xét (1.8.09. *Biên bản họp Hội đồng Tự đánh giá các năm 2022, 2023, 2024*);

Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng: Thư ký Hội đồng tổng hợp báo cáo từ các nhóm chuyên trách, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá trình Hội đồng phê duyệt (1.8.10. *Báo cáo tự đánh giá các năm 2022, 2023, 2024*), Nhà trường, thông

qua báo cáo tự đánh giá và công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng của cơ sở giáo dục lên Cổng thông tin Nhà trường (9.4.01. <https://coit.edu.vn/bao-cao-tu-danh-gia.html>).

Như vậy, Nhà trường luôn thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo đúng quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, Nhà trường chỉ thực hiện tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tự đánh giá chương trình đào tạo các nghề trọng điểm. Trong năm 2020 ngoài công tác tự đánh giá, Nhà trường đã đánh giá ngoài Cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 01 nghề trọng điểm “Điện công nghiệp”. Kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo các nghề trọng điểm đã chỉ ra những điểm mạnh, những điểm tồn tại để từ đó Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các đơn vị trong Trường có kế hoạch duy trì, phát huy những điểm mạnh và khắc phục những điểm còn tồn tại thông qua triển khai nhiệm vụ và kế hoạch công tác hàng năm, cụ thể:

- Những tồn tại trong báo cáo tự đánh giá:

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ học tập cho người học ở một số nghề trọng điểm vẫn chưa đáp ứng nhu cầu người học. Các văn bản để thể chế hóa công tác quản lý trong Nhà trường còn thiếu và chưa đồng bộ. Công tác khảo sát các đơn vị trong Tỉnh Vĩnh Phúc và các Tỉnh thành lân cận có sử dụng HSSV của Trường đã tốt nghiệp về mức độ đáp ứng công việc tại đơn vị để có những giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, chưa được chú trọng. Việc thực hiện đề án phát triển trường thành trường chất lượng cao diễn ra còn chậm (1.8.13. Báo cáo tự đánh giá các năm 2022, 2023, 2024).

- Kế hoạch và biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo:

+ Nhà trường xây dựng quy trình đánh giá nội bộ, nhằm đánh giá quá trình vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng (9.5.01. Quyết định số 164/QĐ-CĐCN&TM ngày 15/5/2020, ban hành quy trình đánh giá nội bộ Trường CĐCN&TM). Trong quá trình vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng, Nhà trường đã điều chỉnh số lượng quy trình

quản lý vận hành trong Nhà trường (1.7.11 - Quyết định số 274/QĐ-CĐCN&TM, ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành 27 Quy trình/công cụ đảm bảo chất lượng).

+ Hàng năm, Nhà trường lập kế hoạch và thực hiện khảo sát các Doanh nghiệp trong Tỉnh Vĩnh Phúc và các Tỉnh thành lân cận về mức độ đáp ứng công việc tại đơn vị. Qua đó, Nhà trường điều chỉnh phương thức đào tạo, nâng cao chất lượng nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội (9.1.01. Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động các năm 2022, 2023, 2024).

+ Năm 2020, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện đề án đào tạo chương trình chất lượng cao trình độ cao đẳng của trường CĐ Công nghiệp và Thương mại. Năm 2021, Nhà trường hoàn thành việc chỉnh sửa 06 chương trình đào tạo chất lượng cao nhằm đáp ứng tiêu chuẩn đào tạo trình độ chất lượng cao Các chương trình đào tạo, sau khi chỉnh sửa, đã được hội đồng thẩm định thông qua và đề nghị Hiệu trưởng ban hành 06 bộ chương trình đào tạo chất lượng cao (9.5.02. Kế hoạch số 294/KH-CĐCN&TM-ĐT ngày 01/9/2020 v/v xây dựng đề án đào tạo chương trình chất lượng cao trình độ cao đẳng của trường CĐ Công nghiệp và Thương mại; 9.5.03. Kế hoạch số 19/KH-CĐCN&TM-ĐT ngày 21/1/2021 v/v xây dựng chương trình đào tạo, chương trình môn học, mô đun trình độ cao đẳng chất lượng cao năm 2021; 9.5.04. Quyết định số 111/QĐ-CĐCN&TM ngày 2/6/2021, về việc ban hành chương trình đào tạo chất lượng cao.

+ Năm 2023 và những năm tiếp theo, xây dựng kế hoạch cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng, đề từng bước hoàn thiện các quy định, các quy trình quản lý hoàn thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng quá trình vận hành hệ thống, giảm thiểu rủi ro, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đến từng đơn vị (9.5.05. Kế hoạch số 429/KH-CĐCN&TM, ngày 06/9/2023 kế hoạch cải tiến chất lượng năm 2023; 9.5.06. Kế hoạch số 614/KH-CĐCN&TM, ngày 20/12/2023 kế hoạch cải tiến chất lượng năm 2024)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 9: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 6: Trường có tỉ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường đã lập kế hoạch điều tra lần vết HSSV sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp về tình hình sau khi tốt nghiệp có việc làm liên quan đến nghề được đào tạo (9.6.01. Kế hoạch điều tra lần vết các năm 2022, 2023, 2024).

- Công cụ sử dụng để khảo sát là Phiếu thu thập ý kiến cựu HSSV . (9.6.02. Phiếu thu thập ý kiến cựu HSSV năm 2022, 2023, 2024)

- Căn cứ vào số lượng HSSV tốt nghiệp hàng năm (2.14.07. Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm 2022, 2023, 2024), nhà trường tiến hành điều tra lần vết đối với 100% HSSV tốt nghiệp (9.6.03. Danh sách HSSV được thu thập ý kiến theo từng nghề)

- Phương pháp điều tra: gọi điện thoại và tích vào Phiếu thu thập ý kiến

- Kết quả: Dựa vào kết quả phản hồi của HSSV và tổng hợp kết quả phản hồi, nhà trường nhận thấy có trên 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp. Cụ thể:

Năm	Số HSSV tốt nghiệp	Số HSSV được khảo sát	Phản hồi		Tìm được việc làm phù hợp trong thời gian 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp	
			Số HSSV	Tỷ lệ %	Số HSSV	Tỷ lệ %
2022	515	515	411	80,0	338	82,2
2023	991	991	832	83,9	794	80,1
2024	1034	1034	890	86,1	842	81,5

(9.6.04. Báo cáo kết quả khảo sát việc làm của HSSV sau 6 tháng tốt nghiệp)

Như vậy, hàng năm Nhà trường có trên 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 9: 1 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

Hàng năm, Nhà trường tiếp tục nghiên cứu sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các quy chế trong Nhà trường.

Xây dựng kế hoạch thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

Xây dựng kế hoạch, thường xuyên thu thập ý kiến đánh giá về việc đổi mới phương pháp giảng dạy, thực hiện tiến độ giảng dạy và chất lượng các phương thức tổ chức đào tạo đối với cán bộ quản lý, giáo viên và HSSV.

Tiếp tục đề nghị Bộ Công Thương, ra quyết định công nhận Hội đồng trường đề Nhà trường sớm ban hành Quy chế tổ chức hoạt động chính thức thay thế Quy chế tổ chức hoạt động tạm thời.

Nhà trường tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, nhằm đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu tối thiểu của chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của từng nghề.

Hoàn thiện quy chế để tạo điều kiện cho giáo viên học tập nâng cao trình độ, năng lực nghiên cứu khoa học, hàng năm có trên 60% giáo viên có đề tài nghiên cứu, sáng kiến cải tiến, làm mới các mô hình, học cụ được áp dụng vào giảng dạy, trong đó có đề tài cấp bộ, cấp tỉnh, khuyến khích HSSV tham gia nghiên cứu khoa học.

Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học và trình độ chuyên môn, kỹ năng tay nghề của đội ngũ cán bộ giáo viên đáp ứng nhu cầu hội nhập. Đặc biệt, tăng cường đào tạo ngoại ngữ, phấn đấu đạt 80% giáo viên trở lên có khả năng sử dụng ngoại ngữ để phục vụ chuyên môn; 50% giáo viên nhà trường đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ, 100% giáo viên sử dụng thành thạo máy tính và 100% giáo viên đạt chuẩn IC3.

Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các doanh nghiệp về sự thích ứng với thực tế của các chương trình, giáo trình Nhà trường đang sử dụng.

Duy trì việc thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ, giáo viên, học sinh - sinh viên về các hoạt động trong Nhà trường, nhằm tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực và nâng cao chất lượng đào tạo.

Duy trì và phát triển các mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp trong địa bàn và ngoài tỉnh, đồng thời mở rộng quan hệ với các doanh nghiệp được phép xuất khẩu lao động nhằm giải quyết việc làm cho HSSV ngay sau khi tốt nghiệp.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Cơ quan quản lý Nhà nước cần có các chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiến hành tự đánh giá để nâng cao chất lượng dạy nghề.

Cần có các cơ chế, chính sách hỗ trợ hoặc tăng cường nguồn lực về cơ sở vật chất, thiết bị cho những cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng.

Vĩnh Phúc, ngày tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2024

Số:...../QĐ - CĐCN&TM

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2024, Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Quyết định số 2226/QĐ-BCT ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTB&XH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành quy định tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Theo đề nghị của trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng, Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại năm 2024 gồm 01 Chủ tịch và các ủy viên Hội đồng (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá thực hiện các nhiệm vụ, quy định tại khoản 4 Điều 16, Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017.

Điều 3: Các Ông (Bà) trưởng phòng, khoa và các cá nhân có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Hội đồng tự đánh giá, tự giải thể khi hoàn thành các nhiệm vụ được phân công./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục GDNN (b/c)
- Vụ TCCB-BCT (b/c);
- Sở LĐTB&XH VP (b/c)
- Lưu: VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM 2024**

(Kèm theo quyết định số:/QĐ-CĐCN&TM ngày tháng năm 2024)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh HĐ
1	Nguyễn Hải Bằng	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Vũ Cao Điền	Trưởng phòng Quản lý đào tạo	UV Thư ký
3	Hoàng Trung Việt	Trưởng phòng Hành chính tổng hợp	UV
4	Nguyễn Thành Long	Trưởng phòng Quản lý HSSV	UV
5	Lý Hồng Thắng	Trưởng phòng Quản trị - Thiết bị	UV
6	Vũ Thị Thùy Linh	Phó bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	UV
7	Nguyễn Quốc Trí	TK. Kinh tế, Khách sạn - Du lịch, Chủ tịch Công đoàn trường	UV
8	Lưu Văn Hải	Trưởng khoa Điện tử	UV
9	Trần Quốc Hoàn	Trưởng khoa Điện	UV
10	Nguyễn Đức Minh	Trưởng khoa Cơ khí	UV
11	Nguyễn Thái Hà	PTK. Phụ trách khoa Công nghệ ô tô	UV
12	Phù Xuân Vĩnh	Trưởng khoa Công nghệ thông tin	UV
13	Mai Văn Lực	Phó trưởng phòng Quản lý đào tạo	UV
14	Nguyễn Văn Chính	Giám đốc công ty Cơ khí chính xác CMS	UV
15	Nguyễn Văn Đáng	Giám đốc Công ty TNHH cân điện tử ngôi sao kinh bắc	UV

KẾ HOẠCH

(V/v Tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục năm 2024)

1. Các căn cứ xây dựng kế hoạch tự đánh giá

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTB&XH ngày 06/08/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành quy định tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về ban hành quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp, về việc hướng dẫn đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với các trường Trung cấp, trường Cao đẳng năm 2019;

Để chuẩn bị công tác tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2023, Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại xây dựng Kế hoạch thực hiện tự đánh giá, như sau:

2. Ý nghĩa, mục đích tự đánh giá

Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và HSSV trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng GDNN của nhà trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng Trường cao đẳng, do Bộ LĐTB&XH ban hành, qua đó huy động tất cả các đơn vị trong toàn trường cùng thực hiện công tác đảm bảo chất lượng.

Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng GDNN của Trường Cao đẳng.

Duy trì các tiêu chí, tiêu chuẩn đã đạt và khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt của đợt tự đánh giá chất lượng năm 2020, đồng thời hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín Nhà trường.

Là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng và xây dựng văn hóa chất lượng bên trong Nhà trường;

Giúp nhà trường tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của mình, lập và triển khai các kế hoạch hành động cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo, từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo;

Là điều kiện cần thiết để Nhà trường đăng ký đánh giá ngoài và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng với một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

Thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao để phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của Nhà trường;

3. Phạm vi tự đánh giá

Các hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại theo các tiêu chí, tiêu chuẩn ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

4. Quy trình tự đánh giá

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN ban hành theo thông tư số 28/2017/BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng trong các cơ sở GDNN. Cụ thể như sau:

Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Thực hiện tự đánh giá.

Thông qua phê duyệt báo cáo tự đánh giá.

Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng của nhà trường trên các phương tiện thông tin trong nội bộ trường và gửi báo cáo về Tổng cục GDNN đúng thời hạn quy định.

5. Phân công nhiệm vụ

5.1. Phòng Quản lý đào tạo

- Chủ trì và phối hợp với các đơn vị trong Nhà trường đề xuất danh sách Hội đồng tự đánh giá và trình Hiệu trưởng phê duyệt;

- Chủ trì lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng Cơ sở GDNN và trình Hiệu trưởng phê duyệt;

- Hướng dẫn các đơn vị thu thập thông tin, minh chứng theo từng lĩnh vực hoạt động của đơn vị;

- Hướng dẫn các đơn vị viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của đơn vị;

- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng Cơ sở GDNN và gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

5.2. Các phòng chức năng

- Thu thập thông tin, minh chứng từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ của đơn vị;

- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của đơn vị và gửi về Hội đồng tự đánh giá Nhà trường;

- Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp có liên quan;

- Phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân, qua đó đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị;

- Tổ chức quản lý và duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của đơn vị.

5.3. Hội đồng tự đánh giá

- Nghiên cứu báo cáo kết quả tự đánh giá của các đơn vị;

- Tổng hợp, phân loại thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí tự đánh giá chất lượng GDNN.

- Kiểm tra thực tế, thu thập thêm thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí tự đánh giá chất lượng GDNN.

- Đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng GDNN do Bộ lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Chỉ rõ các điểm

manh, tồn tại và nguyên nhân, qua đó đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng Giáo dục nghề nghiệp;

- Viết dự thảo báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN của Nhà trường, gửi các đơn vị thuộc trường để lấy ý kiến;

- Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN của Nhà trường. Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN trong nội bộ trường và gửi báo cáo về Tổng cục giáo dục nghề nghiệp đúng thời hạn quy định.

6. Kế hoạch thực hiện

6.1. Các nhóm chuyên trách thực hiện tự đánh giá các tiêu chí

Số TT Nhóm	Họ và tên	Chức vụ	Tiêu chí, tiêu chuẩn
1	Hoàng Trung Việt Trần Thị Thu Hằng Nguyễn Quốc Trí Vũ Thị Thùy Linh Mai Văn Lực Vũ Cao Điền Vũ Thị Kim Oanh	Trưởng nhóm Thư ký nhóm Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động Tiêu chí 7 - Quản lý tài chính
2	Vũ Cao Điền Mai Văn Lực Luu Văn Hải Trần Quốc Hoàn Nguyễn Quốc Trí Nguyễn Thái Hà Nguyễn Đức Minh Phù Xuân Vĩnh Hoàng Trung Việt Phạm Thị Thủy	Trưởng nhóm Thư ký nhóm Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng
3	Lý Hồng Thắng Dương Thị Ngọc Đỗ Thị Bưởi	Trưởng nhóm Thư ký nhóm Thành viên	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện
4	Nguyễn Thành Long Nguyễn Văn Hưng Vũ Thị Thùy Linh Lý Hồng Thắng	Trưởng nhóm Thư ký nhóm Thành viên Thành viên	Tiêu chí 6 - Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế Tiêu chí 8 - Dịch vụ người học

6.2. Các đơn vị thực hiện tự đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn liên quan và các nội dung khác

TT	Đơn vị thực hiện	Tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách
1	Phòng Quản lý đào tạo	Phần II: Kết quả tự đánh giá Phần III: Tổng hợp kế hoạch nâng cao chất lượng Cơ sở GDNN Phần IV: Đề xuất, kiến nghị

TT	Đơn vị thực hiện	Tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách
		Tiêu chí 1: 1.7; 1.8 Tiêu chí 2: 2.1; 2.2; 2.4; 2.5; 2.6; 2.7; 2.8; 2.9; 2.10; 2.11; 2.12; 2.13; 2.14; 2.15; 2.16; 2.17. Tiêu chí 3: 3.6 Tiêu chí 4. Tiêu chí 9: 9.3; 9.4. 9.5
2	Phòng Hành chính tổng hợp	Phần I: Giới thiệu về trường Tiêu chí 1: 1.1; 1.3; 1.4; 1.5; 1.6; 1.11; 1.12 Tiêu chí 3: 3.1; 3.2; 3.3; 3.4; 3.5; 3.7; 3.8; 3.9; 3.10; 3.11; 3.12; 3.13; 3.14; 3.15. Tiêu chí 7. Tiêu chí 9: 9.2
3	Phòng Quản lý HSSV	Tiêu chí 1: 1.2 Tiêu chí 2: 2.3 Tiêu chí 5: 5.13; 5.14; 5.15. Tiêu chí 6. Tiêu chí 8: 8.1; 8.2; 8.3; 8.4; 8.5; 8.7; 8.8; 8.9. Tiêu chí 9: 9.1; 9.6.
4	Phòng Quản trị - Thiết bị	Tiêu chí 5: 5.1; 5.2; 5.3; 5.4; 5.5; 5.6; 5.7; 5.8; 5.9; 5.10; 5.11; 5.12. Tiêu chí 8: 8.6.
5	Công đoàn, Đoàn TN, Ban nữ công	Tiêu chí 1: 1.10.
6	Thường trực Đảng ủy	Tiêu chí 1: 1.9.

7. Thời gian biểu thực hiện tự đánh giá, theo lịch trình sau

Căn cứ vào quy trình thực hiện, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng Trường lập kế hoạch tiến độ thực hiện tự đánh giá như sau:

TT	Các hoạt động	Thời gian	Bộ phận thực hiện	Ghi chú
1	Họp Hội đồng tự đánh giá: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá - Thảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên hội đồng - Phân công dự thảo tự đánh giá - Dự kiến Nhóm công tác chuyên trách để giúp các thành viên Hội đồng thực hiện trách nhiệm được giao	12 ÷ 16/8/2024	Các thành viên Hội đồng tự đánh giá	
2	Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn bộ cán bộ, giáo viên và HSSV Nhà trường	12 ÷ 16/8/2024	Các đơn vị	
3	Các đơn vị thu thập minh chứng, tổ	17/8 ÷ 01/10/2024	- Các đơn	

TT	Các hoạt động	Thời gian	Bộ phận thực hiện	Ghi chú
	chức điều tra khảo sát, thống kê tổng hợp số liệu, xử lý minh chứng, viết báo cáo theo tiêu chí, tiêu chuẩn đã được phân công tại mục 6.2 và gửi về Hội đồng tự đánh giá Nhà trường. Các nhóm chuyên trách: - Tổng hợp minh chứng - Bổ sung minh chứng khi cần thiết - Mã hóa minh chứng thu được và bổ sung - Mô tả thông tin, minh chứng thu được - Phân tích lý giải các kết quả đạt được - Viết báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn		vị được phân công tại mục 6.2 - Các nhóm chuyên trách được phân công tiêu chí, tiêu chuẩn	
4	Nộp báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn	01÷08/10/2024	Thư ký các nhóm	
5	- Dự thảo báo cáo tự đánh giá - Kiểm tra lại các thông tin minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá	08÷20/10/2024	Ban thư ký tổng hợp và kiểm tra	
6	- Hội đồng tự đánh giá để thảo luận dự thảo báo cáo tự đánh giá. - Hội đồng tự đánh giá họp với các đơn vị về báo cáo dự thảo tự đánh giá, xin ý kiến đóng góp.	20÷27/10/2024	Các thành viên hội đồng, các đơn vị	
7	- Hội đồng tự đánh giá để thông qua báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa - Công bố báo cáo tự đánh giá trong nội bộ trường và thu thập tài liệu ý kiến đóng góp của chuyên gia tư vấn	27/10÷03/11/2024	Hội đồng và các chuyên gia tư vấn	
8	Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá	03÷17/11/2024	Thư ký các nhóm	
9	Công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ trường)	17/11÷15/12/2024	Hội đồng	
10	- Hiệu trưởng phê duyệt - Nộp báo cáo về các Cơ quan quản lý cấp trên (Tổng cục GDNN, Bộ Công Thương, Sở LĐTĐ-XH Vĩnh Phúc)	25/12/2024	Thư ký Hội đồng	

8. Kỹ thuật trình bày văn bản và kinh phí thực hiện

*) Kỹ thuật trình bày:

- Báo cáo tự đánh giá bắt buộc phải soạn thảo bằng Font chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, lề trên 2 cm; lề dưới 2 cm; lề trái 3,0 cm; lề phải 2 cm.
- Không đánh số thứ tự (1, 2, 3,... hoặc a, b, c,...) tự động.

***) Kinh phí thực hiện:** Kinh phí sử dụng để chi trả cho các nhóm làm báo cáo, thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ Nhà trường.

9. Triển khai thực hiện

Căn cứ kế hoạch của Nhà trường, các đơn vị xây dựng kế hoạch tự đánh giá của đơn vị và phân công công việc cụ thể cho từng thành viên trong đơn vị mình phụ trách.

Trưởng các nhóm chuyên trách chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi và đôn đốc đơn vị thực hiện kế hoạch theo tiến độ; báo cáo kịp thời cho Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá chất lượng về kết quả thực hiện kế hoạch.

Công tác thực hiện tự đánh giá chất lượng là nhiệm vụ hàng năm của nhà trường, là tiêu chí quan trọng để tự đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân. Yêu cầu tất cả các Phòng, Khoa phải tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề gì vướng mắc, phát sinh thì báo cáo Hội đồng xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- Tổng cục GDNN (b/c);
- Vụ TCCB-BCT (b/c);
- Sở LĐTĐ&XH VP (b/c)
- BGH;
- Các đơn vị Phòng, Khoa;
- Lưu: VT, QLĐT.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
HIỆU TRƯỞNG**

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.01		Quyết định số 2226/QĐ-BCT ngày 27/6/2018 của Bộ Công thương về quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
2			1.1.02		Quyết định số 528/ QĐ-CĐCN&TM ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
3			1.1.03		Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên đến năm 2025 và tầm nhìn 2035 kèm theo Quyết định số 438/QĐ-CĐCNPY ngày 24/12/2015
4			1.1.04		Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại thành trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025 và tầm nhìn 2035 kèm theo quyết định số 356/QĐ-CĐCN&TM ngày 28/8/2018
5			1.1.05		Đề án cơ cấu tổ chức Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
6			1.1.06		Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về Phê duyệt Đề án phát triển kinh tế xã hội tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 - 2025 theo hướng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng tăng trưởng
7			1.1.07		Các “Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp 2022, 2023, 2024”
8			1.1.08		http://coit.edu.vn
9			1.1.09		Kế hoạch tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” đầu khóa - Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
10			1.1.10		Kế hoạch và báo cáo khảo sát các đối tượng
11			1.1.11		Hình ảnh giao diện Website về quy hoạch nguồn nhân lực của Vĩnh Phúc

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
12	1	2	1.2.01		Phiếu khảo sát các Doanh nghiệp
13			1.2.02		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/GCNĐKHHĐ-TCGDNN
14			1.2.03		Bảng Phân tích, đánh giá và đưa ra nhận định về ngành nghề, số lượng cần tuyển sinh
15	1	3	1.3.01		Quyết định số 2832/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên
16			1.3.02		Quyết định số 599/QĐ-LĐTĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên thành Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
17			1.3.03		Các quyết định thành lập Trường
18			1.3.04		Quyết định về việc giải thể các đơn vị trực thuộc trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên
19			1.3.05		Các Quyết định thành lập các Đơn vị, điều chuyển, bổ nhiệm
20			1.3.06		Các Quyết định sáp nhập đơn vị
21			1.3.07		Quyết định số 68 ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc thành lập tổ Thanh tra, Khảo thí và Kiểm định chất lượng. Quyết định số 123 ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc thành lập trung tâm Khảo thí - Đảm bảo chất lượng trên cơ sở tổ Thanh tra, Khảo thí và Kiểm định chất lượng
22			1.3.08		Quy định nội bộ năm Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định chế độ làm việc của Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp năm 2022, 2023, 2024
23	1	4	1.4.01		Kế hoạch rà soát, điều chỉnh Quy chế nội bộ năm 2022, 2023, 2024
24			1.4.02		Bảng Tổng hợp kết quả rà soát, điều chỉnh Quy chế nội bộ năm 2022, 2023, 2024

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
25			1.4.03		Biên bản cuộc họp xây dựng quy chế nội bộ
26			1.4.04		Các Kế hoạch, văn bản, Quyết định “Kế hoạch rà soát các văn bản về tổ chức, quản lý của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại năm 2022, 2023, 2024
27			1.4.05		Các văn bản được rà soát điều chỉnh
28	1	5	1.5.01		Quyết định số 65/QĐ-CĐCN&TM-TCHC ngày 24/01/2019 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của đơn vị thuộc Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại).
29			1.5.02		Các Quyết định phân công phụ trách của BGH và các phòng khoa
30			1.5.03		Danh sách bình xét thi đua các đơn vị
31	1	6	1.6.01		Tờ trình số 128/TTr-ĐCN&TM ngày 17/03/2023 về việc đề nghị thành lập Hội đồng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ 2023 – 2028).
32			1.6.02		Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh các năm 2022, 2023, 2024
33			1.6.03		Quyết định thành lập Hội đồng lương các năm 2022, 2023, 2024
34			1.6.04		Quyết định thành lập Hội đồng tinh giản biên chế các năm 2022, 2023, 2024
35			1.6.05		Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng các năm 2022, 2023, 2024
36			1.6.06		Quyết định thành lập Hội đồng mua sắm vật tư, thiết bị các năm 2022, 2023, 2024
37			1.6.07		Các QĐ khen thưởng các năm 2022, 2023, 2024
38	1	7	1.7.01		Giấy chứng nhận QA-D/VN/9001/0047 ISO 9001:2008;

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
39			1.7.02		Quyết định về việc ban hành và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên
40			1.7.03		Quyết định số 89/QĐ-CĐCN&TM, ngày 21/02/2019 của Hiệu trưởng trường CĐCN&TM ban hành Quy định về hệ thống đảm bảo chất lượng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
41			1.7.04		Quyết định số 77/QĐ-CĐCN&TM, ngày 14/4/2021 của Hiệu trưởng trường CĐCN&TM về việc thành lập Ban xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng năm 2021
42			1.7.05		Kế hoạch số 139/KH-CĐCN&TM, ngày 14/4/2021 về việc xây dựng, điều chỉnh và bổ sung Hệ thống đảm bảo chất lượng năm 2021;
43			1.7.06		Quyết định số 78/QĐ-CĐCN&TM, ngày 14/4/2021 của Hiệu trưởng trường CĐCN&TM về việc thành lập Hội đồng nghiệm thu tài liệu thuộc hệ thống đảm bảo chất lượng
44			1.7.07		Quyết định số 254/QĐ-CĐCN&TM, ngày 06/9/2023 của Hiệu trưởng trường CĐCN&TM về việc thành lập Hội đồng nghiệm thu tài liệu hệ thống đảm bảo chất lượng
45			1.7.08		Quyết định số 121/QĐ-CĐCN&TM, ngày 18/6/2021 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành Chính sách chất lượng trường giai đoạn 2021-2026
46			1.7.09		Quyết định số 127/QĐ-CĐCN&TM, ngày 25/5/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành MTCL trường năm học 2022-2023
47			1.7.10		Quyết định số 233/QĐ-CĐCN&TM, ngày 07/8/2023 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành MTCL trường năm học 2023-2024
48			1.7.11		Quyết định số 226/QĐ-CĐCN&TM, ngày 05/7/2024 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành MTCL trường năm học 2024-2025
49			1.7.12		Quyết định số 274/QĐ-CĐCN&TM, ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành 27 Quy trình/công cụ đảm bảo chất lượng

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
50			1.7.13		Kế hoạch số 171/KH-CĐCN&TM, ngày 22/4/2022 về chương trình đánh giá nội bộ năm 2022 Kế hoạch số 190/KH-CĐCN&TM, ngày 17/4/2023 về chương trình đánh giá nội bộ năm 2023
51			1.7.14		Biên bản số 268/BB-CĐCN&TM, ngày 09/6/2022 bế mạc đánh giá nội bộ lần 1 năm 2022 Biên bản số 276/BB-CĐCN&TM, ngày 12/6/2023 bế mạc đánh giá nội bộ lần 1 năm 2023
52			1.7.15		Báo cáo số 269/BC-CĐCN&TM, ngày 10/6/2022 báo cáo đánh giá nội bộ lần 1 năm 2022 Báo cáo số 275/BC-CĐCN&TM, ngày 12/6/2023 báo cáo đánh giá nội bộ lần 1 năm 2023
53	1	8	1.8.01		Quyết định số 360/QĐ-CĐCN&TM-TCHC, ngày 28/8/2018 của Hiệu trưởng trường CĐCN&TM về việc thành lập Phòng Kiểm định - Đảm bảo chất lượng
54			1.8.02		Quyết định số 565/QĐ - CĐCN&TM - TCHC ngày 27/12/2020 về việc thành lập đơn vị trực thuộc phòng, Tổ Kiểm định - Đảm bảo chất lượng thuộc phòng Tổ chức - Hành chính
55			1.8.03		<i>Quyết định số 123/QĐ-CĐCN&TM, ngày 24/4/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc thành lập Trung tâm Khảo thí - Đảm bảo chất lượng</i>
56			1.8.04		Kế hoạch thanh, kiểm tra giáo dục nghề nghiệp các năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
57			1.8.05		Biên bản thanh, kiểm tra đào tạo các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
58			1.8.06		Kế hoạch đảm bảo chất lượng các năm 2022, 2023, 2024
59			1.8.07		Kế hoạch tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục các năm 2022, 2023, 2024
60			1.8.08		Quyết định Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng các năm 2022, 2023, 2024
61			1.8.09		Biên bản họp Hội đồng Tự đánh giá các năm 2022, 2023, 2024

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
62			1.8.10		Báo cáo tự đánh giá các năm 2022, 2023, 2024
63			1.8.11		Báo cáo tổng kết năm học của đơn vị các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
64			1.8.12		Quyết định khen thưởng các tập thể, cá nhân đạt thành tích các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
65	1	9	1.9.01		Quyết định số: 4012/QĐ/ĐUK ngày 19/6/2020 về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ, các chức danh Bí thư, Phó bí thư Đảng ủy Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ VIII (2020 -2025)
66			1.9.02		Quyết định số: 4028/QĐ/ĐUK ngày 24/6/2020 về việc chuẩn y Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ VIII (2020 -2025)
67			1.9.03		Quyết định số: 1617/QĐ/ĐUK ngày 14/7/2022 về việc Phê duyệt rà soát, bổ sung, đưa ra khỏi quy hoạch cấp ủy và các chức danh trong Đảng ủy Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ VIII (2020 -2025).
68			1.9.04		Công văn số 3220-CV/ĐUK, ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội về việc kiện toàn Ban Chấp hành Đảng bộ trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ 2020-2025 từ nguồn nhân sự tại chỗ trong quy hoạch
69			1.9.05		Thông báo số 181 – TB/ĐUK về việc Phê duyệt Đề án nhân sự Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy và các chức danh trong Đảng ủy, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Đảng ủy trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ 2020-2025.
70			1.9.06		Quyết định số 1266-QĐ/ĐUK ngày 20 tháng 1 năm 2023 của Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội về việc chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ 2020-2025.
71			1.9.07		Quyết định số: 2477/QĐ/ĐUK ngày 19/6/2023 về việc Phê duyệt rà soát, bổ sung, đưa ra khỏi quy hoạch cấp ủy và các chức danh trong Đảng ủy Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ (2020 -2025 và nhiệm kỳ 2025-2030).

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
72			1.9.08		Công văn số 3967-CV/ĐUK, ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội về việc kiện toàn cấp ủy và chức danh Bí thư Đảng ủy trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ 2020-2025 từ nguồn nhân sự tại chỗ trong quy hoạch.
73			1.9.09		Thông báo số 225 – TB/ĐUK, ngày 09 tháng 1 năm 2024 về việc Phê duyệt nhân sự kiện toàn chức danh Bí thư Đảng ủy Đảng ủy trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ 2020-2025.
74			1.9.10		Quyết định số 3010-QĐ/ĐUK ngày 8 tháng 1 năm 2024 của Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội về việc chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ 2020-2025; Quyết định số 3083-QĐ/ĐUK ngày 23 tháng 2 năm 2024 của Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội về việc chuẩn y chức vụ Bí thư Đảng ủy trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ 2020-2025.
75			1.9.11		Danh sách đảng viên Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại năm 2022, 2023, 2024.
76			1.9.12		Công văn số 2902 –CV/ĐUK ngày 16/05/2022 về Lãnh đạo Đại hội chi bộ trực thuộc Đảng bộ bộ phận và chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở, nhiệm kỳ 2022-2025.
77			1.9.13		Quyết định số: 99/QĐ/ĐUCĐCN&TM ngày 1/4/2020 về việc chuẩn y Ban chấp hành, Cấp ủy, Bí thư, Phó bí thư các chi bộ trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ 2020-2022.
78			1.9.14		Quyết định số: 58/QĐ/ĐUCĐCN&TM ngày 21/9/2022 về việc chuẩn y Ban chấp hành, Cấp ủy, Bí thư, Phó bí thư các chi bộ trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại nhiệm kỳ 2022-2025.
79			1.9.15		Quyết định số 50/QĐ/ĐUCĐCN&TM ngày 18/06/2024 về việc Thành lập Chi bộ phòng Quản lý đào tạo; Quyết định số 51/QĐ/ĐUCĐCN&TM ngày 18/06/2024 về việc Thành lập Chi bộ phòng Quản lý Học sinh sinh viên; Quyết định số 52/QĐ/ĐUCĐCN&TM ngày 18/06/2024 về việc đổi tên Chi bộ Hành chính – Tài chính thành chi bộ phòng Hành chính tổng hợp.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
80			1.9.16		Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ.
81			1.9.17		Biên bản phân công nhiệm vụ cấp ủy.
82			1.9.18		Các biên bản họp của Ban chấp hành Đảng bộ
83			1.9.19		Các Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Trường).
84			1.9.20		Biên bản sinh hoạt của các Chi bộ trong nhà trường năm 2022, 2023, 2024
85			1.9.21		Quyết định số 1177-QĐ/ĐUK ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Đảng ủy khối các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội về việc xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở Đảng năm 2021; Quyết định số 2080-QĐ/ĐUK ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Đảng ủy khối các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội về việc xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng năm 2022; Quyết định số 3239-QĐ/ĐUK ngày 19 tháng 04 năm 2024 của Đảng ủy khối các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội về việc xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng năm 2023).
86			1.9.22		Quyết định số 80 ngày 17/12/2021 về việc công nhận Kết quả phân loại tổ chức Đảng và đảng viên các năm 2021, Quyết định số 104 ngày 19/12/2022 về việc công nhận Kết quả phân loại tổ chức Đảng và đảng viên các năm 2022, Quyết định số 114 ngày 21/12/2023 về việc công nhận Kết quả phân loại tổ chức Đảng và đảng viên các năm 2023.
87			1.9.23		Quyết định số 81 ngày 17/12/2021 về việc khen thưởng tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021; Quyết định số 105 ngày 19/12/2022 về việc khen thưởng chi bộ, đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2022, Quyết định số 115 ngày 21/12/2023 về việc khen thưởng chi bộ, đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2023).
88			1.9.24		Danh sách Quân chúng đi học lớp nhận thức về đảng và danh sách quân chúng được kết nạp đảng 2022, 2023, 2024.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
89			1.9.25		Báo cáo công tác xây dựng Đảng các năm 2021, 2022, 2023).
90			1.9.26		Báo cáo kiểm điểm công tác lãnh chỉ đạo của Đảng ủy Nhà trường các năm 2021, 2022, 2023.
91	1	10	1.10.01		Quyết định số 161/QĐ-CĐCT ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc công nhận Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại khoá X, nhiệm kỳ 2023 – 2028; Quyết định số 162/QĐ-CĐCT ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc công nhận các chức danh trong Ban chấp hành, Ủy ban kiểm tra Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại khoá X, nhiệm kỳ 2023 – 2028.
92			1. 10.02		Quyết định số 61/QĐ – CĐCN&TM – CĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc công nhận kết quả bầu Tổ trưởng, Tổ phó, Ủy viên các tổ công đoàn.
93			1. 10.03		Quyết định Số: 160/QĐ-CĐCN&TM-CĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc ban hành quy chế làm việc của Ban chấp hành Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại lần thứ X nhiệm kỳ 2023-2028. Quyết định số 161/QĐ-CĐCN&TM – CĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc ban hành Quy chế thu, chi và quản lý Tài chính của Công đoàn trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại khoá X, nhiệm kỳ 2023-2028.
94			1. 10.04		Các Kế hoạch hoạt động của Công đoàn trường các năm 2020, 2021, 2023.
95			1. 10.05		Quyết định số 154/QĐ-CĐCN&TM-CĐ ngày 22/05/2023 về việc thành lập Ban Nữ công quần chúng, nhiệm kỳ 2023-2028.
96			1.10.06		Kế hoạch số 315/KH-CĐCN&TM ngày 10/9/2020 Kế hoạch hoạt động Nữ công năm học 2020 - 2021; Kế hoạch số 666/KH-CĐCN&TM, ngày 24/10/2021 “Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Giỏi việc trường - Đảm việc nhà” trong nữ cán bộ, nhà giáo và lao động giai đoạn 2021-

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					2025” Kế hoạch số 462/CĐCN&TM – CĐ ngày 03/10/2022 về việc tổ chức hoạt động chào mừng ngày phụ nữ Việt Nam 20/10/2022; Kế hoạch số 365/KH-CĐCN&TM ngày 16/08/2021 Kế hoạch hoạt động Nữ công năm 2021 - 2022; Kế hoạch số 375/KH-CĐCN&TM ngày 16/08/2022 Kế hoạch hoạt động Nữ công năm 2022-2023; Kế hoạch số 93/CĐCN&TM – CĐ ngày 02/03/2023 về việc tổ chức hoạt động chào mừng ngày quốc tế phụ nữ 8/3 năm 2023; Kế hoạch số 102/KH-CĐCN&TM ngày 06/03/2023 Kế hoạch hoạt động Nữ công năm 2023 - 2024; Chương trình phát động phong trào thi đua Hai tốt: “Giỏi việc nước - Đảm việc nhà” trong nữ CNVCLĐ năm học 2023-2024; Kế hoạch số 510/CĐCN&TM – CĐ ngày 13/10/2023 về việc tổ chức hoạt động chào mừng ngày phụ nữ Việt Nam 20/10/2023.
97			1.10.07		Báo cáo số 497/BC-CĐ ngày 28/12/2020 về việc tổng kết phong trào nữ CNVCLĐ năm 2020 và xây dựng chương trình công tác năm 2021; Báo cáo số 726/BC-CĐ ngày 22/12/2021 về việc tổng kết phong trào nữ CNVCLĐ năm 2021 và xây dựng chương trình công tác năm 2022); Báo cáo số 600/BC-CĐ ngày 19/12/2022 về việc tổng kết phong trào nữ CNVCLĐ năm 2022 và xây dựng chương trình công tác năm 2023.
98	1	11	1.11.01		Quy định về việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường
99			1.11.02		Quy định các đối tượng, nội dung kiểm tra, giám sát
100			1.11.03		Quyết định công nhận Ban Thanh tra nhân dân
101			1.11.04		Kế hoạch hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân năm 2022, 2023, 2024
102			1.11.05		Báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân năm 2022, 2023
103			1.11.06		Quyết định thành lập Ban Kiểm kê tài sản năm 2022, 2023, 2024

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
104			1.11.07		Kế hoạch kiểm tra giám sát của UB KT Đảng ủy năm 2020, 2021, 2022
105	1	12	1.11.08		Các biên bản kiểm tra giám sát của UB KT Đảng ủy năm 2020, 2021, 2022
106			1.12.01		Các văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách ưu đãi đối với HSSV năm 2022, 2023, 2024
107			1.12.02		Các văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách ưu đãi đối với CBVC năm 2022, 2023, 2024
108			1.12.03		Danh sách sinh viên được miễn giảm học phí năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
109			1.12.04		Bảng tổng hợp giờ giảng dạy mô đun nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
110			1.12.05		Quyết định số “V/v Kiện toàn Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ kèm theo phân công nhiệm vụ các thành viên Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ
111			1.12.06		Các kế hoạch và báo cáo”Vi sự tiến bộ Phụ nữ năm 2020, 2021, 2022
112			1.12.07		Danh sách cán bộ chủ chốt giai đoạn 2016 - 2021 và danh sách nguồn quy hoạch 2021-2026
113			1.12.08		Quyết định tặng quà cho nữ CBGV-CNV ngày 8/3 và 20/10
114	2	1		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/GCNĐKBS-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 66/2024/GCNĐKHĐ-TCGDNN.
115			2.1.01		Kế hoạch rà soát, điều chỉnh, xây dựng chuẩn đầu ra trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp năm 2021
116			2.1.02		Quyết định của Hiệu trưởng về thành lập Ban rà soát, điều chỉnh, xây dựng chuẩn đầu ra trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp năm 2021
117			2.1.03		Quyết định của Hiệu trưởng thành lập Hội đồng thẩm định chuẩn đầu ra trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp năm 2021.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
118			2.1.04		Quyết định về việc ban hành “Chuẩn đầu ra cho các ngành đào tạo trình độ cao đẳng và trình độ trung cấp năm 2021.
119			2.1.05		https://coit.edu.vn/chuan-dau-ra
120		2	2.2.01		Quyết định của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2021, 2022, 2023.
121		3		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNĐKHD-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/GCNĐKBS-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 66/2024/GCNĐKHD-TCGDNN.
122			2.3.01		Báo cáo tổng kết tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023
123			2.3.02		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024
124			2.3.03		Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh của Trường năm 2022, 2023, 2024
125				2.2.01	Quyết định của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022, 2023, 2024
126				1.6.02	Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024
127			2.3.04		Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban thư ký hội đồng tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024
128			2.3.05		Kế hoạch tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024
129			2.3.06		Thông báo tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024
130			2.3.07		Hồ sơ xét tuyển năm 2022, 2023, 2024
131			2.3.08		https://coit.edu.vn/tuyen-sinh
132			2.3.09		Danh sách thí sinh dự tuyển theo từng nghề năm 2022, 2023, 2024
133			2.3.10		Danh sách HSSV đủ điều kiện dự xét tuyển năm 2022, 2023, 2024

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
134			2.3.11		Biên bản họp HĐTS công nhận kết quả trúng tuyển năm 2022, 2023, 2024
135			2.3.12		Danh sách học sinh, sinh viên trúng tuyển năm 2022, 2023, 2024
136			2.3.13		Quyết định công nhận trúng tuyển năm 2022, 2023, 2024
137			2.3.14		Quyết định thành lập các lớp năm 2022, 2023, 2024
138			2.3.15		Kế hoạch hậu kiểm công tác tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023
139			2.3.16		Quyết định thành lập Ban Hậu kiểm công tác tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023
140			2.3.17		Báo cáo kết quả hậu kiểm công tác tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023
141	4		2.4.01		Quyết định số 68/QĐ-CĐCN&TM ngày 17/5/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng và trung cấp hệ chính quy theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ
142			2.4.02		Quyết định số 121/QĐ-CĐCN&TM-ĐT ngày 11/3/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp
143			2.4.03		Kế hoạch đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
144			2.4.04		Tiến độ giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
145	5			1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/GCNĐKBS-TCGDNN
146			2.5.01		Các chương trình đào tạo của trường năm 2021, 2022
147			2.5.02		+ Quyết định số 119/QĐ-CĐCN&TM ngày 14/6/2021 ban hành hệ thống hồ sơ, sổ sách trong đào tạo. + Quyết định số 162/QĐ-CĐCN&TM ngày 3/6/2024 ban hành hệ thống hồ sơ, sổ sách trong đào tạo

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
148				2.3.14	Quyết định thành lập các lớp năm 2022, 2023, 2024
149				2.4.03	Kế hoạch đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
150				2.4.04	Tiến độ giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
151			2.5.03		Kế hoạch phân công giáo viên năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
152			2.5.04		Thời khóa biểu năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
153			2.5.05		Kế hoạch giảng dạy môn học, mô đun năm 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
154	6			1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/GCNĐKBS-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 66/2024/GCNĐKHHĐ-TCGDNN.
155				2.5.01	Các chương trình đào tạo của trường năm 2021, 2022
156				2.4.03	Kế hoạch đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
157				2.4.04	Tiến độ giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
158				2.5.03	Kế hoạch phân công giáo viên năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
159				2.5.04	Thời khóa biểu năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
160				2.5.05	Kế hoạch giảng dạy môn học, mô đun năm 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
161			2.6.01		Sổ lên lớp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
162			2.6.02		Sổ tay giáo viên năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
163			2.6.03		Giáo án năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
164			2.6.04		Quyết định số 180/QĐ-CĐCN&TM ngày 11/06/2024 của Hiệu trưởng nhà trường về việc sáp nhập phòng Đào tạo và Trung tâm Khảo thí - Đảm bảo chất lượng thành phòng Quản lý đào tạo

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
165				1.8.03	Kế hoạch thanh, kiểm tra giáo dục nghề nghiệp năm 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
166				1.8.04	Biên bản thanh, kiểm tra đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
167			2.6.05		Báo cáo tổng kết của Trung tâm Khảo thí – Đảm bảo chất lượng năm học 2022-2023, 2023-2024
168	7			1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNĐKHD-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/GCNĐKBS-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 66/2024/GCNĐKHD-TCGDNN.
169				2.5.01	Các chương trình đào tạo của trường năm 2021, 2022
170				2.4.03	Kế hoạch đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
171				2.4.04	Tiến độ giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
172				2.5.03	Kế hoạch phân công giáo viên năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
173				2.5.04	Thời khóa biểu năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
174				2.5.05	Kế hoạch giảng dạy môn học, mô đun năm 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
175				2.6.01	Sổ lên lớp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
176				2.6.02	Sổ tay giáo viên năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
177				2.6.03	Giáo án năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
178				1.8.04	Biên bản thanh, kiểm tra đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
179				2.6.05	Báo cáo tổng kết của Trung tâm Khảo thí – Đảm bảo chất lượng năm học 2022-2023, 2023-2024
180			2.7.01		Hợp đồng (Thỏa thuận hợp tác) về việc sinh viên thực tập kết hợp sản xuất

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
181				2.4.03	Kế hoạch đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
182			2.7.02		Các quyết định của Hiệu trưởng về việc sinh viên thực tập kết hợp sản xuất
183			2.7.03		Danh sách sinh viên đi thực tập năm 2022, 2023, 2024
184			2.7.04		Các quyết định của Hiệu trưởng về việc quản lý thực tập kết hợp sản xuất của sinh viên
185			2.7.05		Chương trình mô đun thực tập doanh nghiệp
186			2.7.06		Báo cáo thực tập của HSSV năm 2022, 2023, 2024
			2.7.07		Bảng nhận xét thực tập của học sinh, sinh viên năm 2022, 2023, 2024
187	8		2.8.01		Chương trình đào tạo/chương trình môn học, mô đun/Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học
188				2.6.03	Giáo án năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
189			2.8.02		Danh sách các phòng học chuyên môn, xưởng thực hành cho giảng dạy tích hợp
190			2.8.03		Bộ ảnh chụp hoạt động dạy và học trên lớp tại các phòng học chuyên môn, xưởng thực hành
191			2.8.04		Hồ sơ hội giảng các cấp năm 2022, 2023, 2024
192			2.8.05		Kế hoạch dự giờ bồi dưỡng nhà giáo GDNN năm 2022, 2023, 2024
193			2.8.06		Phiếu đánh giá bài giảng và Biên bản dự giờ năm 2022, 2023, 2024
194	9		2.9.01		Phần mềm quản lý đào tạo ESSoft
195			2.9.02		Hợp đồng mua phần mềm quản lý đào tạo ESSoft
196			2.9.03		Quyết định số 318/QĐ-CĐCN&TM ngày 24/9/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
197			2.9.04		Hướng dẫn sử dụng phần mềm Quản lý đào tạo ESSoft

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
198			2.9.05		Hình ảnh giao diện và các chức năng của phần mềm Quản lý đào tạo ESSoft
199			2.9.06		Danh sách môn học, mô đun chuyên môn các nghề có sử dụng thiết bị, phần mềm mô phỏng
200			2.9.07		Thống kê các môn học, mô đun chuyên môn các nghề đang đào tạo
201			2.9.08		Bộ ảnh chụp các thiết bị mô phỏng, phần mềm mô phỏng
202			2.9.09		Hợp đồng số 200420/HĐV/COIT-DES ngày 20/4/2020 về việc thuê hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo trực tuyến
203			2.9.10		Hình ảnh giao diện phần mềm đào tạo trực tuyến E-Learning
204			2.9.11		Các bài giảng điện tử
205	2	10	2.10.01		Quyết định số 261/QĐ-CĐCN&TM ngày 15/9/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định thanh, kiểm tra hoạt động đào tạo Quyết định số 360/QĐ-CĐCN&TM ngày 25/10/2023 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định thanh, kiểm tra hoạt động đào tạo
206			2.10.02		Quyết định số 132/QĐ-CĐCN&TM ngày 5/5/2023 của Hiệu trưởng nhà trường về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ của trung tâm Khảo thí – Đảm bảo chất lượng
207				2.6.04	Quyết định số 180/QĐ-CĐCN&TM ngày 11/06/2024 của Hiệu trưởng nhà trường về việc sáp nhập phòng Đào tạo và Trung tâm Khảo thí - Đảm bảo chất lượng thành phòng Quản lý đào tạo
208				1.8.03	Kế hoạch thanh, kiểm tra giáo dục nghề nghiệp năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
209				1.8.04	Biên bản thanh, kiểm tra đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
210				2.6.06	Báo cáo tổng kết của Trung tâm Khảo thí – Đảm bảo chất lượng năm học 2022-2023

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
211		11		1.8.09	Báo cáo tổng kết của Nhà trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
212				2.6.06	Báo cáo tổng kết của Trung tâm Khảo thí – Đảm bảo chất lượng năm học 2022-2023, 2023-2024
213			2.11.01		Danh sách các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học
214			2.11.02		Nhiệm vụ trọng tâm, các giải pháp thực hiện và kế hoạch công tác các năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
215		12		2.4.01	Quyết định số 68/QĐ-CĐCN&TM ngày 17/5/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng và trung cấp hệ chính quy theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ
216				2.4.02	Quyết định số 121/QĐ-CĐCN&TM-ĐT ngày 11/3/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp
217			2.12.01		Quyết định số 199/QĐ-CĐCN&TM-PCTHSSV ngày 23/4/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
218			2.12.02		Quyết định số 347/QĐ-CĐCN&TM ngày 24/11/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về quy trình in, quản lý việc in, bảo quản, bảo mật sử dụng phôi bằng, chứng chỉ tốt nghiệp, quản lý việc cấp phát bằng chứng chỉ tốt nghiệp, kiểm tra, thanh tra việc in, bảo quản sử dụng phôi và cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng, chứng chỉ tốt nghiệp.
219		13	2.13.01		Bộ quy trình đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp
220			2.13.02		Quyết định số 205/QĐ-CĐCN&TM ngày 1/8/2021 của Hiệu trưởng Quy định về việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun Quyết định số 362/QĐ-CĐCN&TM ngày 25/10/2023 của Hiệu trưởng Quy định về việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
221			2.13.03		Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng thi kết thúc môn học, mô đun năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
222				2.7.02	Các quyết định của Hiệu trưởng về việc sinh viên thực tập kết hợp sản xuất
223				2.7.03	Danh sách sinh viên đi thực tập năm 2022, 2023, 2024
224				2.7.04	Các quyết định của Hiệu trưởng về việc quản lý thực tập kết hợp sản xuất của sinh viên
225				2.7.05	Chương trình mô đun thực tập doanh nghiệp
226				2.7.06	Báo cáo thực tập của HSSV năm 2022, 2023, 2024
227				2.7.07	Bảng nhận xét thực tập của học sinh, sinh viên năm 2022, 2023, 2024
228		14		2.13.01	Bộ quy trình đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp
229				2.4.01	Quyết định số 68/QĐ-CĐCN&TM ngày 17/5/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng và trung cấp hệ chính quy theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ
230				2.13.02	Quyết định số 205/QĐ-CĐCN&TM ngày 1/8/2021 của Hiệu trưởng Quy định về việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun Quyết định số 362/QĐ-CĐCN&TM ngày 25/10/2023 của Hiệu trưởng Quy định về việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun
231				2.13.03	Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng thi kết thúc môn học, mô đun năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
232			2.14.01		Biên bản coi, chấm thi năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
233			2.14.02		Phiếu chấm bài thi năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
234			2.14.03		Bản đối chiếu số phách, số báo danh năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
235			2.14.04		Bản vào điểm năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
236				2.9.01	Phần mềm quản lý đào tạo ESSoft
237			2.14.05		Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập hội đồng tốt nghiệp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
238			2.14.06		Biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
239			2.14.07		Quyết định công nhận tốt nghiệp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
240			2.14.08		Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện
241				2.12.01	Quyết định số 199/QĐ-CĐCN&TM-PCTHSSV ngày 23/4/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
242			2.14.09		Phiếu tự đánh giá kết quả rèn luyện HSSV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
243			2.14.10		Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện HSSV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
244			2.14.11		Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
245			2.14.12		Quyết định của Hiệu trưởng về việc công nhận điểm rèn luyện học kỳ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
246				2.12.02	Quyết định số 390/QĐ-CĐCN&TM ngày 15/12/2021 của Hiệu trưởng về phê duyệt mẫu phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và sơ cấp
247			2.14.13		Công văn số 717/QĐ-CĐCN&TM ngày 17/12/2021 về việc báo cáo mẫu phôi bằng tốt nghiệp tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và sơ cấp
248			2.14.14		Sổ cấp bằng
249				1.8.04	Biên bản thanh, kiểm tra đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
250				2.6.06	Báo cáo tổng kết của Trung tâm Khảo thí – Đảm bảo chất lượng năm học 2022-2023, 2023-2024

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
251				1.11.03	Báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân năm 2022, 2023, 2024
252		15	2.15.01		Thông báo rà soát các quy chế, quy định năm 2022, 2023, 2024
253			2.15.02		Biên bản họp về việc rà soát Quy chế đào tạo năm 2022, 2023, 2024
254				2.4.01	Quyết định số 68/QĐ-CĐCN&TM ngày 17/5/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng và trung cấp hệ chính quy theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ
255				2.4.02	Quyết định số 121/QĐ-CĐCN&TM-ĐT ngày 11/3/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp
256			2.15.03		Biên bản họp về việc rà soát Quy chế HSSV năm 2022, 2023, 2024
257				2.12.01	Quyết định số 199/QĐ-CĐCN&TM-PCTHSSV ngày 23/4/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
258			2.15.04		Biên bản họp về việc rà soát Quy định quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ năm 2022, 2023, 2024
259				2.12.02	Quyết định số 390/QĐ-CĐCN&TM ngày 15/12/2021 của Hiệu trưởng về phê duyệt mẫu phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và sơ cấp
260				2.12.03	Quyết định số 347/QĐ-CĐCN&TM ngày 24/11/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về quy trình in, quản lý việc in, bảo quản, bảo mật sử dụng phôi bằng, chứng chỉ tốt nghiệp, quản lý việc cấp phát bằng chứng chỉ tốt nghiệp, kiểm tra, thanh tra việc in, bảo quản sử dụng phôi và cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng, chứng chỉ tốt nghiệp.
261		16	2.16.01		Quyết định số 686/QĐ-CĐCN&TM ngày 17/7/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo liên thông
262			2.16.02		Các chương trình đào tạo liên thông

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
263				1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/GCNĐKBS-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 66/2024/GCNĐKHHĐ-TCGDNN.
264			2.16.03		Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông năm 2022, 2023, 2024
265			2.16.04		Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập lớp liên thông năm 2022, 2023, 2024
266			2.16.05		Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập năm 2022, 2023, 2024
267			2.16.06		Biên bản họp hội đồng xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập
268			2.16.07		Quyết định công nhận giá trị chuyển đổi điểm các môn học, mô đun
269			2.16.08		Tiến độ, kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu các lớp đào tạo liên thông
270			2.16.09		Kế hoạch phân công giáo viên giảng dạy các lớp đào tạo liên thông năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
271			2.16.10		Sổ lên lớp, sổ tay giáo viên các lớp đào tạo liên thông năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
272			2.16.11		Giáo án giảng dạy các lớp liên thông năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
273			2.16.12		Hồ sơ thi kết thúc môn học, mô đun các lớp đào tạo liên thông năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
274			2.16.13		Biên bản xét tốt nghiệp và Quyết định công nhận tốt nghiệp các lớp đào tạo liên thông
275			2.16.14		Báo cáo hoạt động đào tạo liên thông năm 2021, 2022, 2023
276				1.8.03	Kế hoạch thanh, kiểm tra giáo dục nghề nghiệp năm 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
277				1.8.04	Biên bản thanh, kiểm tra đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
278		17		2.9.01	Phần mềm quản lý đào tạo ESSoft
279				2.9.02	Hợp đồng mua phần mềm quản lý đào tạo ESSoft
280				2.9.03	Quyết định số 347/QĐ-CĐCN&TM ngày 8/8/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về quản trị phần mềm quản lý đào tạo
281				2.9.04	Hướng dẫn sử dụng phần mềm Quản lý đào tạo ESSoft
282				2.9.05	Hình ảnh giao diện và các chức năng của phần mềm Quản lý đào tạo ESSoft
283				2.13.01	Bộ quy trình đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp
284			2.17.01		Danh sách các quy trình hệ thống bảo đảm chất lượng
285			2.17.02		Bộ quy trình và mẫu biểu hệ thống bảo đảm chất lượng
286	3	1	3.1.01		Quyết định số: 533/QĐ-CĐCN&TM ngày 29/11/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại, ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và bồi dưỡng viên chức
287			3.1.02		Quyết định số 495/QĐ-CĐCN&TM ngày 24/10/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại, ban hành Quy định về việc quy hoạch cán bộ
288			3.1.03		Quyết định số 286/QĐ-CĐCN&TM ngày 11/10/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại, ban hành Quy chế đánh giá viên chức, người lao động trong việc sắp xếp vị trí việc làm
289			3.1.04		Quyết định số 273 /QĐ-CĐCN&TM ngày 29 tháng 9 năm 2021 về việc ban hành Quy định về đánh giá nhà giáo giáo dục nghề nghiệp
290			3.1.05		Kế hoạch số 298/KH-CĐCN&TM ngày 29 tháng 6 năm 2022 về việc Đánh giá, xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp năm 2022
291			3.1.06		Báo cáo Kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn nghiệp vụ năm học 2022, 2023

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
292			3.1.07		Quyết định số 232/QĐ-CĐCNTM ngày 30/8/2021 Quy định về đánh giá, xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Quyết định số 201/QĐ-CĐCNTM ngày 15/6/2023 Quy định về đánh giá, xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp
293			3.1.08		Quyết định số 201/QĐ-CĐCNTM ngày 05/6/2023 Quy định về đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động
294	3	2	3.2.01		Kế hoạch tuyển dụng 2021 kèm Tờ trình số 103/TTr-CĐCN&TM của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại. Kế hoạch tuyển dụng 2022 kèm Tờ trình số 180/TTr-CĐCN&TM ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
295			3.2.02		Thông báo số: 345/TB-CĐCN&TM ngày 30/8/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc bổ sung giáo viên tại các đơn vị, Thông báo số: 50/TB-CĐCN&TM ngày 19/02/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc bổ sung giáo viên tại các đơn vị
296			3.2.03		Biên bản số: 440/BB-CĐCN&TM ngày 01/11/2019 Hợp xác định chỉ tiêu tuyển dụng giáo viên cơ hữu giai đoạn 2019-2020, Biên bản số:83 /BB-CĐCN&TM ngày 11/03/2021 Hợp xác định chỉ tiêu tuyển dụng giáo viên cơ hữu năm 2021
297			3.2.04		Tờ trình số 530/TTr-CĐCNTM ngày 31/12/2019, Tờ trình số 103 /TTr-CĐCNTM ngày 25/03/2021, Tờ trình số 180/TTr-CĐCNTM ngày 28/4/2022
298			3.2.05		Công văn số 1628/BTC-TCCB ngày 09/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2020, Công văn số 2438/BTC-TCCB ngày 04/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2021, Công văn số 6717/BTC-TCCB ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc tuyển dụng viên chức năm 2022
299			3.2.06		Thông báo tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2020 số 68/TB-CĐCN&TM ngày 16/3/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại, Thông báo tuyển dụng viên chức

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					đợt 1 năm 2021 số 169/TB-CĐCN&TM ngày 10/5/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại; Thông báo tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2021 số 179/TB-CĐCN&TM ngày 17/5/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Thông báo số 2
300			3.2.07		Hợp đồng quảng cáo số 09/2020/HĐQC giữa Đài Phát thanh- Truyền hình Vĩnh Phúc và Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại, Hợp đồng quảng cáo số 09/2020/HĐQC giữa Đài Phát thanh- Truyền hình Vĩnh Phúc và Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại; Hợp đồng số 21/2021/HĐQC giữa giữa Đài Phát thanh- Truyền hình Vĩnh Phúc và Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
301			3.2.08		Quyết định số:114/QĐ-CĐCN&TM ngày 24/4/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2020, Quyết định số 126/QĐ-CĐCN&TM ngày 22/6/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2021
302			3.2.09		Quyết định số:115/QĐ-CĐCN&TM ngày 24/4/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc thành lập Ban Giám sát kỳ xét tuyển viên chức đợt 1 năm 2020, Quyết định số:127/QĐ-CĐCN&TM ngày 22/6/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc thành lập Ban Giám sát kỳ xét tuyển viên chức đợt 1 năm 2021
303			3.2.10		Quyết định số:02/QĐ-TDD1-2020 ngày 11/5/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc thành lập Ban Kiểm tra phiếu dự tuyển Quyết định số 129/QĐ-TDD1-2021 ngày 02/7/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc thành lập Ban Kiểm tra phiếu dự tuyển; Biên bản họp Hội đồng tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2021 lần 1,2,3
304			3.2.11		Biên bản họp Hội đồng tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2020 lần 1,2,3; Biên bản họp Hội đồng tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2021 lần 1,2,3

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
305			3.2.12		Thông báo số: 06/TB-TDD1-2020 ngày 17/5/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc thí sinh đủ điều kiện tham dự vòng 2; Thông báo số:06/TB-TDD1-2021 ngày 04/07/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc thí sinh đủ điều kiện tham dự vòng 2
306			3.2.13		Quyết định số: 05/QĐ-TDD1-2020 ngày 15/5/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc thành lập Ban Kiểm tra sát hạch; Quyết định số 131/QĐ-HĐTD ngày 02/7/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc thành lập Ban Kiểm tra sát hạch chuyên môn năm 2021
307			3.2.14		Thông báo số 06/TB-TDD1-2020 ngày 21/5/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về Kế hoạch kiểm tra sát hạch tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2020; Thông báo số 07/TB-TDD1-2021 ngày 05/07/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về Kế hoạch kiểm tra sát hạch tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2021
308			3.2.15		Công văn số 169/CV-CĐCN&TM ngày 03/6/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại gửi Bộ Công Thương về việc báo cáo kết quả tuyển dụng viên chức; Công văn số 262/CV-CĐCN&TM ngày 12/7/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại gửi Bộ Công Thương về việc báo cáo kết quả tuyển dụng viên chức đợt 1 - năm 2021
309			3.2.16		Quyết định số: 175/QĐ-CĐCN&TM, ngày 4/6/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại, phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức năm 2020; Quyết định số 176/QĐ-CĐCN&TM ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2021
310			3.2.17		Quyết định số 4988/QĐ-BCT ngày 29/12/2017 của Bộ Công thương về phê duyệt đề án vị trí việc làm, Danh mục vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; Đề án vị trí việc làm trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
311			3.2.18		Danh sách nhà giáo giảng dạy phân theo nghề;
312			3.2.19		Danh sách nhà giáo dạy môn chung
313			3.2.20		Quyết định số 60/QĐ-CĐCN&TM ngày 22/3/2022 về việc rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý, cán bộ lãnh đạo giai đoạn 2021 - 2026, 2026 - 2031, Quyết định số 152/QĐ-CĐCN&TM ngày 22/5/2023 về việc rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý, cán bộ lãnh đạo giai đoạn 2021 - 2026, 2026 - 2031, Quyết định số 119/QĐ-CĐCN&TM ngày 11/44/2024 về việc rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý, cán bộ lãnh đạo giai đoạn 2021 - 2026, 2026 - 2031
314			3.2.21		Kế hoạch bồi dưỡng viên chức các năm 2021, 2022, 2023
315			3.2.22		Quyết định cử viên chức đi học tập, bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023;
316			3.2.23		3.2.23. Kế hoạch tổ chức sát hạch trình độ Ngoại ngữ, Tin học. Quyết định công nhận kết quả sát hạch trình độ Ngoại ngữ, Tin học
317			3.2.24		Kế hoạch đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức năm 2021, 2022, 2023
318			3.2.25		Các quyết định công nhận kết quả phân loại viên chức các năm 2022, 2023, 2024
319			3.2.26		Báo cáo kết quả đánh giá xếp loại nhà giáo về chuyên môn nghiệp vụ các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
320			3.2.27		Công văn gửi Bộ Công Thương về việc đánh giá phân loại cán bộ lãnh đạo trường các năm: 2022, 2023, 2024
321			3.2.28		Thông báo danh sách viên chức nâng lương năm 2022, 2023, 2024
322			3.2.29		Danh sách viên chức hưởng chế độ thai sản năm 2022, 2023, 2024
323			3.2.30		Bảng tổng hợp khối lượng giáo viên các năm 2021, 2022, 2023; 3.2.30. Các quyết định chi tết, ngày lễ, thăm quan du lịch, hỗ trợ học tập bồi dưỡng, phụ cấp nhà giáo
324			3.3.01		Danh sách trích ngang nhà giáo năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024; Danh sách trích

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					ngang nhà giáo thỉnh giảng năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024
325			3.3.02		Hồ sơ quản lý nhà giáo, người lao động
326	3	4	3.4.01		Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Công nghiệp
327			3.4.02		Danh sách trích ngang viên chức, người lao động (trình độ chuyên môn, thời gian công tác, vị trí việc làm)
328			3.4.03		Phiếu đánh giá cán bộ viên chức năm 2022, 2023, 2024
329			3.4.04		Báo cáo Hội nghị cán bộ viên chức và người lao động năm 2022, 2023, 2024
330	3	5	3.5.01		Bảng quy đổi tỷ lệ học sinh trên nhà giáo
331			3.5.02		Danh sách các giáo viên cơ hữu giảng dạy các môn học, mô đun kèm theo quyết định phân công
332			3.5.03		Danh sách phân nhóm đối với các môn lý thuyết, thực hành
333			3.5.04		Bảng thanh toán lương, thanh toán vượt giờ các năm 2022, 2023, 2024 (không thấy có trên phần Báo cáo)
334			3.5.05		Các kế hoạch thi, kiểm tra kết thúc môn học, mô đun; các kế hoạch tổ chức nghiên cứu khoa học; các kế hoạch xây dựng chương trình, giáo trình; các kế hoạch hướng dẫn HSSV làm Robocon dự thi; các kế hoạch tư vấn tuyển sinh; các quyết định giao giáo viên chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; các kế hoạch xây dựng thiết bị dạy học tự làm
335				2.8.01	Chương trình đào tạo/chương trình môn học, mô đun/Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học
336				2.4.03	Kế hoạch đào tạo của năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
337				2.4.04	Tiến độ giảng dạy
338				2.5.04	Thời khóa biểu
339				2.5.05	Kế hoạch giảng dạy môn học, mô đun
340				2.6.01	Sổ đầu bài
341				2.6.02	Sổ tay giáo viên
342				2.6.03	Giáo án các năm 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
343				3.5.02	Kế hoạch giáo viên các năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
344	3	6		2.8.01	Chương trình đào tạo/chương trình môn học, mô đun/Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học
345				2.4.03	Kế hoạch đào tạo của năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
346				2.4.04	Tiến độ giảng dạy
347				2.5.04	Thời khóa biểu
348				2.5.05	Kế hoạch giảng dạy môn học, mô đun
349				2.6.01	Sổ đầu bài
350				2.6.02	Sổ tay giáo viên
351				2.6.03	Giáo án các năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
352				3.5.02	Kế hoạch giáo viên các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
353			3.6.01		Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy các môn học, mô đun

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
354				2.9.01	Phần mềm quản lý đào tạo ESSoft
355				2.13.02	Quyết định số 205/QĐ-CĐCN&TM ngày 1/8/2021 của Hiệu trưởng Quy định về việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun
356			3.6.02		Biên bản kiểm tra định kỳ, đột xuất
357				1.8.04	Biên bản thanh, kiểm tra đào tạo các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
358			3.6.03		Kế hoạch hội giảng các cấp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
359			3.6.04		Quyết định thành lập ban tổ chức hội giảng cấp trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
360				2.8.06	Phiếu đánh bài giảng năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
361				1.8.09.	Báo cáo tổng kết các năm học của Nhà trường 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
362	3	7	3.7.01	3.7.01	Kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng tại trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2024-2025
363			3.7.02	3.7.02	Các Quyết định cử viên chức đi học tập, tập huấn các năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
364	3	8	3.8.01	3.8.01	Kế hoạch tổ chức sát hạch ngoại ngữ, tin học năm 2023
365			3.8.02	3.8.02	Công văn, quyết định cử nhà giáo đi học
366	3	9	3.9.01		Quy trình tổ chức nhà giáo học tập tại doanh nghiệp (k thấy có trong BC)
367			3.9.02		Công văn, Quyết định cử nhà giáo đi học tập, trải nghiệm tại các doanh nghiệp

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				3.9.02	
368			3.9.03		Báo cáo kết quả thực tập doanh nghiệp của nhà giáo (k thấy có trong BC)
369	3	11	3.11.01		Danh sách trích ngang Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng
370			3.11.02		Quyết định phân công phụ trách các đơn vị của Ban giám hiệu (k thấy có trong BC)
371			3.11.03		Hồ sơ Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng
372			3.11.04		Phiếu đánh giá cán bộ công chức năm 2019, 2020, 2021, 2022
373			3.11.05		Biên bản làm việc Đoàn thanh tra của Bộ Nội vụ; Biên bản khảo sát yêu cầu trường của tổ công tác Bộ Công Thương (k thấy có trong BC)
374	3	12	3.12.01		Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ
375			3.12.02		Hồ sơ thủ tục bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại cán bộ
376			3.12.03		Danh sách trích ngang cán bộ quản lý
377	3	13	3.13.01		Quy định về tiêu chuẩn cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc
378			3.13.02		Quy chế tạm thời về tổ chức, hoạt động của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
379			3.13.03		Các biên bản họp giao ban hàng tháng các năm 2022, 2023, 2024
380	3	14	3.14.01		Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý các năm 2022, 2023, 2024

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
381			3.14.02		Hình ảnh lớp bồi dưỡng tại trường
382			3.14.03		Các quyết định cử cán bộ quản lý đi tập huấn nghiệp vụ hàng năm
383	3	15	3.15.01		Các bản phân công nhiệm vụ cho cán bộ nhân viên và lao động của các phòng, trung tâm; các lịch trực của ban bảo vệ các cơ sở
384			3.15.02		Các Quyết định cử cán bộ, tham dự các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ (k thấy có trong BC)
385		7		4.2.02	Các quyết định thành lập Ban Chủ nhiệm rà soát, chỉnh sửa, xây dựng chương trình đào tạo các ngành, nghề
386				4.2.03	Biên bản họp khoa về việc rà soát, cập nhật CTĐT năm 2022, 2023, 2024
387				4.2.04	Biên bản hội thảo xin ý kiến đóng góp về CTĐT năm 2022, 2023, 2024
388				4.2.05	Các quyết định thành lập Hội đồng thẩm định (Hội đồng chuyên môn đánh giá) chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp đối với nghề trong trường
389				4.2.06	Biên bản họp Hội đồng thẩm định (Hội đồng đánh giá) chương trình đào tạo năm 2021, 2022
390				4.2.07	Hồ sơ thẩm định các chương trình đào tạo năm 2021, 2022
391				2.5.01	Các chương trình đào tạo của trường năm 2021, 2022
392		8		4.2.03	Biên bản họp khoa về việc rà soát, cập nhật CTĐT năm 2021, 2022, 2023
393				4.2.04	Biên bản hội thảo xin ý kiến đóng góp về CTĐT năm 2021, 2022
394				4.2.07	Hồ sơ thẩm định các chương trình đào tạo năm 2021, 2022
395			4.8.01		Các tài liệu tham khảo nước ngoài
396				2.5.01	Các chương trình đào tạo của trường năm 2021, 2022
397		9		4.6.01	Quyết định số 686/QĐ-CĐCN&TM-ĐT ngày 17/7/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo liên thông

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
398				2.16.02	Các chương trình đào tạo liên thông
399				2.16.05	Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
400				2.16.06	Biên bản họp hội đồng xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập
401				2.16.07	Quyết định công nhận giá trị chuyển đổi điểm các môn học, môn luận
402				2.3.06	Thông báo tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024
403		10		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 124/2020/ GCNĐKHHĐ-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 89/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/GCNĐKBS-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 66/2024/GCNĐKHHĐ-TCGDNN.
404				2.5.01	Các chương trình đào tạo của trường năm 2022, 2023, 2024.
405			4.10.01		Danh mục giáo trình giảng dạy của trường
406			4.10.02		Giáo trình giảng dạy của trường
407			4.10.03		Các quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành giáo trình đào tạo
408			4.10.04		Kế hoạch biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp đối với các ngành nghề đào tạo năm 2023
409			4.10.05		Quyết định ban hành giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp năm 2023
410		11		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 124/2020/ GCNĐKHHĐ-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					89/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/GCNĐKBS-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 66/2024/GCNĐKHHĐ-TCGDNN.
411				2.5.01	Các chương trình đào tạo của trường năm 2021, 2022
412				4.10.01	Danh mục giáo trình giảng dạy của trường
413				4.10.02	Giáo trình giảng dạy của trường
414				4.10.03	Các quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành giáo trình đào tạo
415			4.11.01		Các kế hoạch của Hiệu trưởng về việc lựa chọn, biên soạn, điều chỉnh và thẩm định giáo trình đào tạo
416			4.11.02		Các quyết định thành lập các tiểu ban lựa chọn, biên soạn, điều chỉnh giáo trình đào tạo
417			4.11.03		Hồ sơ biên soạn/lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2019, 2023
418			4.11.04		Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình
419			4.11.05		Phiếu nhận xét về giáo trình
420			4.11.06		Biên bản họp Hội đồng thẩm định giáo trình
421			4.11.07		Các tờ trình đề nghị ban hành giáo trình
422				4.10.01	Danh mục giáo trình giảng dạy của trường
423				4.10.02	Giáo trình giảng dạy của trường
424				4.10.03	Các quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành giáo trình đào tạo
425		12		4.10.01	Danh mục giáo trình giảng dạy của trường
426				4.10.02	Giáo trình giảng dạy của trường

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
427				4.10.03	Các quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành giáo trình đào tạo
428				4.11.05	Phiếu nhận xét về giáo trình
429				4.11.06	Biên bản họp Hội đồng thẩm định giáo trình
430			4.12.01		Kế hoạch khảo sát mức độ phù hợp của giáo trình năm 2021, 2022, 2023
431			4.12.02		Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp được lấy ý kiến
432			4.12.03		Các phiếu khảo sát
433			4.12.04		Báo cáo kết quả thu thập, tổng hợp ý kiến năm 2021, 2022, 2023
434		13		4.10.01	Danh mục giáo trình giảng dạy của trường
435				4.10.02	Giáo trình giảng dạy của trường
436				4.10.03	Các quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành giáo trình đào tạo
437				4.11.05	Phiếu nhận xét về giáo trình
438				4.11.06	Biên bản họp Hội đồng thẩm định giáo trình
439				4.12.01	Kế hoạch khảo sát mức độ phù hợp của giáo trình năm 2021, 2022, 2023
440				4.12.02	Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp được lấy ý kiến
441				4.12.03	Các phiếu khảo sát
442				4.12.04	Báo cáo kết quả thu thập, tổng hợp ý kiến năm 2021, 2022, 2023
443		14		4.12.01	Kế hoạch khảo sát mức độ phù hợp của giáo trình
444				4.12.02	Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động,

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					người tốt nghiệp được lấy ý kiến
445				4.12.03	Các phiếu khảo sát
446				4.12.04	Báo cáo kết quả thu thập, tổng hợp ý kiến năm 2021, 2022, 2023
447				4.11.05	Phiếu nhận xét về giáo trình
448		15	4.15.01		Biên bản họp rà soát, đánh giá cập nhật danh mục giáo trình giảng dạy
449				2.5.01	Các chương trình đào tạo của trường năm 2021, 2022
450				4.10.01	Danh mục giáo trình giảng dạy của trường
451				4.10.02	Giáo trình giảng dạy của trường
452				4.10.03	Các quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành giáo trình đào tạo
453				4.11.01	Các kế hoạch của Hiệu trưởng về việc lựa chọn, biên soạn, điều chỉnh và thẩm định giáo trình đào tạo
454	5	1	5.1.01		Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 Thành phố Phúc Yên tỉnh Vĩnh Phúc
455			5.1.02		Bản đồ quy hoạch chung xây dựng xã Minh Trí huyện Sóc Sơn đến năm 2030 – Sơ đồ vị trí và môi liên hệ vùng
456			5.1.03		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
457			5.1.04		Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên giai đoạn 2005-2010 xét đến 2020 của Bộ Công Thương ngày 29 tháng 9 năm 2008
459			5.1.05		Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Cơ sở 1)
460			5.1.06		Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại-Cơ sở 2;
461			5.1.07		Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Cơ sở 3).
462			5.1.08		Lộ trình tuyến xe Buýt 08 và Buýt 95, nhà ga Phúc Yên
463			5.1.09		Hồ sơ các trạm biến áp

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
464			5.1.10		Hình ảnh giếng khoan tại Cơ sở 2
465			5.1.11		Hình ảnh hệ thống giếng khoan Cơ sở 3
466			5.1.12		Bản vẽ mặt bằng cấp nước+ điện
467			5.1.13		Thống kê khoảng cách khu công nghiệp, cụm công nghiệp đến cơ sở của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
468			5.1.14		Khoảng cách từ 03 cơ sở đến các khu công nghiệp gần nhất đo trên Google map
469	2		5.1.05		Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Cơ sở 1)
470			5.1.06		Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại-Cơ sở 2;
471			5.2.01		Hồ sơ thiết kế kỹ thuật nhà làm việc 2 tầng
472			5.2.02		Bản vẽ hoàn công nhà A,B,C,D
473			5.2.03		Bản vẽ hoàn công cải tạo, sửa chữa xưởng thực hành số 1 và số 2 tại Cơ sở 2
474			5.2.04		Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công cải tạo và mở rộng ký túc xá, nhà thường trực 1 tầng, đường bê tông, cổng và tường rào
475			5.1.06		Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Cơ sở 2)
476			5.2.05		Bản vẽ hoàn công nhà lớp học 7 tầng
477			5.2.06		Bản vẽ hoàn công quyết toán công trình thi công xây dựng nhà lớp học 5 tầng
478			5.1.04		Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên giai đoạn 2005-2010 xét đến 2020 của Bộ Công Thương ngày 29 tháng 9 năm 2008
479			5.1.07		Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Cơ sở 3).
480			5.2.07		Thống kê cơ sở vật chất, hạng mục công trình
481	3		5.2.05		Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Cơ sở 1);
482			5.2.06		Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Cơ sở 2)

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
483				5.1.04	Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên giai đoạn 2005-2010 xét đến 2020 của Bộ Công Thương ngày 29 tháng 9 năm 2008
484				5.1.07	Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Cơ sở 3)
485			5.3.01		Hồ sơ thiết kế các công trình cơ sở 1,2, 3;
486			5.3.02		Hồ sơ hoàn công các công trình cơ sở 1,2,3
487			5.3.03		Quyết định quy định về công năng sử dụng các công trình xây dựng tại cơ sở 1,2,3 cơ sở của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
488			5.3.04.		Sơ đồ hiện trạng mặt bằng sử dụng của cơ sở 1 ngày 20/12/2004
489	4		5.4.01		Bản vẽ hoàn công xây dựng hệ thống đường giao thông (đường vào) tại Cơ sở 2
490			5.4.02		Sơ đồ mặt bằng cấp điện của 3 cơ sở
491			5.4.03		Biên bản kiểm tra hệ thống điện
492			5.4.04		Mặt bằng cấp nước cơ sở 1
493			5.4.05		Hóa đơn tiền nước
494			5.4.06		Hồ sơ bản vẽ hoàn công hệ thống thoát nước Cơ sở 1
495			5.4.07		Bản vẽ hoàn công xây dựng hệ thống cấp nước, thu gom và xử lý nước thải tại Cơ sở 2
496			5.4.08		Hình ảnh hệ thống giếng khoan Cơ sở 2
497			5.4.09		Hình ảnh hệ thống giếng khoan Cơ sở 3
498			5.4.10		Hợp đồng cung cấp nước sạch
499			5.4.11		Bản vẽ hoàn công nhà ở nội trú 4 tầng
500				5.2.05	Bản vẽ hoàn công nhà lớp học 7 tầng
501				5.2.06	Bản vẽ hoàn công quyết toán công trình thi công xây dựng nhà lớp học 5 tầng
502			5.4.12		Hợp đồng lao động

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
503			5.4.13		Hợp đồng thu gom vận chuyển rác thải
504			5.4.14		Biên bản kiểm tra phòng cháy các năm 2022, 2023,2024
505			5.4.15		Các Nội quy của trường
506			5.4.16		Kế hoạch tập huấn PCCC năm 2022, 2023,2024
507			5.4.17		Biên bản diễn tập phương án chữa cháy năm 2022, 2023,2024
508			5.4.18		QĐ cử CB - GV - CNV tham gia lớp tập huấn phòng cháy chữa cháy năm 2022, 2023,2024
509			5.4.19		Hình ảnh bình chữa cháy được trang bị tại 3 cơ sở
510				5.4.03	Biên bản kiểm tra hệ thống điện
511			5.4.20		Bộ các hồ sơ bản vẽ hoàn công hệ thống PCCC của 3 cơ sở
512			5.4.21		Biên bản nghiệm thu hệ thống PCCC 2022, 2023,2024
513			5.4.22		v/v mua các vật tư để phục vụ công tác thau rửa, thay cát, sỏi trên giàn lọc của 02 hệ thống giàn lọc; súc rửa bể chứa nước, vệ sinh máy bơm nước, bảo dưỡng sửa chữa máy bơm nước cấp 2 tại cơ sở 2 và 3
514			5.4.23		Biên bản nghiệm thu
515			5.4.24		Phiếu kết quả thử nghiệm năm 2022, 2023,2024
516			5.4.25		Các Phiếu giao nhận hàng hóa vật tư năm 2022, 2023,2024
517			5.4.26		Biên bản nghiệm thu hàng hóa năm 2022, 2023,2024
518			5.4.27		Quy định về quản lý sử dụng tài sản
519			5.4.28		Báo cáo tổng kết công tác quản lý tài sản hàng năm của đơn vị năm 2022, 2023,2024
520			5.4.29		Báo cáo kế hoạch chống xuống cấp cơ sở vật chất của 03 cơ sở thuộc trường năm 2022, 2023,2024
521		5	5.5.01		Hồ sơ thiết kế thi công nhà lớp học 3 tầng

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
522				5.4.11	Bản vẽ hoàn công nhà ở nội trú 4 tầng
523				5.2.02	Bản vẽ hoàn công nhà A,B,C,D
524				5.2.03	Bản vẽ hoàn công cải tạo, sửa chữa xưởng thực hành số 1 và số 2 tại Cơ sở 2
525				5.2.05	Bản vẽ hoàn công nhà lớp học 7 tầng
526				5.2.06	5.2.09. Bản vẽ hoàn công quyết toán công trình thi công xây dựng nhà lớp học 5 tầng
527			5.5.02		Hình ảnh bố trí xưởng thực hành
528				5.2.09	Thông kê cơ sở vật chất, hạng mục công trình
529				3.5.07	Bảng quy đổi tỷ lệ học sinh trên nhà giáo
530		6		5.4.27	Quy định về quản lý sử dụng tài sản
531			5.6.01		Quy trình về bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị
532		7		5.4.27	Quy định về quản lý sử dụng tài sản
533			5.7.01		Quy định về công năng sử dụng các Công trình xây dựng tại 3 cơ sở của trường
534			5.7.02		Quyết định phân công quản lý phòng thí nghiệm, xưởng thực hành;
535			5.7.03		Danh sách các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa của các khoa đào tạo
536				2.5.04	Thời khóa biểu
537			5.7.04		Báo cáo tình hình sử dụng phòng học, giảng đường, xưởng thực hành 2022, 2023,2024
538			5.7.05		Ảnh chụp tại phòng học Lý thuyết, xưởng thực hành
539		8		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 124/2020/ GCNĐKHHĐ-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 89/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					ngành số 54a/2022/GCNĐKBS-TCGDNN
540			5.8.01		Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động Thường binh và Xã hội ban hành;
541			5.8.02		Hồ sơ kiểm kê các năm 2022, 2023,2024
542		9	5.9.01		Hồ sơ thiết kế lắp đặt xưởng cơ khí
543				5.2.05	Bản vẽ hoàn công cải tạo, sửa chữa xưởng thực hành số 1 và số 2 tại Cơ sở 2
544				5.5.02	Hình ảnh bố trí xưởng thực hành
545			5.9.02		Hình ảnh việc các dụng cụ thiết bị để ở các xưởng thực hành
546			5.9.03		Ảnh chụp phòng máy tính của khoa CNTT
547			5.9.04		Tiêu chí 5S
548			5.9.05		Biên bản kiểm tra 5S
549		10	5.10.01		Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng cấp trường số 07
550			5.10.02		Quy định về quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị đào tạo
551				5.4.27	Quy định về quản lý sử dụng tài sản
552		11		5.8.02	Hồ sơ kiểm kê các năm 2022, 2023,2024
553			5.11.01		Phần mềm Quản lý thiết bị
554				5.4.27	Quy định về quản lý sử dụng tài sản
555				5.10.01	Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng cấp trường số 07
556			5.11.02		Hồ sơ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị năm 2022, 2023,2024
557			5.11.03		Biên bản đánh giá và đề xuất nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị;
558			5.11.04		Báo cáo tổng kết công tác quản lý và sử dụng thiết bị năm 2022, 2023,2024

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
559		12		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 124/2020/ GCNĐKHĐ-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 89/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/GCNĐKBS-TCGDNN
560			5.12.01		QĐ số 497/QĐ-CĐCN&TM ngày 24/10/2018 v/v ban hành định mức tiêu hao vật tư cho các nghề đào tạo trình độ CĐ, trình độ TC
561			5.12.02		Quy định về cấp phát vật tư
562			5.12.03		Hồ sơ cấp phát vật tư thực tập
563			5.12.04		Biên bản giao nhận vật tư giảng dạy
564			5.12.05		Ảnh chụp vật tư được để ở Xưởng TH
565		13		5.2.05	Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Cơ sở 1)
566				5.2.06	Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Cơ sở 2)
567				5.1.04	Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên giai đoạn 2005-2010 xét đến 2020 của Bộ Công Thương ngày 29 tháng 9 năm 2008
568				5.1.07	Tổng mặt bằng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (Cơ sở 3)
569			5.13.01		Sổ kiểm kê thư viện cơ sở 1,2,3 năm 2022, 2023,2024
570			5.13.02		Danh mục giáo trình, tài liệu tích hợp trên thư viện điện tử
571				1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 124/2020/ GCNĐKHĐ-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 89/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 54a/2022/GCNĐKBS-TCGDNN

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
572				4.1.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo
573				2.5.01	Các chương trình đào tạo của trường
574				4.11.05	Quyết định phê duyệt giáo trình đưa vào sử dụng
575				4.10.02	Giáo trình giảng dạy của trường
576		14	5.14.01		Quy chế tổ chức hoạt động của Thư viện
577			5.14.02		Nội quy phòng đọc
578			5.14.03		Thông báo thời gian mở cửa thư viện
579			5.14.04		Phiếu mượn tài liệu đọc tại chỗ
580			5.14.05		Phiếu mượn tài liệu về nhà
581			5.14.06		Sổ mượn sách thư viện
582			5.14.07		Kế hoạch hướng dẫn sinh viên tra cứu và sử dụng tài liệu thư viện
583			5.14.08		Kế hoạch Số: 199/ KH – CĐCN&TM ngày 25/04/2023 v/v tổ chức hướng ứng ngày hội đọc sách
584				9.3.01	Phiếu lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy;
585				9.3.05	Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy các học kỳ
586			5.14.09		Báo cáo hoạt động thư viện ,2021-2022, 2022 - 2023, 2023 - 2024
587		15	5.15.01		Biên bản kiểm kê thiết bị phòng KHCN –ĐN 2022, 2023,2024
588			5.15.02		Hóa đơn trả tiền Internet
589			5.15.03		Hợp đồng và Thanh lý Hợp đồng về phần mềm thư viện điện tử
590			5.15.04		Ảnh chụp giao diện thư viện điện tử đang làm việc
591			5.15.05		Trang web thư viện điện tử

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
592			5.15.06		Danh mục giáo trình, tài liệu tích hợp trên thư viện điện tử
593			5.15.07		Ảnh chụp giao diện thư viện điện tử thể hiện chương trình, giáo trình
594				5.14.03	Thông báo thời gian mở cửa thư viện
596			5.15.08		Báo cáo hoạt động thư viện 2021-2022, 2022 - 2023, 2023-2024
597				1.3.08	Quy định Chế độ làm việc của Nhà giáo dục nghề nghiệp năm 2022, 2023, 2024
598				1.3.07	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, 2023,2024
599	6	3	6.3.01		Tran Quoc Hoan, Ho Viet Bun, Nguyen Anh Nghia, Phase Earth-Fault Short-Circuit Automatically Connecting and Detecting Device Solution to Enhance the Reliability of 6KV Grid Power Supply in Open-Pit Mines in Quang Ninh Area-Vietnam, International Journal of Engineering Research & Technology (IJERT)
600	6	5	6.5.01		Các biên bản làm việc trực tuyến
601			6.5.02		Các kế hoạch đón tiếp, làm việc với các chuyên gia KOSEN Nhật Bản
602			6.5.03		Kế hoạch Làm việc với đoàn Khu công nghiệp Thăng Long và Cán bộ Kosen
603			6.5.04		Giấy chứng nhận tham gia đào tạo các nghề theo mô hình KOSEN
604			6.5.05		Kế hoạch đón tiếp đoàn cán bộ tổ chức JICA
605			6.5.06		Kế hoạch đón tiếp và làm việc với đoàn đại biểu Văn phòng Xúc tiến dự án trường Đại học

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					Việt – Nhật
606			6.5.07		Kế hoạch đón tiếp và làm việc với đoàn đại biểu trường Đại học Công nghệ 23Nagaoka – Nhật Bản
607			6.5.08		Kế hoạch đón tiếp và làm việc với đoàn đại biểu trường UBE KOSEN, Nhật Bản
608			6.5.09		Kế hoạch đón tiếp và làm việc với đoàn đại biểu KOSEN HQ (Head Quarter), Nhật Bản
609			6.5.10		Kế hoạch đón tiếp và làm việc với đoàn đại biểu trường UBE KOSEN, Nhật Bản
610			6.5.11		Kế hoạch đón tiếp và làm việc với đoàn đại biểu trường Đại học Việt - Nhật
611			6.5.12		Kế hoạch tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa Việt Nam – Nhật Bản và trao đổi học sinh, sinh viên giữa COIT và UBE KOSEN
612			6.5.13		Kế hoạch tổ chức các hoạt động giao lưu và trao đổi học sinh, sinh viên giữa COIT và Anan KOSEN
613			6.5.14		Kế hoạch tổ chức các hoạt động giao lưu và trao đổi học sinh, sinh viên giữa COIT và Ube KOSEN (Tham dự HUEIC Robofest 125 tại trường CĐ Công nghiệp Huế)
614			6.5.15		Báo cáo công tác hợp tác quốc tế hàng năm
615	7	1	7.1.01		Quyết định về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022,2023,2024
616			7.1.02		Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022,2023,2024

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
617			7.1.03		Hình ảnh chụp qua website của Nhà trường về việc công khai quy chế chi tiêu nội bộ). (k thấy có trong BC)
618	7	2	7.2.01		Sổ quỹ tiền mặt hàng năm 2022,2023
619			7.2.02		Báo cáo tài chính năm 2022,2023
620			7.2.03		Các loại sổ chi tiết kế toán năm 2022,2023
621			7.2.04		Biên bản thẩm định quyết toán ngân sách năm 2022 ngày 14 tháng 6 năm 2023 do Bộ Công thương ký. (k thấy có trong BC) Biên bản thẩm định quyết toán ngân sách năm 2023 ngày 03 tháng 05 năm 2024 do Bộ Công thương ký. (đánh dấu màu xanh k thấy có trong BC) 7.2.04. Biên bản thẩm định quyết toán NSNN các năm 2022,2023; (Theo phần báo cáo)
622			7.2.05		7.2.05. Thông báo duyệt quyết toán các năm 2022,2023). (Theo phần báo cáo) Thông báo số 308/TB-BCT ngày 28/9/2023 về việc xét duyệt quyết toán năm 2022 của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương Mại do vụ trưởng Vụ Tài chính ban hành. Thông báo số 129/TB-BCT ngày 22/05/2024 về việc xét duyệt quyết toán năm 2023 của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương Mại do vụ trưởng Vụ Tài chính ban hành (đánh dấu màu xanh k thấy có trong BC)
623	7	3	7.3.01		Báo cáo từ nguồn thu học phí, liên kết đào tạo, dịch vụ các năm 2022,2023
624			7.3.02		Quyết định số 3062/QĐ-BCT ngày 31/12/2021 về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quyết định số 3003/QĐ-BCT ngày 30/12/2022 về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quyết định số 3415/QĐ-BCT ngày 29/12/2023 về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương (khác trong BC)
625			7.3.03		Thu từ các hợp đồng đào tạo ngắn hạn; Hợp đồng liên kết đào tạo
626				7.2.02	Báo cáo tài chính năm 2022,2023
627				7.6.04	Đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2022 và xây dựng dự toán NSNN năm 2023 Đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2023 và xây dựng dự toán NSNN năm 2024 Đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2024 và xây dựng dự toán NSNN năm 2025
628	7	4		7.1.02	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022,2023,2024
629				7.2.02	Báo cáo tài chính năm 2022,2023
630				7.2.03	Các loại sổ chi tiết kế toán năm 2022,2023
631				7.2.04	Biên bản thẩm định quyết toán ngân sách năm 2022 ngày 14 tháng 6 năm 2023 do Bộ Công thương ký. Biên bản thẩm định quyết toán ngân sách năm 2023 ngày 03 tháng 05 năm 2024 do Bộ Công thương ký.
632				7.2.05	Thông báo số 308/TB-BCT ngày 28/9/2023 về việc xét duyệt quyết toán năm 2022 của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương Mại do vụ trưởng Vụ Tài chính ban hành. Thông báo số 129/TB-BCT ngày 22/05/2024 về việc xét duyệt quyết toán năm 2023 của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương Mại do vụ trưởng Vụ Tài chính ban hành
633	7	5	7.5.01		Kế hoạch tự kiểm tra tài chính kế toán các năm 2022,2023
634			7.5.02		Quyết định về việc thành lập Ban tự kiểm tra tài chính, kế toán Nhà trường năm 2022,2023.
635			7.5.03		Biên bản tự kiểm tra tài chính, kế toán tại trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại các năm 2022,2023

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
636			7.5.04		Báo cáo tổng hợp số 492/BC-CĐCN&TM ngày 5/10/2023 báo cáo thông tin, số liệu phục vụ công tác thanh tra
637			7.5.05		Kết luận Thanh tra số 148/KL-TTB ngày 1/2/2024 về việc chấp hành các quy định của nhà nước trong quản lý sử dụng vốn, tài sản, hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; công tác đầu tư, mua sắm thiết bị tại Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
638			7.5.06		Báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra của Thanh tra Bộ Công Thương số 139/CĐCN&TM.BC ngày 29/3/2024
639			7.5.07		Hình ảnh chụp qua thư điện tử của Nhà trường về việc công khai dự toán ngân sách các năm 2022;2023,2024
640	7	6	7.6.01		Đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2022 và đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính.?? Đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2023 và đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính (màu xanh Khác phần báo cáo) Đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN và hiệu quả sử dụng nguồn tài chính các năm 2022,2023) (Điền thêm Theo phần báo cáo)
641			7.6.02		Đề án tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP các năm 2022,2023,2024
642			7.6.03		Đề án sắp xếp vị trí việc làm.
643					Quy định về quản lý sử dụng tài sản.
644					Thu từ các hợp đồng đào tạo ngắn hạn; Hợp đồng liên kết đào tạo
645			7.6.04		Đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2022 và xây dựng dự toán NSNN năm 2023??? Đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2023 và xây dựng dự toán NSNN năm 2024 Đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2024 và xây dựng dự toán NSNN năm 2025

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
646	8	1	8.1.01		Kế hoạch tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” đầu khoá - Năm học 2022-2023, 2023-2024 và 2024-2025
647				2.3.01	Các chương trình đào tạo của trường
648				2.4.01	Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hệ chính quy theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ
649				2.8.01	Chương trình đào tạo/chương trình môn học, mô đun/Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học
650			8.1.02		Quy chế công tác HSSV trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
651			8.1.03		Quy định một số nội dung chi tiết về công tác học sinh, sinh viên đào tạo theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn
652			8.1.04		Thông báo về việc hoàn thiện hồ sơ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và chính sách nội trú các năm học 2022-2023, 2023-2024 và 2024-2025
653			8.1.05		Website www.coit.edu.vn
654			8.1.06		Quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm tại trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
655				9.3.03	Danh sách HSSV tham gia khảo sát về hiệu quả các hình thức, phương thức đào tạo; cơ sở vật chất; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học, các năm

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					học 2022-2023, 2023-2024 và 2024-2025
656	8	2	8.2.01		Quyết định về việc miễn giảm học phí cho học sinh thuộc đối tượng tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ Trung cấp các năm học 2022-2023, 2023-2024 và 2024-2025
657			8.2.02		Quyết định về việc cấp học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác đối với HS-SV thuộc đối tượng tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú năm học 2021-202, 2022 -2023 và 2023-2024
658				1.8.06	Báo cáo tổng kết năm học các năm 2022,2023 và 2024
659				3.4.02	Báo cáo Hội nghị cán bộ viên chức và lao động năm 2022,2023 và 2024
660	8	3	8.3.01		Quy chế xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh, sinh viên
661				1.3.07	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, 2023, 2024
662			8.3.02		Quyết định thành lập Hội đồng khen thưởng học sinh, sinh viên năm học 2022-2023, 2023-2024 và 2024-2025
663			8.3.03		Quyết định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập các năm học 2021-2022, 2022-2023 và 2023-2024
664			8.3.04		Danh sách cấp cấp học bổng khuyến khích học tập các năm học 2021-2022, 2022-2023 và 2023-2024

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
665			8.3.05		Quyết định về việc khen thưởng cá nhân HSSV các năm học 2021-2022, 2022-2023 và 2023-2024
666			8.3.06		Quyết định về việc khen thưởng tập thể HSSV các năm học 2021-2022, 2022-2023 và 2023-2024
667			8.3.07		Danh sách nhận khen thưởng cá nhân và tập thể 2021-2022, 2022-2023 và 2023-2024
668	8	4	8.4.01		Kế hoạch tiếp sinh 2022-2023, 2023-2024 và 2024-2025
669			8.4.02		Quy định về quản lý HSSV nội trú số 1083/QĐ-CĐCN&TM-CTHSSV
670			8.4.03		Các kế hoạch tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao và các kế hoạch hiến máu tình nguyện; báo cáo tổng kết công tác đoàn năm 2022, 2023 và 2024
671	8	5	8.5.01		Hồ sơ thiết kế các công trình cơ sở 1,2, 3; Hồ sơ hoàn công các công trình cơ sở 1,2,3; Quyết định quy định về công năng sử dụng các công trình xây dựng tại cơ sở 1,2,3 cơ sở của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
672			8.5.02		Sơ đồ hiện trạng mặt bằng sử dụng của cơ sở 1 ngày 20/12/2004; 8.5.01- Hồ sơ thiết kế các công trình cơ sở 1,2, 3; Hồ sơ hoàn công các công trình cơ sở 1,2,3; Quyết định quy định về công năng sử dụng các công trình xây dựng tại cơ sở 1,2,3 cơ sở của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
673					Sơ đồ hiện trạng mặt bằng sử dụng của cơ sở 1 ngày 20/12/20041
674			8.5.03		Hình ảnh ký túc xá cơ sở 1
675			8.5.04		Hình ảnh khu vệ sinh ký túc xá cơ sở 1
676			8.5.05		Bản vẽ hiện trạng hiện trạng mặt bằng sử dụng của cơ sở 2 lập tháng 9/2014
677			8.5.06		Hình ảnh phòng ở ký túc xá cơ sở 2
678			8.5.07		Hình ảnh khu vệ sinh ký túc xá cơ sở 2
679			8.5.08		Sơ đồ bố trí nhà ở KTX học sinh
680			8.5.09		Hình ảnh phòng ở ký túc xá cơ sở 3
681			8.5.10		Hình ảnh khu vệ sinh ký túc xá cơ sở 3).
682			8.5.11		Biên bản kiểm kê trang thiết bị, vật tư ký túc xá hiện có 3 cơ sở).
683					
684	8	6	8.6.01		Quyết định quy định về công năng sử dụng các công trình xây dựng tại cơ sở 1,2,3 cơ sở của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
685			8.6.02		Bảng kê danh mục thuốc và các thiết bị y tế cơ bản phục vụ chăm sóc sức khỏe người học
686			8.6.03		Các Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn với lao động làm nhiệm vụ y tế và văn bằng tốt nghiệp của các cán bộ y tế)

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
687			8.6.04		Danh sách học sinh, sinh viên, Cán bộ, Công nhân viên khám bệnh và cấp thuốc tại Trạm y tế.
688			8.6.05		Các Hợp đồng mua bảo hiểm, Danh sách học sinh, sinh viên tham gia Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thân thể).
689			8.6.06		Kế hoạch khám sức khỏe cho học sinh, sinh viên.
690			8.6.07		Biên bản kiểm tra y tế trường học năm 2022, 2023 và 2024
691			8.6.08		Hợp đồng cung cấp dịch vụ ăn uống
692			8.6.09		Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm
693	8	7	8.7.01		Hình ảnh sân bóng chuyên, sân cầu lông cơ sở 1
694			8.7.02		Hợp đồng cung cấp, lắp đặt hệ thống âm thanh hội trường cơ sở 1
695			8.7.03		Hình ảnh sân bóng đá, sân cầu lông cơ sở 2
696			8.7.04		Hình ảnh sân bóng chuyên, sân cầu lông cơ sở 3
697			8.7.05		Kế hoạch tổ chức tổ chức văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11
698			8.7.06		Kế hoạch chào mừng ngày Thành lập Đoàn 26/3
699			8.7.07		Kế hoạch tham gia thi Bóng chuyền hơi chào mừng kỷ niệm 91 năm thành lập đoàn
700			8.7.08		Kế hoạch thi Bóng chuyền hơi Học sinh , sinh viên cụm các trường CĐ, ĐH Thành phố Phúc Yên

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
701			8.7.09		Kế hoạch tổ chức bình chọn danh hiệu Học sinh 3 rèn luyện và sinh viên 5 tốt cấp trường năm 2022
702			8.7.10		Kế hoạch tổ chức tổ chức chương trình “Tiếp sức mùa thi năm 2022”
703			8.7.11		Kế hoạch tổ chức tổ chức văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11
704			8.7.12		Kế hoạch tổ chức chương trình Talkshow “Mở ra cơ hội nghề nghiệp”
705			8.7.13		Kế hoạch tham gia TĐTT “Mừng xuân Giáp Thìn” Thành phố Phúc Yên
706			8.7.14		Kế hoạch chào mừng ngày Thành lập Đoàn 26/3
707			8.7.15		Kế hoạch tổ chức tổ chức chương trình “Tiếp sức mùa thi năm 2023”
708				1.5.01	Quyết định số 65/QĐ-CĐCN&TM-TCHC ngày 24/01/2019 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của đơn vị thuộc Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
709				3.4.01	Danh sách trích ngang viên chức, người lao động (trình độ chuyên môn, thời gian công tác, vị trí việc làm
710			8.7.16		Quy định về việc ra vào cổng
711			8.7.17		Kế hoạch, biên bản diễn tập phương án chữa cháy
712				1.8.06	Báo cáo tổng kết năm học các năm

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
713				3.4.02	Báo cáo Hội nghị cán bộ viên chức và lao động năm 2021, 2022 và 2023
714	8	8	8.8.01		Kế hoạch tổ chức các hoạt động hướng nghiệp và giới thiệu việc làm năm 2023, 2024 tại trường và các Trung tâm liên kết đào tạo, có danh sách các doanh nghiệp kèm theo
715			8.8.02		Đơn hàng tuyển dụng các năm, và hình ảnh đăng thông tin tuyển dụng tại website, fanpage, bảng tin năm 2022, 2023, 2024
716			8.8.03		Hình ảnh bảng tin của trường
717			8.8.04		Dữ liệu lần vết Học sinh, sinh viên
718				1.1.04	Kế hoạch khảo sát các đối tượng; Báo cáo khảo sát các đối tượng
723	9	1	9.1.01.		Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm 2022, 2023, 2024
724			9.1.02.		Phiếu thu thập ý kiến Doanh nghiệp năm 2022, 2023, 2024
725			9.1.03.		Danh sách Doanh nghiệp khảo sát năm 2022, 2023, 2024
726		2	9.2.01		<i>Kế hoạch thu thập ý kiến về các chính sách năm 2022, 2023, 2024).</i>
727			9.2.02		<i>Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được thu thập ý kiến các năm 2022, 2023, 2024</i>
728			9.2.03		<i>Phiếu khảo sát về các chính sách năm 2022, 2023, 2024.</i>

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
729			9.2.04		<i>Bảng tổng hợp kết quả khảo sát các năm 2022, 2023, 2024</i>
730	9	3	9.3.01		Phiếu khảo sát các hoạt động đảm bảo chất lượng trong Nhà trường
731			9.3.02		Kế hoạch Khảo sát HSSV, Doanh nghiệp/đơn vị sử dụng lao động và cán bộ - viên chức - người lao động, phục vụ công tác đảm bảo chất lượng các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
732			9.3.03		Danh sách HSSV tham gia khảo sát về hiệu quả các hình thức, phương thức đào tạo; cơ sở vật chất; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học, các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
733			9.3.04		Báo cáo kết quả khảo sát HSSV về hiệu quả các hình thức, phương thức đào tạo; cơ sở vật chất; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
734	9	4		1.8.07	Kế hoạch tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục các năm 2022, 2023, 204
735				1.8.08	Quyết định Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng các năm 2022, 2023, 204
736				1.8.09	Biên bản họp Hội đồng Tự đánh giá các năm 2022, 2023, 204
737				1.8.10	Báo cáo tự đánh giá các năm 2022, 2023, 204
738			9.4.01		https://coit.edu.vn/bao-cao-tu-danh-gia.html

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
739	9	5		1.8.10	Báo cáo tự đánh giá các năm 2022, 2023, 204
740			9.5.01		Quyết định số 164/QĐ-CĐCN&TM ngày 15/5/2020, ban hành quy trình đánh giá nội bộ Trường CĐCN&TM
741				1.7.11	Quyết định số 274/QĐ-CĐCN&TM, ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành 27 Quy trình/công cụ đảm bảo chất lượng
742				9.1.01	Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động các năm 2022, 2023, 204
743			9.5.02		Kế hoạch số 294/KH-CĐCN&TM-ĐT ngày 01/9/2020 v/v xây dựng đề án đào tạo chương trình chất lượng cao trình độ cao đẳng của trường CĐ Công nghiệp và Thương mại
744			9.5.03		Kế hoạch số 19/KH-CĐCN&TM-ĐT ngày 21/1/2021 v/v xây dựng chương trình đào tạo, chương trình môn học, mô đun trình độ cao đẳng chất lượng cao năm 2021
745			9.5.04.		Quyết định số 111/QĐ-CĐCN&TM ngày 2/6/2021, về việc ban hành chương trình đào tạo chất lượng cao
746			9.5.05.		Kế hoạch số 429/KH-CĐCN&TM, ngày 06/9/2023 kế hoạch cải tiến chất lượng năm 2023
747			9.5.06		Kế hoạch số 614/KH-CĐCN&TM, ngày 20/12/2023 kế hoạch cải tiến chất lượng năm 2024
748	9	6	9.6.01.		Kế hoạch điều tra lần vết các năm 2022, 2023, 2024
749			9.6.02		Phiếu thu thập ý kiến cựu HSSV năm 2022, 2023, 2024
750				2.14.07	Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm 2022, 2023, 2024
751			9.6.03.		Danh sách HSSV được thu thập ý kiến theo từng nghề